

Tác Giả và Tác Phẩm

Nhã Ca (I)

Tiểu sử

Tên thật: Trần Thị Thu Vân, sinh tại Huế.

Tác phẩm

Đêm nghe tiếng đại bác (1966), Bóng tối thời con gái (1967), Người tình ngoài mặt trận (1967), Sống một ngày (1967) Xuân thì (1967), Giải khăn sô cho Huế (1969),



tranh Nguyễn Hải Chí 1973
Chóe (1943-2003)

Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Hoa phượng đùng đồ nữa – 3

Nhã Ca cái viết ra mới thực sự quan trọng – Nguyễn Xuân Hoàng - 12

Một mảnh “Đường Tự Do, Sài Gòn” – 16

Giới thiệu *Đêm nghe tiếng đại bác* – 30

Phụ đính :

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí – Thư nhà - Thư tình - Phần của Vũ

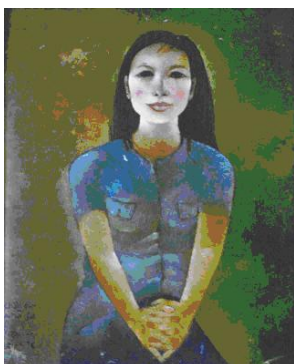
Chân dung biệt kích - Ngày này năm ngoái – Thơ

Truyện tình Huế: Ngày thơ tình thơ – Người xưa – Nụ hồng

Mùng Một Tết, 1958 – Tháng Chạp giỗ đầu

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả (...trích Văn Học Miền Nam – Võ Phiến)



Chân dung biệt kích Nhã Ca Tranh Nguyễn Trung

Chúng ta vừa để ý đến một thay đổi: từ tích cực dần thân chính trị sang một thái độ hư vô tiêu cực. Đó chỉ là một. Các biến chuyển sâu xa trong tình hình Miền Nam sau 1963 đã có những tác động khác nhau trên tinh thần các lớp người, các thành phần khác nhau, và đưa tới nhiều thái độ khác nhau. Trong khi lớp người từng phản đối chối bỏ cộng sản, thấy Miền Nam ổn định thì mừng thấy hỗn loạn thì mất tin tưởng, trong khi ấy một lớp khác, thuộc thế hệ trẻ tuổi hơn, thế hệ văn nghệ chủ động vào chặng 1960-63 như đã nói trước đây, lúc bấy giờ (sau 1963) một số tác giả thuộc thế hệ ấy lại chuyển sang thái độ dần thân chính trị. Lớp sau này — như Nhật Tiến, Dương Nghiễm Mậu, Lê Tất Điều, Nhã Ca v.v... — hồi 1954 hoặc họ còn nhỏ hoặc họ lớn lên trong thành, chưa từng biết đến cộng sản là gì, nên không hề quan tâm đến chuyện chính trị: họ chỉ viết về các đề tài xã hội, tình yêu v.v... Sau 1963, chiến tranh nổ lớn, hoặc họ bị động viên vào quân ngũ, trực tiếp nhìn rõ đối phương, hoặc ít ra họ chứng kiến “thành tích” hoạt động cộng sản đó đây quanh mình. Và đến lúc này họ có ý kiến về cộng sản. Họ lên tiếng. Nhã Ca thuở mới làm thơ viết văn là một cô gái hiền lành không từng có lời nào đề cập đến chính trị chính triếc gì cả, sang giai đoạn sau 1963 bà dần dần mỗi lúc mỗi lớn tiếng tố cáo cộng sản (*Đêm nghe tiếng đại bác, Tình ca cho Huế đổ nát, Giải khăn xô cho Huế v.v...*).

Dương Nghiễm Mậu của *Cũng đành, Con sâu, Gia tài của người mẹ v.v...* là một Dương Nghiễm Mậu của triết lý xa vời; sau 1963 ông vào lính mang máy ký âm đi các chiến trường, tai nghe mắt thấy máy ghi những chuyện đau thương man dã, lúc bấy giờ ông viết về đại lộ Kinh hoàng ở Quảng Trị, về vụ chôn sống tập thể ở Huế, về những “địa ngục có thật” trên trần gian; ông bớt than phiền về nỗi cuộc đời vắng bóng Thượng Đế, vì mãi lo kêu trời về nỗi đời đầy giặc dữ.

Lê Tất Điều trong giai đoạn đầu chăm dỗi theo những đứa trẻ ngộ nghĩnh, sau này trong *Đêm dài một đời*, trong *Ngưng bắn ngày thứ 492* ông viết về mình về bom đạn cộng sản.

Nhật Tiến hồi 1957, 58 cho đến 1961, 62, cũng loay hoay với những đứa trẻ mồ côi, những bà con lao động trong các xóm nghèo ở đô thành (*Những người áo trắng, Những vì sao lạc, Mây hoàng hôn, Ánh sáng công viên, Chuyện bé Phụng v.v...*); sau này trong *Giấc ngủ chập chờn* (1969) ông quay sang số phận những thằng Há, thằng Đực, thằng Hoàn, lão Đồi, lão Năm Điếc v.v... những kẻ lẩn lộn trong chém giết triền miên lẫn nhau ở một làng quê.

Còn Phan Nhật Nam, ông là một cơn phẫn nộ, một trận lôi đình âm ỉ trước những bạo tàn ngoài tiền tuyến, những xáo trộn vô trách nhiệm ở hậu phương. Ông lẫn xả vào thời cuộc chính trị, vào chiến trận quân sự, ông vắng tục xỉ và tương bưng. Trái ngược với lớp trẻ mười năm trước, ông dần thân hết mình, bám sát thời thế. Ông nổi cáu, mạt sát những người cầm bút lè phè ở thành phố, không biết đến cuộc chiến trên quê hương, những Mai Thảo, Viên Linh (*Đọc đường số 1*).

Cũng nên ghi nhận một điều: là giận dữ, chống báng cộng sản, không có nghĩa hài lòng đối với chế độ ở Miền Nam, xã hội Miền Nam. Nói cho đúng, hầu hết giới cầm bút nam vĩ tuyến 17 sau 1963 không nhiều thì ít đều có lời phàn nàn nhà cầm quyền. Từ *Thái Độ* do Thế Uyên chủ trương (ra đời từ tháng 7-1969), từ *Đời* do Chu Tử chủ trương (xuất bản từ tháng 9-1969) là những tạp chí vừa chống cộng vừa chiú trích chính quyền mạnh mẽ, hô hào cải cách xã hội, xóa bỏ bất công. (Trong hai vị vừa nói, Chu Tử không phải là một người trẻ tuổi, nhưng lại là một tác giả của giai đoạn sau, không từng có tác phẩm xuất bản trước 1963.) Và ngay Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Phan Nhật Nam, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca v.v... cũng không ngớt chỉ trích chính quyền và xã hội rất mạnh mẽ.

Hoạ phượng đùng đỏ nữa

LTS: *Hoạ Phượng Đùng Đỏ Nữa*, xuất bản năm 1989, là tác phẩm ngoài nước đầu tiên của Nhã Ca sau 1975.

Thằng Ngọc, hai ngày sau, đã “sưu tra” xong lý lịch cô hiệu mới. Quê Hà Đông, chính hiệu nòi sư tử cái. Thời kháng chiến chống Pháp, còn xuân sắc, khi hộ lý, khi chị nuôi. Thời chống Mỹ cứu nước, sức tàn. Lấy ông chồng bộ đội, bên giao thông vận tải. Nó ba hoa:

- Bà vào Nam trong đợt đầu. Nghe nói đã giữ nhiều nhiệm vụ. Tới sở giáo dục hơn một năm nay, chắc bắt được gốc bự nên được cất nhắc, nắm khâu hiệu trưởng. Tớ cóc sợ, bà còn thua ông già tớ, lâu lắm bà cũng không lên kịp. Bà mà biết ông già tớ, tớ có chống mông bà cũng chẳng dám treo tớ ngoài cột cờ.

Nó nói dốc cho sượng miệng. Mới vô Nam chưa bao lâu mà giọng đã lai căng. Tin thằng Ngọc cũng chưa lấy gì bảo đảm. Nhưng tin của Kim Trang, ít khi sai, và còn nóng bỏng:

- Tụi bây biết chuyện gì chưa?

- Chưa. Ai?

- Còn ai nữa.

- Nữa sao? Mái hiên sập à?

- Mơ mộng. Mái Hiên tốt may. Bê tông cốt sắt đàng hoàng đó. Bên trong còn chống đỡ một cái nạo dừa. Làm sao sập. Nhưng chuyện khác kia. Nghe nói mấy bữa nay chị ta lao động.

- Anh hùng thủy lợi hả?

- Định sửa trường chẳng?

- Ham nữa. Bà lao động một mình. Tụi nó nói, cứ hể lúc các lớp học yên rồi là bà lén về nhà, xắn quần, xắn áo dựng cái chòi. Lúc đầu tưởng ở chật, bà mới thêm bếp cho rộng. Ai dè bà làm

chuồng heo.

- Cái gì? Chuồng heo hả?

- Thôi đi. Làm gì có chuyện đó được.

- Nuôi heo trong trường, khó tin quá.

- Tao lúc đầu cũng không tin. Phải đi tham quan thấy bằng mắt rõ ràng tao mới nói.

- Mà thấy?

- Còn không rõ nữa. Tụi mình học ở tuốt trên lầu. Lớp 11D học gần đó, nghe thấy tiếng heo kêu ỉn ỉn ừn ừn. Lúc đầu có chị còn tưởng dạo này cô hiệu thêm phát minh mới, mua heo sống về làm thịt ở trường chia cho các thầy cô. Ai dè, hai ba ngày liên tiếp, vẫn nghe tiếng ỉn ỉn của heo con. Giờ ra chơi thấy chị ta ngồi vắt mặt vậy chờ đợi học sinh vừa vào lớp là chạy ra chuồng heo liền.

- Chi vậy?

- Thì cho heo ăn. Tắm rửa cho heo. Nghe nói chị ta còn phổ biến một bản phúc trình lên sở để duyệt, xin được mua giá chính thức cho mỗi thầy cô một cái mừng à à cái màn.

- Cũng tốt đó chứ.

- Mà nói bả tốt?

- Gì nữa. Thì bả cũng lo cho đời sống thầy cô.

- Còn lâu. Chưa thấy ai ngu bằng mà, Trà. Tại bả cần mừng. Mà cần đến hai cái, nên mới làm đơn lấy chữ ký của thầy cô. Nghe nói mấy hôm nay sợ muỗi cắn heo, bả lấy cái màn của thằng con, cho heo ngủ yên giấc, chóng mập. Mấy chị 11D kể, sáng ra thằng nhỏ, chửi rầm trời. Bả có hai thằng con, đứa nào trời cũng sợ.

- Nó học trường mình luôn à?

- Chớ gì nữa. Bả về đây, xếp hai thằng nhỏ vào học đây luôn. Tụi mà mà thấy hai cái mặt đó thì đúng là ác ôn còn đồ.

- Kim Trang. Mà mau mau vái sư phụ.

- Tao à. Còn khuya em ơi. Cái thứ thò lò mũi đó, bị ở trong trường, có bả tao nể mặt, ra ngoài tao vắn như vắn cổ vịt.

Thuyền Nguyệt thắc mắc:

- Mà nói sao chứ, mừng không để cho con nằm mà lấy cho heo. Thôi mà ời. Tao nghi mà bôi bác bả.

- Tao nói gian học máu.

Lại giọng lè đường nữa. Có vậy mà nó nóng nảy, nhảy dựng.

- Tao tức lắm. Tụi bây hay chặn họng người ta quá. Không tin hỏi mấy chị lớp 11D coi. Tới giờ học rồi mà thằng nhỏ còn cãi sa sả với bà: “ sao bà ác vậy. Bà “nay” màn của tôi cho “nợn” ngủ. Còn tôi muối cắn chết bỏ phải không?” Bà xuống giọng: “nhỏ thôi con ơi. Mẹ mượn tạm vài hôm. Trên sở duyệt có màn mẹ bù con màn mới.” “đây chẳng cần màn mới. Trả lại cho tôi.” “thì đó. Tao lấy cái của tao cũng được.” “kệ mẹ chứ. “Nãy” của tui “nà” không được.”

Chuyện căng mừng cho heo nghe cộm tai quá. May mà còn có một tin mới.

- Giựt gân. Nóng bỏng đây. Thầy Tám sắp lên chức hiệu phó, thay thầy Hân rồi.

- Hơ. Sao lại có chuyện thay đổi vậy được.

- Cái gì mà không được. Chị Mái Hiên đã làm kiến nghị lên sở.

Thuyền Nguyệt:

- Rồi thầy Hân đi đâu?

Phượng Hồng kêu lên:

- Hồng to. Chắc thầy Hân lại thay thầy Tám đứng chủ nhiệm lớp mình chứ gì. Tao hông ưa ổng.

Kim Trang:

- Ông Hân hiền khô. Ai nói gì làm đó, đâu có gì .

- Bởi mới ba phải. Không có lập trường.

Thuyền Nguyệt không hề chú ý tới chuyện thầy Hân, nó đang bực chuyện khác.

- Sao mỗi thứ hai chào cờ lại phải hô cái khẩu hiệu đó. Vô duyên hết biết. Nghe chẳng ra làm sao. Mà tao còn bực thêm, khi không ở mấy cái đèn xanh, đèn đỏ.

- Đèn xanh đèn đỏ gì. Tất tịt hết. Có còn ngọn nào cháy đâu.

- ừ. Thì cháy bóng hết trơn. Cột đèn nào cũng xiêu vẹo, nghiêng ngả. Nhưng mấy ngày nay, tụi mày có thấy không? Tự nhiên trên mỗi trụ đèn gắn cái biển xanh với hàng chữ trắng: chốt đèn thanh niên. Là cái quỷ gì vậy?

- A há. Đúng vậy. Ở mỗi trụ đèn đều ghi: chốt đèn thanh niên. Cái câu thiệt vô nghĩa. Có mấy thanh niên công an đứng rình thổi còi phạt thì có. Cãi một câu, phạt tăng gấp hai, cãi hai câu, tăng gấp bốn. Chắc cũng phù hợp với câu đầu cần thanh niên có, đầu khó có thanh niên nữa.

Kim Trang tỏ ra luôn luôn nắm vững vấn đề:

- Thì đúng vậy. Nhưng tụi bây lạc đề hoài. Con Sơn Trà đang nói chuyện thầy Hân.

- Tao nghe mấy chị nói, tại lúc đầu mới gặp cô hiệu mới, thầy chị chị tôi tôi. Lại việc gì cũng trình, trước đây cô Tú như thế này, trước đây cô Tú đã làm như thế kia, mịch lòng lắm. Chớ như

thầy Tám, hôm đầu tiên diện kiến bà, thầy làm bộ ngạp ngừng: “Thưa đồng chí hiệu trưởng. Xin đồng chí hiệu trưởng cho biết chúng tôi phải xưng hô như thế nào cho phải. Vừa thân mật mà vừa có cơ sở đạo đức cách mạng, phù hợp với nếp sống văn hóa mới.”

- Ôi dà.. Vậy thì con mụ chịu quá đi thôi.

- Thì vậy. Bà cười toe toét. Nói thầy Tám ngồi. Rồi nói cái gì nếp sống văn hóa mới nhất định sẽ tẩy hết thứ phong kiến, lạc hậu. Thầy Tám muốn gọi sao cũng được. Mụ còn thêm: tôi bình dân lắm.

- Còn bình dân nữa.

Mọi việc diễn ra tuần tự đúng vậy. Chừng hơn tuần lễ, quả thật có giấy trên sở xuống, bổ nhiệm thầy Tám làm hiệu phó, thay cho thầy Hân. Thầy Tám nhận chức mới, mặt mày vẫn trịnh trọng, nhưng sao tụi học trò vẫn thấy trái dài, tê tái như mấy cậu thanh niên lên đường đi nghĩa vụ quốc tế ở Cam Pu Chia. Cùng lúc với giấy duyệt thầy cô được mua màn. Giờ đây, thầy Lương, phòng học vụ còn kiêm luôn trưởng ban đời sống của trường, phó trưởng ban là cô Năm, lằng xằng đi thu góp tiền để sớm tới cửa hàng cung cấp.

Vụ nuôi heo khó tin mà có thật. Lúc đầu mấy chị lớp lớn còn vui cười. Nghe tiếng heo con kêu trong giờ học, cũng êm tai lắm. Nhưng chừng một hai tuần lễ là kêu không thấu trời. Chẳng có lớp học nào còn cái quạt máy. Cửa sổ mở thường trực để ăn mảy chút gió, mà làn gió nào cũng quện một mùi hương heo nồng nặc. Cười giỡn gì nổi. Mới há mồm ra đã được tọng đầy một mùi phân heo. Rồi cứ phải nuốt nước miếng cho nó trôi dần xuống. Trường hao phần hơn vì thầy cô bớt nói, bớt giảng. Nhưng phần viết cũng có hạn. Hết phần, thầy hoặc trò phải hy sinh đọc cho cả lớp chép. Mấy lớp ở gần chuồng heo được một lợi nhỏ, là giờ nào cũng được ăn gian mười lăm phút. Tiếng keng đầu vừa điểm, là ủa ra sân, mỗi anh tìm một chỗ thoáng, hít và thở trời chết.

Học sinh phản ảnh với thầy cô. Đang chưa biết phải đối phó với trận giặc cứt heo như thế nào, thì lại một chuyện rắc rối xảy ra, cô hiệu triệu tập hội đồng. Nghe đâu, nạn nhân lại là thầy Hân nữa.

Một số thầy cô thân với thầy Hân, hỏi cho ra. Thầy lắc đầu:

- Hai học sinh lớp tôi đứng chủ nhiệm đánh lộn đầu ở ngoài cổng trường.

- Ngoài cổng trường thì dính dáng gì đến anh cả chứ.

- Buồn cười nhĩ. Có vậy mà họp hội đồng.

- Chắc bà khùng rồi.

- Thăng Ngọc, vốn có gốc cách mạng, ra về hiểu việc, an ủi thầy Hân:

- Làm quái gì được nhau mà thầy lo. Em thấy vụ thằng Hùng và thằng Tín đánh nhau rồi, hai đức oắt tì, đánh nhau như mèo cào. Có cả thằng nhóc con bà hiệu trưởng đánh hôi nữa. Có ai u đầu sút trán gì đâu nà. Thăng nhóc báo cáo đấy có điều phải coi chừng nó thêm râu về ria nữa, thầy ạ.

- Thầy cũng chẳng biết nữa, đúng là chẳng ai có thể biết, có thể hiểu nổi. Nhưng tới phiên họp

hội đồng mọi người mới té ngựa. Sau khi đem nội vụ ra dần mặt thầy Hân, cô hiệu còn đưa ra một bằng chứng của “nhân dân” là tờ báo cáo theo cô là của một nhóm học sinh gương mẫu đã trình cho cô và đề nghị những biện pháp xử phạt. Giọng cô rộn ràng, lên xuống như mấy ông lãnh đạo trên tivi nói trước nhân dân, rồi tự vỗ tay khen mình đôm đốp.

- Lý do triệu tập hội đồng tôi đã nói rõ. Cho nên, trên sở đã đề ra, mỗi lớp có một chủ nhiệm đứng lớp. Phải hiểu rõ ý nghĩa thật chính xác mới rõ được trách nhiệm mình, chẳng hạn như hai em học sinh, đánh lộn với nhau, gây mất trật tự bên ngoài nhà trường cũng là trách nhiệm của chủ nhiệm. Tôi nói một ví dụ như hai em không đánh nhau ngoài đường mà đánh nhau trong lớp, sẽ thiệt hại bàn ghế, phòng ốc cơ sở trường, chưa nói thiệt hại nhân mạng, gây nạn hại lao động. Thầy Hân hồi nãy nói thầy không chịu trách nhiệm con em học sinh khi về nhà hoặc ở ngoài đường, vậy là thầy chưa có tinh thần trách nhiệm. Bố mẹ các em là nhân dân, là cán bộ nòng cốt của xã hội có yên tâm phục vụ đất nước, tổ quốc thân yêu được hay không, là có thể tin được con em mình đã gửi vào tay những giáo viên nhiệt liệt nhiệt thành. Có cơ sở đạo đức cách mạng.

- Tôi có ý kiến.

- Im. Tôi là hiệu trưởng, tôi là lãnh đạo. Tôi đang nói thì không được ngắt “nời.”

- Nhưng chị nói toàn là lời buộc tội vu vơ. Tôi muốn chứng minh.

- Tôi phải sửa sai thầy một lần nữa. Thầy là một nhà giáo đã không biết nghiêm chỉnh, phải tiếp thu ý kiến lãnh đạo, còn quanh co bao biện mà lại dùng chữ nghĩa sai trái. Người ta chỉ dùng chữ chứng minh như là để làm chứng minh nhân dân chẳng hạn vậy. Thầy hiểu chưa? Một thầy giáo mà không nắm vững, không có cơ sở. Tôi phải công nhận thầy cô giáo ở miền Bắc nắm vững đường lối hơn. Họ luôn luôn tự đấu tranh với bản thân mình, phấn đấu trong công tác. Riêng thầy Hân, tôi thấy thầy nặng tinh thần cá nhân chủ nghĩa, tàn dư Mỹ ngụy, ngoan cố, không xứng đáng lãnh trách nhiệm giáo dục con em.

- Chị không nên chụp mũ vu cáo như vậy.

- Im- ai cho mày cãi tao.

- Tao. Mày. Cả chừng đó thầy cô như vừa từ trên trời rớt xuống, sừng sốt chừng hừng. Thầy Tám cúi đầu. Cô Hiền méo miệng, thầy Lương vội vàng ghi ghi chép chép. Cô Năm dẩu nụ cười nhớ mối thù hồi thầy Hân còn làm hiệu phó, đã về phe với cô Tú, bác đơn xin mở căn tin. Không biết thầy Hân ra làm sao lúc đó. Nhưng thật bất ngờ, thầy Ngãi, một giáo viên trẻ nhất trong trường, vùng đứng dậy, xô ghế, nhìn cô hiệu như một quái thai, rồi ngoắt người, bỏ ra ngoài.

Cô hiệu đang mặt xanh như chàm. Bỗng có tiếng rơi đánh bịch. Tiếng xô náy. Cô hiệu vọt tới bên cửa sổ. Không biết mấy học sinh nghe lén đã biến đâu mất. Về sau, thằng Ngọc nói nó nhảy đậu vào chuồng heo làm hai con heo kêu toáng lên. Nhờ vậy mà phiên họp hội đồng bế mạc sớm.

Số phận thầy Hân và hai học sinh như thế nào, không ai biết. Tới buổi chào cờ thứ hai tới, trước lễ chào cờ, thầy Lương tuyên bố cô hiệu sẽ công bố về phiên họp hội đồng, xét xử vụ đánh lộn của học sinh lớp thầy Hân đứng chủ nhiệm. Giữa sân cờ, cô hiệu trưởng lại rút từ túi quần bộ đội ra một mảnh giấy nhàu nát, rồi lên giọng, long trọng tuyên đọc:

- Vào một buổi chiều, thứ ... tuần rồi, vừa tan học xong thì có hai trò một tên là Hùng hai tên là

Tín mà toàn trường ai cũng biết biệt danh hai trò là Hùng đầu bò và Tín biệt động quân. Hừ, nghe, cái tên cũng đủ biết gia đình trò Tín thuộc thành phần phản động, chống đối nhà nước và Tín biệt động quân không chịu về nhà ngoan ngoãn như những trò khác. Hai trò gây gổ nhau, thách thức nhau, rồi cùng kéo bè lũ đánh nhau. Đạo quân Hùng đầu bò từ Thị Nghè tiến lại. Đội quân trò Tín từ Sở Thú dàn ra. Hai bên đụng độ dữ dội tại phía trái, bên hông nhà trường. Kẻ thì thước kẻ, đưa thì liệng đá, còn dùng cả sách vở, cặp ném nhau. Trận chiến còn có thể kéo dài và gây tổn thất trầm trọng nếu như không có chú công an gác ở chốt đèn nghe ồn ào đến thổi còi giải tán.

Nhiều tiếng cười như bị sặc. Cô Năm :

- Mèn ơi. Hai cánh quân hùng hậu thiệt.

Đúng vậy. Bản báo cáo còn ghi lúc đó chúng em thấy trò Tín mặc cái quần đùi may bằng vải lính biệt động Ngụy cho phù hợp với biệt danh. Tại sao em không bắt chước những gương sáng của các vị anh hùng đánh Mỹ cứu nước. Những nhà lãnh đạo cách mạng cũng tự chọn cho mình một danh hiệu mới để biểu lộ tình yêu nước, yêu dân tộc và tính cách mạng. Các đồng chí, hiến thân cho sự nghiệp cách mạng thường bỏ luôn tên cha mẹ đặt, để lấy tên mới, để dứt khoát với dĩ vãng đen tối. Thời kỳ đấu tranh một mất một còn với đế quốc Pháp thì có liệt sĩ Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Hồng Gấm. Nay có đồng chí lấy tên là Hồng Quân, đồng chí Bạch Đằng, đồng chí Cửu Long. Tôi còn có người bạn chiến đấu cũ, nay hiện đang làm chủ tịch quận tại thành phố này. Đồng chí tên Lê Văn Cu, nhưng trong chữ ký và con dấu thì là đồng chí chủ tịch Nhất Lê. Lê đây là Lê Nin. Đối với tất cả ai đã dấn thân cho cách mạng thì đồng chí Lê Nin vĩ đại nhất. Bây giờ trở lại việc hai anh em Tín và Hùng. Hội đồng đã họp. Sau khi trao đổi mổ xẻ sự việc có tính chất nghiêm trọng này đã nhất trí tuyên án em Tín biệt động quân, có "tính phản động", nên tuyên án đuổi học vĩnh viễn, lưu hồ sơ, không được đi học bất cứ trường nào trên toàn lãnh thổ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam anh hùng.

Cả sân cờ, thầy trò im phăng phắc. Đến lượt thầy Hân, cô hiệu tuyên bố: "giáo viên Nguyễn Văn Hân, chủ nhiệm lớp, thiếu tinh thần quản, thiếu tinh thần đôn đốc trách nhiệm, sẽ phải nghiêm chỉnh viết bản tự kiểm nạp hội đồng."

- Chỉ mới một phần tự kiểm. Còn may cho thầy Hân.

Giờ ra chơi cuối buổi học, Thuyền Nguyệt nói vậy. Kim Trang bĩu môi:

- Ở đó mà may. Còn chán chuyện bắt nạt nữa à. Hồi nãy bà mẹ thằng Cu Tín mới vào văn phòng hiệu trưởng. Chả biết sao. Thằng Tín thì đứng ngoài sục sịt, nó kể thằng Tùn thằng Tè gì đó, con bả chớ ai, lấy đá chọi, bị nó rượt, về làm báo cáo. Con nhà nòi có khác, mới nứt mắt đã độc địa. Mà đã ăn thua gì. Còn vụ thầy Ngãi nữa.

Phượng Hồng?

- Nghe mấy bà chị lớp 11B kể là thầy Ngãi công khai tuyên bố cô hiệu trưởng kém giáo dục, gọi giáo viên bằng mày. Chắc to chuyện à. Mà kia, Huyền, mày sao vậy?

Có sao đâu. Huyền vẫn đứng giữa bọn ngũ long đầy chửi. Chắc mặt mũi Huyền làm sao đó làm Phượng Hồng phải la lên. Thuyền Nguyệt cũng ôm lấy vai Huyền, xoay lại?

- Sao mày bắt thần vậy. Hồn vía lại theo bà Thúy rồi. Chưa có tin gì là bả thoát rồi. Thoát được là phải mừng cho bả.

Kim Trang cần nhân:

- Làm ơn lo cho thân mày ấy. Dục giùm cái mặt bị ma ám ấy đi. Ma đang ám cả trường đây này.

Kim Trang, không ngày nào không bị chú heo con ám ảnh. Học tận trên lầu cao, thiết xa chuông heo, mà thỉnh thoảng, nó cứ đưa mũi hình hình: rõ ràng tao vừa ngửi thoảng thấy mùi heo. Mũi hình lên mãi, mùi heo chưa tới đâu mà con Trang, coi cái dáng đã muốn giống Trư Bát Giới.

Cô hiệu chăm lắm. Vẫn họp hành liên miên. Vẫn rình rập cả thầy lẫn trò. Có điều, tình bơ trước chuyện gì thì được, chớ nghe heo kêu, cô chịu không thấu. Biết vậy, mỗi lần cô tập hội đồng hay ban giám hiệu, thế nào cũng có đứa tìm cách xuống chuông heo, chọc phá cho heo kêu toáng lên. Buổi họp được kết thúc sớm. Cô hiệu bươn bả, lảng xảng tắm tấp, lo thức ăn cho heo. Riết rồi con Kim Trang kêu?

- Ma quỷ ám ai đâu. Chính bà mới đang bị ma ám đó.

Nghe vậy, bỗng nhiên Phượng Hồng rầu rĩ:

- Đâu phải chỉ có bà, tao nè. Ma đang ám quỷ đang đè đây.

Gì nữa? Coi mặt Phượng Hồng, chảy dài ra một đống. Than xong, nó còn cắn chặt môi. Nữa, thêm cái tật cắn móng tay, mất vệ sinh quá.

- Phượng Hồng. Chuyện gì nữa?

Sơn Trà:

- Lại chuyện ông bà xáp chiến chớ gì. Lãng xẹt mày ơi. Xưa như trái đất.

Thuyền Nguyệt:

- Coi, để tao bói quẻ. Nhìn cái mặt mày thì hơ, lòng mày vớ vẫn rồi. Phải lòng anh hàng xóm phải không?

Kim Trang:

- Đừng chọc nó nữa. Nói nghe coi, Phượng Hồng.

- Tụi bây nói vậy. Tao đang rầu thúi ruột đây.

- Rầu. Bộ đứa nào trong tụi mình không có chuyện thúi ruột. Để tao phân tích nhé. Con Thuyền Nguyệt nhớ mẹ. Con Sơn Trà nhớ cha. Con Huyền thôi miễn nhắc. Còn tao, mò côi không ra mò côi. Học sinh không ra học sinh. Đá cá lặn đưa bụi đời cũng không đến nơi đến chốn. Coi đi, có đứa nào vui không? Nhưng cũng phải vui mà sống chớ. Tụi mình còn nhỏ mà.

Huyền rùng mình. Ghê chưa. Cái mặt phẳng im lặng thế, mà khuấy lên một tí, lộn cợn đã nổi đầy. Huyền nắm tay bạn.

- Có chuyện gì tụi mình cũng nói hết cho nhau nghe mà. Phượng Hồng, bạn đang làm sao vậy?

Thuyền Nguyệt:

- Ờ. Giờ mới nhận ra sao. Sao mà héo quá vậy. Bộ mắt ăn mắt ngủ hay sao.

Kim Trang triết lý sự đời:

- Buồn làm quái gì cho mệt xác thêm. Chuyện gì nó đã xảy ra rồi, phải chào thua nó. Mà thôi, con Hồng không muốn nói, cũng đừng ép bạn chớ. Thôi thì cùng mặc niệm buồn chung với nó vậy.

Phượng Hồng ngẫm nghĩ một lát hỏi:

- Nếu mấy bạn ở vào hoàn cảnh mình thì làm thế nào?

- Hoàn cảnh. Nhưng hoàn cảnh ra làm sao đã chớ. Gia đình? Tình yêu?

- Bậy nữa. Chuyện ông bà già tao mà.

- Thì ở mới biết. Thử nghĩ coi.

- Nếu là tao, tao đứng trung lập ở giữa Nga Mỹ.

- Tao bỏ Nga ngay, theo Mỹ liền.

- Không phải. Chuyện của mình còn khác hơn.

- Nữa. Lại còn khác. Hết biết trời trăng với mây. Khác cái gì chớ? Chừng đó màn, diễn đi diễn lại. Bộ đã quyết liệt không còn thuyết minh mà rách màn ảnh vì những cú đấm đá rồi sao?

- Không.

- Còn không? Vậy chuyện ra sao chớ? Mệt với mây rồi, Hồng ơi.

Phượng Hồng bỗng nhỏ giọng:

- Tụi mây nghĩ không ra đâu, tao có một đứa em.

Kim Trang thờ phào:

- Ồi giờ ời. Mà làm tao gần đứng tim. Sắp có em. Vậy là bà già mang bầu. Tao hy vọng thằng Trung Lập này sẽ làm dịu tình hình hai phe.

- Thôi mà ời, không phải như thế.

- Sao nữa. Không phải bà già mà có bầu, mà sắp có em? Phượng Hồng, sao hôm nay mà ăn nói lộn xộn. May mà chưa nói lầm là mà sắp có con.

- Kim Trang ơi, mà ác vừa nghe. Mà xem con Hồng nó sắp khóc rồi kìa.

- Tao ác gì đâu. Nó nói nó có em. Tao mừng. Nó lại nói không phải. Thôi tao xin lỗi mà Hồng. Mà giận tao thiệt sao?

- Không. Kim Trang là bạn tốt mà.
- Dĩ nhiên. Trong năm đứa mình, đứa nào cũng tốt hết. Có gì nói đại đi mà.
- Mình cũng không biết trời trăng gì. Tự nhiên có thằng em.
- Tự nhiên sao được. Thôi rồi. Bả có bầu phải không? Mẹ Hồng có bầu thì đẻ. Ế tụi mình có một búp bê cũng đỡ buồn lắm nghe. Tao tình nguyện bế mỗi ngày hai tiếng. Ồi, tao thèm em bé, thèm chơi búp bê.
- Ở đó mà búp bê. Mười tuổi chẵn rồi.

Cả bọn ngó ra. Chưa đẻ mà đã mười tuổi chẵn. Mới khoe có em bé, thổi bằng ống gì mà lớn nhanh quá vậy. Thôi, Phượng Hồng lộn xộn quá.

- Tụi bây không hiểu được cũng phải. Ở nhà, hiện giờ, đang có thằng bé mười tuổi. Nói là em tao. Thằng bé gọi tao bằng chị.

- Ở hơ. Bộ con riêng của má mày.
- Như vậy cũng còn đỡ. Bắc kỳ rặt.
- Bộ
- Thì con của ông. Con bố tao.
- Con của bố mày. Ông đẻ? Hứ, chuyện vô duyên.

Thuyền Nguyệt:

- Trời đất. Còn có chuyện vậy? Mà ở đâu ra thằng nhỏ đã chớ?
- Ở đâu ra, biết đâu. Biết là ông nói con của ông.
- Thiệt chuyện đâu trên trời rơi xuống.

Sơn Trà kêu lên. Kim Trang:

- Rồi má mày nói sao?
- Má tao à? Bả nói ông có một đứa con hay chục đứa, đối với bả chẳng nhằm nhò gì. Nhưng con ai thì người đó nuôi. Bả không bằng lòng thấy nó ở trong nhà.
- Má mày xử đúng. Vậy là nhân nhượng quá rồi. Còn ông?
- Ông nói là con của ông, ông ở đâu nó ở đó. Con ở với cha có gì là lạ.
- Gay cán chưa. Còn anh Tuấn?
- Lúc đầu anh im lặng. Nhưng mới đây thấy hai ông bà căng quá, rồi má tao khóc. Anh nổi hung. Anh với ông già đã nhiều lần quyết liệt. Ông đi đâu về, cột vào cổ cho thằng nhóc cái khăn quàng đỏ, nghe đâu đã xin được cho nó vào trường. Ông dặn dò nó ráng làm đoàn viên khăn

quàng đỏ, làm cháu ngoan bác Hồ. Nói với con nít mà ông làm như nó là thanh niên rồi, đem hết bọn thanh niên miền Nam ra tố khổ. Thành bé gật gật: tổng chúng nó cải tạo hết đi, bố. Vậy là anh điên tiết hét lên: “ranh con, cút đi.” Bố tao, trợn mắt sùi bọt mép, coi ghê quá. Ông hét tướng mày mới là đưa cút ra khỏi nhà này, vì mày đã lớn. Nó còn nhỏ. Tao là cha nó. Tao thấy nó cần tao hơn mày.

- Rồi anh Tuấn nói sao?

- Ảnh thờ ra, nhếch môi nói: đúng vậy, ông là cha nó, không phải cha tôi. Có nó trong nhà này sẽ không có tôi nữa.

- Ui chao. Chuyện lớn quá.

- Ừ. Chuyện tao không ngờ. Anh Tuấn nói xong, tiếp liền câu nữa: tui lấy làm ngạc nhiên hết sức, ông mà lại là cha tui được.

- Còn ông?

- Ông nói: “tao cũng vậy, mày mà con tao thì trật hết. Tao cả đời hiến thân cho cách mạng, mà lại có đứa con như mày. Vô lễ tao gửi mày vào trại cải tạo.”

- Rồi má mày. Bả xử sao?

- Xử gì nữa. Má tao khóc, nói, đáng lẽ ra, đừng có anh Tuấn ra đời lúc đó. Bà nói gì gì đâu. Bà khóc quá, than thở quá. Ai dè, còn thấy cánh cha con ngậm máu phun nhau. Anh Tuấn tỉnh lại lệ lấm. Ôm má tao, cười được: “bây giờ, lỡ là con đã sinh ra, giờ lại quá lớn, má. Thôi, má đừng khóc nữa. Con thương má lắm. Lỡ lớn rồi, cho lớn luôn, má.”

Mắt Huyền chớp chớp, để cổ xóa hình ảnh anh chàng. Rồi Huyền nghe tiếng thút thít. Con Sơn Trà đa cảm, đang chùi lệ. Chao ôi, tội nghiệp cho Phượng Hồng quá. Còn cha mẹ đầy đủ mà thăm sầu vậy. Tan nát, xa cách như Huyền mà hơn chẳng? Đúng rồi, cả gia đình Huyền, bao nhiêu thương nhớ, lo lắng dồn lên trại học tập cho ba. Bao nhiêu hy vọng, chờ đợi dồn ra biển khơi với chị Thúy. Anh Ngô dù hoàn cảnh này nọ, khi gia đình hoạn nạn, vẫn hết lòng với mẹ, với em. Phượng Hồng, cha mẹ gần gũi, có địa vị, uy thế, tiền bạc, mà không được một phút giây yên ổn. Phượng Hồng, tưởng khóc, cười cay đắng:

- Không biết gia đình mình rồi sẽ ra sao. Từ hôm đó, má mình ít có mặt ở nhà lắm, trừ buổi tối về nhà ngủ. Bà chúm vào công việc làm ăn. Anh Tuấn cũng bỏ nhà suốt ngày. Điều này chắc ảnh bỏ học quá.

- Ủa còn ông với thằng nhỏ?

- Ông đi làm, về là xuống bếp, chưa có cơm ông nấu cơm. Có cơm sẵn, ông dọn ra, hai cha con ngồi ăn. Mấy hôm nay thằng bé đã đi học. Về nhà là ba hoa chuyện ở trường. Nó nói với bố nó: “ở trong Nam này mấy thằng láo lấm, con ghét chúng nó.”

- Sao mày không vả vào mồm nó một cái, đồ con nít quì.

- Thì tao cũng nực lắm. Mấy lần đã định đá cho nó một cái. Tụi mày biết không, thằng ranh con khôn lấm. Nó đeo riết bên lưng ông. Thấy mặt tao hay anh Tuấn là né tránh tài tình, y như lối du kích ấy. Anh Tuấn bảo tao không thương thì thôi, đừng đánh nó. Nó nhỏ không biết gì.

Nhã Ca cái viết ra mới thực sự quan trọng
Nguyễn Xuân Hoàng



Tôi không biết mình đã đọc đi đọc lại bao nhiêu lần những trang sách trong Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng của Nhã Ca. Những dòng chữ khô, lạnh, bén, sắc và ngắn như nhát dao đâm xoáy vào trái tim. Như một cái buá nện xuống một bàn tay đang bám vào vách đá chờ được kéo lên. Những dòng chữ “phẫn nộ” có thể làm những đôi mắt khô khóc phải ứa lệ. “Suốt buổi chiều, tôi ngồi với giỏ thắm. Xếp vào. Xếp ra. Nhìn. Rờ rịt. Anh còn mê man. Anh chưa nhìn thấy món ăn con thơ này. Dọn lên. Mất mũi các con. Dọn lên. Tim gan các con. Dọn lên. Nước mắt các con, nước mắt Mẹ.... Tôi nằm xuống lúc nào không hay. Lúc tỉnh được dậy sau cơn mê mệt, giỏ thắm nuôi đồ, mấy gói cá muối bị xé rách, tung toé. Nơi lỗ cầu tiêu, lại nó, con chuột. Cặp mắt nhỏ như hai hạt đậu, tinh quái, thập thò. Ngày mấy? Tháng mấy? Còn hỏi làm gì nữa.”^[1]

Nhân vật “anh” là thi sĩ Trần Dạ Từ và các con thơ của anh chị. Và khung cảnh là một phòng kiên giam dành riêng cho một người. Điều gì đã khiến một Trần Thy Nhã Ca với “buồn như lá cây, hồn thơ dại, xanh xao tháng ngày, ...”^[2] phải viết ra những dòng chữ trần trụi lạnh lùng đến như thế? Câu trả lời đã rõ. Nhưng viết được như thế không phải là tưởng tượng của một nhà văn, và không chỉ là kinh nghiệm của một người đã trải nghiệm những nỗi đau đó. Viết được như thế có nghĩa là đã phải sống như thế. Và hơn là như thế! Bởi vì, có bao nhiêu người đã từng sống như thế để có được một Nhã Ca như thế? Đó cũng là một câu hỏi đã có câu trả lời. Chị đã đi trên một con đường đầy gai nhọn, không tên gọi, không ngày tháng. Con đường máu và nước mắt. Con đường của một nỗi đau bị nén lại, một hạnh phúc bị chia cắt, bầm dập. Con đường mà ai đã đọc hồi ký của chị sẽ chảy nước mắt, nhưng chính những dòng chữ của chị chỉ là sự lặng câm.

Phải là một người có ý chí mạnh mẽ mới có thể đứng vững được trước những sóng gió của cơn hồng thủy 30 tháng Tư, 1975 đổ ập xuống Sài Gòn. Mặc dù, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhiều người đã trụ được. Nhiều người đã đứng dậy được. Nhưng từ một thiếu nữ lớn lên ở Huế, thành phố trang nghiêm và khắt khe, Trần Thị Thu Vân đã làm những bước nhảy vọt lớn: từ Huế cổ kính nhảy vào Sài Gòn phóng khoáng, rồi nổi tiếng với những bài thơ, nổi tiếng hơn với Đêm Nghe Tiếng Đại Bác, với Giải Khăn Sô Cho Huế và thành linh bị đẩy rơi từ một thể chế này xuống một thể chế khác như lao từ đỉnh cao xuống vực thẳm của một nỗi đau ngất, rát nhưic như muối xát trên những vết thương còn tươi rói. Chị là người đi trên một sợi giây xiếc giữa sống và chết, một bên là cái sống mong manh và một bên là cái chết lúc nào cũng giang tay chờ đợi. Tất cả những gì chị có đều bị tước đoạt, trần trụi, trơ trọi, bức rời. Sau nhà tù nhỏ sẽ là nhà tù lớn: Một người đàn bà với đàn con thơ dại và hai bàn tay trắng đứng giữa chợ đời.

Làm sao có thể viết được giữa một hoàn cảnh như thế? Phải đợi 16 năm sau, khi cả gia đình chị ra khỏi Việt Nam, Hồi Ký Không Ngày Tháng của Nhã Ca mới ra đời. Đây không phải chỉ là một ghi chép lộn lộn thời gian và kỷ niệm. Hồi Ký đó là một tiếng nói mạnh mẽ của con người trước một thế giới bị tan rã, một tiếng chuông cảnh tỉnh của một vũ trụ bị mê đắm trong u minh.

Bao lâu còn chiến tranh – bất cứ một cuộc chiến nhân danh chủ nghĩa nào – tiếng nói ấy cần phải được cất lên, tiếng chuông ấy cần phải được gióng lên, thông điệp ấy cần phải được lắng nghe.

Người đọc biết Trần Thy Nhã Ca với “Bài Nhã Ca Thứ Nhất”, mở đầu cho một dòng thơ mới trong văn chương Việt Nam từ năm 1960. Nhưng thật ra trước đó, từ năm 1955, chị đã từng làm thơ học trò ký tên Thu Vân, đăng trên các tuần báo Văn Nghệ Học Sinh, Văn Nghệ Tiền Phong tại Saigon, chưa kể thơ thời bích báo tiểu học, trung học. Và trước đó nữa, từ năm 1954, khi mới 15 tuổi cô bé Thu Vân đã viết truyện dài đầu tiên có tựa là “Đường Một Chiều”. Đó là thời cuối trận chiến tranh Việt-Pháp. Chị nói: “Truyện được viết theo “đơn đặt hàng” của ông anh trong nhà, để đăng từng kỳ trong báo “Hồn Xuân”, tờ báo chép tay của một nhóm văn nghệ choai choai tại Nam Giao, Huế. Còn nhớ, người chủ trương nhóm báo Hồn Xuân là anh Tôn Thất Chi, người vẽ bìa số báo đầu tiên là ông anh Trần Văn Lễ. Sau đó có hiệp định Geneve ngưng chiến, chia đôi đất nước, rồi di cư, tập kết. Báo Hồn Xuân chỉ mới “xuất bản” được ba số thì đành tự “đình bản”. Truyện dài đầu tay “Đường Một Chiều” vĩnh viễn dang dở.”

Giờ đây đọc lại thơ và truyện Nhã Ca của những năm Sáu Mươi, Sáu Mươi Tám, Nhã Ca của 1975 và một Nhã Ca của 2005, người ta khám phá ra một khuôn mặt văn chương đã đi qua hạnh phúc và khổ đau, đi qua một tình yêu lớn, đi qua những thao thức và chờ đợi, đi qua những phút giây làm mẹ và trải nghiệm qua biết bao nỗi đau làm người.

Nhã Ca kể lại báo chữ in đầu tiên của chị sau khi đã làm báo tường báo chép tay là tờ “Văn Nghệ Học Sinh”, do nhà báo Giang Tân làm Tổng Thư Ký. Chủ nhiệm, chủ bút là ông Lê Bá Thăng, chánh văn phòng của Bộ Trường Thông Tin Trần Chánh Thành.

Thơ, tuỳ bút, truyện ngắn ký tên Thu Vân được liên tiếp chọn đăng. Những “tác giả” có bài đăng trong tờ báo “văn nghệ họcsinh” này về sau thành bạn nhau. Khởi đầu có Lê Đình Điều (làm thơ tình với bút hiệu Y Dịch, viết khôi hài với bút hiệu Lê Ngông Nghênh), Nguyễn Thụy Long (viết truyện mộng mơ với bút hiệu Mặc Lan Giao). Tiếp theo, có Lê Tất Điều (viết truyện con nít thật dễ thương với bút hiệu Ái Nhân); Dương Nghiễm Mậu (triết lý như một ông già với bút hiệu Hương Việt Hương); Đỗ Quý Toàn (làm thơ với bút hiệu Đỗ Quý), Viên Linh (thơ sáu chữ, thơ lục bát số một), Nguyễn Khắc Nhân (viết tuỳ bút giọng miền Trung với bút hiệu Thủy Nhân), Tô Tam Kiệt (thơ chiến đấu hùng dũng)... Thành linh, vào khoảng 1956, bỗng thấy Điều và Long giới thiệu cho chàng thi sĩ Hoài Nam, người sau này sẽ là Trần Dạ Từ ...

Trần Dạ Từ, tình yêu đầu tiên và sau cùng của chị. Chị nói: “Ừ, thì đó, chuyện giản dị vậy thôi.

Hai đứa quen nhau qua tờ Văn Nghệ Học Sinh, do Lê Đình Điều và Nguyễn Thụy Long giới thiệu. Tiếp theo, nhận cả ngàn bài thơ. Khác với các bạn viết văn làm thơ tài tử, Từ là “nhân vật toà soạn”, người trả lời hộp thư của toà báo. (Sau này mới biết, thật ra, thi sĩ chỉ là một anh nhóc bụi đời, các “văn hữu” nhóc tí họp đại hội với ông chủ nhiệm yêu cầu cho chàng việc làm, nhờ đó chàng là “thầy cò” sửa bài, kiêm biên tập viên duy nhất của tờ báo bên cạnh tổng thư ký Giang Tân). Bị cả ngàn bài thơ tấn công, cô bé 16 tuổi chịu không thấu. Sau hai năm viết thư, hai người trẻ tuổi gặp nhau lần đầu năm 1958.

Trong Hồi Ký, Nhã Ca kể chuyện, mừng một Tết chàng từ Sài Gòn ra Huế. Chị ngồi nghe tiếng còi tàu. Đã biết trước nhưng vẫn giật mình. Tàu hoả đang hú còi vào ga. Ghê quá, chị nghĩ, anh ta tới rồi đấy. Tàu từ Đà Nẵng ra đúng sáng mừng Một Tết. Chắc còn phải tìm đường, tìm nhà. Trước sau một giờ trưa, sẽ đi qua cổng. Bấy giờ tối sẽ tới, sẽ gặp. Thư cuối năm, anh báo trước như vậy.

"Buổi trưa. Bao nhiêu người qua đường, biết ai là anh. Run quá. Coi tề, cái người nhìn mình một cái rồi quay đi, bước nhanh hơn. Anh? Anh vậy há? Mỏng như tờ giấy. Còn mặt mũi? Kịp thấy chi mô. Mới nghĩ chắc anh đó, mắt con bé đã hoa lên rồi. Nhất."

Buổi tối, Trần Dạ Từ bước vào nhà. Chưa mời, anh đã ngồi, Nhã Ca viết trong Hồi Ký. Người cha vặn cái radio bóng đèn cổ lỗ đầy tiếng kêu rờ rờ. Ông anh lớn trong nhà nhắm mắt, bỏ sang phòng bên. Chị ú ớ. “Những lá thư xuôi ngược cả năm Sài Gòn-Huế-Sài Gòn. Những bài thơ tình đầu. Anh ngồi đó ồm nồm.” Sáng mừng hai tết, khi gặp lại anh trong... khách sạn, trên bàn có bài thơ “Thửa Làm Thơ Yêu Em”, ký tên Trần Dạ Từ.

Thêm hai năm sau khi gặp nhau, chàng thi sĩ nhát như thỏ đế, vẫn không dám cầm tay người yêu. Vậy mà tình yêu của họ đã làm ồn thành phố Huế. Ôn đến nỗi, “nàng” phải đành bỏ chạy theo chàng. Vô tới Sài Gòn, một người bạn của Từ, Nguyễn Khắc Nhân, đứng tên ông anh, gửi

chị vô nội trú trường Đức Trí ở đường Võ Tánh. Xong thời nội trú, Nhã Ca trở về Huế ở một năm để làm lành với gia đình. Sau đó chị vào Sài Gòn, in thiệp cưới và năm 1962, sinh con đầu lòng là Sớm Mai. Tiếp theo, thêm một loạt 5 đứa nữa. Cậu út là Hưng Chấn, cuối 1974. Hưng Chấn là tên do bố mẹ đỡ đầu của cháu là anh chị Cung Tiến đặt cho để lấy hên. Chị nói, nhưng hên đâu chả biết, chỉ thấy mấy tháng sau là miền Nam sập tiệm, hai vợ chồng đi tù.

Từ khi biết “chàng”, Nhã Ca bắt đầu viết nhiều hơn. Chàng không chỉ làm Văn Nghệ Học Sinh mà còn viết bài kiếm ăn ở các báo khác. Bài gửi cho chàng ở Văn Nghệ Học Sinh, bỗng thỉnh linh thấy xuất hiện trên mục “Mỗi Ngày Một Truyện” của nhật báo Ngôn Luận, rồi nhật báo Lễ Sống, tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong... vừa nhận báo vừa nhận cả nhuận bút. Biết mùi nhuận bút rồi, khó bỏ. Vậy là viết đêm viết ngày. Từ 1960, khi bỏ Huế vào Saigon với Trần Dạ Từ, bạn bè họp thành một bọn, mỗi tên tự chọn một bút hiệu chính thức và bắt đầu sống với nghề cầm bút. Từ 1960, 1961 gì đó, cùng lúc với việc Trần Dạ Từ làm nhật báo Dân Việt, các bạn của Từ - Nhã chủ trương tuần báo Ngàn Khơi, in ở nhà in Nguyễn Đình Vượng, số 39 đường Phạm Ngũ Lão. Năm 1963, ông Vượng ra báo “Văn”, yêu cầu chị góp bài. Năm 1964, bài viết cho Văn được in thành sách. Báo Văn và nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng ấn hành truyện dài “Bóng Tối Thời Con Gái”. Nhà AnTiêm của Thanh Tuệ ấn hành tập truyện “Đêm Dậy Thì”. Sau đó là “Đêm Nghe Tiếng Đại Bác” và cứ thế đi tới...

Thế còn tập thơ “Nhã Ca Mới” và giải thưởng thi ca toàn quốc thì sao? Chị nói thơ “Nhã Ca Mới” do “Ngôn Ngữ” xuất bản, cũng đầu năm 1964. Ngân khoản in thơ lẫn tên nhà xuất bản đều do anh Nguyên Sa. Cuối năm ấy, Nhã Ca được giải thi ca toàn quốc 1965. Tiền lãnh giải dĩ nhiên không còn dấu vết. Huy hiệu giải thưởng là huy hiệu của nguyên thủ quốc gia nghe nói là bằng vàng – tương tự huy hiệu của Tổng Thống VNCH dành cho các giải thưởng về sau- chẳng nhớ đi đâu mất, có lẽ còn đâu đó trong... Sở Công An Thành Phố hoặc không chừng đã ra vĩa hè, bị nấu chảy thành dăm ba “chỉ”, hay một hai “cây”...

Trong các bài viết về thơ Nhã Ca, từ Bùi Giáng, Võ Phiến, Thi Vũ tới Huyền Không tức Hoà Thượng Mãn Giác... thường nhắc tới bài thơ “Tiếng Chuông Thiên Mục”. Võ Phiến viết là trong lịch sử văn học Việt Nam chưa hề có tiếng chuông nào vang dội khác thường tới mức ấy. Hỏi chị tại sao? Chị bật mí: “ Bài thơ in lần đầu trên tuần báo Ngàn Khơi, đầu năm 1963. Đó là thời điểm vừa xảy ra vụ biểu tình đẫm máu tại Đài Phát Thanh Huế và Phật Giáo bị chính quyền đàn áp. Tuần báo Ngàn Khơi do bọn này chủ trương bàn nhau phải cùng nhau viết cái gì đó. Dự tính có Nguyên Sa, Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Thụy Long, Tú Kếu, Nguyễn Hữu Đông, Trần Dạ Từ... mỗi người sẽ cùng viết nhiều ít gì đó. Bìa offset do Đảng Giao trình bày in trước 4 số đã ghi sẵn tựa đề chung là “Tiếng Chuông Thiên Mục”. Tới ngày ra báo, Nhất Linh tự tử, rồi sư sãi bị bắt, Saigon giới nghiêm... Chỉ riêng bài thơ mang tên “Tiếng Chuông Thiên Mục” được xuất hiện trên báo. Còn nhớ trong bài thơ có câu “Thức dậy cùng tan vỡ, thức dậy cùng lịch sử” đã được các bạn trong “Sở Kiểm Duyệt” nhẹ tay cho qua... Mọi bài viết khác không qua khỏi lưới kéo kiểm duyệt, đành phổ biến cách khác.

Trần Dạ Từ và các bạn của anh làm báo “Lửa” đánh máy quay roneo bằng cái máy chữ của anh Nguyên Sa cho, cả bọn xúm nhau vào phát hành chui... Trong việc phổ biến số báo “Lửa” ở các đại học thời đó có cả các nhà văn Nguyễn Thị Vinh, Nhật Tiến. Sau đó, Trần Dạ Từ bị mật vụ nửa đêm bịt mắt dẫn đi mất tiêu, cả bọn trốn chui trốn nhủi... Đó cũng là lúc có bài “Thơ Sớm Mai”, sinh nhật năm đầu tiên của cháu.”

Trả lời câu hỏi hiện nay chị đang viết gì? Nhã Ca nói: “Truyện ngắn, đang lo viết cho báo tét. Truyện dài, đang sắp xếp, sửa chữa bộ “Đường Tự Do Saigon”. Truyện đã viết liên tục hơn 10 năm trên Việt Báo, mỗi ngày mỗi viết. Độc giả có lòng hỏi. Có nhà xuất bản muốn trả tiền để in. Nhìn lại, đếm chữ thấy đã có tới hơn 10,000 trang sách. Truyện viết từng ngày, muốn thành sách, phải sửa chữa, sắp xếp lại. Cả năm nay, chỉ mới xong 640 trang cho cuốn 1, hiện đã đưa thử lên internet... Việc xuất bản trọn bộ, chắc còn phải mất thêm ngày tháng.

Về câu hỏi tác phẩm nào của chị được chị thích nhất, Nhã Ca trả lời có lẽ nhiều phần dành cho cuốn “Hồi Ký Một người Mất Ngày Tháng”. Đó là nói văn. Còn trong lòng, chị vẫn yêu và trân quý Thơ. Nhã Ca, tên tuổi ấy đã mang âm hưởng một bài thơ.

Nói về kỷ niệm mà chị nhớ hoài là thời kỳ trong nhà tù nhỏ và nhà tù lớn ở Việt Nam, Nhã Ca kể có lần được theo xe tù đi thăm nhà trưng bày tội ác Mỹ Ngụy ở trường Dược cũ tại Saigon, thấy sách của mình và bạn hữu được bày dưới danh nghĩa “tội ác Mỹ Ngụy”. Đặc biệt, cuốn “Giải Khăn Sô Cho Huế” được treo trang trọng. Đã đứng nghiêm cạnh Lê Xuyên, Hoàng Anh Tuấn, Trần Việt Sơn... chào kính tác phẩm của mình và bạn hữu.

Hỏi chị đang đọc gì? Nhã Ca cho biết hiện chị đang đọc Milarepa, thơ và truyện kể về thi sĩ và thầy tăng lớn của Tây Tạng. Còn tác giả ưa thích? Với chị đó là Thơ Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Mai Thảo, Trần Dạ Từ, Đỗ Quý Toàn, Viên Linh, Tú Kieu...

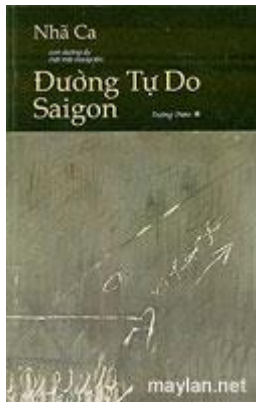
Còn truyện? Chị nhắc đến Thảo Trường, Lê Tất Điều, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Thụy Long...

Với câu hỏi liệu có thể nói đến một nền văn học hải ngoại không, Nhã Ca cho rằng “Một nền văn học hải ngoại?” chắc chỉ là câu hỏi nhất thời hoặc tạm thời. Dăm ba chục năm, vài ba trăm năm, rồi sẽ qua đi. Những cái đáng còn sẽ còn lại. Yếu tố nơi sinh sống trong nước hay ngoài nước của tác giả bất quá chỉ là những ghi chú, không phải là yếu tố để tác phẩm văn chương tồn tại. Văn học hay văn chương Việt Nam là đủ. Người viết ở đâu cũng được, dù trong hay ngoài nước. Viết trong hay viết ngoài nhà tù chẳng phải là yếu tố quyết định giá trị. Cái viết ra mới thực sự quan trọng..

[1] Nhã Ca, *Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng*, tr. 61. Nxb Thương Yêu, 1991.

[2] *Bài Nhã Ca Thứ Nhất*.

Một mảnh “Đường Tự Do, Saigon”



(...trích “Đường Tự Do Saigon”)

Chương trình Viet Reads do Học Viện Về Bảo Tàng và Thư Viện Hoa Kỳ bảo trợ hôm nay có ghi là dành cho Nhã Ca và tác phẩm mới. Đây là lần thứ hai tôi được ra mắt sách với bà con, bạn hữu ở San Jose.

Lần đầu, cách đây đã đúng 18 năm.

Vào thời ấy, sau 14 năm treo bút vì tù đầy tại quê nhà, gia đình chúng tôi được Văn Bút Quốc Tế can thiệp và Thủ Tướng Ingvar Karlsson trực tiếp bảo lãnh sang Thụy Điển định cư. Từ đất nước Bắc Âu đẹp như trong truyện thần tiên này, tôi được trở lại bàn viết và sau đó được sang thăm bà con, bạn hữu tại Hoa Kỳ với cuốn sách đầu tiên của phần đời lưu vong.

Tôi còn nhớ. Rất nhớ. Những cảm tình sâu nặng đã nhận được từ San Jose, khi sách Nhã Ca lần đầu được ra mắt bà con bạn đọc và thân hữu. Tên cuốn sách ngày ấy là

“Hoa Phượng, Đứng Đổ Nửa,” kể lại câu chuyện tan tác của một nhóm bạn nữ sinh trường Trưng Vương, khi Saigon đã đổi tên, đổi đời.

Tôi còn nhớ. Rất nhớ. Nhớ với lòng biết ơn. Nhờ sự thương yêu tin cậy của người đọc, cuốn sách ngày ấy in lần đầu 4000 cuốn, đã bán hết ngay từ năm đầu tiên. Từ năm 1992, chúng tôi rời Thụy Điển sang Cali sống với nghề làm báo hàng ngày. Báo bổ bù đầu tới nỗi sách Nhã Ca có thêm bốn năm cuốn nữa đã in mà không còn thì giờ ra mắt, nhà sách yêu cầu tái bản sách cũ mà không còn thì giờ in. Bù lại, tờ Việt Báo, ấn bản Việt Báo San Jose và Việt Báo Online trên mạng internet vẫn được bà con đọc.

Tôi còn nhớ. Rất nhớ. Ngày họp mặt ra mắt sách lần đầu tại San Jose.

Đó là một buổi chiều cuối tuần tháng Mười, năm 1989. Giọng nói anh Mai Thảo ngày ấy còn mạnh mẽ, rất “bốc” mà rất tĩnh. Nay anh Mai Thảo không còn nữa.

Nhiều người của ngày ấy, thời ấy, hôm nay cũng không còn. Tôi nhớ vị Thiền sư thi sĩ Huyền Không Thích Mãn Giác. Nhớ anh Nguyễn Sa. Nhớ anh Phạm Đình Chương. Nhớ anh Lê Đình Điểu, anh Đỗ Ngọc Yến. Nhớ biết bao người..

Hai lần ra mắt sách cách nhau 18 năm. Vừa đủ cho em bé sơ sinh thành thanh niên, thanh nữ. Và đủ cho chính tôi thấy mình bước qua tuổi về hưu.

Nhờ về hưu mà có ngày giờ coi lại việc viết lách và hôm nay có dịp được trình diện quý vị.

...

Người già, dù ăn cơm mới vẫn thường nhớ chuyện cũ.

Nhà văn về già, dù tác phẩm mới, vẫn là kể chuyện cũ.

Cuốn sách được ra mắt hôm nay là bộ chuyện về Saigon đổi đời.

Sau tháng Tư 1975, Cộng Sản biến cả nước thành nhà tù. Thành phố, đường phố bị đổi tên. Nhà nhà bị cướp bóc, người người bị đầy ải. Ngày ngày, tài sản Saigon bị ăn cướp. Đêm đêm, cư dân Saigon bị đẩy lên xe buýt đưa vào rừng sâu. Nhà binh, nhà báo, nhà giáo, nhà văn, nhà thơ và nhiều nghệ sĩ Saigon, hàng loạt bị bắt vào nhà tù. Nhiều nhân vật của văn học nghệ thuật Việt Nam bị đầy ải tới chết, trong đó có các tên tuổi như Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Côn, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Trần Việt Sơn, Dương Hùng Cường, Hoàng Vĩnh Lộc.

Là kẻ sống sót trở về từ trại tù, nhà cửa bị tịch thu, tôi cùng đàn con tá túc trên con đường ngày xưa mang tên là Tự Do.

Tên cũ của nó, thời Pháp, là Catinat.

Tên mới, thời Cộng Sản là Đồng Khởi.

Không biết đã và sẽ còn những tên nào nữa.

Với tôi, mãi mãi con đường ấy mang tên là Tự Do.

Và cuốn sách mới được ra mắt quý vị hôm nay mang tên “Đường Tự Do, Saigon.”

Con đường ấy, lòng đường hẹp mà vỉa hè rộng, một đầu từ bờ sông Saigon, một đầu là nhà thờ Đức Bà. Đủ loại gót giày, từ Nam chí Bắc, từ năm châu bốn biển đã nện trên vỉa hè Tự Do. Người Tàu, người Nhật, người Pháp, người Mỹ, người Nga ... đủ mọi sắc dân, đủ mọi loại người, từ giàu nhất, sang nhất tới nghèo nhất, hèn nhất, từ ông to bà lớn tới ma cô dĩ điểm ... tất cả, đều đã tới đó.

Suốt 25 năm cuối của Thế Kỷ 20, đây là con đường tiêu biểu cho đủ loại số phận của Saigon, khi thành phố, đường phố bị đổi tên, đổi đời. Bi thảm nhất mà cũng hài hước nhất. Tàn tệ nhất mà cũng tử tế nhất. Dễ ghét nhất mà cũng dễ thương nhất.

Vào những năm 70-80, khi tôi và các con sống trên đường Tự Do Saigon, con đường này tràn ngập dân vô gia cư và trẻ bụi đời từ khắp nơi kéo về. Trong những ngày tháng

cùng quần nhất, có khi mấy mẹ con bị bỏ đói và cầm tù trong nhà, bản thân tôi đã nhận nhiều ơn nghĩa từ đám trẻ bụi đời.

“Đường Tự Do Saigon” là bộ tiểu thuyết tôi đã cặm cụi viết liên tục hơn 10 năm, gồm 4 cuốn. Mỗi cuốn là những cảnh đời riêng, những câu chuyện riêng, cóp nhặt từ chính đời sống thật, gom lại thành gần 3000 trang sách.

Giữa cả trăm mẫu người bốc đủ mùi thời thế, đám trẻ bụi đời là những nhân vật chính của đường Tự Do Saigon mà tôi trân trọng nhất. Trong đám trẻ này, như các bạn sẽ thấy khi đọc, có Thành Bò, một em bé ăn mày, bằng cả bốn chân tay teo tóp, ngày đêm bò lê trên vỉa hè xin ăn.

Trong 10 năm viết bộ truyện này, tôi thấy mình thường nghĩ về nhân vật của mình thế này: “Không chỉ riêng em đâu, thằng Bò tội nghiệp, mà là chính tôi nữa, dù cách một đại dương, bằng tâm hồn teo tóp của mình, vẫn không ngừng lê la trên những vỉa hè cũ.

Thưa quý vị và các bạn,

Có thể có một số bạn trẻ có lòng tới họp mặt hôm nay, nghe tôi nói mãi, thấy ngán tận cổ. Các bạn đang tự hỏi “Sao cái bà nhà văn già khụ này nói toàn chuyện xưa như trái đất, chuyện của thế kỷ trước.”

Tôi hy vọng đám trẻ bụi đời của “Đường Tự Do Saigon”, cả trong đời sống năm xưa và trang sách hôm nay, vẫn tiếp tục đi về phía tương lai, và một ngày nào đó, các bạn sẽ gặp chúng. Gặp trong thế kỷ mới và trong vận hội mới.

Thay lời vào truyện

Một đầu, dòng sông Saigon lấp lánh. Một đầu khác, tượng bà mẹ trắng toát trước Vương Cung Thánh Đường. Lòng đường hẹp mà vỉa hè rộng. Con đường ấy, một thời, ngắn ngủi thôi, mang tên là Tự Do.

Tên cũ của nó, thời Pháp: Catinat.

Tên mới, thời Cộng sản: Đồng Khởi.

Không biết đã hoặc sẽ còn những tên nào nữa.

Với tôi, mãi mãi, con đường ấy mang tên là Tự Do.

Chính từ con đường này, tôi đã cùng bạn hữu lang thang thời tuổi trẻ ngông cuồng, đã cùng con cái cố thủ những năm bị tù đầy, săn đuổi, trừ dập. Đó cũng là nơi tôi được nhìn lần sau cùng bà con thành phố quê hương trước khi phải sống đời lưu vong. Ân nghĩa con đường ấy cho tôi không cách gì kể hết. Nó nhất định mãi mãi phải là đường Tự Do.

Đủ loại gót giày, từ Nam chí Bắc, từ năm châu bốn biển, đã nện trên vỉa hè Tự Do. Không chỉ giày dép. Thằng Bò, một em bé ăn mày, bằng cả bốn chân tay teo tóp đã bò lê trên vỉa hè ấy. Không chỉ riêng em đâu, thằng Bò tội nghiệp, chính tôi, bằng tâm hồn teo tóp của mình, từ hơn mười năm nay, dù cách một đại dương, vẫn không ngừng lê la trên những vỉa hè cũ.

Từ một mảnh đêm xưa...

*

Hôm nay ban nhạc quán Hương Lan chơi sớm. Mới ba giờ mà khách đã chiếm gần hết những bàn sát ngoài, chỗ đắc địa để có thể nhìn ra đường.

Những món ăn như thịt bò lúc lắc, cua rang muối, ếch chiên bơ, thơm lừng mùi tỏi, làm mời đưa bia, và cũng làm bọn ăn xin lấp ló ở bên ngoài, hoặc tì mũi vô cửa kính nhìn chằm chằm. Bảo vệ làm việc hăng lắm, thỉnh thoảng cũng có đứa chạy vù vào, đổ vội vàng thức ăn thừa mứa vô cái lon rồi chạy vù ra. Nhanh vậy mà đôi khi còn bị xách cổ ném ra ngoài, cả người và lon thức ăn đổ lai láng.

Ban nhạc chỉ có hai người, một cô gái nhỏ nhắn, đầu tóc xù như con chó bông, khá xinh kéo đàn violon và anh nhạc sĩ người thấp thấp, nổi tiếng ngón đàn ngọt, ngồi khuất sau cây đàn piano. Họ như đàn tập với nhau, không hề lý gì tới đám khách đang nhậu nhẹt ồn ào. Mỗi buổi, bài bản đã được trình duyệt, nên bên đàn bên kéo như thói quen, từ bản đầu cho tới khi dứt.

Lúc đầu, nhà hàng được giấy phép chơi nhạc thì những bản được duyệt là nhạc Cách Mạng, như Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, Tiếng Chày Trên Sóc Băm-Bo, Dáng Đứng Bến Tre v.v... Hai nhạc sĩ bị buộc phải tập dượt đi tập dượt lại mấy bài nhạc cách mạng. Cứ vậy cho vừa lòng đám khách chủ lực là bọn cán bộ mới ăn lên làm ra, vô đây đái đằng, móc ngoặc.

Kéo qua kéo lại cò cựa như kèn đám ma để so lại dây đàn, cô nhạc sĩ hỏi anh nhạc sĩ:
“Bắt đầu được chưa?”

Anh nhạc sĩ gật đầu, dạo đàn trước rồi tiếng violon mới ăn khớp sau. Ở bàn gần họ nhất có bốn anh mà hết ba anh quần ka ki, áo sơ mi trắng cánh tay, có túi “dét” bên cạnh. Cả ba cùng khe khẽ đánh nhịp và hát theo bản “Tiếng Chày Trên Sóc Băm-Bo”. Bài chưa dứt, một anh giọng oang lên:

“Hay. Đàn thế mới là đàn chứ. Tiếp đi. Tiếp bản gì đó, bản gì mà Em đái bên góc dĩa...”

Có vậy mà cười đến bắn cả thức ăn đang nhai ở trong mồm ra, rồi còn gõ muống vào ly kêu lanh canh nữa. Cả bốn ông đều đã ngà ngà say, vỏ chai bia bày gần kín mặt bàn.

“Hiện đại, hiện đại thật. Ở ngoài ta...”

“Cho chơi bài Hà nội Thủ đô ta đi...Hà nội...”

Chưa tới thời điểm được chơi nhạc theo yêu cầu mà, cho nên hai nhạc sĩ cứ đàn theo thứ tự. Không đùa được đâu, trong đám bồi bàn bưng dọn kia, đâu biết anh nào là chỉ điểm, anh nào là phục vụ viên...

Sài Gòn gần như cháy thành than sau mấy trận hỏa hoạn “năm quản” rồi “đánh tư sản mại bản”. Cũng may, còn mỗi con đường Tự Do cũ này, như cái nơ buộc vào sợi dây xích chó. Nhà hàng ăn quốc doanh Hương Lan là cửa hàng đầu tiên có nhạc sống.

“Chơi nhạc Tây đi. Nhạc Tây đi”

Vẫn ba anh cán hay la lối yêu cầu. Thêm đồ nhậu, thêm bia, có vẻ họ còn ngồi dính cứng ở đây cho đến đêm. Nhưng vẫn chưa nhạc Tây, thường thường, phải chờ khi đường phố lên đèn, ban nhạc mới thay đổi bản. Nãy giờ, nội một bài “Giải phóng quân” đã chơi tới lần thứ ba theo tua rồi...Cánh cửa kính được xô ra, anh bảo vệ lùi lại, nép sang một bên. Khách mới vô là một cô gái. Coi cách ăn mặc bắt cần đòi quá. Áo sơ mi màu cháo lòng cũ, khuya cài không đúng hàng, xóc xếch, quần jean bạc, mòn đít, cô ta một mình chiếm một bàn trong góc. Đó là Nhung Xi Ke.

Thằng Lai cũng có mặt tức thì, ngang nhiên đẩy cửa. Anh bảo vệ còn làm màu:

“Vô làm gì, mày?”

“Gặp “nữ chúa” được không? Sao bữa nay bày đặt hỏi?”

“Tại mày không biết điều...”

Thằng Lai nhìn anh bảo vệ , mắt vừa hốt vừa khinh:

“Ăn cho lắm vào, cả cứt cũng ăn. Nè cha...”

“Ai thềm để con lai căng như mỳ... đưa đây.”

Hất cái mặt lên, thằng Lai bỏ vô trong. Anh bảo vệ gắn điều thuốc lên môi, nhìn ra ngoài, trợn mắt với lũ ăn mỳ con nít.

“Mỳ có đem cho tao đó không?”

“Sao không? Này bà...”

Thằng Lai đặt lên bàn bao thuốc lá ba số còn nguyên si. Nhưng “xì ke” đặt tay lên bao thuốc:

“Đúng thứ mọi bữa không, cha?”

“Bà cứ thử đi. Sợ bà luôn, đa nghi quá...”

“Sao không đa nghi, mỳ biết con mụ Huê nổi tiếng tráo hàng mà...”

“Biết. Đù má, dám tráo với tui không? Thằng này dám nói là dám làm...phặc...”

Nó đưa tay, chém như lên cổ.

“Thôi cha, cha tí tuổi đầu mà đã cô hồn các đảng. Phạm giờ thiêng là dính nghe cha...”

“Cút. Tao sợ cút. Thôi bà làm ơn đưa tiền, đừng cà riềng nữa. Tiền trao cháo múc...”

Nhưng thò tay vào ngực, rút từ trong xú chiêng ra mấy tờ giấy bạc nhàu nát. Thằng Lai bỏ ngay vào túi.

“Tin bà không đếm đó nghe.”

“Ừa, xong, cút cha mỳ đi.”

“Cho ly bia được không? Thềm quá.”

“Mới nứt mắt mà bày đặt đủ chuyện.”

“Không nhờ đâu nghe... Đủ hết trơn rồi, bà muốn coi bữa nào cho coi ...”

“Được, ngồi đi cha, kêu đi. Bữa nào coi đừng khóc...”

Thằng Lai búng tay, gọi hai chai bia. Nó ngồi không yên, ngó ngang ngó dọc.

“Bà thấy thằng ngồi bên kia bàn không? Bà bắt đi. Bắt được là tha hồ phê. Tui biết nè, nhà ở dưới Gia Định nhưng bữa nào cũng lên đây, bữa ngồi uống cà phê dưới Bô-đa, bữa uống rượu dưới Cửa Long. Giàu lắm, tháng nào cũng lĩnh thùng đồ bên Mỹ.”

“Sao mỳ biết rành vậy?”

“Xời ơi, tui há, con ruồi bay ngang tui còn biết ruồi đực hay ruồi cái nữa kìa...Thằng cha này nát rượu lắm, uống vô vài ba chai là khai ra hết...Tui biết bữa nay túi nó phồng lắm, chắc đang đợi con Nét hô...Thấy chưa, nhắc là tới liền...”

Nét hô. Nét vườn bông, mới đó đã Nét bin đình rồi. Con nhỏ này không biết từ góc biển chơn trời nào tới đây, sống bám vào thành phố từ ngày giải phóng. Ăn xin có, móc túi có, bắt mèo nhà người ta làm thịt có. Mười ba tuổi đã đủ bộ như mười sáu hai mươi là vô nghề làm gái. Thực tập trước ở mấy vườn bông, mấy công viên. Bộ đội thích nó lắm nên có dạo con Nét là chủ vừa bán đường, sữa, bột ngọt...Có tiền, bớt lam lũ, nước da của con Nét lộ dần ra, trắng bóc. Một anh Ba, trước đây đã vào sinh ra tử trong kháng chiến chống Mỹ, đã thuê một phòng đầy đủ tiện nghi cho Nét. Dạo này anh Ba bận công tác miền Bắc dài dài nên Nét rồi rảnh và buồn, đi “bắt” nhiều hơn.

Thằng Lai gọi liền:

“Nét. Nét...Bữa nay mỳ “trúng mách” rồi...Nhớ đãi tao châu chót nghe mỳ”.

Thằng Lai làm như không nhìn thấy mấy người ngồi gần đó nhăn mặt. Nốc cạn ly bia, nó đứng lên bỏ đi. Ngang qua con Nét, nó còn vổ vào mông con Nét một cái, cười cười:
“Để dành bớt xài dần mày ời.”

Thằng cha ngồi trước mặt Nét mặt ừ. Bụng này chứa cả thùng nước lèo còn thiếu. Ở thời buổi, lĩnh thùng đồ Mỹ xài, ăn rồi đi cà nhõng sao không ai hỏi thăm hết vậy? Ở đâu có sứ quân đó, nhà hàng chỉ có việc moi tiền, bắt bớ, tình nghi là việc của công an. Còn quản lý con người là việc của phường khóm, của tổ dân phố. Sở dĩ yên ổn được là vì thùng hàng nào ngoài thuế má cho nhà nước, về địa phương đều “chai hia” nên vui vẻ cả. Rồi còn việc đóng góp, lao động, lúc nào tên hấn cũng hàng đầu, nhà thì treo chình ình cái ảnh bác.

Con Nét cầm cổ tay anh ta, ngấm nghĩa cái đồng hồ:

“Vàng thiệt không anh?”

“Thiệt chứ.”

“Bên Mỹ gửi về phải hôn?”

“Không. Mua ở đây, mà tiền thì ở bên gửi về.”

“Áo quần anh mặc cũng ở bên?”

“Ừa. Em Nét, hôm nay anh bao em, lát nữa lên phòng nghe...”

“Hôm nay ? Hồng được, bất tình linh ông đi công tác về, biết đâu. Thôi mình ra vườn bông, kín mà mát mẻ. Ý, em phải trả tiền bao thuốc lá ở ngoài...”

“Em cầm tiền nè...”

Con Nét đi ra, không trả tiền mà là mua thêm một bao thuốc lá ở sạp thuốc ngay trước cửa. Chị đàn bà bế con ăn xin lật đật đứng dậy, chìa tay. Đưa mớ tiền lẻ cho chị ta, Nét nói:

“Tối nay có mối, làm chỗ dùm nghe.”

Chị đàn bà gật đầu. Lúc Nét quay vào thì chị cũng bế đứa nhỏ băng qua đường, về phía công viên. Thằng Bò cũng bò theo chân chị. Con Quê ở vườn bông, nhờ nó sang đường mua dùm khúc bánh mì. Buổi cơm chiều giản dị vậy thôi, để lấy sức mần ăn buổi tối.

*

Nhà hàng Hương Lan đã hết giờ giải lao. Hai nhạc sĩ bắt đầu “tua hai” bằng những bản nhạc ngoại. Nhưng “xi ke” đã hết bốn chai bia và vơi hơn nửa bao thuốc lá. Cô ta đổ nửa bao thuốc còn lại ra, lựa hai điếu để riêng. Uống cạn ly bia cuối cùng, cô đã ngật ngừ lằm. Thằng Lai nói đúng, con mụ Huê không dám “hà tiện”, có tới hai trong số 20 chục điếu 3 số.

Thở một hơi dài, ngồi yên một lúc, Nhung mới bật quẹt, bắt đầu “phi”. Ngọn lửa xòe ra, bén đầu điếu thuốc. Hít một hơi, mắt lim dim nhìn xuống đóm lửa lập lòe, một mùi quen thuộc nồng nàn từ hốc sâu của mũi luồn xuống, ngợp hai lá phổi, đi xuống, tan trong thịt da, đi lên, luồn lỗ trong óc não, lấp kín ngăn trí nhớ và dồn dập vào khối tưởng tượng sáng khoái... Chai bia trên bàn không phải chai bia... điếu thuốc không còn là điếu thuốc, sự tê mê đầy rào rạt những niềm vui, kéo một nụ cười trên khuôn mặt đã ngờ nghệch của cô gái.

“Coi, cô ta say bia”

Ai đó nói. Nhìn mấy chai bia linh kính, cô gái đờ đẫn, y hệt một người say. Nhưng cô ta không say bia, mà đang “phi” xi ke. Điều này chỉ một mình anh nhạc sĩ biết... Tay anh bỗng nhiên khựng lại, tiếng đàn violon vút lên, một mình, lạc lõng. Anh nhạc sĩ đã làm rơi mấy nốt nhạc.

Đến lúc vắng khách, người ta dọn dẹp, lau sàn nhà, chõng bàn ghế lên, Nhung “xi ke” vẫn đang trong trạng thái “phi đậm”. Bảo vệ tới mời ra, Nhung nhượng đôi mắt lơ lơ lên nhìn, miệng cười vu vơ.

“Lôi nó ra ngoài.”
Quản lý ra lệnh.

Trong một góc, anh nhạc sĩ đang uống nốt chai bia nhà hàng đái. Anh đặt cái chai không lên quầy, đi đến bên người bảo vệ đang hung dữ kéo mạnh cô gái đứng dậy.

“Có đi ra không? Hết giờ rồi.”

“Anh để tui.”

Nhạc sĩ giọng nhỏ nhẹ, hiền lành. Anh đỡ cô gái, dìu ra ngoài. Suốt buổi, trong cái không khí sặc mùi rượu và thuốc, anh như thiếu không khí thở. Giờ đây, đường phố đã vắng, anh đang dìu một cô gái đi dưới hai hàng me cao, và gió như giúp cho anh nhiều khí trời để thở...

Anh đặt cô gái tựa vào một thân cây, giọng vỗ về:

“Tôi gọi xe xích lô đưa cô về nhà nhé?”

Đôi mắt lạc thần không nhìn anh, mà hướng lên vòm lá me đen sâu trên đầu:

“Về...không, đưa em đi...em đi...”

Anh mím môi, quay người tránh cô gái đang nhón người lên, muốn ghé môi hôn. Từ quần áo, da thịt cô gái toát ra một mùi nồng nặc, tanh tưởi. Anh biết, cô ta không những phi xì ke mà còn nằm bàn đèn nữa. Không bao lâu sẽ tới chích choác và... Anh không dám nghĩ tiếp.

Vấy một chiếc xích lô, anh cố đỡ cô gái muốn vùng vẫy mà không còn sức. Anh phải trở về nhà. Khuya rồi, người vợ trẻ đang chờ anh, đêm nào cũng vậy, tới giờ nào anh về tới nơi thì giờ đó người vợ mới yên lòng.

Anh trở lại nhà hàng. Đèn bên trong đã tắt. Ở hàng hiên đã có mấy người bụi đời xí phần. Người đàn bà điên đêm nay cũng về đó. Chị ngồi bệt sát tường, lơ lảo ngó mấy gốc cây, mấy chiếc xe chạy vụt qua, ngồi ngó hoài không biết mệt. Không biết ai đã cho chị một bộ quần áo cũ chật bó người...Anh đi vào phía mé hông, vô một ngách nhỏ lấy xe đạp. Người bảo vệ trực cười cười:

“Về à? Sao không lên xe về với con nhỏ, coi bộ nó chịu chú nhạc sĩ quá rồi.”

Anh biết, khi đang lơ mơ, Nhung đã bị nhiều đàn ông lợi dụng. Bởi thế, mỗi lần nhìn thấy cô gái tự giết dần mình, anh lại đàn sai, lạc điệu.

Trời đêm thật mát. Nhưng đường về nhà vẫn xa lắm. Ngang qua nhà thờ Đức Bà, anh thấy một con vật gì bò nhanh qua đường. Anh lạng xe tránh và nhận ra thằng Bò. Đêm nào cũng vậy, cứ khuya lác khuya lơ, anh thường gặp thằng nhỏ tàn tật bò tới dưới chân tượng Đức Mẹ.

*

Khuya rồi mà sao mấy cặp trai gái cứ còn ngồi xà nẹo rải rác trên bãi cỏ, trước mặt nhà thờ. Cũng may bao nhiêu bóng đèn đường đã bị gỡ hết nên tượng Đức Mẹ đứng khỏi nhắm mắt. Thằng Bò mãi mới nhớ ra đêm này là Chủ Nhật.

Chủ Nhật ông nhạc sĩ mới về khuya, hồi nãy suýt chút là nó ăn bánh xe đạp của ông ta...Vậy mà nó không giận ông nhạc sĩ đâu. Lòng nó sao sao không hiểu nổi. Mỗi lần bị bắt cứ ai nhìn, nó đều chỏ miệng chửi một câu. Vậy mà khi thấy ông nhạc sĩ này nhìn nó, thằng Bò muốn chửi mà câu chửi mắc lại trong cổ nó mới lạ. Có lẽ tại cái nhìn của ông ta hiền quá.

“Ê, đi chỗ khác, nhìn gì mà?”

“Tao đang đái, không thấy sao mày?”

Thằng Bò ghếch chân lên. Nó cười lớn. Mấy thằng “cà chớn” này không việc gì phải sợ.

“Rồi cút đi.”

“Tao cứ ngồi đây, tao cứ nhìn.”

Cô gái đang ngồi trong lòng người đàn ông lên tiếng:

“Thôi mà Bò. Mày đi chơi đi. Biết mày lì rồi.”

“Việc gì nói tử tế với con vật ghê tởm đó. Để anh đá cho nó một cái.”

“Đừng anh. Nó tàn tật mà. Kệ nó. Mình ngồi đây hóng mát rồi xuống dưới kia, có chỗ tốt mà kín đáo lắm.”

Đúng giọng con Nết. Thằng Bò thấy ghét cả hai đứa. Tên đàn ông to con, bụng phệ hàm hè, nhưng rồi cô gái ôm chặt cổ.

“Thôi kệ nó. Kệ nó đi. Ê, tao nói chuyện tử tế nghe Bò.”

Mọi lần thì nó cũng thôi, nhưng hôm nay mắc cái chứng chi mà nó thích chọc cho người ta chửi.

“Tao ngồi đây mắc mớ gì mày. Đù má. Ai thêm nhìn, nhìn cho đui con mắt à.”

“Ranh con mắt dạy.”

Thằng Bò cố lật người nằm ngửa dưới cỏ, nhưng hôm nay sao khó quá, nó làm hoài không được, đành nghiêng người, và cứ mở lớn mắt nhìn. Người đàn ông giận lắm, biết không làm gì được nó, nên chỉ hằn học ầm ức. Con Nết kéo người đàn ông đứng dậy, không quên được cái tật đưa tay phủi dít quần.

Họ đưa nhau đi xuống phía dưới. Thằng Bò biết mà, công viên Chi Lăng chớ chỗ nào nữa. Có một cái góc, phía trên là dàn hoa giấy mọc rậm rì, che chung quanh mấy bụi cây lớn, động của bà Bảy Cà tong đó thôi.

Bà Bảy cà tong này ở đâu đến, ai mà biết. Coi như chủ đất công viên này rồi. Không chồng, nhưng có hai thằng con trai và đứa con gái thuộc loại “chẳng ăn trăn quán,” dữ và hỗn khiếp luôn. Thằng Hai Nuôi, chiếm góc đường bày chỗ vá xe đạp. Thằng Tửng cô hồn thì cầm đầu một nhóm “đầu trâu mặt ngựa,” tới mùa, xí mấy chục gốc me quanh khu vực, hái me mà ra tiền. Củi khô cũng do Tửng thầu hết. Đàn em của Tửng tuần tự đúng ngày là giữa ban ngày ban mặt leo thoăn thoắt lên cây như khỉ, cầm dao, rựa vặt cành khô. Xe cộ đi phía dưới, xui ai nấy lãnh đủ. Thành tích hai đứa con trai như vậy nên chị Bảy Cà tong là bà thần ở công viên này rồi. Chị chiếm chỗ ngon lành nhứt, và còn đủ kín đáo cho người ta thuê ngắn hạn mà an toàn vì con Lê, con gái chị ngoại giao giỏi với bọn khu vực. Thằng Bò cũng hay tới đây để giải trí.

Biết vậy nó bò theo, nhưng chỉ theo cách xa thôi. Đến nơi không thấy con Nết với thằng chả đâu nữa. Hôm nay chủ nhật, dĩ nhiên con nhà ăn xin còn làm việc khuya ở các hàng quán, chưa ai chịu về. Nó bò lại chỗ kín đáo mọi khi để xem “phim sống.” Nhưng bên trong không phải là con Nết với người đàn ông kia mà là chị Bảy cà tong.

Đã gọi là Bảy cà tong rồi thì biết. Thằng Bò sinh ra tàn tật thân thể thì ông trời cho nó đôi mắt. Mắt mèo thì cũng tinh bằng nó thôi, nó nhìn thông suốt bóng tối được. Coi bà Bảy cà tong, toàn xương với da, bà trần truồng coi giống cây tầm quá. Còn thằng cha nào đây? Thằng Bò suýt kêu ồ lên một tiếng. Long Tân Định rõ rành rành. Thằng này cũng ốm nhách, hai bộ xương ôm nhau vật lộn và bà Bảy cà tong thì vừa vật vừa la: “Chết cha mày, chết cha mày chưa.” Và thằng Long Tân Định thì thở phò phò, giọng khàn đặc:

“Chưa chết. Chưa chết. Chưa chết đâu má ơi!”

“Đù má!”

Thằng Bò chửi ầm ĩ và cười rống lên. Đáng ra, chắc chắn nó sẽ bị thằng Long Tân Định đá cho mấy cái, nhưng may, giọng thằng Tửng cất lên:

“Thôi má ơi. Má già rồi mà còn... thiệt má dơ quá.”

Thằng Long lượm cái áo thun tròng vào:

“Ừa, mày há Tửng.”

“Mày muốn làm cha tao phải không? Đù má. Ra đây.”

“Đù má mày Tửng. Sao mày cứ đợi lúc người ta đang “mùi” mà giựt họng mày?”

“Mùi chừng nào nữa đây. Sao lúc nào bà cũng bận “mấy chiến” đó vậy? Bà tới tuổi nghỉ hông chịu nghỉ.”

“Ừa, tao chưa chịu nghỉ. Tao hồi soạn, mày.”

“Kỳ cục. Chuyện vậy mà má... Hừ. Long, mày xong chưa?”

“Ê, hông phải tao ghen. Má mày đòi, bả “hiếp” tao...”

“Ha ha, thằng xạo nghe, tao lại...”

Long Tân Định lừa bụi cây đi ra, quần áo đã chỉnh tề. Hai đứa kéo nhau ra góc nói chuyện to nhỏ. Thằng Bò nghi quá, chúng sắp “đánh” vụ nào đây... Coi thằng Tửng đưa một cái gì gói trong cái áo cho Long Tân Định.

“Tao hông chắc được ghen mày. Còn coi việc mày phụ có nổi không?”

“Đù má. Tao đã run tay bao giờ chưa?”

“Tao tin. Thôi được rồi cha. Cha đi khuấy mắt cho con nhò.”

Long Tân Định biến. Trong góc tối, chị Bảy ca cải lương hò quảng giọng vẫn còn mùi lấm. Thằng Bò dờ dãi, nó đến nơi cái ghé đá con Quê thường ngủ. Không thấy con Quê đâu, trên ghé có hai người ngồi. Lạ chưa, sao ông Bánh không ngồi với chị Mùi như mọi lần mà là một thằng? Lại đi với mấy thằng bê đê chớ gì nữa. Tham quá, đã làm ông chủ quán Bạch Ngọc mà vẫn không bỏ mối đi khách này.

“Anh à, ở ngoài đó khổ lắm. Mẹ và mấy đứa em nhất định phải tìm cách vô Nam.”

“Sao không nói bà già gả quách con Tầm cho xong, nhón rồi, nuôi mãi à?”

“Lấy ai ở ngoài đó mà gả? Bộ đội giải ngũ nghèo rớt mòng tơi, nuôi thân không nổi, lấy gì nuôi vợ. Em thấy anh phải khẩn trương lo cho gia đình vô đây mới mong không chết đói. Mẹ giờ yếu lắm, mà phải đi lao động suốt. Tiền bạc? Làm gì có, chỉ đi nghỉ vụ đê điều... Già cũng phải đi. Cả nhà nói em vô trước gặp anh, bàn tính cách nào...”

“Tao đang lo. Đâu phải nói là được ngay.”

“Nghe nói anh đã là ông chủ quán Bạch Ngọc...”

“Chủ chủ cái búa. Con mẹ khôn lấm, tao coi vậy chớ chưa sơ múi gì...”

“Anh đã ăn ở với bà ta rồi, ván đã đóng thuyền, sợ gì?”

“Thôi mày ơi, đóng thì gỡ ra mấy hồi. Tao đang lo, ông chủ có thể sắp về đến nơi. Tao đang khẩn trương, trong giai đoạn này mày mà vác mặt tới là hỏng việc nghe chưa...Mày biết, tao nát óc ra, phần bà ta chưa tin lắm, phần con Mùi nó phá...”

“Mùi nào nữa.”

“À, nó là chị ở, mày không biết đâu. Thôi mày đi đi, tao phải về cho lẹ, bà này đa nghi lắm.”

“Anh còn tiền cho em... Mấy hôm nay ngoài bến gắng lắm.”

“Khổ quá. Tao vất xác ra. Mày bớt xài với chứ?”

“Em chỉ dùng để ăn mà ăn không no, dám xài đâu.”

“Ừ. Nhắc chừng thế. Thôi, đi đi.”

Hai anh em ông Bảnh nắm vai nhau. Ông anh béo trắng mà thằng em đen thui, ốm lóc chóc trông rõ thiếu ăn... Nhét vào tay người em cái gói nhỏ, chắc là tiền, Bảnh còn dặn:

“Nhớ đừng tới tìm tao ở quán nghe. Khi nào cần lắm hãy nhắn.”

Mỗi người đi một phía. Thằng Bò vẫn lẩn trong bóng đêm. Góms, cái công viên này, hễ có bóng điện nào sáng lên thì tức thì có đũa gỡ xuống. Khuya lắm rồi mới thấy bà con bụi đời lẩn lượ về. Mệt mỏi, mạnh ai nấy sắp chỗ ngủ. Nó thấy con Quê mới về cũng đang thu dọn chăn chiếu trên chiếc ghế đá thường khi. Nó bò tới:

“Quê. Bữa nay mày ế hả mày?”

“Đây đâu phải chỗ của mày... Mày lảng cháng đây chi vậy?”

“Mày xuống đây tao nói chuyện này cho nghe.”

Con Quê xuống ngồi cạnh nó.

“Bữa nay mày cho tao ngủ đây, tao nằm dưới đất. Tao biết đêm nay có chuyện.”

“Chuyện gì vậy? Công an ruồng phải hôn?”

“Không.”

“Mày nghe. Mày muốn rình cái động của con mẹ Bảy cà tong phải hôn? Thôi mày ơi, để cho người ta làm ăn... mày biết, thằng Nuôi, thằng Tùng du côn mà.”

“Tao có làm gì đâu ...”

Nó định nói về chuyện thằng Long Tân Định, nhưng lại làm thinh.

“Tao hồng bảo đảm gì hết nghe, mày muốn ngủ thì cứ ngủ.”

Con Quê nằm xuống, kéo chăn trùm kín đầu. Thằng Bò vẫn ngồi chồm hỏm, mắt mở thao láo. Nó vừa thấy con Nết với người đàn ông đi về phía bụi cây, chỗ kín đáo của bà Bảy cà tong, rồi thằng Tùng thì thâm gì với thằng Long Tân Định, cứ thoáng hiện thoáng biến. Còn chị Bảy cà tong thì nằm một góc khác, vắt chéo chân, ca cái lương. Lẩn nào chả vậy. Bả vừa ca vừa canh, vừa chờ thu thuế chỗ. Nó nghe giọng con Nết cười, rên âm ỉ.

Một lúc sau, thằng Bò bò được đến cái xó tối kín đáo thường ẩn mình. Nó thu mình trong bóng tối, mở thao láo mắt nhìn con Nết đang chơi trò cỡi ngựa. Thằng chả không biết có mắc gió kinh phong gì không, sao rên không ra tiếng. Vậy mà con Nết vẫn không tha, thằng chả đã hết vùng vẫy, nằm im như chết rồi...

Thằng Bò bỗng đưa tay bụm chặt miệng bít tiếng kêu đang muốn thoát ra. Hai Nuôi thỉnh thoảng xuất hiện, hấn nhắc bỗng con Nết quăng ra bên, rồi thằng Long Tân Định dí con dao vào cổ người đàn ông.

“Cấm la. La là giết liền.”

“Xin đừng... đừng giết...”

Người đàn ông van lạy:

“Vàng mới sắm lúc trưa mày để đâu?”

“Trong áo ba-dờ-xuy, túi túi trong trong...trong túi...túi...”

Hai Nuôi vớ mớ quần áo của người đàn ông ra lục lọi. Hấn tìm được một cái gói và ví tiền. Mở gói ra chỉ có hai cái khâu. Hấn lột nốt đồng hồ và cái nhẫn trên tay người đàn ông rồi ra lệnh:

“Ngồi dậy, mặc quần áo vào. Đù má, mắt công tui tao, vàng bạc có tí nhíu.”

Hấn ném mớ quần áo cho người đàn ông. Long Tân Định vẫn kèm sát con dao dí trên cổ hấn.

“Đem nó đi đi.”

Thêm Từng xuất hiện. Cả hai kèm người đàn ông men theo bóng cây đi khuất. Lúc này con Nết đã mặc xong quần áo:

“Bất nhơn. Muốn gì cũng đợi cho con người ta ăn cơm xong đã chớ. Đang ăn lưng chừng...”

“Thôi bà nội. Bà cho con người ta ăn no quá, tức bụng muốn thờ hất ra rồi... Giờ bà về đi, quá khuya...”

“Khuya thì sao? Chia đã mới đi.”

“Nó còn ở đây, thùng thảng được không?”

“Bọn mày còn đem con người ta đi đâu nữa...”

“Thì xong rồi, đem đi phóng sinh. Giờ bà nội về ngủ đi. Nhớ tắm táp sạch sẽ, bà.”

“Ờ, cái gì phóng sinh. Giao hẹn rồi nghe, mình chỉ trấn lột...”

“Biết em giỏi rồi.”

Hấn nựng cầm con Nết:

“Không sợ nó thừa đi tù há. Đi tù là thằng cán của em nó tìm một con khác mới toanh, lúc đó oán anh không?”

“Bộ mày...”

“Tao biết tính.”

Giọng chị Bầy cà tong ré nhỏ:

“Hai, mày xong chuyện chưa? Sao lâu vậy? Mày muốn chết với con hà bá nào cà? Tao buồn ngủ riệu cha hai con mắt rồi đây.”

“Xong. Má vô đi.”

Hấn kéo con Nết:

“Đi. Tao lên trên với mày”.

“Lên làm gì. Tao hết xí oách rồi nghe mày.”

“Ngủ. Hổng làm gì hết.”

“Tin được hông.”

Thằng Bò nằm bẹp người xuống, thấy cán cái ở bụng dưới. Mọi sự yên tĩnh dần. Một lúc sau nó chui ra khỏi bụi cây, bò tới nơi ghé đá con Quê ngủ. Đêm như than tro, vùi hơi nóng kinh khủng. Con Quê đá tung mền từ lúc nào, lại nằm ngửa tênh hênh, vạt áo kéo lên thấy lờ nhờ một khoảng da bụng...Thằng Bò mở thao láo mắt nhìn.

Một mùi hăng hắc của cỏ, của rác rưởi, của cả con Quê bốc ra từ quần áo, da thịt làm thằng Bò cứ hít lấy hít để. Nó chồm lên, mấy lần tính đưa tay lên, nhưng nó sợ con Quê thức dậy. Nó chống tay, cố hếch mũi vào sát chỗ bụng dưới con Quê. Nó nuốt rồi hít, hít rồi nuốt. Một mùi ma quái gì đâu đặc dần trong họng, rồi thỉnh linh bung ra làm cả người nó như phồng lên, căng cứng. Chính cái mùi kỳ dị ấy đẩy nó té sấp, rồi buộc nó lăn lộn trên cỏ.

*

Bốn giờ sáng hôm sau, một xác chết được phát giác ở con đường vắng gần bệnh viện Đồn Đất. Xác nằm bên lề đường không biết chết trước hay sau khi bị những chiếc xe chạy khuya cán qua. Tới sáu giờ sáng, các công viên có cuộc bố ráp, nhưng tin đi lẹ lắm, giới bụi đời đã rời chỗ, đi tứ tán hết trơn. Lúc đó con Quê bị đánh thức dậy, nó dụi mắt ngơ ngác:

“Cái gì vậy? Mới bét con mắt, mấy ông làm gì vậy?”

Thằng Bò :

“Bố ráp đó. Lo mà đông đi.”

“Ráp ráp cái gì? Tao đêch sợ.”

Không ai thèm hỏi con Quê với thằng Bò. Chị Bảy cà tong bị dẫn về phường để “hỏi thăm”. Cuộc bố ráp tan mười phút sau đó, chỉ dính có chị Bảy.

Thằng Lai chứng kiến từ phút đầu tới lúc người ta khiêng cái xác đi. Nó kể với cô Mai Bắc:

“Cái thằng “có bầu” hay đi với con Nét đó. Hồng biết ai giết hay bị xe đụng mà cái bầu bễ, ruột chảy ra một đồng, gớm quá, ruồi bu đen kịt.”

Thằng Lai nhổ nước bọt. Thằng Tưng đang soạn đồ nghề sửa xe đạp bày ở góc đường, nghe, nhăn nhó cái mặt:

“Mày có nhìn gà hóa cuốc không đấy?”

Con Chiến nhảy vô:

“Tao thấy ông ngồi với bà Nét ở Hương Lan chiều qua, rõ ràng quần áo đó.”

“Sáng nay, đem sữa lên cho cô Bảo, tao thấy thằng Hai Nuôi trong phòng bà Nét mày.

Mắt tao thấy rõ ràng chớ không nghe ai nói nghe mày. Đi ngang nghe tiếng chửi nhau tao dừng lại, giọng bà Nét thì ba cây số cũng nghe mà. Bà chửi: Đù má mày, Nuôi. Mày có cho tao nghỉ một chút không, mò cả đêm, đ...m, cho xứng đồng tiền bát gạo há mày... Ê Tưng, thằng anh mày đừng tưởng ngon nghe, giao cho con Chiến là khóc không can nổi.”

“Thôi bà, đừng chuyện nọ xọ chuyện kia.” Thằng Lai nạt. “Tao nghi thằng cha bị giết, nhẫn, đồng hồ, ví tiền bị lột hết trơn. Vụ này không yên với công an.”

“Mà sao bà Bảy cà tong bị mời về phường vậy?”

“Tao hồng biết. Sao hỏi tao mày?”

Mai Bắc dừng lại nghe chuyện một lát rồi đi. Cô gặp Bảnh đang đứng ở cửa, trông thấy Mai Bắc, hấn cười:

“Bộ bà đi coi về đó à? Bà này gan.”

“Nghe nói chớ ai dám coi.”

Bảnh nhìn đám thằng Lai xì xào bàn tán, lắc đầu:

“Con đường này mà không dẹp được tụi bụi đời là còn chưa yên. Bà thấy tui không? Đám xì ke sau hẻm tui dẹp cái một. Bà vô đây, uống cà phê. Bà nghe, không hề đặt chân vô quán tui, bộ chê hả?”

Mai Bắc cười, lắc đầu, bỏ đi. Bọn thằng Lai cũng kéo nhau xuống phía dưới. Chúng nó đi ngang qua mặt Bảnh, cười cười nói nói, một con “bà chòi” còn ngoáy ngoáy cái đít chọc tức và thằng Lai Phá thì vừa chửi tục vừa cười âm lên. Hình như chúng cũng không hề coi vụ giết người vừa được phát giác kia là quan trọng.

Còn lại ở công viên, ông già ăn mày ôm cả mấy ngày nay, đắp chiếu nằm mê man, thỉnh thoảng giật giật người và kêu la trong cơn sốt: “Trả lại cho tao. Trả lại tao”. Ông già này, nghe đâu cùng vợ con đóng tiền đi bán chính thức. Tàu nổ khi vừa ra khơi, chỉ một mình ông sống. Trở về không nhà cửa, không tiền bạc, ông lang thang bụi đời, dờ điên dờ khùng. Ông đã nhiều lần sốt mê man, nằm cả tuần lễ như vậy, không thuốc men, rồi bỗng dưng lành mạnh, đi đứng như thường, nên lần này cũng như mọi lần, ông nằm một chỗ cũng không làm ai quan tâm nữa.

Con Quê đã tỉnh ngủ hẳn, nó nhìn thằng Bò nằm phục xuống cỏ, thở khò khè ra dáng mệt nhọc, nó hỏi:

“Mày bệnh?”

“Không.”

“Mày đi tắm đi. Tao cho tiền nè.”

Nó đưa tiền cho thằng Bò. Có cái máy nước công cộng thì đã “cặp rần” canh giữ. Mỗi xuất tắm chỉ 5 phút phải nạp từ mười tới hai mươi đồng. Như vậy còn chưa ác hơn bằng cái thằng già dịch bảo vệ ở cơ quan kia, mỗi lần nó tắm tấp phải ban đêm, nạp tiền cho thằng cha rồi mà đôi khi còn phải nạp thân nữa.

Con Quê nhìn thằng Bò lê lét trên mặt đất. Lòng nó se sắt thương thằng Bò. Phải vậy không? Nó thương thằng Bò hay thương chính nó? Nó không biết.

*

Xế trưa, lúc chị Bảy cà tong từ phường tám trở về, công viên vắng ngắt chả còn ma nào. Nhức cái đầu quá, hỏi qua hỏi về cũng chường đó chuyện mà thằng chả chết quay đơ rồi có sống lại được đâu. Thì chị đã có tên cà tong rồi, cà tong thì cũng cà từng nữa. Biết cái gì thì nói cái đó, còn không biết thì trả lời không biết. Dù má, mấy thằng công an chưa đáng tuổi con chị, mà hoạnh họe dữ quá làm có lúc chị cũng quíu cả lưỡi. Lúc đó, chị nổi hung lên:

“Cái gì, tui hông biết thì nói hông biết. Hông biết mà nói biết sao được. Trời đất, tui đã nghèo tận mạng, sống nhờ cơm thừa canh cặn của bá tánh, giữ cái thân chưa xong cán bộ ơi. Bờn nghèo mới khổ, đâu có ai dám hoạnh họe người giàu không nè...”

“Chị đừng già mồm đánh trống láp. Chị ở đó thành tinh rồi, ai làm gì chị không biết.”

“Đâu phải vậy, bộ tui nó đi tiêu đi tiểu tui cũng đi theo dòm? Xời ơi, toàn một lũ nghèo đói sắp thành ma hết trơn, cán bộ thấy hông? Tui, xương với da...”

Mấy tiếng đồng hồ mới thoát được. Phẻ re. Chị lục mớ đồ trang điểm ra, tô một đường chì ở con mắt. Quen rồi, không tô coi nó trợ làm sao.

Thay cái áo rồi nhét đồng áo quần dơ vào bụi rậm, chị chải lại đầu tóc đi kiếm con Lê. Con hà bá thiên lời giờ này biến đâu rồi. Chị phải đi tìm mấy đứa nói cho chúng biết để có gì thì cùng một lời khai giống nhau.

Con Lê đang ngồi chạch bạch ở hàng bún riêu góc đường, thấy chị, cười tươi:

“Định ăn xong tô bún là đi ra phường coi má có gì không? Xời, yên rồi há? Thấy bà son quánh đình huỳnh, diện vô vậy là yên rồi, hết lo.”

“Lo ông nội mày. Tao bị mời ra phường mà mày ngồi ăn tỉnh quá há. Đồ bất hiếu.”

“Thôi đủ rồi, bà. Hề thấy mặt là chửi.”

“Đề mày cho đau đít.”

“Bà có đề ở đít đâu mà đau, vô duyên hông.”

“Nuôi mày tốn cơm. Bà nội mày.”

“Đủ rồi nghe. Tui hông có ông nội bà nội gì hết. Mà bà cũng hông nuôi tui ngày nào, đừng kể.”

“Không nuôi rồi mày bú sữa chó mà lớn hả mày?”

“Chắc vậy, sữa chó, má. Tui biết đi là tự đi ăn xin rồi, má nuôi ngày nào hén. Mà thôi, bà khó quá làm sao sống. Nè, má ngồi xuống đây, tui mời má ăn một tô bún. Một tô cho bà. Má ngồi đi.”
Chị Bảy cà tong cũng thấy còn cào trong bụng rồi nên ngồi xuống một ghé đòn thấp.

“Tao hỏi, đêm qua mày ngủ đâu?”

“Ngoài phường.”

“Ha, bộ bị dính hả mày?”

“Tui còn khuya mới dính vụ đó. Hôm qua là đúng phiên tui “đãi”, vậy thôi.”

Chị Bảy cà tong thở ra một hơi dài:

“May quá. Hồi nãy tao cũng khai là đêm qua mày hồng về ngủ, mày ngủ nhà bạn. Đù má, thằng phó phường còn hỏi tao biết bạn mày là ai không? Xách mé nữa.”

“Hi hi. Thì cũng phải làm cho có lệ, thằng chả bị xe đụng ở đâu đâu, nhằm nhò gì khu vực mình chớ. Má biết không, đêm qua anh Nuôi bị con Nét nó vật cho, sáng nay về đi hồng nổi, phải đi kiếm hai cái trứng la-cốt lấy lại sức.”

“Nó đâu rồi?”

“Biết đâu. Sáng thấy gây lộn với con bán xe đẩy trái cóc quá trời. Con nhỏ ghen vì đêm qua đợi suốt đêm hồng thấy. Con nhỏ chửi tươi hạt sen mà anh Hai cứ cười cười. Rồi huề, nó dẫn anh Hai đi ăn trứng gà chớ ai.”

Chị Bảy cà tong đặt cái tô xuống, đứng dậy kéo chéo áo lại cho thẳng thớm:

“Mày trả tiền nghe. Tao đi kiếm thằng Tửng.”

“Được rồi. Lúc nào chẳng tui trả. Bà trả hồi nào đâu.”

“Mồ tổ mày. Kể.”

Chị Bảy đi tới góc đường, Tửng đang ế hàng, ngồi không hút thuốc.

“Má về rồi à?”

“Chớ mày muốn tao ở luôn trông sao mày? Thiệt ách ngoài đàng choàng vào cổ. Thằng cha hồng chịu đi đâu mà chết, chết ngay gần nơi đây mới làm khổ dân cùng mạt này chớ. Tự nhiên chỉ lỗi một mình tao ra.”

“Chớ má muốn cả anh Hai và tui ra ngoài nữa sao? Yên chưa?”

“Gì mà không yên mày? Đêm qua, con Lê còn đái thằng phó. Còn tụi ở đây đũa nào hồng biết thằng Hai cả đêm bị con Nét nhốt. Chỉ có mày...”

“Tui làm sao. Đù má, bà coi chừng cái miệng...”

“Đù má. Tao ngu cũng ngu vừa thôi. Đêm qua mày ngủ bên cạnh tao chớ đi đâu nữa. Tao nói chủ nhật mày làm khuya lắm, nên ngủ như chết.”

“Rõ là vậy. Làm bao nhiêu cũng không đủ cho má đánh bài với ăn hàng. Nổi tiếng nghe bà.”

“Mồ tổ mày, mày đũa tao được nhiều mà kể. Bởi mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi mẹ kể tháng kể ngày...”

Giọng thằng Tửng hạ thật nhỏ:

“Nè, tụi nó có hỏi gì con Nét không?”

“Không. Ờ, chẳng có gì hết. Phê re. Thôi mày làm việc đi. Có mỗi kia mày.”

Một anh bộ đội vác cái xe đạp đi tới. Chị Bảy cà tong te te băng qua đường, tới trước nhà thuốc tây quốc doanh. Hai ba tấm biển ghi: “Coi chừng mất xe, có khóa vẫn mất.” Chị thấy mấy tên “nhà nghề” đang rà rà quanh đó. Còn phía bên kia, quán cà phê Bạch Ngọc cánh cửa sắt vừa được mở ra. Bánh và bà chủ Ngọc Hoa song song đi ra. Chị người làm kéo cửa sắt lại, nhìn theo nhỏ toẹt một bãi nước bọt.

Một tên “nhà nghề” nháy mắt với chị Bảy cà tong. Hiểu ý, chị tới đứng sấp hàng sau lưng một người đàn ông đang sấp hàng mua thuốc. Lúc người đàn ông mua xong, sấp quay ra, chị Bảy hích vào anh ta một cái như vô tình. Gói thuốc trên tay rơi xuống đất, anh ta cúi xuống nhặt và chị Bảy cả kê xin lỗi đi xin lỗi lại.

Một thoáng sau, lúc chị Bảy cà tong vẫn xếp hàng sau đuôi thì bên ngoài, giọng người đàn ông hớt hải:

“Cướp. Cướp. Cướp xe đạp”

Anh ta vừa la vừa chạy theo. Chiếc xe đạp của anh đã quẹo sang đường Lê Lợi và mất hút. Anh ta quay trở lại tiệm thuốc tây quốc doanh, nhìn vào cái chỗ trống không nơi chiếc xe đạp anh đã dựng với đôi mắt ngẩn ngơ vô hồn. Ai đó đụng vào vai anh:

“Đi thưa công an đi. Ra phường đi.”

Một người khác chỉ cho anh cái bảng:

“Không biết đọc à, người ta đã ghi, khoá vắn mắt.”

“Thưa vô ích, biết đâu mà tìm”.

Mỗi người một câu, kể cả vài dân “nhà nghề” ở lại để nhớ có nguy cơ thì chặn, cũng nhảy vào hỏi han:

“Xe anh có khóa không?”

“Có khóa.” Người đàn ông nói như mếu.

“Thì có khóa vắn mắt, người ta ghi rành rành sao anh không thấy?”

“Tui mới học tập về...”

Da mặt anh ta vàng khè. Trông bộ dạng dờ khóc dờ cười tội nghiệp. Nhưng không ai ở lâu mà tội nghiệp cho anh, người ta dần dần ra hết, và chính chị Bảy cà tong là người sau cùng lớn tiếng nhất:

“Mèn ơi, anh ra thưa phường ngay, đi trình ngay, phía này này...đi đi.”

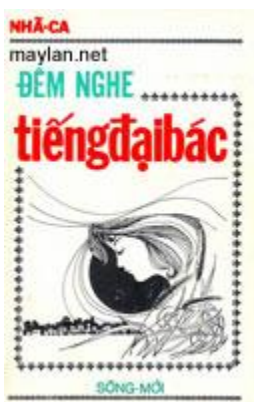
Người đàn ông đi theo hướng tay chị Bảy chỉ. Chị Bảy cũng đi nơi khác, chỗ chị ngắm là cửa hàng kim khí điện máy. Kiên nhẫn một tí thôi, thế nào chẳng có một con mồi “khờ” tin vào cái khóa. Ở góc đường, thằng Tửng vẫn siêng năng cắm cúi vá ruột xe đạp. Hai tay đều bận, nhưng điều thuốc lá gắn trên môi Tửng vẫn cháy đỏ.

“Đù má nó.”

Chị Bảy cà tong tự nhiên bực tức. Sao cái miệng như mếu trên khuôn mặt người đàn ông mất xe đạp cứ ám chị hoài. Bậy thiệt, nếu biết thằng cha học tập cải tạo về, thì chị đã không cho thằng “nhà nghề” xót ngọt. Nhưng thôi, đời mà, xui ai nấy chịu.

Một tên khờ lại sắp nạp mạng nữa. Ừ lúi húi khóa cho chắc vào. Có phải dân học tập nữa không? Con chuồn chuồn này may ra không phải là dân học tập. Mắt chị Bảy sáng trưng, ngón tay trở và ngón tay cái chập lại với nhau, hết như hồi còn bé, rình bắt chuồn chuồn ở bờ ao.

Giới thiệu *Đêm nghe tiếng đại bác* Nguyễn Mạnh Côn



Đây là tác phẩm văn xuôi đầu tiên được in của Nhã Ca. Nhưng ngay từ khi cuốn sách này chưa ra đời, Nhã Ca đã có một chỗ đứng trong khu vực văn nghệ, không nhờ cuốn thơ được xuất bản năm ngoái, mà còn nhờ những truyện ngắn, truyện dài, kịch in trên các báo của Nhã. Đó chắc chắn là một điều có lợi - lợi cho nhà xuất bản trước hết - nhưng cũng là một điều có hại.

Sau khi đọc ít nhiều tác phẩm rời rạc ấy, tôi và những bạn đọc có cùng một nhận xét với tôi, đã có một ấn tượng về văn chương của Nhã. Nhã viết rất lưu loát, có con mắt quan sát rất tinh tế, sự phân tích tâm lý bao giờ cũng thông minh, phồn thịnh, nhưng hầu hết các nhân vật đều mới lạ ở trên mức trung bình. Đọc Nhã Ca phải cố gắng để theo kịp nhân vật, để hiểu ý tác giả.

Giữa cái "thế sự bồng bềnh" trên đất nước ta hiện nay, tôi có cảm tưởng đa số độc giả đã bắt đầu sợ phải mệt mỗi thêm vào cái mệt mỗi mà bất cứ ai cũng phải chịu đựng hàng ngày. Giới trí thức trung lưu tìm đọc truyện võ hiệp nhiều hơn để giải trí. Các bạn trẻ muốn đi ngược dần lại con đường mà tuổi trẻ cách đây năm năm còn hằng hái vượ lên: họ tìm đọc những tác phẩm giản dị hơn, gần hơn với sự thật.

Tôi coi đó là một triệu chứng tốt. Bởi vì ở vị trí người viết, tôi vẫn nghĩ rằng nghệ thuật cao nhất, khó thể hiện nhất, là nghệ thuật gần gũi nhất với đời sống, đời sống bình thường của lớp người bình thường. Còn ở vị trí người đọc, tôi khao khát từ lâu một tác phẩm thật đơn sơ mà đầy tràn thơ mộng: một tác phẩm diễn tả thành công niềm hạnh phúc, hay nỗi thống khổ hết sức quen thuộc, vì nó xảy ra luôn luôn, nhưng lại hết sức đậm thắm hay thâm lương, vì nó có thể đến với bất cứ người nào đang đọc sách. Không biết Flaubert hay Maupassant đã bắt một môn đồ văn nghệ phải tả ngọn lửa trong lò sưởi thế nào cho nó không giống bất cứ một ngọn lửa nào trong một lò sưởi khác.

Tôi nghĩ Nhã Ca vừa mới làm xong việc đó. Đêm Nghe Tiếng Đại Bác không giống bất cứ một tác phẩm nào nói về chiến tranh. Tác phẩm này- và đây là điều mà riêng tôi cho là quan trọng- không giống bất cứ một tác phẩm nào trước của Nhã Ca, nếu không kể một vài đoạn tác mới đăng trên các báo Văn hay Nghệ Thuật...

Đêm Nghe Tiếng Đại Bác trong như một chén nước mưa mà trung thực như một tấm gương soi thuận chiều ánh sáng. Điều chắc chắn sẽ làm cho bạn đọc vui lòng nhất, là câu chuyện xảy ra trong một gia đình trăm phần trăm vừa phải. Người nghèo quá còn bận kiếm ăn, không có thì giờ cho tình cảm. Nhà văn viết về nhà nghèo hay tăng cái khổ của họ để làm ra vẻ ta đây có tinh thần xã hội. Tôi không ưa những người đến uống nước hàng ngày ở La Pagode xong lúc về cầm bút lại khăng khăng muốn tả cảnh khốn cùng, để bắt độc giả phải nhiều ít suy tư về một cuộc cách mạng lý tưởng. Thật là hiếm có, những nghệ sĩ dám trung thành với hoàn cảnh và tâm sự của chính họ. Một trong những nguyên nhân của sự kiện này là viết như thế rất khó: Một chi tiết hơi sai cũng bị "cả làng" để ý. Và một nguyên nhân nữa là viết như thế có bao hàm sự xác nhận rằng tác giả không có những bận tâm cao siêu về triết học. Tác giả viết về những người trung bình sẽ bị coi như chính hắn đã là một phần tử trung bình, không chứa đựng những ý kiến lạ lùng mà người ta tưởng chỉ có trong những thiên tài đặc biệt.

Vậy gia đình của nhân vật xưng tôi trong tác phẩm của Nhã Ca có thể là một gia đình nào đó ở khu Phú Thọ, hay Bàn Cờ, hay Phú Nhuận. Ông bố đi làm, người con cả đi lính, bà mẹ ở nhà trông nom cơm nước cho chồng con, có cô con gái lớn giúp việc. Hai đứa em, một gái một trai của cô ta còn đi học. Kim, cậu em út, có chiếc xe gắn máy còn mới tinh. Như vậy là gia đình này không nghèo. Nhưng cũng không giàu. Một vé số kiến thiết trúng 500 đồng cũng đủ làm cho cả nhà vui vẻ bàn luận về cách tiêu dùng. Và chính cái vé số này cũng sẽ là một yếu tố động cơ của truyện. Bà mẹ cho lính số tiền về, đã quyết định dùng nó để mua sắm, làm một bữa cỗ giỗ để thết anh chàng Phan, trung uý, sắp về nghỉ phép.

Nhưng Phan không về, không bao giờ về cả. Phan đã tử trận từ hai bữa trước rồi, nhưng cả nhà không ai biết. Sự chờ đợi làm bằng âu yếm chen lẫn với lo sợ làm cho bầu không khí trở nên phập phồng, mệt mỏi. Rất nhiều động tác khác, bề ngoài như vô tình, nhưng bên trong là kết tinh của hoàn cảnh, cũng dựa vào việc xây dựng hẳn thành một thứ tâm hồn tập thể hướng trọn về người vắng mặt. Ông bố, bà mẹ, những người con, cùng thương nhớ, nhưng mỗi vị trí có một tâm sự, một phản ứng khác nhau: Phượng, in hệt người tình nhân dưới "mái Tây" của không biết bao nhiêu thế kỷ trước, đã vội nghe tiếng im lặng của bước chân người sai hẹn. Bà mẹ sợ những câu nói gở. Cô Quyên thấy chị buồn mà lo cho mình. Sự thương nhớ sẽ trở thành một công thức chung- và tác phẩm sẽ nặng nề hay buồn tẻ nếu không có tuổi trẻ và nhựa sống của Kim - một phút trước khi được biết anh Phan tử trận, anh Phan khi vẫn còn sống, Kim vẫn không có lý do gì để không đòi ăn trước bữa chả giò. Bằng những nét đơn sơ nhất, tác giả kể lại cho người đọc những cảnh sinh hoạt linh động mà cặn kẽ, như chúng ta thường thấy ở đâu đây. Tôi đoán chắc Nhã Ca đã thành công theo kiểu người thợ nề bắt đầu làm ngôi nhà cho chính anh ta trú ngụ.

Rất có thể Nhã Ca không đồng ý, sẽ trả lại lời khen không chờ đợi. Nhã với Từ dắt tay nhau đi trên con đường tìm kiếm. Họ chưa tới đích, nhưng họ đã viết nhiều về những gặp gỡ giữa đường. Kỹ thuật của họ đã hơn một lần xây dựng thành những tác phẩm có giá trị. Cho nên, theo ý tôi, họ - họ ở đây, là những người viết trẻ như Nhã và Từ - thường làm chúng như mục đích. Độc giả làm theo họ. Nhà phê bình vội cho rằng họ chỉ biết có hoài nghi và đập phá không thôi. Tôi vốn không tin như thế. Tôi chờ đợi có những người có khả năng đủ vững, có ngày tháng đủ dài, và có hoàn cảnh thuận lợi. Những người đó sẽ hoàn thành được tác phẩm sau cùng của họ, tác phẩm mà, so với nó, bao nhiêu tác phẩm là bấy nhiêu bước chân đi tới. Và, đến bấy giờ, tôi sẽ cười thâm trong tình thất của tôi sau một lời phân vua đắc thắng: có phải không, nghệ sĩ không "bịa" ra đề tài bao giờ?

Rất có thể Nhã Ca đang cười trả lại cho tôi. Không, tôi biết lắm, cốt truyện này của Nhã làm tôi nhớ cốt truyện của Saroyan, tác giả Mỹ. Tôi có lần đã giới thiệu bản dịch cuốn sách ấy với thính giả đài V.O.A, nhưng bây giờ tôi đã quên tên nhân vật chính. Tôi chỉ nhớ có đoạn sau cùng: người lính về tỉnh nhỏ, thăm gia đình người quá vãng. Truyện của Nhã cũng có người lính ấy. Giá nghiêm khắc tôi sẽ buộc Nhã vào tội phồng theo người đi trước. Nhưng tôi không làm như thế, vì tôi đã có kinh nghiệm bản thân, những điều tôi viết ra, tưởng là mới nhất, nào ngờ đã có cả chục người đã viết trước tôi rồi. (Người ta bảo Việt Nam có những màu sắc riêng tư mà không đâu có trên thế giới. Tôi nghe theo, nhưng tôi đã nhầm. Kể cả mắm tôm, nước mắm, cứ chịu khó tìm sẽ thấy có nơi có đủ!)

Tôi đành chịu. Nhất là về tình cảm. Nhân loại thật mệnh mông, thời gian dài đằng đẵng. Tôi thèm khát học hỏi và hưởng thụ, nhưng tôi chối từ so sánh hơn thua. Sự khôn ngoan đôi khi che dấu cái hèn của tuổi tác. Nhưng nghệ sĩ vốn có tâm hồn kiêu hãnh tuyệt trần, nên đọc tác phẩm nào tôi cũng thấy phần thành công trước phần thất bại. Đêm Nghe Tiếng Đại Bác nhất định chưa phải là công phu tới đích của Nhã Ca, nên đối với riêng tôi, Nhã Ca vẫn có phần hụt bước. Tiếng đại bác trong đêm gợi ý chiến tranh, mà tôi nghĩ tới chiến tranh rất ít. Phan đi lính. Phan chết trận. Nghĩa đi lính, Nghĩa mất tích. Bữa chả giò để mừng Phan nhưng cũng để tiễn Hoàng đi Thủ Đức. Không kể Mẫn, Đông, Đảo...rất nhiều chuyện lính tráng và tiếng đại bác trong đêm. Nhưng trong khi đọc, và sau khi đọc xong tác phẩm của Nhã, cái mà người ta nhớ nhất, mà người ta thương yêu hay ao ước hơn cả, là gia đình. Ông bố, bà mẹ, Phượng, Quyên, Kim, Hoàng - với cả Phan, Nghĩa và Mẫn - mỗi người đã giữ đúng vai trò của mình. Vai trò bà mẹ cố nhiên có phần trội hơn vai trò của ông bố, cũng như Phan tuy vắng mặt mà "hiện hữu" hơn Hoàng, nhưng tất cả những vai trò ấy không riêng lẻ, không cô đơn, kể cả Mẫn ra đi thật buồn. Tất cả hợp lại thành một gia đình, cùng một số người thân đang chịu đựng chiến tranh. Sự chịu

đựng không thành nói thành lời ấy dai dẳng, mà cái chết tàn nhẫn của Phan không cắt đứt được: Phan chết, đã có Hoàng thay thế. Sự chịu đựng tiếp tục. Chịu đựng như thế có phải đâu là tiêu cực. Con người bằng cách tụ họp thành những đơn vị lớn hơn, đang chống trả thắng lợi với ý chí tiêu diệt của chiến tranh- ngoại cảnh.

Sự thắng lợi còn to lớn hơn. Ông bố già đánh rơi hai giọt nước mắt. Phan để lại một tên lính tượng lai, nếu chiến tranh còn tiếp tục. Người ta đau khổ, rên la, khóc lóc, nhưng rõ ràng là đời sống vẫn tiếp tục, với Hạnh thêm vào gia đình Quyên. Có phải chăng một người bạn nhiều tuổi mà lạc quan như tôi, có thể căn cứ vào hình ảnh sau cùng ấy, và lời Nhã Ca để tặng "Viết cho con sắp ra đời của mẹ", ở cuối tập truyện này, để quả quyết rằng, mặc dù hoàn cảnh thế nào, nếu chúng ta muốn, chúng ta bao giờ cũng có lý khi chúng ta hy vọng.

17 tháng VI, 1966

Phụ đính :



Hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí (...trích Nhã Ca Hồi Ký)

Mặt bàn và cả một ngôi nhà đều nám bụi. Không sao. Thân thông thả lười trong túi đồ nghề thầy thuốc ra từng món. Sau ông nghe, dụng cụ đo huyết áp, là một chai Cognac.

"Để lau bụi đi đã. Các cô, các chú."

Đừng lau, chị. Cứ để nguyên vậy. Chị kệ bọn em. Để bác sĩ Thân coi mạch anh lại cho chắc ăn cái đã rồi chị em mình nhậu."

Anh Lê cười cười, nói với cụ bà Nguyễn.

Vợ chồng Đặng Giao-Chu Vị Thủy [ái nữ nhà văn Chu Tử] mang tới nồi cà ri. Cặp bạn Thân-Hằng góp thêm món phá lấu. Tôi lo bánh mì, trái cây. Tất cả đã được dọn trên bàn, kể cả chai Cognac của Thân, thứ rượu hiếm có ở Saigon 1988.

Khỏi cần phủi bụi. Anh Lê nói đúng. Chúng tôi họp mặt nhau ở đây, chính là với lòng trân trọng dành cho từng hạt bụi trong ngôi nhà hiu quạnh này. Chủ nhân ngôi nhà là họa sĩ lão thành Nguyễn Gia Trí.

Từ thời tiền chiến, Nguyễn Gia Trí là người tạo ra các nhân vật Lý Toét, Xã Xệ nổi tiếng trên báo Ngày Nay, Phong Hóa. Ông là người đầu tiên đã đưa kỹ thuật tranh sơn mài, vốn chỉ là một ngành thủ công nghệ, lên hàng tranh nghệ thuật có tầm vóc quốc tế, và trở thành bậc thầy của loại tranh này, không chỉ riêng với Việt Nam mà là cả thế giới. Nhiều màu sắc sơn mài, do ông khám phá ra, trong tự điển mỹ thuật phương đông, được ghi là Màu Nguyễn Gia Trí. Tranh của ông, từ lâu, đã trở thành bảo vật.

Chỉ ít lâu sau 1975, chính nhà nước Cộng Sản cũng hiểu ra điều này. Một sắc lệnh đặc biệt đã được họ ban hành, coi tranh Nguyễn Gia Trí là tài sản Quốc gia, cấm mang ra nước ngoài.

Nhớ có lần vui chuyện, nhắc tới cái sắc luật đặc biệt này, anh bạn họa sĩ Hiếu Đệ, nguyên giám đốc trường cao đẳng Mỹ thuật trước năm 1975, thấy tôi tỏ ý không quan tâm đã trợn mắt bảo:

“Bà coi chừng. Mắt mạng như chơi à. Tụi này, chút xíu nữa mục xương vì nó.”

“Xạo vừa, cha. Cái gì mà mục xương?”

“Thiệt mà, bà. Chuyện vậy nè: Đạo mới đi tù về, đang đói, tự nhiên có bọn đến đặt vẽ một cái chân dung Bác Hồ bụi tở chẳng. Nhân dịp lễ quốc khánh mà. Vẽ thì vẽ. Sợ gì. Bác Hồ mà. Vẽ xong, lấy tiền bỏ túi trốn bà xã đi nhậu. Ít lâu sau, một bữa, bỗng thấy công an súng ống cùng mình, tới vây nhà, bắt thằng bé nhốt vô sở công an thành, ghê chưa?”

Nhớ Hiếu Đệ kể tới đây còn ngừng lại làm duyên.

“Vớ vẩn. Ông vẽ bác Hồ của chúng ta xí trai thì chúng nhốt, ăn thua gì” Tôi nói.

Bấy giờ mới dừng đỉnh giải thích:

“Không phải vậy. Ông nội tui biểu tui cũng không dám vẽ ầu. Chỉ tại vậy nè: Trong một hội trường đảng Nguyễn Ái Quốc, tức là Trường Quốc Gia Nghĩa tử cũ của mình, có treo một cái tranh Nguyễn Gia Trí lớn lắm. Quốc khánh, làm lễ lớn, cha con nhà nó mang cái tranh Bác Hồ tui vẽ treo trùm lên tranh Nguyễn Gia Trí rồi để luôn đó. Mấy tháng sau, khi giờ bác Hồ ra, cái tranh Nguyễn Gia Trí bên trong đã không cánh mà bay. Vậy là bọn chúng đi bắt cái thằng vẽ Bác Hồ. Oan ôi ông địa. Minh có biết mô tê gì đâu, chỉ thấy tiền là vẽ. Phúc đức ông bà, may sao chúng chỉ nhốt ít lâu rồi thả. Đó, bà coi mà dè chừng, đừng dại mà đụng tới tranh Nguyễn Gia Trí.”

Mỗi lần có dịp trở lại ngôi nhà này, tôi thường nhớ câu chuyện anh bạn Hiếu Đệ kể, nhưng mà không kể lại với cụ Trí. Ngôi nhà yên tĩnh quá. Tôi biết từ sau năm 1975, nhiều nhân vật chóp bu của ngành văn hóa Hà Nội đã tìm tới đây, nhưng nhà danh họa quyết định không cảm cộ vẽ nữa. Họa thất của ông, mười bốn năm qua tự nguyện cho bụi phủ, không mở cửa tiếp khách. Từng hạt bụi trong căn nhà lặng lẽ này, như vậy, tự nó có sức nặng, làm sao phủ đi được.

“Mạch khá hơn rồi. Cụ bà vẫn ép cụ ông ăn uống đều như con dạn đấy chứ?”

“Ừi dào. Ông ấy có chịu ăn gì đâu. Hôm kia tôi mới làm bún chả, ép mãi mới ăn được ba miếng.” Cụ bà nói.

“Được mà. Khá rồi. Ăn thấy ngon miệng.” Cụ ông nhìn cụ bà, cười cười.

Họa sĩ Nguyễn đã tám mươi tuổi, xương da khô đét như thiền sư, râu tóc bạc lờm chờm, mắt sáng, lông mày cước lấp lánh như cặp đao tuốt trần, nhưng nụ cười lại hiền lành ngây thơ như con trẻ.

Đóng cửa, tạ khách mười bốn năm, cụ Nguyễn gần như không ra đường. Thường lui tới với cụ, chỉ còn anh bạn Đăng Giao, người họa sĩ được coi là truyền nhân của Nguyễn Gia Trí về sơn mài. Vậy mà hai năm trước đây, ngày anh Hiếu Chân chết trong tù, tôi nhớ cụ Trí còn một mình đi tới tận nhà thấp cho bạn nén nhang. Năm nay, vào tuổi tám mươi, sức cụ đã yếu hẳn.

“Áy, cô đừng rót cho ông cụ.”

Cụ Trí đang nhìn ly Cognac vừa được Hằng đưa tới bằng ánh mắt thích thú, nghe tiếng cụ bà kêu, vội quay sang nhìn Thân cầu cứu.

“Không sao đâu, thưa cụ. Huyết áp thấp như cụ ông, uống chút rượu rất tốt, miễn là uống đúng liều lượng và đúng thứ rượu cognac này.”

“Bác sĩ nói là chắc ăn rồi. Chị để anh uống chút rượu mừng bọn Từ Nhã chúng sắp lên đường. Nào, nâng ly. Chúc sức khỏe anh chị.” Anh Lê nói.

Mới mấy tuần lễ trước, cụ Trí bị hôn mê, liệt nửa người, cả bọn hè nhau đưa cụ vào bệnh viện. Bệnh tuổi già. Một động mạch nào đó bị nghẹt. Chính Thân lo cấp cứu, xếp phòng, điều trị. Trường khoa tim mạch cho một bệnh viện cũ đang được để cho làm thí điểm quản trị thu tiền bệnh nhân theo kiểu bệnh viện tư thời trước, Thân vừa là y sĩ, cũng vừa là họa sĩ, từ lâu đã tự nguyện chăm sóc cho cụ Trí. Lờl bác sĩ cổ võ cho Cognac được cụ bà nể nang. Hớp rượu làm cụ ông khỏe ra, chuyện trò coi phần chần thấy rõ.

Bàn tay thiên tài của họa sĩ lớn hơn tay người thường, đặt ly rượu xuống. Những ngón tay dài, cứng, vươn ra, nắm vào.

“Em thấy anh còn khỏe lắm. Có thể còn lái mô tô được. Anh nhớ cái mô tô hồi ngoài Bắc chứ nhỉ?”

Anh Lê nói và cụ Trí cười vui:

“Nhớ. Hồi ông Hoàng Đạo bị nhốt ở Cao Bằng, tôi lái cái xe mô tô ấy lên thăm, dọc đường, ngã xuống hố tường chết. Vậy mà không hề gì. Hồi đó khỏe thật.”

Hàng Đạo, tác giả cuốn Con Đường Sáng, là lý thuyết gia của nhóm Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến. Ông vừa là nhà văn, nhà báo, lại là nhà hoạt động cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng, từng bị Tây bắt đi an trí trên vùng rừng núi Thượng du Bắc Việt, về sau phải sống lưu vong rồi mất ở Quảng Châu, bên Tàu.

Cùng hoạt động với Hoàng Đạo và các bạn, thời trẻ, Nguyễn Gia Trí cũng đã từng bị người Pháp bắt và chỉ định cư trú một nơi trong nhiều năm. Chính nhờ những năm bị an trí, ông đã dành hết thời giờ, sức lực cho sơn mài và trở thành bậc thầy của loại nghệ thuật này.

Thêm một hợp rượu nữa, cụ Trí kết luận:

“Có lần tôi đã bảo Đảng Giao rằng sơn mài là thứ nghệ thuật chỉ những anh từng bị cầm tù mới có thể thành công được. Sự thực là vậy. Đây là thứ nghề rờ mò tỉ mỉ, tốn công phu. Nếu không bị Tây cầm chân một nơi, chắc tôi đã không đủ kiên nhẫn ngồi một chỗ để mà làm việc này.”

Tôi nhìn Thủy cười. Anh bạn bố thằng cu Red này, sơ sơ cũng tù Cộng sản bảy tám năm. Có lẽ nhờ vậy mà Đảng Giao là người duy nhất đã được cụ Trí chọn.

“Thời vị Tây an trí, cụ còn vẽ được, sao suốt những năm vừa qua, cụ lại không chịu vẽ nữa?” Từ hỏi.

“Tay cụ còn mạnh lắm, có thể vẽ lại được. Lần này khỏe, cụ vẽ lại nghe.” Thân nói.

“Vẽ đi, anh ạ. Chị à, chị phải bắt anh vẽ lại. Phần việc nào nặng nhọc, sẽ có Đảng Giao với bọn em phụ giúp.” Anh Lê hưởng ứng lời của Thân. Cụ bà bắt đầu nhai thêm miếng trầu mới:

“Thì tôi vẫn bảo ông ấy vẽ đấy chứ. Mà bảo đâu có được.”

Có vẻ không được thật. Khi thấy ly Cognac, cụ ông lăm lét nhìn cụ bà. Nhưng lúc này thì không.

Vấn nụ cười ngây thơ giống con trẻ, cụ Trí từ tốn nói:

“Vẽ nữa cũng chẳng để làm gì. Già rồi. Có việc, lúc trẻ mình làm coi được mà già thì không được.”

Có tia nắng từ khoảnh sân nhỏ phía ngoài song cửa sổ rọi vào. Như thơ Phan Khôi, nắng chiếu đầy. Nắng đẹp, nhưng lặng lẽ. Trong tia nắng, lại thấy những vạt bụi lung linh, làm tôi nhớ nhiều thứ. Nhớ nhà văn họ Nguyễn nay đã không còn nữa. Nhớ bông hoa súng bị bẻ cọng cột vô túi ni lông sau lưng ông trong buổi họp mặt văn nghệ vui vẻ hôm nào.

Rồi nhớ đến chính mình. Nhớ là chúng tôi đang từ già bạn hữu để rời bỏ đất nước thân yêu, như cọng hoa sắp bị bứt khỏi gốc. Vậy mà mọi người và ngay cả chính mình lại thấy là đáng mừng, hết như cọng hoa bứt gốc được khen đẹp.

Không chỉ từ biệt. Nhiều phần là vĩnh biệt. Người họa sĩ già bẻ bút vào cuối đời đã qua tuổi tám mươi. Ngày chúng tôi có thể trở lại đất nước, nếu quả có ngày ấy, không chắc gì còn được gặp ông. Cũng không chắc gì ngôi nhà cũ kỹ này còn đứng vững. “Đó. Đó. Nó xập tới nơi rồi.” Cụ bà Trí thường kêu lên với chúng tôi vậy, khi nghe tiếng chuột rúc. Nhà chỉ có hai ông bà già, chuột cống từng đàn suốt ngày đục khoét, đùa giỡn.

Phước cho tôi, còn được thấy những hạt bụi lung linh trong căn nhà cũ kỹ này, nhờ đó mà lòng thư thái hơn, tin tưởng hơn vào phẩm giá nghệ sĩ và con người.

Buổi tối trước ngày lên đường, các bạn Thụy Điển còn tới thăm. Elizabeth Stamp lại từ Hà Nội vào, với rượu sâm banh Tây và Abbas Caviar. Để tránh bị dòm ngó, phải cùng nhau tới nâng ly từ già nơi nhà một thân hữu.

Sáng, vừa mở cửa hàng, đã thấy bà má giải phóng nhà bên cạnh. Bà cụ mất đâu cái khăn rằn ri rồi. Bộ đồ vải xoa pháp màu kem, theo rua. Chân đi dép da, xách bóp. Vẫy vẫy:

“Tư à. Ra đây dì hỏi.”

“Dạ. Dì Hai đi đâu sớm mà bảnh quá xá.”

“Ờ. đi một vòng hóng gió mà. Tư à. Dì mừng Tư nghe. Tư đi mạnh giỏi, mấy đứa mạnh giỏi.”

Cổ giấu kín như bưng mà cả xóm vẫn biết. May cũng đã yên được tới giờ cuối.

“Dạ cảm ơn dì Hai.”

“Bữa nay ra máy bay phải không? Sao chưa thấy xe hàng không tới đón?”

“Dạ, chắc cũng sắp tới, dì Hai.”

“Ờ ờ... Vậy là thằng Ba lỡ bộ rồi. Nó nói, gặp phải đụng với con Tư một ly bia đầy.”

Chu, anh tài xế cũ nay đã thành ông chủ căn phố 146, cũng từ trong cửa tiệm chạy ra:

“Bà dẫu tụi tui há. Thiết mừng cho bà quá đi. Mời bà một điếu ba số để nhớ hàng xóm.”

Năm, te te nhẩy từ sau xe Honda xuống. Phu quân là một bác sĩ quân y, trẻ, hoạt bát. Họ mới làm đám cưới đây. Tôi có đi dự. Trông Năm tươi tắn lạ.

“Tư.”

Lại thụi. Lần này thì tôi thụi lại.

“Muốn chiến tranh phải không?”

Cười ròn. Bàn tay cụt đung đưa, muốn dứ dứ. Ôm vai.

“Tư đi mạnh khỏe nghe. Em thăm và chúc anh Tư, các cháu.”

Không cười nữa. Ngó nhau.

“Tư phải hiểu là em có nhớ Tư. Em sẽ không hỏi ai, nhưng em mong biết tin Tư, nghe Tư khỏe mạnh.”

Chồng đứng đằng sau rồi.

“Tư đi nước nào Tư?”

“Thụy Điển.”

“May mắn. Tư.”

Bắt tay, dùng dằng. Đưa đầu tay cụt cho tôi cảm, còn tay kia dẫu đi. Cô thương binh lãnh đạo thành đoàn hồi nào, cô đơn, quyết liệt, nay tươi tắn, xinh đẹp. Bỗng lộc, hạnh phúc, đã làm khuôn mặt cô rạng rỡ ra như một nụ cười. Cười ở miệng, ở mắt.

“Kìa, bà Vân, xe ca tới rồi.”

Chiếc xe ca lớn, mướn của hãng hàng không, đã tấp vô bên kia đường, ngay trước cửa nhà sách Ngoại Văn.

“Tạm biệt Tư.”

Tạm biệt thôi. Sẽ còn ngày gặp lại.

Bà con, bạn hữu, bắt đầu tới, mỗi lúc một đông.

Bà chị chồng, phút chót, vẫn nhất định bắt mấy đứa cháu ăn hết túi măng cầu:

“Ăn đi con. Ăn đi. Tội nghiệp. Mai mốt sang bên ấy, biết lấy đâu ra mà ăn nữa.”

Khó khăn lắm tôi mới rời được mọi người, đi ra lề đường xế mặt nhà, nơi các anh Mặc Thu, Như Phong, Hồ Văn Đồng, Nguyễn Khánh Giư và mấy người bạn tù của Tư, đang đứng với nhau.

“Lên xe mau. Lên mau cho. Tới giờ rồi nghe.”

Tài xế bắt đầu dục lớn tiếng.

“Ông bà vô lo cho bọn nhỏ lên xe. Mặc kệ bọn này.”

Còn nhiều thủ tục phải làm ở phi trường lắm nghe.”

Anh Hồ Văn Đồng dục.

“Cô Nhã. Từ biệt.”

Anh Nguyễn Khánh Giư nắm tay tôi, siết chặt, như ngày nào.

Một chiếc xe đạp dừng ngay trên vỉa hè: chị Nguyễn Thị Hoàng, áo màu, tóc xõa, điểm trang tươi tắn, ngồi trên xe, chống chân xuống hè, kêu tôi bằng tên thời con gái:

“Ê, Thu Vân. Tui không vô nhà, cũng không đi tiễn đâu. Hai đứa mình từ giã nhau xong rồi. Tui tới chào ông Tư. Kêu chàng ra đây.”

Từ bước tới, lãnh một nụ hôn ngay trên lề đường.

“Vậy cho ông nhớ mãi là ông thiếu tôi một món nợ.”

Sau nụ hôn bất ngờ, nhà văn nữ của Saigon thời thượng đạp xe đi luôn trên vỉa hè, khuất ở góc Tự Do - Lê Thánh Tôn, không nhìn lui. Khác với mấy ngày trước, nước mắt dàn dụa khi gặp lại, hôm nay, tôi biết chị chăm chú trang điểm, dấu riêng nước mắt, mang tới cho chúng tôi nụ cười, tôi biết ơn chị.

Chiếc xe ca ba bốn chục chỗ ngồi chật ních, bắt đầu chuyển bánh. Nhìn lui, trước cửa nhà bỗng thấy nhón nháo. Một cái bóng màu đà vừa lao ra vỉa hè.

“Mẹ. Bà ngoại.”

Tiếng Sớm Mai la lên sau lưng tôi.

Sức yếu, con cháu đông. Bà ngoại đã quyết định không rời Việt Nam, cũng không theo ra phi trường đưa tiễn. Từ sáng sớm, bà bình tĩnh ngồi ăn trà, trò chuyện với con cháu. Bây giờ, bà đang đứng trên vỉa hè, thu hết sức già, vươn người lên la gọi trong tư thế tuyệt vọng. Lại hết như hôm nào, bà chạy ra kêu trời khi bọn phường đội mang súng ống tới chiếm nhà.

“Tội nghiệp Ngoại. Hình như Ngoại xỉu rồi, mẹ.”

Vẫn giọng Sớm Mai.

Xe quẹo sang đường Lê Lợi. Không còn thấy gì nữa.

Việc sau cùng: Quý giúp tôi mở một đường đi nhón nháo đưa tiễn thân nhân ở phi trường, tìm một máy điện thoại.

Trước 1975, Quý tới với chúng tôi từ viện Đại Học Huế. Sau thời khoa trường Y Khoa Bùi Duy Tâm, người liên lạc với chúng tôi về giải thưởng luận án ra trường hàng năm [từ nhuận bút của tác phẩm Giải Khăn Sô Cho Huế] là anh bạn Nguyễn Thanh Trang, phụ tá viện trưởng. Vài năm trước 1975, Trang bỏ Huế vào Saigon cùng Nguyễn Hải Bình làm Đại Học Minh Đức. Người thay Trang là Hoàng Quý. Nhiều năm sau 1975, nghĩ tình cũ, vợ chồng Quý đều đặn lui tới, thăm hỏi, dạy dỗ dùm lũ nhỏ. Phút cuối, chính Quý lãnh lo dùm phần thủ tục phi trường.

Đây rồi. Cái máy điện thoại. Bên đầu giây kia, reng tới tiếng thứ ba. Sao chưa nhắc máy? À, nhắc rồi. Tôi nghĩ vậy. Cánh tay tôi buông xuống. Cúp. Có thêm một tiếng tách, khô khan, chưng hửng nữa. Sao vậy? Giọng Quý:

“Gọi được không?”

“Không.”

Từ đã nhắc tôi. Chúng tôi còn một lời hứa cuối với người bạn thân. Mới từ giã nhau hai hôm trước. Thôi, chúng mày đi mạnh giỏi. Tao sẽ không đi đưa đâu. Nhớ tao, trước khi lên máy bay, tìm cách reng cho tao một cái. Tao chờ. Trưa nắng, ba đứa khoác vai nhau, như thời nào, còn trẻ, ngông nghênh, khờ dại. Và đã chờ. Đã reng. Reng một cái là đủ. Có phải bạn đã nhắc máy không? Cũng chẳng cần thiết. Chúng tôi vẫn nhìn thấy được nụ cười của bạn.

“Gặp không?”

Anh ấy hỏi. Tôi lắc đầu. Lũ con đang bận bịu với đám bạn bè, thầy cô giáo. Khóc. Cười. Cái vui. Cái buồn. Thảm thía.

Có một lúc nào đó, hình như hồn tôi bị đám nắng kéo ra bên ngoài, hay hồn non ngày trước xanh lướt, yếu xiu trong nắng. Cái cô bé ngu ngơ, khờ dại, vụng về, đã mười tám tuổi rồi mà. Đó, lần can đảm nhất trong đời, bỏ nhà ra đi. Chuyển máy bay một mình.

Cũng tới phi trường này đây. Chiếc bàn nhỏ nơi góc câu lạc bộ có còn không? Cô bé ngồi ngó xuống chiếc máy bay còn đậu và òa khóc.

Những ai cùng đi đón với anh ấy thời đó nhỉ? Nhớ rồi. Từng khuôn mặt bạn bè, Viên Linh, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Khắc Nhân. Nắng cười òa. Đã sấy khô những giọt lệ và còn giữ đây đây này, khô trong chúng tôi. Nắng chấp chóa, cười nữa: Đừng khóc, chúng tôi không đủ nắng để hong khô nữa đâu. Ai kéo tôi vậy?

“Chị Nhã kia, phải vào làm thủ tục thôi.”

Bên ngoài phòng cách ly, bạn bè, thân nhân đưa còn đứng cố nhìn vào qua những khung kính. Ông anh lớn kia, lặng lẽ ngó. Sao y chang hình ảnh ba tôi ngày nào. Cô em gái bé con, quay mặt. Chắc còn khóc nữa. Lệ mừng đó thôi.

Vào phòng cách ly. Qua tấm cửa kiếng, tôi còn mấy phút để nhìn lại. Thành phố, căn nhà, mẹ thì không còn thấy nữa. Nhưng những bàn tay còn đặt lên cửa kính, chờ vẫy. Tôi tới sát, đưa tay mình lên, áp vào từng bàn tay, qua làn kính dày, mất hết cảm giác, lạnh lẽo. Nga muốn dặn gì nữa à? Không. Chỉ lắc đầu. Chen tới. Giao, Thủy, đưa tay lên. Chen tới. Chóa, mắt sáng quắc,

gật gật, cười. Trên những khuôn mặt dần dựa nước mắt khác, tôi nhận được nụ cười thật đẹp. Cũng phải đáp lễ lại với bạn bè một nụ cười trước khi quay lưng.

Khuất vào cái phòng nhỏ bên trong, là sẽ không thấy gì nữa. Mọi hành khách đã vào hết. Phải quay lưng thôi. Chưa được. Hình như có ai vừa chạy tắt tả tơi. Tôi nhìn ra, một người đàn ông đang vẩy tay rối rít. Vuốt khỏi hàng rào người lố nhố che lấp, ông ta tới được tận cuối dãy, nơi khoảng tường thấp có chắn những chắn song bê tông. Ông ta phải cúi người xuống, đưa mặt dòm qua khoảng cách, tôi mới nhận ra.

“Kìa anh, ông Khai Trí.”

Tôi kéo Từ quay lui.

Chính là ông bạn chủ nhà sách Khai Trí đường Lê Lợi của Saigon cũ. Mê sách, mê chữ nghĩa, bao năm ở miền Nam, ông Khai Trí là người bạn khôn ngoan, hào sảng của mấy thế hệ nhà văn tại Saigon. Sau 1975, cửa tiệm, nhà cửa, tài sản bị tịch thu, ông đã trải qua nhiều năm tù. Nghe kể, hồi ở trại giam T20, ông bị ghê cùng người, không sao nằm xuống được. Mười mấy năm nay, chúng tôi không được gặp lại ông. Vậy mà bây giờ, từ phía ngoài phòng cách ly, ông đang bò cả người nhìn qua lỗ thông hơi ở dưới chân tường.

“Nghe các anh báo tin anh chị đi, tôi vội đạp xe tới. May quá, còn kịp bắt tay anh một cái.”

Hai người đàn ông, kẻ trong người ngoài, cúi xuống bắt tay nhau qua lỗ hồng dưới chân. Chỉ có vậy, hai bàn tay rời nhau vội vàng. Không còn thì giờ nữa.

Qua cửa khám xét cuối cùng của Hải Quan.

Sân bay ngập nắng.

Hồn non cô bé năm xưa liều lĩnh bỏ Huế vào Saigon thơ thần góc nào? Có thấy tôi ra đi?

Thư nhà

(...trích Đêm nghe tiếng đại bác, 1965)

Daksut, ngày 14-4-1965

Me,

Đây là lá thư con viết riêng cho me, me ạ. Và con xin khai đầy đủ những lời me hỏi: Con vẫn nặng 55 kí lô, hơn tháng trước một ký, vì dạo này phải leo núi nhiều hơn. Ngoài ra, vòng ngực vẫn như cũ, vòng eo vẫn như cũ.

Theo lời me dặn, buổi trưa trước khi ăn cơm, con vẫn uống một ổng B12 và ăn đủ 4 chén. Tối, con mặc chiếc áo me đan. Áo me đan đẹp lắm. Nhưng me đan dày quá, thành thử chỉ mặc được một lát là con đã nghe tiếng ve sầu kêu ầm ĩ, y như đang mang cả mùa hè trên mình. Buổi sáng, vẫn theo lời me, con đánh răng bằng kem Hynos, ông già Tây đen bạn thân của me.

Hỏi này con đã bớt uống rượu. Đây, con trai lớn của me vâng lời me vậy đó. Me bằng lòng rồi chứ. Nhưng con xin me tha cho con cái khoản me nói. Tây, Tàu, Mèo hay Việt Cộng gì đó thì con không ngán, nhưng vợ thì con sợ lắm. Con là con của ba mà me. Dù sao, me yên tâm, sẽ có ngày con gửi về cho me cháu nội để bế. Me ơi, bữa nay me gầy hay mập. Me định mang polo số mấy đấy. Mắt me thêm được vòng tròn nào chưa. Me nhớ tập thể thao mỗi sáng me ạ. Me cứ dậy từ 4 giờ, tập chạy bộ cho con chừng 30 phút. Chạy thi với thằng Kim ấy. Cứ thế, một thời gian me sẽ vượt xa bọn Phượng và Quyên cho mà coi.

Con đùa nhiều quá phải không me. Nhưng me đã vui và cười chưa nào. Con không muốn me khóc, nhất là khóc vì con. Khổ quá. Sao me cứ xem con như thằng Phan thừa còn mặc quần sọt hỏi xưa mãi thế. Me quên con đã là lính, là tổng thủ lĩnh của một trung đội rồi sao. Con bây giờ oai lắm me. Con mập hơn và đen hơn. Me vẫn nói con trai phải đen mới mạnh khỏe và đẹp trai mà. Vậy con trai me bây giờ đã đẹp trai lắm rồi đấy. Me có nhớ ra điều đó không hở me?

Ở trong rừng lạnh thì đã có áo len me đan. Nhớ cảm gió ho gà ho vịt thì đã có dầu cù là, dầu nhị thiên đường me cho. Con không thiếu gì đâu me ạ. Me lo cho con nhiều quá, me của con. Con

nhớ me quá. Con nhớ me hơn tất cả. Nhất là đêm nay, khi đơn vị con đang phải đóng trong một cánh rừng rậm.

Me ơi, ở đây có nhiều rấn lẩm. Để hôm nào con bắt về một giỏ làm quà cho me nhé. Thay thế món lươn um của me được đấy, me ạ.

Me đừng lo lắng, đừng sốt ruột về con me nhé. Tuy bận, ít biên thư về nhà được, nhưng con không quên những điều me dặn dẫu. Me lo con ham đi chơi, thì me tính, ở rừng ở rú thế này, con còn có chỗ nào để đi chơi. Me yên tâm me nhé. Con nhớ me và thèm ăn món canh rau ngót nấu thịt nạc của me quá đi mất. Ở đây, con vẫn quảng cáo với tên Nghĩa món canh của me hoài. Me chuẩn bị đi nhé. Bữa nào chúng con sẽ rủ nhau về ăn vạ me đấy.

Con của me.

...

Dakto ngày 17-4-65

Phượng và Quyên,

Các cô chơi ác quá. Định bắt anh về ra mắt nhà vợ thì anh trốn luôn cho mà coi. Bởi nghe hai cô tả dung nhan người đẹp anh đã hết hồn rồi. Chỉ có một mình anh thôi, sao me chọn nhiều cô, lung tung thế. Tính anh cá thẹn lắm. Hai cô biết rồi mà. Thôi, cho anh hai chữ bình an nhé.

Thư nhà anh vẫn nhận đều đặn. Nhưng hai tuần nay thì chưa có. Bởi mấy hôm nay phải di chuyển luôn luôn. Hôm kia, ở Dakot, anh cũng có viết một lá thư dài cho me. Nhưng hơn một tuần nay rồi, chưa có chiếc trục thẳng nào xuống lấy thư, thành thử anh còn phải để lại. Có lẽ phải viết trọn bộ đã, rồi mới gửi về được. Nằm buồn, anh thường mang thư cũ ra đọc. Các cô viết bao nhiêu anh vẫn không ngán, vì các cô sắp thành văn sĩ hết rồi. Ở đây, đôi lúc anh buồn và nhớ Sài Gòn quá. Giá có một lúc nào vù về được, rủ các cô ra bến tàu xức vôi đĩa bánh cuốn nóng, rồi lại bay lên đây thì nhất. Nói vậy không phải để mấy cô nhạo anh là hư ăn dẫu nhé. Cái bảng hiệu ăn thì chắc phải nhường cho Kim chức vô địch rồi.

Các cô thì chúa rắc rối. Thích đố rồi không thích. Không thích thì thôi. Bộ tưởng gửi một con sóc nhỏ về Sài Gòn không tốn công tốn của đấy hả? Lần sau muốn gì Phượng chịu khó bảo tên Nghĩa nó lo về cho, anh không biết đâu. Ở với một lò sư tử tương lai như các cô, chắc con sóc của anh sẽ tội nghiệp lắm đấy.

Nói đùa thôi. Đừng giận. Nhưng đàn bà con gái bày đặt nói chuyện chiến trường làm gì. Thôi cho anh khát kỳ khác, bao nhiêu trận trước anh quên cả rồi. Lần tới, kể phải kêu tên Nghĩa nhìn phụ với anh, chắc anh mới tả nổi. Tá khăn tay của Phượng anh đã nhận được. Nhưng cả anh và Nghĩa đã đồng ý đem chia cho mấy tên trong trung đội mỗi đứa một chiếc. Biết để làm gì không. Để cất vào ví làm kỷ niệm. Bởi khăn của các cô đẹp quá, nho nhã quá, lại thơm quá nữa. Ai nữ đem lau mồ hôi và bùn đất hành quân bao giờ. Lần sau, có làm khăn cho anh, nhớ là khổ lớn, vải xô càng tốt. Chứ cái kiểu khăn thành phố bằng lỗ mũi của các cô đây không dùng được đâu. Bộ các cô nghĩ bọn anh chỉ có cái lỗ mũi là cần săn sóc gìn giữ cho mấy cô thôi hả.

Mấy anh bạn được anh và Nghĩa phát khăn tay cho đó, chúng cứ đòi viết thư cho các cô. Đồng ý chứ. Chắc Nghĩa và Hoàng cũng không nỡ cấm dẫu, phải không. Với lại tên Nghĩa thì đồng ý với anh là nhất vợ nhì trời rồi. Phượng nghe chưa. Soi gương đi, xem mũi có nở thêm chút nào không. Còn Hoàng, hình như nó chưa nói gì với anh về khoản này, nhưng cứ xem cái dáng phụng phịu lì lì của con Quyên, anh đã đoán được cái triển vọng vợ của nó.

À, còn truyện Đoàn Dự nữa. Ngót hai tuần nay không có báo. Quyên nhớ kể cho anh nghe xem gã họ Đoàn của tụi mình đến đâu rồi nhé. Bây giờ Lục Mạch Thần Kiếm các cô đã thông cả rồi chứ. Cứ điệu này, chắc khi về, đấu chưởng với các cô, anh đến thua mất thôi.

Anh buồn ngủ quá rồi. Thôi nhé. Trời đang lạnh lắm. Nhưng chui đầu vào cái tác phẩm vĩ đại của me đan, anh sẽ nghe thấy tiếng ve sấu kêu ngay. Hôm nào về, anh sẽ cho các cô mượn để nghe thử. Thôi nghe. Nhớ biên thư cho anh. Anh mong lắm đấy.

Kim,

Nói ngủ mà vẫn chưa ngủ được. Phải bò dậy để viết thêm cho Kim nữa đấy. Thế nào, phê thuật cho anh nghe trận cầu vừa rồi với chứ. Hôm kia nằm nghe trực tiếp truyền thanh đoàn cầu Thái Lan đá với hội tuyển Sài Gòn, anh nhớ Kim quá. Rạng và Rồn của Kim vẫn khá đấy chứ. Phong

độ của Vinh có còn hách để đi tiền đạo không. Cả mấy cầu thủ nhóc của Kim nữa, anh hỏi thăm đấy.

...

Dakto, ngày 20-4...

Thưa ba,

Hồi sáng, một chiếc Dakota đã thả cả một gói thư khổng lồ xuống đồn con. Và con đã nhận được cả bó thư nhà rồi. Ngày mai, có lẽ sẽ có một chuyến đến tái thư nữa. Vậy con xin viết thư thêm về ba để trọn bộ, rồi sẽ gửi luôn thế. Đáng nhẽ thư ba phải viết ngay phần đầu, nhưng chắc ba cũng muốn nhường mẹ con. Bởi đứng sau mẹ bao giờ cũng yên ổn hơn, phải không ba?

Con đã đọc hết lá thư ba viết. Nhưng ba quên không kể cho con nghe chuyện cờ tướng của ba với ông Chín Hội rồi. Từ dạo con đi, con cóc của ba, không bị chết máy trước cây măng cầu của nhà bà thợ may đầu ngõ rồi chứ. Ba phải coi chừng mẹ đốn mất cây măng cầu của bà thợ may đấy.

Con vẫn thường và có phần khỏe hơn là khác. Nghĩa vẫn ở chung một tiểu đoàn với con. Chúng con đi đâu cũng có nhau. Còn mấy cô ở sở của ba nữa, đã có cô nào cần đủ ký lô để dịch lại với mẹ chưa hả ba. Con Phượng và con Quyên dạo này hết những nhẽo với ba rồi đó, ba thấy không, con luyện cho chúng mẹ kiếm hiệp lợi cho ba thế đấy.

Ở đây, đêm kia, chúng con vừa chạm một đơn vị phục kích, và có một chú lính của con bị chúng bắn tử thương. Riêng con, con không hề sợ chết. Con cũng chẳng hề căm thù gì ai. Nhưng cứ trông thấy những cái chết của đồng đội cạnh mình, con cũng nổi sùng quá. Y hết phim La loi du Seigneur mà ba đã từng đưa cả nhà đi xem dạo đó.

Nghe các em kể chuyện về ba mẹ với không khí nhà mình, con vui lắm và yên tâm hơn bao giờ hết. Tuy xa gia đình, ngày đêm ở tiền đồn nghe bom nghe đạn, nhưng con lúc nào cũng nghĩ tới gia đình, tới thành phố yên vui và con sung sướng.

Tháng tới, có lẽ con và Nghĩa sẽ có giấy đi về phép. Nhưng con chưa biết có suôn sẻ không, ba đừng nói với mẹ mong. Dạo này không những con lái xe giỏi rồi, mà con lái được cả thiết vận xa nữa. Khi con về, chắc không còn cảnh cho chiếc xe con cóc của ba sa lầy đâu. Xin ba chuyển lời con kính thăm ông Chín Hội.

Con trai ba

...

Đó là một xấp thư cũ của anh Phan tôi, mà khi nào nhớ quá, mẹ tôi lại sai chúng tôi lấy ra đọc cho bà nghe. Xấp thư tuy viết trong nhiều ngày, ở nhiều nơi, nhưng cùng trên một khổ giấy ca rô nhỏ, còn nguyên dấu chỉ xé từ một cuốn sổ nào đó. Nhà có ba chị em, tôi đã có đến 6,7 lần phải đọc lại những lá thư anh Phan. Chị Phượng có lẽ còn phải đọc nhiều hơn bởi chị hát hay và mẹ tôi khen giọng chị tốt, có thể đi làm xướng ngôn viên cho đài phát thanh được. Còn thằng Kim, mỗi lần mẹ tôi lôi thư anh Phan ra bắt nó đọc, nó vừa giật lùi vừa kêu:

"Trời ơi. Sao mẹ không bắt ba thủ thi đọc cho nghe có phải êm ái không. Con có là xướng ngôn viên đâu nào."

Rồi nó lủi mất.

Cả xấp thư anh Phan viết bằng bút nguyên tử. Bị gỡ đi gỡ lại nhiều quá có chỗ đã hơi nhòe. Nhưng đã nghe hoài, mà mỗi lần nghe xong, mẹ tôi đều dừng tay (thường khi vừa nghe, bà vẫn vừa làm việc, gọt dưa món, khâu lại áo cho thằng Kim, hay tính toán, ghi tiền chợ), mỉm cười, rồi nhìn ra ngoài cửa. Nếu không vì chúng tôi hay cười, những lúc ấy, thế nào bà cũng lặp lại những câu bà thường nói.

Chẳng hạn như:

"Cái thằng tẻ quá. Nó lại quên không cho mẹ biết về mấy hộp thuốc bổ. Không chừng nó vứt đi mất rồi cũng nên".

Hoặc:

"Nó cũng lên được một ký đấy. Lạy trời, cơm vẫn thường bốn bát".

Thư tình

(...trích Một mai khi hoà bình)

Tháng một đã tới và mùa đông bắt tận của cao nguyên bắt đầu kéo sang thời kỳ rét mướt nhất. Vượt khỏi thị trấn Tân Cảnh chừng 7 cây số đường mòn, ngọn đồi Ngok Long phủ lớp áo cỏ tranh đơn sơ, khép nép vươn lên giữa rừng núi trùng điệp.

Rãi rác quanh sườn đồi, vài chục túp lều tranh sơ sài, nằm run rẩy co ro. Vượt lên đỉnh đồi, chen giữa cỏ tranh, một chiếc hầm lửng, trên chất đầy bao cát, nằm trơ vơ dưới bầu trời luôn luôn nặng trĩu nước. Đó là hầm chỉ huy hành quân của một tiền đồn nằm đơn lẻ giữa rừng núi hoang vu, biệt lập với Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn và thị trấn, thường xuyên có một đại đội trừ luôn phiên lên trấn giữ.

Ở đây, ngoài những binh sĩ trong đại đội, không còn một người nào lai vãng. Cứ mười ngày, nước mới được tiếp tế lên một lần. Cả tuần lễ, viên Thượng Sỹ thường vụ của đại đội mới dẫn một đội tuần tiễu đi chợ và ghé Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn nhận thư từ mệnh lệnh.

Chiều đã xuống đậm, mênh mang sương mù và khí độc. Từ mấy khuôn cửa hầm mở ra tứ phía những lớp cỏ tranh đang rạp xuống, như muốn nương dựa nhau để chống chọi với những cơn vật vã của gió núi.

Trong căn hầm chỉ huy, viên Trung Úy Đại Đội phó đang ngồi bệt dưới sàn gỗ, dựa lưng vào vách hầm. Nơi chiếc ghé bó, viên Hạ Sỹ truyền tin nằm xấp lưng ngủ vùi. Bên cạnh, viên Thiếu Úy Trung Đội trưởng nằm trên một trong hai chiếc giường sắt kê cách nhau một bàn nhỏ, mặt phủ một tờ báo cũ mèm.

Căn hầm lặng lẽ một cách dị thường. Viên Đại Đội phó ngồi duỗi chân, cứ chốc chốc lại kéo cao cổ áo, cổ rùn thấp cổ xuống, như muốn chui hẳn đầu vào chiếc áo field jacket trốn lạnh.

Bỗng có tiếng chân nặng nhọc kéo lê trên miệng hầm, rồi một đôi giày nhà binh bết bùn, bước cao bước thấp xuống bực hầm. Một viên Thượng Sỹ già xúng xính trong chiếc áo kapot dài đến mắt cá chân đi vào, dơ tay chào. Viên Đại Đội phó quay lại:

“Gì đó cụ. Yên chứ?”

Viên Thượng Sỹ già lúi trong bọc áo ra một xấp thư:

“Có xấp thư mới lấy ở Bộ Chỉ Huy. Trung Úy duyệt qua để phát cho anh em.”

“Ờ. Cụ quảng đó cho tôi.”

Xấp thư được đặt trên bàn, nhưng viên Thượng Sỹ già bỗng tần ngần:

“Có cả thư của Chuẩn Úy Hồ trong này nữa, Trung Úy.”

Viên Trung Úy Đại Đội phó gất:

“Thư của thằng Hồ còn lấy làm mẹ gì. Bộ cụ muốn tôi phải xuống âm phủ đưa cho nó nữa hả?”

Viên Thiếu Úy đang nằm dẫu mặt dưới tờ báo, bỗng hất tung tờ báo ra, bật dậy:

“Thư thằng Hồ hả. Đâu cụ đưa tôi coi.”

Viên Thượng Sỹ già lật lật xấp thư, rút ra một lá thư dày cộm đưa cho viên Thiếu Úy. Lá thư được cầm lên, dơ ra dưới ánh sáng u ám của chiều đông hắt vào từ cửa sổ mở lên đỉnh đồi:

“A, thư của cô Mai.”

“Mai nào?” Viên Đại Đội phó hỏi.

“Đoàn thị Lĩnh Mai, cô hôn thê bé bỏng của thằng Hồ đây mà.”

“Thằng chó đó có vị hôn thê rồi sao?”

“Hắn cứ tâm sự với tao về cô bồ của hắn hoài. Bồ chứ không phải em gái hậu phương. Nghe nói dễ thương lắm. Cô ta ở mãi tận Sài Gòn.”

“Thế à.”

Viên Thiếu Úy trung đội trưởng chột hỏi lại:

“Mày quảng cái ví của thằng Hồ xó nào rồi? Thôi, cất lá thư cùng cái ví. Hôm nào tao gửi lại cho người nhà của nó.”

Nhưng viên Trung Úy Đại Đội phó bỗng đâm ra tò mò, quay lại bạn:

“Mày dở giường tao lấy cái ví của thằng Hồ đưa đây.”

“Té ra tao đang nằm giường của mày à. Thế mà ông cứ yên trí giường ông. Đang định ngủ gật chứ. Đâu, coi nào.”

Một chiếc ví cũ, quần quanh bằng sợi dây đeo thẻ bài được lôi ra. Viên Đại Đội phó đứng dậy, phủi quần, ra dấu cho viên Thượng Sỹ già ra ngoài, rồi tới giường, ghé ngồi bên bạn. Cái ví cũ được dở ra, hai người chăm chú nhìn vào tấm ảnh một cô gái đang tươi cười. Viên Trung Úy Đại Đội phó kéo cao cổ áo, rùn vai, rút thấp đầu xuống như vừa bị thấm lạnh.

Bóng chiều bên ngoài đang nuối. Lá thư đã được bóc ra. Chút ánh sáng le lói hắt vào từ cửa sổ dồn hết lên trang giấy đã che lấp chiếc bảng ghi tên trên ngực áo hai người.

Anh Hồ,

Thế là anh không về kịp được nữa. Bà nội đã chết sau hôm em nhận được thư anh báo tin có lệnh hành quân đặc biệt. Thế là hết. Không còn cách gì để anh bay về bên em trong phút giây đau khổ tột cùng. Bà đã chết anh ơi! Thế xác bà mới còn nóng hổi đó, giờ cũng đã cứng lạnh dưới đất đen rồi. Những trái cau của bà đã khô, trái đã héo, và cả cái bình vôi mà anh với em đã lặn lội vào tận trong chợ Bến Thành tìm mua cho bà ngày nào, bây giờ nằm lẫn lóc, khô queo cạnh hầm cát.

Như lá thư trước em đã viết cho anh, từ khi nghe tin em Hải bị đưa vào Nam, bà bị ám ảnh.

Trong những lúc một mình, trong giấc ngủ mê mệt là những cơn mơ dữ về cảnh chiến tranh, chém giết tương tàn giữa hai miền Nam Bắc. Bà bị dày vò bởi những hình ảnh vợ giết chồng, cha giết con, anh em ruột thịt giết nhau. Cơn bệnh trầm uất của bà ngày thêm nặng, cho tới một lúc, cả tâm hồn lẫn thể xác cạn kiệt, bà ra đi.

Bà đã chết, chết thật rồi. Anh Hồ ơi, mộ bà vừa đắp xong sáng nay. Những năm đất do chính tay ông nội, anh Đoàn, anh Lý, chú Vạn, cô Thoa, em và mọi người đã ném xuống và vùi lấp bà rồi. Không còn thấy mặt mũi tay chân, không còn nhìn thấy nắp hòm. Nhưng bà vẫn còn ở trong em rất đậm. Hình ảnh bà như còn thoáng hiện đó đây, với cặp mắt nhăn nheo cười, với miệng cắn chỉ đỏ nước trâu nhai, cả vẻ thanh thoát thót thắt thường chưa bao giờ nhìn thấy ở bà khi chỉ mới nghe tin em Hải□.

Và bây giờ, khi em ngồi viết thư này cho anh trên căn gác của anh Đoàn vừa ra đi. Cô Thoa đã dọn xuống chỗ nằm của bà nội ở dưới nhà, sát cái hầm cát mà bà nội đã chỉ huy cho mọi người xây đắp nên và đã coi như cái miếu thần che chở cho cả nhà trong những cơn pháo kích vào thành phố nhiều đêm. Cạnh đó là bàn thờ bà nội, sự tưởng nhớ chất ngất trong khói hương nghi ngút.

Hôm nay là ngày đám ma bà nội, em chỉ tiếc là không có anh ở bên cạnh. Anh Hồ ơi, em biết đám ma nào cũng buồn, nhưng khi mình ở trong cuộc mới biết nó buồn tới làm sao. Buồn chết lòng người sống, buồn tê liệt hết mọi ước ao. Giá mà có anh bên cạnh em, cùng quỳ với em, cũng ném xuống hòn đất để góp phần đắp nắm mồ vĩnh cửu của bà. Mọi người rồi ai cũng chết, phải vậy không anh. Nhưng khi mình chết, mình đâu có biết cái chết ra sao. Còn mình nhìn thấy cái chết của người thân yêu, mình biết, mình biết được sự mất mát. Anh Hồ ơi, em không chịu thấu nỗi sự mất mát của một phần đời mình.

Anh biết trong đám tang có gì vừa đau xót mà cũng vừa khô hài nhất không? Khi vừa hạ quan xuống, cô Thoa, trong giây phút quá khổ đau, gần như điên loạn, cô đã lao cả người xuống dưới huyệt, bắt kẻ mọi người giữ lại, kéo cô lên. Cô khóc lóc, chưa bao giờ cô được khóc thả đàn như thế. Cô kêu gào: Mẹ ơi là mẹ. Sao mẹ bỏ đi như vậy được. Sao mẹ không đợi ngày hòa bình rồi chết. Để con lấy được chồng, con mời mẹ xơi miếng trâu”Mẹ ơi là mẹ. Vậy mà mẹ bỏ đi dành được, mẹ ơi là mẹ. Con chết đi theo mẹ cho rồi!”

Anh Hồ. Anh có tưởng tượng được không? Lúc đó, em cũng đang khóc, em sững người. Thay vì có thể cười được, ruột gan em đau thắt. Có cái gì vừa tủi nhục, vừa bề bàng trong cảnh ế muộn của cô Thoa thấm qua người em làm em thương người chết đã đành mà người sống cũng thấy đáng thương quá. Kể còn sống, như em, như anh cũng thật đáng thương!

Em vừa mới nói với anh là em mơ ước được cùng anh nắm đất ném xuống lòng mộ bà nội.

Nhưng anh đã không có bên em. Dù vậy, em cũng thay anh ném thêm một nắm. Một nắm dùm

cho thầy mẹ em, những nắm đất ném dùm cho các em của em cùng họ hàng đang ở miền Bắc. Vắt xuống. Ném xuống. Ném nữa. Anh Hồ ơi! Cứ mỗi nắm đất ném xuống lại cùng một tiếng kêu thăm thiết bật trong đầu em. Tiếng kêu như tiếng còi của những chuyến tàu hỏa tới ga của ông nội em. Hòa bình trở lại sẽ làm gì? Mình cùng nhau đi xe lửa ra miền Bắc. Ném nữa. Tiếng kêu buồn tủi ế muộn của cô Thoa. Ném nữa. Tiếng kêu khát khao của anh và em chờ hòa bình trở lại. Ném nữa. Tiếng kêu của thầy mẹ em ở miền Bắc gào thét muốn sum họp. Tiếng kêu của họ hàng, làm sao báo tin cho cha mẹ của anh Lý biết anh Lý còn sống. Tiếng kêu của anh Đoàn, của chú Vạn, của Phước□. Ném nữa. Tiếng kêu. Những tiếng kêu. Hòa Bình trở lại sẽ làm gì? Tiếng kêu của bà nội vọng lên từ đáy huyết, dưới những nắm đất đang ném xuống: Hòa Bình! Trời ơi! Tao sẽ lên tàu với ông nội bây về quê, tàu sẽ qua mấy cái ga cũ□. Ném xuống. Ném xuống. Chuyến tàu đưa bà nội đi một mình, không qua một ga cũ nào hết.□

Thôi anh ạ. Thế cũng xong. Bà nội đã lên chuyến tàu hư vô rồi. Bà sẽ đi qua những ga mới của bờ kia. Bà đã mỏi mòn, đã không chờ đợi nổi một ngày nào đó, hòa bình, bà được chôn ở quê cũ, được chôn trong đất của tổ tiên. Không biết ông nội em còn đủ sức chờ! Thế hệ ông cha của chúng ta có lẽ như thế là kiệt lực, không đủ sức chờ để thấy hòa bình. Còn chúng ta, chúng ta có đủ can trường chờ đợi không anh? Nhất định là đủ, là có, là dư, anh nhé. Hòa Bình sẽ trở lại. Nỗi mơ ước ôm ấp của bà nội không chôn trong đáy mồ mà còn xanh chờ trong mỗi chúng ta. Anh có tin nỗi ước mơ từ thế hệ trước để lại, sẽ được chăm sóc, nuôi lớn để cùng tràn vỡ niềm vui sướng hạnh phúc khi hòa bình trở lại! Nhất định tin, tin thế, anh. Thế hệ chúng ta, phải thấy cho được hòa bình. Mình sẽ làm đám cưới. Đám cưới cũng bình thường như mộng ước lúa đôi. Đám cưới. Đâu có gì mà không được! Nhưng anh ơi, trong ngày vui nhất đời cũng có chuyện buồn nhất đời. Bà nội không còn để anh và em được tằm trâu, xoáy trâu cho bà nhai. Anh nhớ không, bà vẫn nói: Bà phải đợi đến khi con Mai nó cho bà ăn trâu, uống rượu. Đợi đến lúc bình yên cháu tôi lấy chồng, làm đám cưới rình rang. Lúc đó, miệng bà cười cũng đã móm mém rồi. Vậy mà bà không đợi nổi. Chúng mình tiếp tục đợi với niềm mơ ước của bà. Mình cũng làm đám cưới. Em sẽ mặc áo cưới đi bên anh dưới bầu trời xanh, dưới nắng vàng tươi chứ không phải ngọn nắng cổ quái lạc giữa mùa đông, nơi ngọn đồi anh thường tả cho em biết. Cô Thoa cũng sẽ mặc áo mới, áo cưới nữa. Hình như chiến tranh làm người ta mau già. Nhưng khi hòa bình trở lại, cô Thoa sẽ trẻ trung, tươi tắn, xinh đẹp, sẽ bớt bốc đồng và có thể còn có một chiến sĩ trở về xin cưới□. Chiến sĩ già mà già dặn phong sương. Được chứ. Tại sao không, phải không anh? Cô Thoa cũng dễ thương như mọi người.

Không phải khi không mà em nói tới chuyện đám cưới. Sáng hôm nay em đã nghe bản tin ngưng oanh tạc Bắc Việt rồi. Một nhân nhượng, một thiện chí xuống thang chiến tranh, mở đường cho hòa bình. Vậy mà bà nội chết. Bà nội chết trước khi nghe tin đó. Nhưng cho tới hôm nay thì tình hình cũng không sáng sủa gì, khi nơi trại anh Đoàn còn cấm trại, trong nhà mình, cái hầm vẫn còn giữ nguyên. Bầu không khí trong thành phố vẫn còn nặng nề đe dọa bởi bom đạn□ làm cho em cảm thấy đám cưới của chúng mình còn xa vời! Nhưng dù sao mình cũng phải vững niềm tin. Anh cũng giữ vững niềm tin với em. Một mai khi hòa bình trở lại, anh không cầm súng nữa, anh trở về, đám cưới và mình sống ở Thủ Đức với mẹ. Sẽ biến ngôi vườn của mẹ thành một trang trại. Một trang trại nhỏ thôi, anh trồng rau, nuôi gà và em trở thành một bà nội trợ thực thụ. Không cần làm gì hết, khi đó em chỉ nấu cho anh ăn những món Bắc. Những món ăn Bắc bà nội đã truyền cho em hết những bí quyết. □Mà không phải chỉ ăn những thức ăn Bắc đâu, anh cũng phải theo em ra Bắc nữa. Anh sinh trưởng trong Nam, lớn lên trong Nam, anh chưa biết quê hương em ra sao. Anh cũng thường nói với em anh ao ước được trở về thăm quê hương của em, đem em về với mẹ em khi hòa bình trở lại. Anh cùng em về thăm mẹ, thăm em Hải, anh nhé. Còn bà nội nữa chứ. Chúng mình sẽ đem bà nội theo. Anh biết không, ở miền Bắc có tục lệ chôn ba năm phải cải táng. Ở miền Nam thì em không biết có tục lệ đó không! Bà nội em người Bắc, chắc bà cũng mong muốn còn cháu giữ đúng tục lệ quê mình. Chúng mình sẽ cải táng mộ bà nội, sẽ đặt cốt bà trong cái tiểu sành như các cụ ngày xưa vẫn làm và đem về Bắc. Lúc đó còn ông nội không? Mong còn. Mình sẽ cùng đi bằng xe hơi. Vâng, lúc đó mình đã có trang trại, đã

có xe hơi rồi. Em sẽ kể cho anh nghe chuyện Hà Nội mà em biết được qua bà nội. Bà cho em biết quê em, hình ảnh ấu thơ của em. Anh chưa ra miền Bắc lần nào, hẳn anh sẽ thích thú lắm khi nhìn thấy quê của em. Chính em, em cũng chưa biết nhiều, những hình ảnh trong thơ ấu bây giờ đã chìm vào dĩ vãng. Em cũng phải nhìn thấy lại.

Trời ơi. Tay em run quá. Em muốn chạy xuống nhìn ảnh bà nội, nói chuyện với bà về những dự tính của chúng mình, nhưng chưa xong mà! Mình đi xe hơi được chứ anh? À, mà không anh ơi! Mình phải đi bằng tàu hỏa như ông nội vẫn ước mơ. Trời ơi, con tàu lắc lư, trên chuyến tàu bao nhiêu người sống còn đi về Bắc, bao nhiêu oan hồn vất vưởng đi theo trong bầu không khí rợn rùng rợn vỡ bởi tiếng máy, tiếng còi tàu, và đấm ướt với muôn ngàn giọt lệ mừng tủi. Mình sẽ cùng nhau trong một toa tàu, đứng với nhau ở một cửa sổ nhìn ra ngoài. Mình sẽ đi qua bao miền trên quê hương, mới đây điêu tàn trong chiến tranh và bây giờ cây cối chớm xanh, chim đã hót. Những vết thương của con người, của đất đai, của cảnh vật đang được chăm sóc, hàn gắn. Con đường sắt xuyên việt nói lại lành lặn bằng ngang qua xương máu, hận thù để nỗi tình thương Nam Bắc. Đi ra Bắc, đem bà nội ra Bắc. Anh ơi! Anh có khóc cùng với em không? Chuyện chỉ còn trong mơ mà em đã khóc đây này. Trên chuyến tàu sẽ đi mình còn khóc với nhau nhiều nữa. Anh Lý cũng sẽ đi với mình, sẽ cùng qua bao vùng đất mến yêu mà trước đây anh đã đặt chân cùng đoàn người phá hoại, làm tràn ngập máu xương. Lúc đó, dĩ vãng rồi. Không, mình sẽ không nhắc lại gì nữa hết. Chúng mình sẽ gặp em Hải, em Hải cũng phải trở về cho thầy mẹ thấy. Mình gặp em Mai. Con Mai em của em. Anh Hải ơi! Mình gặp em Mai, con Mai em cũng sung sướng, tươi cười, giống y như con Mai chị của anh vậy! Anh biết không, khi đưa đám ma bà nội, trước khi quay về, ông nội em đã khóc và khấn trước ngôi mộ còn mới tinh: Bà ơi, bây giờ tùy bà, bà có đợi cùng tôi về Bắc thì đợi. Muốn ở lại đây với con cháu thì ở, muốn về Bắc trước thì về.

Lúc đó, em với anh Đoàn đứng cạnh ông. Em đang cầm một chiếc áo của ông. Giải khăn xô em đang đội trên tóc muốn bay theo gió. Em nghe mà lạnh cả xương sống và gai ốc nổi đầy. Ghé góm lẩm anh ạ, cảm giác đó thật là hiếm hoi, phải ghé góm lẩm, nó mới làm cho cả người em như có ngàn kim đâm buốt tới tận xương tủy.

Bây giờ ngồi viết thư cho anh, cùng với cái khăn tang bao trùm trên tóc, em nghĩ rằng linh hồn bà nội chưa về Bắc một mình đâu. Bà còn chờ em, chờ anh, chờ bao nhiêu người thân khác chết đi hay được trở về sau cuộc chiến nữa.

Có sau cuộc chiến. Vậy là có hòa bình trở lại. Sớm hay muộn gì cũng có. Nhất định phải có. Nhưng đừng nói ngất là hòa bình ra sao chưa biết. Hòa bình là hòa bình. Chúng mình về Bắc mang theo hài cốt người thân, hoặc chính hài cốt của chúng mình cũng sẽ được về Bắc với mẹ cha khi hòa bình trở lại.

Một mai, anh ơi, một mai khi hòa bình. Em khóc. Em khóc đây. Anh tưởng tượng đi. Em đang khóc trên vai anh, em đang khóc trong vòng tay ôm của anh. Anh có cùng khóc với em không? Chúng ta khóc trước khi cùng khóc với nhau trên con tàu lắc lư ra Bắc, khóc cùng với bao oan hồn đang vất vưởng đi theo, chắc chắn có oan hồn bà nội của em.

Đêm nay, em khóc. Ông nội khóc. Cô Thoa khóc. Gia đình ở thành phố khóc bên chiếc hầm cát. Anh Đoàn khóc trong trại nhập ngũ. Anh Lý khóc lẻ loi trong Trung Tâm Chiêu Hồi. Và anh nữa, anh chưa biết tin, nhưng em biết cũng nhiều lần anh đã khóc trên ngọn đồi heo hút ngoài chiến trận. Chúng ta, mỗi người khóc cho kẻ chết, khóc cho kẻ sống và khóc cho nỗi đợi chờ.

Em đã viết lung tung quá, nhưng lung tung thì cũng đã thành một lá thư. Anh nhận được, nhớ giữ luôn lá thư này cho em, để một mai khi hòa bình trở lại, mình gói xương cốt bà nội đem ra Bắc nghe anh. Có lẽ em sắp ngất. Tay anh đâu? Em ngã vào tay anh đây này. Vòng tay anh ôm em thật chặt, chặt nữa, để không mất nhau, không rời nhau□. Anh ơi! Em yêu anh mãi. Sống với anh mãi. Em.

Viên Trung Ủy Đại Đội phó đưa lá thư lên soi nơi cửa sổ, nhìn nét chữ ký ẻo lả bị nhòe bởi những giọt nước mắt của người viết, rồi nói với viên Thiếu Ủy Trung Đội trưởng:

“Mày biết đoán coi chữ ký, đoán coi cô này có tướng chết non không mày?”

“Theo kinh nghiệm thì chữ ký mềm mại như thế này là người có nhiều tình cảm, nhẹ nhàng, cũng dễ chết non. Nhưng coi hình thì thấy tướng mạo tươi tắn lắm mà. Tao cũng không biết nữa□”

“Cho tao điếu thuốc.”

Bao thuốc lá được quăng tới trước. Viên Trung Úy chụp lấy, rút một điếu. Hấn với tay:

“Cái Zippo của tao đâu rồi?”

“Mất mẹ nó rồi. Diêm đây này.”

Que diêm được bật lên, soi rõ mặt viên Trung Úy đang cúi xuống môi lửa. Rồi tiện tay, hấn đưa luôn lá thư vào que diêm còn cháy dở, nói:

“Thôi để tao gửi luôn lá thư này xuống dưới cho thằng Hồ”

Một cái nhấp nháy, ánh sáng của ngày còn leo lét trên cửa sổ vụt tắt. Chiều đang tan trong sương mờ dày đặc ngoài đồi núi trùng điệp và bóng tối đã tràn ngập căn hầm.

Giữa bóng tối lạnh lẽo của mùa đông và của cuộc chiến tranh bất tận, một ngọn lửa bùng cháy.

11-1968

Nguyên bản tiếng Việt “Đêm Nghe Tiếng Đại Bác” ấn hành lần đầu lần đầu ở Saigon cuối năm 1965, xuất bản bởi Nguyễn Đức Nhuận. 6,000 ấn bản bán hết ngay trong 3 tuần lễ đầu. Sách liên tiếp được tái bản nhiều lần.

Ba mươi hai năm sau, bản Pháp văn của Đêm Nghe Tiếng Đại Bác (Les canons tonnent la nuit) do bà Trương Liễu dịch được nhà Phillippe Picquier, Paris, xuất bản năm 1997.

Trong bài giới thiệu cuốn này trên tạp chí Le Monde (số ra ngày 4-9-1998) ông Jean-Claude Pomonti dành hơn nửa bài để nói về cảnh đêm ám trong gia đình nạn nhân.

Hình trên: Mẫu bìa “Les Canon Tonnent La Nuit” với tranh My Wife, sơn dầu trên vải, trình bày bởi Picquier & Protière.

Phần của Vũ

(Trích Ngày Thơ Tình Thơ, truyện dài, 1974)

Đuổi bắt trên đồi cao
Trời mưa dầm gió rét
Hai đứa níu kéo nhau
Té lẫn cù, tưởng chết
Tĩnh dậy dưới chân đồi
Ruộng ngô ai ngào ngạt
Chạy khắp ruộng tìm coi
Nào ngờ em trốn mất
Tháng ba ngô kết trái
Một mình ta, giận thay
Bắt đèn ruộng ngô đầy
Bỏ về cho biết tay
Ôm về em bó ngô
Hai đứa cười rúc rích
Đêm nay ta đốt lò
Nướng ngô, vui bằng thích
Nhưng trái ngô đầu mùa
Cười ròn trên bếp lửa
Ngoài xa trời gió mưa

Ai dại gì thương nhớ
Hạt ngô thơm mùi sữa
Nở đều như răng em
Ta ghé môi cắn vỡ
Ăn mãi không đã thèm
Ngô chín vàng đêm đêm
Giục lòng ta cháy đỏ
Gió mưa gieo ngoài thềm
Giật mình, biết đâu đó
Lời muốn thốt yêu em
Như than hồng trong miệng
Nhai dập nghìn hạt mềm
Vẫn cát không thành tiếng
Muốn nương nhờ vai em
Hai bàn tay bão dậy
Vật vờ trăm nghìn phen
Vẫn dần lòng: mai vậy
Mai rồi mai lần nữa
Thoắt chốc mười mấy năm
Bao nhiêu mùa ngô vàng
Bao nhiêu trời mưa gió
Hôm nay qua đời xưa
Trượt chân, bàng hoàng mãi
Ôi ngày thơ tình thơ
Mất về đâu tuổi dại
Tháng ba ngô kết trái
Một mình ta buồn thay
Ruộng ngô vàng vẫn đấy
Nhưng bẻ về với ai
Về với ai giờ nữa
Một mình ta ngẩn ngơ
Nghe hạt ngô đầu mùa
Vỡ trong răng nước nở. (*)

() Mùa Ngô Cũ, Trần Dạ Từ, Thửa Làm Thơ Yêu Em)*

Em,

Để mở đầu lá thư dài, hay đúng hơn, những lời thương nhớ em trong thời gian xa cách, anh đã chép cho em một bài thơ. Thửa thiếu thời của ông thi sĩ, sao giống ngày thơ tình thơ của chúng ta quá. Em cùng xúc động như anh chứ?

Chúng ta cũng đã qua bao nhiêu mùa ngô vàng, bao nhiêu trời mưa gió rồi. Anh chưa nói gì với em phải không? Mai rồi mai lần nữa. Thoắt chốc mười mấy năm. Khoảng thời gian của anh và em chưa lâu quá vậy. Năm nay, anh đã xong năm cuối cùng của Đại Học. Anh sắp trở về quê nhà. Sắp gặp em. Sắp gặp em và nói nhé. Đừng có run. Anh biết, em sẽ còn nói nữa: Trời ơi, em teo quá. Anh kỳ quá. Cái giọng nói của em, hơi thở em, răng em, đã đầy một bụng anh rồi. Đầy từ ngày xưa, khi ta còn nhỏ. Ôi ngày thơ tình thơ. Mất về đâu tuổi dại? Không. không bao giờ mất hết, phải không em. Để anh nhắc lại cho em nhớ.

Em từng cười, chỉ vào mặt anh: Ghê, anh có mụn, mụn lớn quá. Năm đó, anh mười ba, phải không? Một vài mụn bọc có mũ, cứ xuất hiện trên da mặt anh hoài. Và em cười. Tại anh ăn tham. Tại anh ăn nhiều quá, ăn cay, ăn đắng. Nóng trong người, mọc mụn.

Một buổi trưa, em ngồi vắt vẻo trên cành ổi trong vườn. Anh đứng ở vườn bên này, ngó sang. Anh gọi lớn tên em, nhưng em không ngó. Hẳn em đang tìm một trái ổi chín vàng nào. Em kỳ khô quá, nghịch quá. Leo trèo còn hơn con trai nữa. Anh bậm môi. Hừ. Bộ em thích trái ổi hơn anh hả? Anh gọi nữa. Gọi lớn tưởng làm em giật mình. Lúc em quay lại, anh thấy em khóc. Em đang khóc tức tưởi. Thấy anh em càng khóc dữ hơn. Tại sao thế? Anh chui hàng rào, chạy qua. Em tụt xuống gốc, quay mặt khóc nữa. Buổi trưa, vườn nắng lạng lẽ. Em kể, em vừa bị đòn. Em chỉ mơ hồ cảm thấy em có lỗi. Nhưng em đã chịu hình phạt rồi. Anh phải gạt đầu, trong khi em khóc và kể. Anh tưởng tượng được mà. Anh Triết nghiêm khắc: Đưa tay đây. Cả hai tay. Úp lại. Cái thước kẻ gỗ xuống, kêu bốp bốp ngon lành. Lúc này em đứng khóc ở lu nước. Em nói giá nước mắt của em chảy đầy một lu đó, chắc em sẽ bớt buồn. Nhưng lu nước để hứng nước mưa chớ đâu phải để hứng nước mắt em, và em còn biết làm gì hơn là trèo lên cây ổi. Em thích trèo lên cây ổi lắm, cây ổi có cái nhánh ba, để em tựa cả khi vui lẫn khi buồn. Cây cối là bạn của mình cây cối mọc cho mình. Vì mình. Nghĩ thế, em cầm anh bút cả cỏ, hái cả lá. Cây cũng biết đau, anh. Em thương cỏ cây. Cỏ cây cũng thương em chứ. Đó khi em khóc, những lá cây như khép lại, và những ánh nắng ép trên mắt em, muốn hơ khô giùm em những giọt lệ.

Như vậy, anh có những xúc động tình cảm rất sớm. Thì đó cũng là xúc động do tình thương, tình thân. Thứ tình yêu, thân thiết của tuổi nhỏ, dĩ nhiên là thơ ngây, nhưng ai dám bảo không đậm đà, tha thiết. Anh muốn dỗ dành em quá. Nhưng anh biết tính em. Em khóc rất lâu, khóc dai. Đôi khi, vì một chuyện không đâu, em cũng mất cả một buổi, một ngày để khóc. Sau cùng, anh tìm ra được một trái ổi chín thơm phức. Trái ổi chín bị chim ăn mất một góc. Anh nhớ em đã cười khi đưa trái ổi lên ngắm. Em cười khi nước mắt còn long lanh. Em cắn ngập răng vào phần ổi còn lại. Mắt em tha thần trong bầu trời, như rơi theo một bóng chim nào. Con chim nào dễ thương, đã biết nhường cho em một phần trái chín. Trưa hôm đó em đã cùng anh leo lên cây, cùng tìm ổi, và nhai ổi non tới căng cả bụng. Em nói chuyện về những con chim tới cư ngụ trong vườn nhà em. Em quả quyết với anh rằng, loài chim se sẽ không bao giờ biết tắm bằng nước. Chúng thích tắm bằng cát. Em nói, hằng ngày em vẫn rình coi bọn chim sẽ tắm ở đồng cát phía hông nhà. Em hỏi anh có thích thì rình coi với em. Anh không thích, coi chim sẽ tắm cát hay tắm nước thì có gì thú vị. Thú vị chẳng là anh được cầm ná bắn vào đàn chim. Bắn từng chú sẽ ngã gục. Anh đã đại nói điều đó ra. Em giận. Và điều kiện ác liệt quá. Từ hôm đó, anh không còn cầm tới chiếc ná thung nữa. Anh đã phải bẻ ná trước mặt em.

Chim chóc cũng biết đau đớn, biết đau hơn cỏ cây nữa. Em không dám nhìn cắt cổ gà. Em không ăn thịt chim bồ câu bao giờ. Ở Huế, mùa mưa lụt, ngon nhất là món chim triết nấu măng. Em kể, ba em thích món này lắm. Sau khi nhìn ba ăn một cách khoái khẩu, em thường nhặt vài chiếc lông tơ trắng, ngắm và khóc, và thương. Em làm anh cũng khoái quá cỡ món này, nhưng cứ mỗi lần ăn xong là ân hận. Từ năm đó, anh đã biết mộng mơ. Đã có những tình cảm lạ lùng len lỏi làm anh sửng sốt. Nhiều lần, anh nằm mơ, thấy em bay bổng lên cao, trắng toát, mềm mại. Em có đôi cánh kết lại bằng lông tơ của đủ các loài chim. Anh đuổi theo, cố dẫu cái ná cao su của mình. Anh đi bắn chim, anh nào ngờ, em đang bay cùng với đàn chim anh tìm kiếm. Và anh gọi em, gọi lớn lắm. Giọng em, trong trẻo, vọng xuống:

- Vũ. Vũ ơi. Bẻ ná đi. Bay theo em nì.

Anh bẻ ná. Vừa bẻ ná vừa chạy theo em. phải chạy nhanh vì em bay nhanh quá. Rắc. Chiếc ná bẻ đôi. Nhưng nào ngờ, một mũi tên vút lên. Em rơi xuống nhanh như mũi tên vừa lao lên vùn vút. Và em mềm nhũn, bất động. Toàn thân trắng nuốt, đôi cánh trắng của em loang lổ máu hồng. Và đàn chim, ở đâu nhiều vô số, xúm tới, mổ cắn anh. Tội anh đáng chết lắm rồi. Nhưng chỉ là giấc mơ thì làm sao chết được. Hồi đó, anh dấu biệt em giấc mơ kỳ dị trên. Bởi vì nếu nghe kể, em sẽ kêu lên: Anh ác. Và anh có nói đó là mơ thì em cũng ngoan cố như thường: Mặc kệ. Anh ác. Và rồi, anh sẽ thấy anh ác thật. Chỉ làm em khóc, anh cũng đủ ác nghiệt rồi.

Năm đó, anh học đệ ngũ. Còn em, Bê, nhỏ bé, dễ thương chỉ mới học tới lớp nhất. Anh có chiếc xe đạp người lớn, bánh lớn, dàn cao, khó ngồi quá nên khi đạp anh phải nghiêng qua nghiêng về. Em chê: Trông Vũ đạp xe đạp cao bồi quá. Khoe hả. Em nói em muốn tập đi xe đạp lắm, nhưng coi bộ khó quá. Anh kể lại bước đầu tập đi xe của anh. Lúc biết đi rồi, anh bèn đạp ra

đường cho quen xe cộ. Anh trông thấy một ông tây đen từ đằng trước đi lại. Anh tự nhủ: phải tránh ra, đừng đụng vào ông ta. Ông ta ghê quá, to lớn quá. Và đầu óc anh cứ hướng về ông ta thế nào mà thay vì tránh ông, anh lại đâm đầu vào ông. Chuyện chẳng có gì mà làm em cười quá là cười. Anh còn nhớ, anh đã kể cho em vui, vào chính buổi trưa em khóc trên cành ổi.

Em phải lội bộ đi học. Nhiều lần anh nài nỉ em leo lên đằng sau xe anh chở tới trường, nhưng em không chịu. Em nói em ghét mấy cái mặt của tụi bạn anh. Tại sao lúc nào thấy em với anh, chúng cũng ngó anh cười cười rồi ghé vào tai anh nói thầm gì đó làm anh đỏ mặt. Nói xấu em chẳng?

Một buổi trưa, học về thấy em lầm lũi đi trên lề đường. Em khóc. Đi lải nhải theo em là một tên bạn anh: thằng Phong. Nó đang nham nhở trên chọc gì đó. Anh dựng xe, chạy xộc tới. Trên tay thằng Phong là một chiếc lá, trên sống lá, đu đưa một con sâu róm đen thui, lông lá dựng đứng coi ghê quá. Nó đang dọa em, và em khóc thôi là khóc. Anh không thèm hỏi han gì, giựt đại ngọn lá cùng con sâu trên tay thằng Phong ném vào mặt nó. Quá bất ngờ thằng Phong không kịp phản ứng. Con sâu đeo vào má, nó nhảy dựng lên, đưa tay phủi lia lia. Và điên tiết, nó xông vào đánh anh tới tấp. Anh cũng chống cự anh đứng lăm chừ. Nhưng nó to con hơn anh, lại nổi hung vì bị ngứa ngáy bởi lông sâu chạm vào da, nổi hồng những đốm dài như vết cào. Anh thua. Anh bị một vết bầm trên mặt, một vài quả thui, để dấu vết nơi lưng, nơi mạn sườn. Thằng Phong đề lên người anh, tàn nhẫn thụi tay xuống ngực, xuống bụng. Có phải lúc đó em hét lên không nào. Em hét lên và em nhảy bừa vào. Em rất hiền nhưng em cũng rất dữ. Thằng Phong buông anh, hậm hực bỏ đi sau khi đe: Tụi bây coi chừng tau? Coi cái gì? Em đứng chống nạnh tay, lè lưỡi nhạo báng nhìn theo. Đồ con gái, tau không thèm chấp. Em đưa tay lên dọa. Cử chỉ của em làm anh hết thấy đau đớn. Anh khập khểnh đi lấy xe, dắt bộ rồi cùng em đi về nhà. Em còn ám ức:

- Con nhà ai mất dạy. Nó dọa em con sâu...

Tội nghiệp. Em rùng mình. Vết sọc hải còn xanh dờn trên mặt. Em hằn học: Bê sẽ trả thù nó cho coi.

Anh lặng thinh. Để em nói cho hả tức. Nhưng em không hả tức chút nào. Em khóc nữa:

- Vũ đau lắm không? Vũ để nó đánh...

Em nức nở. Anh cố gượng cười. Gượng cười trong khi hông đau nhói, răng tê cứng:

- Không đau.

- Còn không đau nữa. Vũ chơi chi thứ mất dạy đó. Bạn Vũ đó hả? Bạn gì mà...

- Từ nay, nó không là bạn anh nữa.

Em chùi nước mắt. Chuyện đó, về sau cả bọn bạn anh biết hết. Thằng Phong, đã hết là bạn mà trở thành kẻ thù. Nó nói nó đã đánh anh một trận ngất ngư, mặt mặt mũi mũi hết với con bé. Tụi bạn anh đòi trả thù. Nhưng em can. Em nói với anh để đó em trị tội.

Hai đứa về nhà với một nỗi buồn lộ rõ. Anh Triết, ném cho anh một cái nhìn không mấy thiện cảm. Anh biết, đối với anh Triết anh là một thằng bé không ra gì. Thừa nhỏ hơn, anh đã phá phách, chọc chó, ném đá, hỗn hào. Anh đã dấu guốc cô bạn gái của anh Triết. Ném hạt sầu đông vào đầu bạn gái của anh Triết. Đạo đó, tại chưa thân với em, anh đã làm buồn lòng anh Triết. Rủi quá, anh có sửa đổi tới mấy, dưới mắt anh Triết, anh vẫn là một thằng bất trị.

- Bê. Mi đi đánh nhau với thằng chó để đó há. Con gái gì mà như con trai. Mi còn chơi với nó tau đập chết.

Anh lủi thủi về nhà. Anh lấy muối xức vào vết thương cho mau tan máu bầm. Anh soi mặt anh trong lu nước. Mùa khô, lu nước chỉ còn đọng cạn và đầy con lăng quăng. Anh không dám vào nhà. Vào nhà, mẹ sẽ buồn: Vũ con đi đánh nhau nữa. Em, em biết anh thương mẹ tới dường nào. Ngay khi anh ngồi viết tập nhật ký này, anh hiểu mẹ đang làm gì ở nhà. Tiếng gạo xay buồn bã suốt thời thơ ấu của anh. Đòi mẹ, mềm nhũn đứt đoạn như bún. Nhưng những sợi bún mềm ấy đã cột đòi mẹ và đòi anh thật chặt. Cột đòi hai mẹ con vào ngôi nhà thờ, trong mảnh đất rộng, dù đói cũng không được bán đi. Anh không soi được mặt mình, không nhìn thấy vết bầm. Và anh bỗng yếu đuối, như con gái, anh khóc, nước mắt anh rơi xuống lu nước, những con lăng quăng càng quấy động dữ.

Những lần khác, ngồi bên em, nhìn em khóc, anh cũng muốn khóc lắm. nhưng anh thường nuốt hết đi, nuốt nước mắt để bụng căng đầy. Em nói em ghét con trai khóc lắm. Con gái khóc thì được. Ông trời sinh con gái ra là để khóc. Còn con trai sinh ra làm gì? Em mở lớn mắt. Cười:

- Uỳnh lộn.

Không phải đâu. Anh dõi mắt nhìn bầu trời xa. Trên nền trời xanh, những đám mây trắng đuổi nhau, đi lang thang. Trời rộng mênh mông. Mây có bao giờ dừng lại không? Anh đã có chút mơ mộng, phiêu lãng, từ những ngày ấy. Và anh cũng buồn da diết, vì nghĩ rằng, đi phiêu lãng thì làm sao anh còn có em bên cạnh. Em nhớ không? Em ít khi cho anh mơ mộng lắm.

- Nhìn gì trên đó. Em hỏi Vũ có phải con trai, trời sinh ra để uỳnh lộn không?

Và em bậm môi:

- Phải trả thù Vũ ạ.

- Ai?

- Bộ Vũ quên rồi há? Thành Phong. Hôm nọ nó đánh anh.

- Đánh với nó, Vũ thua nữa. Vũ không bằng nó.

Em cắn môi. Đôi môi non dại, thơ ngây, nhưng đã hằn lên vết thù nghịch:

- Vũ thua chứ Bê không thua. Ai mượn nó làm Bê khóc.

Em nhớ dai quá. Em thù cũng dai nữa. Anh nhớ rồi. Chỉ tuần lễ sau, anh ngạc nhiên quá. Em đã thân với Phong quá thể. Em đã thân với Phong làm anh cay đắng. Anh nghĩ, có lẽ em cho anh hèn quá. Uỳnh thua Phong, rồi lại không dám trả thù nữa. Khi em thân với Phong thì anh lần tránh em. Em cũng không chịu nữa. Em bắt anh phải mở lớn mắt để nhìn em kết bạn, thân ái. Thành Phong, chịu em quá mà. Nó trèo cây hái trái sầu đông cho em chơi ô làng. Nó hái me, hái đào theo lệnh sai bảo của em. Em có mấy đứa bạn gái, mấy đứa bạn trai để chơi đùa. Và một hôm, em chui hàng rào qua, gọi cho được anh.

- Vũ. Vũ ơi.

Anh đang giúp mẹ xay gạo. Bỏ hết. Em lí lắc:

- Đi chơi không?

- Chơi gì? Ở đâu?

- Đi hái khế. Vườn ông Tuất nhiều khế chín ghê.

Ông Tuất. Nghe tên, anh đã tái người. Chưa có một đứa con nít nào dám bén mảng tới vườn ông. Cây roi, cuộn dây, cũng chưa hã bằng khuôn mặt ông, sần sùi như đá tổ ong, cứng lạnh, tàn nhẫn.

- Không được đâu.

- Được mà. Đi với em.

Anh đâu để em đi một mình được. Cả một bọn đứng đợi ở phía đường hẻm tắt cả đều do em bày trò. Hai đứa con trai, ba đứa con gái. Thành Phong, anh còn nhớ cái mặt nhâng nhâng của nó:

- Ê, huề nghe mi. Bữa trước tau đánh hơi lỗ tay, đau há.

Anh cố nén sự giận dữ trong khi em cười ngất:

- Ăn nhầm gì. Vũ nói Phong phải bụi cho Vũ.

- Ủ, bỏ chuyện đó đi. Giờ tụi mình là bạn nghe. Chơi gì nhớ cho tau chơi với.

Nhóm của anh gồm bốn đứa. Phong, Hoan, Phách và anh. Tưởng đã loại Phong, nhưng nay thì hết có ý nghĩ đó. Nhưng không có Hoan và Biên. Em đầu têu:

- Bê đã thủ muối ớt. Một gói nè. Vô vườn hái đào. Trời ơi, ngó vô thấy chín đỏ từng chùm, từng chùm...thèm quá.

Em nuốt nước miếng. Em. Trước mắt em, hình như không còn ai mà chỉ có trái đào chín đỏ. Ở Huế gọi là trái đào, trong khi ở Nam gọi trái mận, ở Bắc gọi trái roi. Và trái đào tưởng tượng của em cũng làm cả bọn ứa nước miếng theo. Thành Phách, ngó em:

- Ừa. Mau lên. Giờ này chắc ông còn ngủ.

- Em gật gật:

- Chắc chắn rồi, ông đang ngủ.

Em kéo tay anh. Tự nhiên thân ái nhất. Để làm gì? Anh hiểu ra liền khi cả bọn đứng ở bên ngoài vườn ông Tuất. Em ngó anh, cười tươi :

- Vũ. Vũ chui vô đi. Vũ trèo cây giỏi nhứt. Tụi ni nó nhát lắm.

Mấy con gà muốn gáy tức. Thằng Phách ưỡn ngực:

- Ê. Tau mới trèo giỏi nè. Tau đã từng leo cây sấu ở trên lãng Tự Đức

Thằng Phong cười nhạt:

- Đồ bỏ. Tau mới là vô địch. Tau trèo cây hồng quân. Đứa nào cũng sợ cây hồng quân. Sợ con ma ở cây hồng quân. Tau trèo hoài. Ma làm gì tau mô nà.

Anh không ham tranh dành những tài đó. Mẹ anh căn dặn anh ngày đêm: đừng phá tán trèo cây.

Có phúc để con biết tội, có tội để con hay trèo. Em khích :

- Nhưng mi sợ chó. Phách, mi dám làm gì mấy con chó nhà ông Tuất không? Anh Vũ không sợ chó mô nì. Anh Vũ trèo giỏi.

Anh luống cuống nói u ở gì đó làm thằng Phách cười quá:

- Thằng Vũ để mèn, chí mèn. Thằng Vũ gà chết. Nó mà dám. Coi mặt tái nha tái nhách. Thấy chưa, Phong. Mi đi với tau.

Anh còn biết làm sao hơn. Bẽ bàng đứng một xó. Thằng Phách, thằng Phong anh dững vạch bụi rậm chui vào vườn. Em nói với theo: Bọn tau đứng ngoài canh cho. Có gì bọn tau vỗ tay là chạy nghe chưa. Nhớ chưa?

Thằng Phong hơi rét :

- Tau leo trên cây đó. Nhớ làm hiệu sớm nghe, kẻo tau trèo xuống không kịp đó.

Anh hỏi hộp quá. Em thì thầm gì với hai đứa con gái bạn và cười rúc rích. Anh sợng trăn. Chắc cười anh nhát chớ gì. Anh ngó vào vườn , nhón người liếc vào phía hông căn nhà. Chết rồi, có bóng người vừa đi ra. Anh định la lên thì em giữ tay anh lại, nói nhỏ: Đừng la. Nhưng rồi chính em và bọn con gái la hoảng: Ăn trộm. Xuống. Xuống mau. Chạm mắt rồi, hai ba con chó đã xông ra. Và ông Tuất, với cây roi dài đã xuất hiện. Phong còn vương vịu trên cây, và Phách co giò chạy bán sống bán chết.

- Cứu tau. Cứu tau, tụi bây.

Cuối cùng, Phách cũng chui ra được, nó bị chó ngoạm một miếng nơi chân trái, khóc la um sùm. Còn Phong, bắt buộc phải leo xuống. Phong bị ông Tuất trói dưới gốc cây, chờ người nhà tới chuộc. Em còn thò mặt vô hàng rào, gọi: Phong, Phong. Và nhả mặt chế nhạo. Mi hết còn trêu chọc tau nữa thôi. Lúc đó thì Phong hiểu rồi. Anh kéo em đỡ em dậy. Em nhìn anh, cái nhìn hẻ hả:

- Vũ thấy chưa, em nói là làm mà.

- Nó bị trói tội nghiệp quá.

- Vũ thương nó nhưng nó có thương Vũ không. Ai mượn nó đánh Vũ chi. Nó đánh Vũ. Bê đâu có chịu.

Đó chỉ là những trò chơi đại dột của tuổi thơ. Tối hôm đó, mẹ thằng Phách dẫn thằng Phách tới nhà em, rồi mẹ thằng Phong tới phân trần. Anh Triết sang nhà gọi mẹ anh ra nói chuyện. Cả đêm, anh đã hối hận, xót xa đứt ruột vì những giọt nước mắt của mẹ. Anh Triết bảo rằng, anh rủ rê, xúi em chơi trò bậy bạ. Tất cả mọi lỗi là do anh. Đứa con không cha. Con không cha như nhà không nóc. Đó là nỗi khổ tâm lớn lao nhất của mẹ anh.

- Con ơi, con hiểu là nhà mình nghèo con thương mẹ ráng mà học hành. Con chơi nghịch ngợm rồi người ta gọi mẹ gọi cha ra mà chửi. Xót linh hồn cha con.

Anh cũng xót cho em nữa. Anh nghe tiếng em la thất thanh ở bên nhà. Lúc đó, anh đứng trong vườn tối, nước mắt cũng rơi như mưa. Anh đau cùng những lần roi của anh Triết quất lên người em. Lúc nãy, anh Triết cũng đưa nắm tay lên dọa: Mi coi chừng, mi còn rủ rê nó nữa thì mi biết tau. Anh muốn nhìn thấy mặt anh Triết lúc đó. Mặt anh kỳ cục khó coi. Nhiều đứa con gái bằng tuổi, hoặc thua anh Triết, hoặc hơn một hai tuổi, thấy anh Triết là che miệng cười khúc khích. Anh gặp mặt anh Triết cũng khó chịu lắm. Anh đứng chết lặng trong vườn để tự cảm thấy mình biến mất.

Nhưng anh vẫn cứ nghe, lẫn với tiếng roi vun vút quất lên mình em, tiếng la đau quá, đau quá của em, là tiếng xụt xùi của mẹ.

Em,

Kỷ niệm buồn quá. Buồn vì kết cục đó. Nhưng bây giờ đối với anh mỗi lần nhớ lại, anh đều bật cười. Anh nhớ cái dáng chạy quần đít của thằng Phách. Nhớ cái mặt hớt hải, xanh lè của Phong lúc bị trói dưới gốc cây. Cả giọng cười hề hả của em nữa. Làm sao bắt tay với kỷ niệm một cái.

*

II.

Thời trung học của em,

Vào đệ thất, em mười ba. Anh chắc chắn nhớ đúng. Bởi vì em khoe với anh “năm nay Bê phải cẩn thận, mẹ nói năm tuổi của Bê”. Năm đó là năm Dậu, và anh có chú gà con lông màu vàng tơ, óng ánh. Em chẳng thích làm con gà con. Em nói lên trung học là lớn rồi. Em phải mặc áo dài. Ngày mang chiếc áo dài đầu tiên đi tới trường, đối với em, cũng là ngày trọng đại. Em có nhiều bạn gái. Hầu hết các cô nhỏ mười hai, mười ba ở cùng đường đều là bạn em. sáng nào cũng họp đàn đàn chặt đường tới trường. Em đã vào được mái trường mơ ước. Năm ngoài, chưa thi đệ thất, em đã nói với anh :Sang năm, Bê lên trung học. Vào học được ở Đồng Khánh sướng quá há, Vũ. Học ở đó oai ghê. Em bắt đầu oai thật. Em xách cặp bự, quá khổ với người em. Em đã biết che mái tóc bằng nón lá, dưỡng gót chân sơn bằng guốc gỗ. Em không chịu đi cắt tóc búp bê nữa. Bây giờ, em không thích hạt quả mà chỉ thích hoa sấu đông. Em nói em thích quá là thích màu tím. Hoa sấu đông màu tím, hoa sim màu tím, hoa cỏ dại màu tím. Ở nhà em, có dàn hoa trước sân, cũng rũ xuống những dây là dài, nở từng chùm hoa tím mà anh không biết tên gì. Em cũng không biết và nói, thầy kệ, gọi hoa tím đi. Em thích cắt những hình màu để ghép trong tập vở. Một buổi tối, em lén sang nhà anh, tay cầm một cuốn tự điển chữ Pháp thật dày. Em nói ở trong có nhiều hình hoa đẹp lắm, cắt cho em đi, không biết sao anh đã cắt giùm em một lô hình. Để rồi sau đó anh Triết khám phá ra. Em bị đòn. Bị đòn và bị phạt. Nhưng tật mê hình vẫn không bỏ. Anh chiu em, đã nhin tiền quà sáng, vào tiệm sách lục mua cho em những tấm hình in hoa, in con mèo, chú gà con. Trong loạt hình đó, anh thích hình chú gà con chi lạ. Chú gà con cầm dù, cột khăn, đi bằng hai chân, và đong đưa hai cánh. Anh ví em với chú gà con, và em giận. Em không muốn anh coi em nhỏ mãi. Em đang lớn. Trung học rồi chớ bộ. Ừ, em lớn thật. Em mười ba, năm mười ba tuổi, anh đứng thấp thua em là cái chắc. Nhưng anh mười sáu, anh cao hơn em gần một cái đầu. Anh cũng đã lên đệ nhị cấp. Ngày chọn ban, anh quýnh ghê. Anh còn buồn cười mãi, khi nhớ tới lúc quýnh quá anh đã phải nhớ em làm cố vấn. Em quan trọng hẳn vấn đề:

- Ờ. Ban A.B.C. Chọn ban nào giờ ta? Anh thích toán không?

Anh dốt toán. Em nói em cũng vậy. Chọn ban A để gạo bài. Thôi đừng gạo bài. Gạo bài rồi thì giờ đâu mà chơi với em. Em nói mùa hè sẽ dài lắm nếu không vui, và ngắn vô cùng nếu vui quá. Cuối cùng anh ghi tên vào ban C. Mẹ phản đối. Mẹ không thích có thằng con trai mơ mộng rồi khổ vì đàn bà. Anh cười thầm nhưng công nhận mẹ nói đúng. Còn em. Em hí hửng hỏi rằng: học ban C là ban văn chương, anh làm được thơ không? Nhớ làm thơ cho em đọc với. Nếu không vì mẹ anh chỉ làm thơ cho em đọc. Vì mẹ, anh còn phải thi đậu nữa.

Vào trung học rồi, em không còn thích đi tắm sông nữa. Lần tắm sông cuối cùng chắc anh nhớ ngàn đời. Anh với Hoan rủ em phải không? Mùa thu. Anh nhớ đúng, vì em còn nói buổi sáng sương mù ghê quá, em với con Tâm đi học không nhìn thấy dòng sông Hương, cả vườn hoa cũng mờ mịt. Nhưng mùi lá cây long não hai bên đường thơm quá chừng. Tại sương đặc quá, không làm phai mùi thơm. Trong tay em còn cầm một đọt lá long não, màu đỏ non đã bầm dập, và em đưa lên mũi người hoài: thơm quá. Lúc xuống bến sông, con Tâm mặc áo mai dô, em cũng bắt chước mặc áo mai dô. Hoan nhăn nhó:

- Đừng mặc áo. Mặc áo nước nó thấm bơi khó lắm. Như tụi tau nè.

Em quay mặt đi, cười. Con Tâm xấu hổ, Tâm lớn hơn em một năm, cao hơn em nhiều. Anh còn nhớ cái háy có đuôi dài của Tâm:

- Kệ người ta. Vô duyên òm.

Thật tình hồi đó anh không ưa con Tâm. Nó lí lắc, điệu bộ quá. Nhiều lần nó nói xấu anh, nói rằng anh mê em. Nó còn đặt điều khác tầm bậy tầm bạ hơn nữa. Anh không nói với em làm gì. Đối với anh, em còn quá nhỏ, quá thơ ngây. Anh còn muốn nhỏ xuống bằng em để chia với em chút thơ ngây, vụng dại. Mười sáu tuổi. Em biết không, lòng trai đã biết rung động, xao xuyến. Anh đã ước tóc em chóng dài hơn, mắt em sâu hơn, em ít cười nói hơn. Đừng chạy nhảy. Đừng trèo ổi nữa. Em vẫn cứ ngồi trên cành cây chẻ ba, nhai ổi non, hái ổi non ném qua vườn anh. Em mặc anh Triết hăm he dọa nạt. Em đâu có làm gì? Em có hại ai đâu? Em vui mà. Em ngạc nhiên khi bị cấm không được vui, không được trèo cây, hái ổi, không được chơi với anh. Con Tâm hay chê em:

- Nhỏ ni ngu quá. Chẳng biết chi hết.

Biết như con Tâm thì anh không thích chút nào. Con Tâm suốt ngày làm điệu với thằng Hoan. Còn em, em không thêm bộ điệu với ai hết. Em bơi một mạch từ bên này sông qua bên kia sông. Em lặn sâu dưới nước, lòi chân anh, nhận chìm. Em vỗ nước tạt anh, tạt con Tâm và Hoan tới tấp mặt mũi. Em còn biểu diễn bằng cách ngồi xếp bằng dưới đáy bờ sông, nín thở, thi coi ai chịu đựng lâu hơn, và bao giờ em cũng được nhất. Em làm con Tâm sặc nước, mặt mũi đỏ gay, gầy gồ om sòm. Em nói em là con trai, em dám leo lên cầu, bồng không xuống mặt nước sông. Em làm cả một bên sông ồn ào linh động. Chỉ một lát, tụi nó nhập bọn thật đông. Em chán, rủ:

- Mình bơi lên phía cầu Lòn đi. lên phía miệt trên hái bắp.

Đâu có mấy đứa dám theo. Tụi mình bỏ rơi hết bọn nhóc dọc bờ sông. Cuối cùng chỉ có hai đứa, thằng Phách và Thằng Ngo. Con Tâm ghét hai đứa này lắm, cầu nhàu hoài. Từ ngày bị em đánh lừa vô hái trái rồi bị chó tấp vào chân, thằng Phách đã một hồi giận anh. Nhưng nay đã chơi lại vì nó học cùng lớp ngồi cùng bàn với anh. Nó đã thôi phách lối như tên của nó. Đi đâu nó cũng xin đi theo. Nó có vẻ phục em. Con Tâm, chắc vì vậy mà ghét nó.

Lẽ ra thì Phách tới còn bắp trước. Nhưng nó cố ý bơi chậm lại để nhường em. Con Tâm phát giác được, bĩu môi:

- Phách hèn.

- Răng mà hèn?

- Nhường con gái là hèn. Đáng lẽ Phách bơi tới trước.

Mặt mũi Phách đỏ gay. Vì nụ cười của em đó. Anh cũng cười nữa. Thằng Phách nhăn mặt:

- Mi biết chi chớ.

- Tau biết chớ răng không.

Anh ghét con Tâm vì hay mi tau nữa. Em lúc nào cũng xưng em với anh, xưng Bê với bọn thằng Hoan, thằng Phách. Vì em hay xưng Bê mà bọn con trai thường trêu em: Bê bán bún bò bánh bèo bị bò báng bẻ bụng. Lúc đầu em giận khóc, bây giờ em quen rồi, em còn đọc dài thêm một đoạn. Nhưng từ ngày em lên trung học, đồ đứa nào dám trêu em.

Em,

Thì đây:

Tĩnh dậy dưới chân đồi

Ruộng ngô ai ngào ngạt

Chạy khắp ruộng tìm coi

Nào ngờ em trốn mất

Anh mãi ngẩn ngơ, em và cả bọn đã kéo nhau vào ruộng bắp từ bao giờ. Anh nghe tiếng cười như nắc nẻ. Tiếng em, tiếng Tâm, tiếng Phách và Hoan. Anh nghe giọng em gọi: Vũ ơi... ơi ... Vũ đâu, Vũ? Anh vội vã leo lên bờ, vào ruộng. Ruộng bắp bát ngát, cả bọn đã chơi trốn tìm, đuổi bắt nhau. Anh len lỏi, vạch lá khom người, chạy kiếm tìm. Anh gọi: Bê. Bê đâu? Tiếng em đáp lại: Vũ. Vũ đâu? Vũ đây. Bê đây.

Nhưng làm sao bắt em được. Em trốn anh, em cười bắt anh tìm, anh đuổi. Anh nghe tiếng thằng Phách với con Tâm gây gổ nhau dữ dội

- Ê. Mi làm tau té.

- Đâu phải tau? Tau đâu có cố ý. Tại mi vấp chớ

- Mi xô tau
- Mi mù
- Mát dạy

Anh tìm ra chúng nó. Mặt mũi đũa nào cũng đặng đặng sát khí. Anh chưa kịp giải hòa thì đã nghe giọng em sau lưng: Cúc cu.Cúc cu. Anh quay lại. Em chỉ còn là cái bóng loáng thoáng. Anh vội rượt đuổi. Một cây bắp quất vào mặt anh, rồi Hoan xuất hiện. Anh tưởng một tên mọi nào, hoảng hồn hoảng vía, nều không nghe giọng Hoan cười. Cả người Hoan nhuộm bùn, miệng Hoan bị che lấp bởi một chùm râu làm bằng râu bắp, đồ bằm. Anh đang ngờ ngác thì em lại hiện ra. Tay em vít đầu anh, và một bộ râu bắp khác được mắc lên miệng anh. Em bịt mắt anh lại rồi hô: chạy. Anh tối tăm mặt mũi, chỉ nghe bên tai, giọng em cười ròn như pháo tét.

Chạy đuổi và lạc lung tung. Gọi nhau ơi ới. Sau cùng, anh nghe tiếng em la thất thanh. Anh như bay tới chớ không phải chạy nữa. Em té, nằm sòng soài dưới vòng đất giồng bắp. Anh đỡ em dậy: đau không ? có sao không ? có sao không? Em nhăn nhó. Và em lại phá ra cười, đưa tay bứt bộ râu bắp của anh liệng đi:

- Trông Vũ

Em tính cười nữa. Nhưng em nhăn mặt. Chắc đau. Một vết xước nơi đầu gối, rỉ máu anh kêu hoảng: chết rồi. Em nói không sao. Em biết cách sát trùng. Em nhỏ nước miếng vào vết thương: xong rồi. Nước miếng người ta độc lắm. Một bãi nước miếng giết chết một con ruồi đó, vũ anh ngờ ngác. Anh chưa từng biết. Chưa từng nghe ai nói vậy.

Vết thương nhỏ làm em mất hứng thú. Kỳ bơi trở về bến, em có vẻ uể oải, chậm chạp hơn. Anh đỡ cho em những quả bắp bẻ được. Về tới bến sông, cả bọn tắm tấp một lần nữa mới lên bờ. Lúc lên khỏi bến thì đèn đường đã đỏ. Anh cầm phần bắp chia của em về. Những quả bắp phải đem dẫu ngay sau vườn , trong bụi. Anh vô nhà, thấy mẹ đã dọn cơm chờ. Mẹ nhìn anh lắc đầu. Mặt mũi anh , tóc tai anh đã tổ cáo. Anh còn biết chối cãi gì nữa. Mẹ buồn:

- Con a. con đừng có rủ rê con Bê đi chơi nghịch ngợm nữa. Con đã lớn , nó cũng đã lớn rồi

Mẹ thở dài

- Con Bê nhà giàu. Còn nhà mình , tuy có chút đất đai, nhưng không phải danh giá. Anh chỉ biết cúi đầu , im lặng, nuốt vội miếng cơm ăn. Cơm xong, anh còn phải dọn dẹp cho mẹ đi bán buổi tối. Mẹ có chiếc thuyền nhỏ để bán hàng rong buổi tối trên sông hương. Mẹ hỏi anh có thích đi bán phụ với mẹ không. Thường thường, anh thích lắm. Buổi tối chèo thuyền trên sông. Mẹ bán hàng, rao hàng. Còn anh, không làm gì hết. Một mình anh , anh mơ mộng với mặt nước đen thẫm. Nhưng hôm nay, anh xin mẹ ở nhà lấy cơm còn nhiều bài vở. Vì em. em biết không? Vì em , mười sáu tuổi anh đã biết dối mẹ

Khoảng chín giờ, anh ra vườn đón em. Em thường chui hàng rào. Em cho biết hôm nay yên tâm ở lại lâu. Anh Triết không có nhà. Anh hẹn với chị Diễm phương, và giờ này, anh chị đang đi dạo với nhau , ở vườn hoa hay trên con đường vắng nào đó. Hai đũa hí hửng ôm bắp vào nha, xuống bếp. Anh nhúm lửa. Anh quen việc này lắm, còn em, ngồi bóc vỏ bắp. Em chê anh quá:

- coi bắp em bẻ trái nào hột cũng đều riển. Còn bắp của anh ... tròi ơi ..sún hông à.

Em cười. Dưới ánh lửa than hồng. Răng em đều, nhỏ, trắng nõn như hạt bắp sữa. Em lựa một trái bắp lên soi:

- Trái này này, Vũ. Trái này của Bê bẻ. Hạt đều và già. Bắp anh như hàm răng sữa con nít, sún lung tung. Để nấu chè thì được. Nướng teo tóp lại, chẳng ra gì.

Lửa cười ròn. Bắp khoe răng đẹp. Em cười ròn. Em cũng khoe răng đẹp.

Em.

Những trái ngô đầu mùa

Cười ròn trên bếp lửa

Ngoài xa trời gió mưa

Ai dại gì thương nhớ...

Huống gì, đêm đó không mưa gió. Đang mùa thu. Đêm chỉ có sương xuống. Sương ướp đặc hương thơm cho hoa nhài , hoa mộc , sương chỉ đủ làm không khí mềm, mát, và bếp lửa ấm áp vừa đủ cho má em hồng mắt em sáng.

- Aên đi. Vũ ăn đi. Trái này nóng nè.

Anh no quá. No vì nhìn em. anh thích nhìn em. răng em cười còn tươi đều hơn bắp. Em hỏi:

- lúc này Vũ ăn nhiều cơm không ?

anh gật đầu. Em liền thoáng

- Trời ơi. Bê ăn nhiều kinh luôn. Năm chén cơm. Bơi vớ chạy quá , bụng đói meo hở vũ

Em cười nữa :

- Anh Triết sùng quá. Anh máng em như đồ con trai. Đồ con trai thì đã sao. Máng vậy mà cũng máng. Vũ há

Em chẳng quan tâm tới anh Triết , dù em bị anh Triết đánh đòn hoai. Em kể chuyện con chó ở nhà em. em nói chắc trong vườn nhà em có vàng chôn dưới đó. Em thấy con chó cứ đi tìm đào hoai . nó đào lung tung làm hư mất mấy cây đậu của em gieo hạt. Nó nghịch quá, cắn nát con búp bê của em. nhưng em chẳng tiếc. Em cũng hết thích chơi búp bê rồi. Đang mùa thu em nói em thích mùa đông. Em mong mùa đông chóng tới. Đi học trời mưa thích ghê, lạnh thích ghê. Em sẽ có bắp rang trong túi áo. Mùa đông , có lụt lội. Lội nước, đi coi đơm cá dọc theo sông. Coi củi trôi , đôi khi heo chó bị nước lụt cuốn trôi nữa. Nhưng em cũng tiếc mùa thu. Mùa thu, tơ trời nhiều ghê. Em thích bắt những sợi tơ trời trắng nõn , hơi dính dính tay, bắt và vò lại, thành một hạt nhỏ rồi không để làm gì hết. Mùa thu sương xuống nhiều, loại dây tơ hồng sống nhờ ở mấy hàng chè tàu mọc nhanh ghê. Em bút hoai. Lạ quá, hễ cứ thấy tơ hồng là phải bút. Đọt non gây dòn , thích tay quá. Em nói ban đêm, hoa nở mình trông thấy được , và rủ anh ra sân coi hoa nhài , hoa mộc. Trăng đã lên từ bao giờ, nhưng không sáng lắm vì sương bắt đầu xuống, che mờ. Em hỏi anh còn biết em mơ ước gì không? Anh chịu. Em nói em thích có một con thỏ để nuôi. Tại sao em có ý nghĩ ấy à? Tại vì em đang nhìn trăng và nhớ tích chị Hằng với thỏ ngọc. Em cho rằng, mọi con thỏ trên đời đều dễ thương, có lòng. Anh không tin ư? Em ghét nụ cười của anh. Tại anh chưa biết nhiều sự tích về thỏ. Chưa ai kể cho anh nghe chuyện một con thỏ, tự nhảy vào lửa, thiêu thân để cúng dường một đạo sĩ đức độ. Con thỏ đó là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Em khoe mẹ đã may cho em chiếc áo lam dài để em đi lễ chùa.Em yêu kính Đức Phật lắm. Em hỏi anh có yêu kính Đức Phật không? Anh ít đi chùa. Nhưng mẹ, không những đi chùa lễ phật mà còn lễ phật ở nhà mỗi đêm. Mỗi đêm. Mẹ đứng trước bàn thờ phật, bàn thờ cha anh. Mẹ cầu nguyện cho mẹ đủ nhịn nhục, đủ sức để đi trọn kiếp khổ này. Mẹ tin có luân hồi, có quả báo, có ông thiện ông ác. Còn em anh nhớ hôm anh đi thi trung học, em đã đem cho anh một bông hoa ngọc lan. Em nói lộc ở chùa, em đã hái, đã cầu xin cho anh thi đỗ. Anh nhớ để nó ở bàn học. Em nhắc đi nhắc lại: Đừng quên. Và anh thi đỗ. Phải vì hai đứa đều có lòng tin không?

- Vũ ơi.

- Há?

- Vũ thấy thỏ ngọc không ?

- Thấy

- Vũ xạo

Rồi một lát:

- Vũ ơi.

- Hà?

- Vũ biết hát không?

Hát anh biết chứ. Lâu nay, anh đã tới nhà Hoan để tập đàn. Anh dấu mẹ, dấu em không biết tại sao nữa.

- Biết. Nhưng dở òm

- Kệ. Vũ hát Bê nghe đi.

Biết hát gì bây giờ ? cò lẽ em thích những bản: chào ba ma. Chào ba má, con đi học về. Học vui quá... hay bản :kia con bướm vàng . kia con bướm vàng... Anh đâu có thể hát được những bài đó. Em. Anh nhớ, đêm đó, trong vườn đầy sương, đầy trăng, đầy hoa nở: hoa nhài, hoa lý, hoa mộc. Anh nhớ tới bài hát Đêm thu của Đặng thế Phong. Bài hát đó, nhắc anh thời có em, như một thi sĩ nào đã làm thơ. Anh biết, em vẫn còn nhớ...

Vườn khuya trăng chiếu

Hoa đứng im như mắt buồn

Lòng ta xao xuyến lắng nghe lời hoa...

Em nghiêng tai, em lắng nghe lời hoa, em nghe được gì chẳng ?

Cánh hoa vườn mình trong gió

Aùnh hương yêu nhẹ nhàng say...

Gió lay...

Anh ngừng lại. Em vẫn nghiêng tai. Em nhìn lên cảnh. Có gió lay không ? không biết. Em lắc đầu :

- Tiếp. Hát tiếp đi, Vũ.

Vườn thu của mình đẹp như bức tranh vẽ trong ý nhạc bản Đêm thu. Cũng cảnh sương nặng trĩu, in bóng êm trong ánh vàng. Màn đêm buông xuống, mái im triền miên ... cho tới bây giờ,

khi xa em , những đêm trăng ở Đà Lạt buồn tha thiết. Anh đã điên cuồng , rồi hát một mình

... Bóng cô đơn đường thao thức.

Mãi trong đêm nặng sầu thương

Hồn vương...

Em lắng tai nghe và nói thích quá. Sao có bài hát tả đêm trăng thu hay tới thế? Tại sao có bài hát thế mà em không biết. Em không nghe ai hát. Anh chép cho em đi. Anh dạy em hát bây giờ

đi. Em cố gắng quá. Em làm anh quýnh luôn. Anh hát sai lung tung. Nhưng em tập rất mau. Giọng em trong trẻo, thanh thoát quá, sương như loãng đi để có lúc ánh trăng tới gần em hơn.

...Qua lá cành ánh trăng tan dịu dàng...

Trăng tan trong mắt em, trên tóc em. Trăng miệt mài trên môi em, non dại. Ru hồn bao nhớ nhung. Vâng anh đã biết nhớ nhưng từ hôm đó. Như chiếu nhìn mắt ta bao lạnh lùng, lay hồn ta rời tan...

- Đoạn cuối buồn quá, Vũ ơi.

Em chớp mắt. Những bụi cây đứng im, những bông hoa nép kín và hương thơm bỗng xông lên ngợp vườn ngợp hồn. Bóng trăng mờ dần trên môi em. có chút sương bụi trong mắt em. Đêm lắng buồn bởi bài hát thì thầm. Em thẫn thờ:

- Mùa thu buồn quá, Vũ hử. Vũ thích mùa thu không?

- Thích.

- Còn Bê. Bê thích hết. Cả mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông.

- Ừ, mùa nào cũng có vẻ đẹp của nó

Em bỗng sực nhớ chuyện gì, nắm tay anh.

- Vũ, Vũ biết làm thơ chưa?

Anh đáp liền :

- Biết

- Hay quá. Bữa nào Vũ giúp em làm một bài. Cô giáo viết văn của em nói bữa nào sẽ có thi đua bích báo. Cô giáo bảo ai làm thơ thì đăng thơ, ai viết gì thì đăng gì đó... em sẽ làm thơ.

Anh nhớ tới tập thơ chép tay của anh. Tập thơ mà anh đã thức bao đêm để viết nắn nót. Cậu trai nào mới lớn, hồn chẳng đầy thơ với nhạc. Anh đã chép , đọc đi đọc lại say mê. Anh cũng đã nghĩ tới chuyện có ngày anh sẽ tặng một người con gái anh thương quý nhất tập thơ chép tay đầu đời đó. Em chớ ai nữa. Nhưng còn lâu lắm. Anh chờ.

Em đã nhớ lại đầy đủ chưa? Thơ với nhạc, tuy có làm em xúc động, nhưng vẫn chưa thấm vào hồn em bao nhiêu. Bởi sau đó, bên bếp lửa em lại tiếp tục nướng bắp. Phải nướng cho hết bỏ uổng lắm. Nếu còn, em sẽ mang về nhà, nấu đi. đêm, em sẽ ăn tiếp một mình trong chăn, không ai biết đâu. Em lại cười ròn rã. Đêm thu, vườn thu, em chẳng thèm nhớ, thèm biết. Em đâu hiểu, hồn anh, ngồi bên bếp lửa, một nửa cùng em một nửa thì... làn gió lướt tới cuốn đưa hồn ta, phiêu diêu theo mây trắng trôi lơ lửng...

Nhưng rồi, cuối cùng, hai nửa hồn anh cùng ráp lại, để được ấm áp , bên lửa than hồng, bên em. Em cắn vào những hạt bắp đều. Hồi đó, sao chưa có bài thơ với những câu:

Hạt ngô thơm mùi sữa

Nở đều như răng em

Ta ghé môi cắn vỡ

Aên mãi không đã thềm...

Chia cho anh với chứ. Anh dành trái bắp trên tay em. em ngạc nhiên: Ơ, của em mà. Của anh, trái kia kia. Mặc kệ. Bắp đã ngon, nhưng sao ngon bằng hơi thở em, sao ngon bằng răng em. em đâu biết gì nhỉ? Em bé như con mèo. Không, bé như con gà con, vàng ánh lông tơ. anh quay mặt đi, dấu lòng hổ thẹn.

Em.

Mùa bắp vẫn còn dài, nhưng mùa bắp của anh và em tàn mau quá. Ngày hôm sau, đi học về, em chui qua vườn, gọi anh. Giọng nức nở:

- Vũ. Em ghét con Tâm.

- Tại sao?

- Nó nói xấu em, nó nói hôm qua, đi bẻ bắp trên cò, em với Vũ đi riêng....

Đi riêng bao giờ? Cả bọn cùng đuổi bắt.

Anh ngờ ngác

- nó nói láo. Nhưng đi riêng thì ăn nhằm gì...

- nó nói... thôi...

em rưng rưng nước mắt. Em lắc đầu, tức giận:

- từ nay em không tắm sông, không bẻ bắp nữa

- sao vậy?

- Em không biết. Nhưng em không thích nữa.

- Đừng đi với bọn nó. Đi với anh thôi.

- Đi với Vũ thôi, tụi nó nói xấu....Em không chơi với con Tâm, nó sẽ đặt điều nói xấu em. nó nói dối, vu oan...

- Anh sẽ đánh nó.

- Không được, Vũ ơi. Con trai đánh con gái hèn lắm.

Anh còn biết nói sao hơn. Từ đó, em không đi tắm sông nữa. Anh biết đi với ai lên ruộng bắp? Em bận rộn lu bù. bạn bè rồi văn nghệ ở trường, rồi bích báo. cuối năm đệ thất của em, anh đã thức cả chục đêm để gõ găm làm cho em một bài thơ được đăng lên bích báo.

Em về, mừng rỡ:

- Vũ ơi. Bài thơ của ... của anh được đăng rồi.

- Của em chơ.ù

Em cười khúc khích

- Tụi nó phục em quá trời. Đứa nào cũng khen hay. Cô giáo quốc văn của em hết hồn luôn. Nói trong lớp có một thi sĩ mà không ai biết. Chết em rồi. Từ nay, nếu muốn cứu em anh phải làm thơ hoài cho em. Nghe. Nghe.

Anh chịu quá. Anh có quả cà chua đeo lưng lẳng trên mũi nữa chớ bộ. Anh tưởng là đại thi sĩ rồi. Đêm đó, ù anh làm ba bốn bài thơ. Làm một mạch. Bây giờ nhớ lại, anh xấu hổ muốn chết. Không biết bao nhiêu con cóc nhảy lon xon trong thơ của anh.

Anh làm thơ đến gục trên bàn. Như những thi sĩ điên khùng, làm thơ đến thổ huyết mà chết, làm mẹ hoảng hốt:

- Vũ con đi ngủ đi chứ. Thức gì mà khuya vậy.

- Con học mẹ ạ

Anh lại nói dối. Tội nghiệp mẹ... đã đi chùa. Em đã đi chùa. Sám hối cho anh bao nhiêu lần rồi

Chân dung biệt kích

(...trích từ *Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng*)

Hôm nào? Chẳng thể nhớ nổi. Khoảng bốn giờ chiều. Nguyễn Trung tới.

“Vân. Về sao không lại đàng tao, mày?”
“Biết về, sao mày không chịu vác mặt tới. Còn hỏi.”
“Hơ. Con già mồm. Không lại là gì đây. Mày đang nói chuyện với ai vậy?”
“Vớی thằng chó. Tao tưởng mày ngán, hết dám lại.”
“A. Cũng ngán tí ti. Chug nó biểu thằng Từ với mày là Xê I A . Hấn ra sao rồi?”
“Sao với trắng gì. Còn tù dài dài.”
“Lên nhà cũ ở Gia Định, tưởng tiêu hết rồi chớ. Bữa qua, gặp thằng Nghiễm, mới biết mẹ con mày ở đây. Tao có quà cho mày. Hết xấy.”
“Quà gì đâu?”
“Từ từ. Lại thiệt. Thằng chồng mày tên Từ mà mày thì nóng nảy. Có để không đã?”
“Đưa quà ra đã mới có rượu.”
“Từ từ. Rượu đã.”

Đành phải kiếm cho Trung một xí. Trong bạn bè của Từ, Trung thân với tôi nhất. Hai đứa quen mày tao chi tớ từ nhỏ.
“Nghe bọn bay bị bắt, chẳng biết sống chết ra sao. Tao phải làm cho xong.”
“Xong cái gì?”
“Cái tranh. Có croquis của mày từ hồi còn ở Ngô Tùng Châu. Đẹp hết xấy. Nhưng phải mượn xích lô, mới chở cho mày được. Tao đi xe đạp một mình, làm sao cầm.”

Có vài ly đế, chuyện cũ bắt đầu ám. Trung kể:
“Bữa lang thang gần khu nhà cũ của bọn bay, tao gặp Nguyễn Đức Sơn. Nó mặc áo đà, đầu cạo ngắn bong. Coi gồ ghề lắm. Nghe đâu trên núi vừa hạ san. Nhìn cái đầu trọc lóc, nhớ mày với nòi cá kho hồi ở Trương Minh Giảng, tao buồn cười quá.”
“Có duyên dữ. Bọn tao thì ngồi tù. Còn mày thì cười.”
“Bộ mày với thằng Từ không cười à.”

Cũng phải cười thật. Nguyễn Đức Sơn, hồi trẻ ký là Sao Trên Rừng, cùng đăng thơ trên các tạp chí Hiện Đại, Thế kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ thời sáu mươi. Anh có tài lạ: Ngồi yên, hai tai nhúc nhích rồi phe phẩy như hai con bướm. Thấy tôi phục quá, có lần anh còn dọa có thể vận công cho tóc dựng đứng lên được. Thơ Sơn cũng như người, nhiều bất ngờ kỳ dị.

Năm 1961, có hồi Trung thất tình, về khu cầu Trương Minh Giảng ở với vợ chồng tôi. Hai đứa đi làm, Trung ở nhà rầu rĩ, thường phụ tá tôi chợ búa, nấu nướng. Có khi còn trở tài một mình, chế được nhiều món ăn lạ. Thấy Nguyễn Đức Sơn giang hồ, than đói, Từ kêu Sơn mỗi ngày tới bữa, đạp xe đến nhà cùng ăn.
Được vài tháng vui vẻ, bỗng thấy Nguyễn Đức Sơn biến mất. Một mảnh giấy quảng vô cửa:
“Gửi mấy đứa khôn nạn. Tao biết thừa rồi. Chúng mày có nòi cá kho. Thấy tao tới, giấu biệt đi không dám mang ra ăn. Chúng mày giấu cá kho để tế tổ mà cha ông nhà chúng mày.”

Ba đứa nhìn nét chữ nguệch ngoạc của anh bạn, ngỡ ngác một lát rồi phá ra cười. Thư được đọc đi đọc lại, đứa nào cũng thuộc lòng. Bao nhiêu năm sau, giờ này nhắc lại, cũng vẫn còn cười được.
Đạo ấy, trưa đi làm về, tôi phải ba chân bốn cẳng ghé chợ Trương Minh Giảng, mua tí rau, tí cá. Cá đang kho trên bếp chưa kịp chín, đã phải ăn cơm trước cho kịp đi làm. Thấy mùi cá kho mà không được ăn, thi sĩ nổi ngay cơn lòi đình, bỏ quách Saigon lên giang hồ trên núi.
Ít năm sau, nhận được thư Sơn gửi từ Blao. Không nói chuyện cá kho nữa, Thi sĩ đòi gửi ngay thơ lên cho anh để anh viết lại văn học sử.
Đọc những bài thơ Nguyễn Đức Sơn sau này, chúng tôi biết anh đã vợ con đê huề. Có thơ diên vì mẹ cần nhần vợ, vợ cần nhần mẹ. Lại có thơ thiên:

Sáng mênh mông
Ta đi dạo
Giữa vườn hồng
Ồ bông
Ồ mộng
Ồ không.

Trung kể thêm về Nguyễn Đức Sơn:

“Bọn bay đi tù. Nó cũng đi tù vậy. Nghe kể, nó để vợ con đâu trên núi, một mình hạ san tìm lương thực. Coi bộ vợ kỳ dị quá, bọn công an bắt nó khai hai ba lần. Có lần đánh gãy cả xương sườn. May mà bắt chán nó lại thả.”

Tội nghiệp. Đã biết lên non cạo đầu rồi, thi sĩ còn hạ san làm gì, đến nỗi bị công an đánh gãy cả xương sườn. Những năm sau này, nghe đâu Nguyễn Đức Sơn còn mang vợ con giấu hết vô hang núi, sống như người thái cổ, không tiếp xúc với đồng loại nữa.

Rượu ngấm. Trung bốt:

“Mày dám ngồi sau xe đạp không, tao chở. Về đảng tao lấy tranh.”

“Mày dám chở là tao dám ngồi. Xê I A mà sợ gì xe đạp.”

Xe cà tàng. Trung vừa thờ vừa đạp. Vợ chồng Trung ở Đa Kao. Đoạn đường đủ dài để nhớ bao nhiêu chuyện.

Anh chàng họa sĩ Nam kỳ dễ thương của chúng tôi, không dè lại mang thân làm rể một danh gia Bắc kỳ. Anh em nhà vợ đều tài hoa xuất chúng, học giỏi, hát hay, có người là cầm thủ nổi tiếng thế giới. Ông nhạc quá cố là nhân vật lừng lẫy một cõi, có thái ấp riêng, triều thần binh tướng riêng, từng làm nghiêng ngả thời cuộc Bắc Hà, cho tới khi bị cộng sản ám sát chết. Năm 1975, cả nhà vợ di tản. Riêng Trung lác đầu. Lĩnh Mai bám bụng ở lại theo chồng, tiếp tục lãnh biết bao cơ cực.

Sau này, có bạn hữu đóng sẵn tàu, kêu Trung cho vượt biên ké, anh vẫn tiếp tục lác. Hời. Trung cười:

“Tao từng là người vượt biên đầu tiên ở Việt Nam. Bây giờ chán rồi. Thời thế không ăn nhập gì đến tao, Tao khoái cõi trần, đi ra đi vô ở Saigon, khổ cực mấy cũng chịu.”

Quả có chuyện ấy. Sau vụ Nguyễn Đức Sơn nổi giận lên núi, năm 1962, tới phiên Trung nổi máu phiêu lưu:

“Thôi, hai đứa bây ở lại mà sanh con đẻ cái. Tao chán đất này rồi. Không chừng sẽ có tin tao từ Paris.”

Vậy là biến. Trung cùng hai họa sĩ khác, hình như cùng họ Nguyễn, rủ nhau vượt biên đường bộ sang Cao Mên, chắc hẳn sẽ lê la tới Paris như Chagal, người họa sĩ Nga lưu vong mà Trung vốn yêu thích.

Paris đâu chả thấy. Cuộc vượt biên trái mùa (so với thời cả nước vượt biên sau 1975, sớm sơ sơ mất có mười lăm năm), nghe đâu chỉ đưa ba chàng họa sĩ phiêu lưu tới được mấy nhà tù nào đó bên xứ chùa Tháp.

Ba năm sau, nhà Ngô đổ, chiến tranh lan rộng, Trung trở lại Sài Gòn. Thời thất tình đã qua. Bên cạnh Trung lúc này là một tiểu thư áo trắng kiêu diễm, sắc sảo.

Vô nhà, bỗng cháu Sớm Mai hai tuổi trên tay, Trung chửi:

“Con mẹ mày. Ở đâu ra mà có mày lạ vậy. Hơ. Hơ. Con ạ cô Lĩnh Mai đi. Nào. Giải.”

Cô Lĩnh Mai áo trắng leo tuốt lên cây trứng gà trong sân nhà hái trái.

Năm sau, đám cưới thân mật ở trụ sở sinh hoạt thanh niên trong khuôn viên đại học văn khoa cũ. Từ 1958, trong đám bạn bè đua đòi văn chương, Trung vừa vẽ, vừa viết những bài phê bình

hội họa cho tạp chí Sáng Tạo, rồi Văn Nghệ. Các bậc trưởng thượng Nguyễn Đức Quỳnh, Thái Tuấn, coi tranh Trung, đều bảo đây là tài ba khác thường.

Vượt biên hụt trở về, một mảnh giấy tờ tùy thân cũng không có, vợ chồng Trung đã trải qua những năm khó khăn suốt thời chiến. Nhưng sơn dầu Nguyễn Trung được coi như một tiêu biểu cho thế hệ hội họa mới mẻ, tài ba ở miền Nam. Chính thế hệ ấy cũng công nhận điều này. Trung trở thành chủ tịch hội họa sĩ trẻ, rồi được nhìn nhận là bậc thầy ở cao đẳng mỹ thuật, ngôi trường mà anh đã bỏ ngang thời trẻ.

Ít lâu sau ngày cộng sản vô Sài Gòn, các chuyên gia sưu tập mỹ thuật Nga, Đông Âu, rồi Bắc Âu ngã nón trước sơn dầu Nguyễn Trung. Nghe kể viện bảo tàng quân đội Nga ở Moscou nhất định phải có bằng được tranh Nguyễn Trung. Hội mỹ thuật rồi bảo tàng nhà nước bốn xứ noi gương. Tính Trung vốn nhỏ nhẹ, chẳng bao giờ chú ý đến thời thế, lại quen sống thanh bần, không làm ai xốn mắt. Có lẽ nhờ vậy, anh chàng chủ tịch hội họa sĩ miền Nam thoát được cái nhãn xê i a.

Cô Linh Mai áo trắng ngày nào, lỡ chọn phải ông chồng nghệ sĩ, đã thành một bà vợ tàn tạ, vất vả. Thấy Trung ì ạch chớ được tôi về tới nhà, Mai cười:

“A. Đây rồi. Bà biệt kích văn hóa. Em trông chị mãi. Lên gác ngay. Ông ấy hi hục với cái portrait của chị mấy tuần lễ đấy. Hết xấy. Ai thấy cũng lé mắt.”

Trên căn gác gỗ ọp ẹp, bụi bậm, bức tranh dựng giữa đồng chai, hũ sơn cọ ngổn ngang. Tôi đó sao, con mụ tóc tay tôi tả, chân tay xù xì ngồi bó gối chịu trận?

Trung bật ngọn đèn, chiếu vào tranh, cần nhần:

“Hết cha nó vài bố. Phải hy sinh cái tranh cũ, vẽ phủ lên. Màu lại thiếu, dầu cá cũng cạn. Chất sơn vì vậy không mịn màng được, lại hóa ra hay. Trịnh Công Sơn ngắm hoài. Hấn kêu dữ. Không biết tranh dữ hay mày dữ. Thật chỉ thiếu cái bê rê xanh là y chang biệt kích. À Sơn hấn lại mày chưa?”

“Có ghé thăm. Hôm kia.”

Biệt kích văn hóa là tên một cuốn sách do Trần Văn Giàu, Vũ Hạnh, Lữ Phương viết về mười tác giả miền Nam. Trong sách này, nữ biệt kích duy nhất là tôi, được xếp hàng thứ sáu. Những người khác là Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Doãn Quốc Sỹ, Nhất Hạnh, Võ Phiến, Duyên Anh.

Linh Mai giúp chồng trải giấy gói báo chân dung biệt kích.

“Nữa.” Trung tiếp tục kể. “Sau khi bọn mày bị bắt, có bữa tao đang ngồi vẽ mày, Mai Thảo ghé qua. Lâu lắm rồi không gặp lại. Nghe nói bọn nó vẫn đang lũng bắt chả gắt lắm. E khó thoát quá.”

Cả năm rồi. Vẫn tiếp tục lũng bắt. Đúng là Mai Thảo chưa sa lưới.

Cuối năm, ngày ngắn. Trời chập chạng tối. Trung lại ì ạch đạp xe, chở dùm cả người lẫn tranh về tận nhà.

*

Anh chị Hoàng Anh Tuấn và Toàn mang tới một bạn trẻ người Pháp, tùy viên tòa lãnh sự.

Thời trước, chúng tôi có một bộ sưu tập nhỏ, gồm tranh của Trung và bạn hữu. Nhà cửa tan tác, tranh Trung chỉ còn sót ba tấm, thêm chân dung biệt kích vừa rách về là bốn. Cả bọn xem tranh. Cùng tên với một danh họa Pháp, Bernard khoái sơn dầu. Chị Tuấn nói chàng ta có một bộ sưu tập tranh Việt Nam khá đồ sộ, hẹn cùng lại coi.

Cả bọn kéo lại nhà Bernard. Tất cả tranh được hạ xuống từ trước, úp mặt vô tường. Gia chủ dí dỏm giải thích với chị Tuấn:

“Coi tranh Nguyễn Trung ở nhà bà Nhã Ca rồi, ngượng lắm, không thể khoe bộ sưu tập này được. Thay vì tranh, xin mời coi tử rựu.”

Có thể chính là do Bernard, tranh “Chân dung biệt kích” ngày càng nổi tiếng, nhiều khách ngoại giao tới yêu cầu cho coi.

Hoàng, tay buôn đồ cổ và tranh dẫn đầu khu Tự Do, mấy lần tới nần nì chị để cho em, giá đề nghị 500 rồi 1000 đôla. Số tiền này, thời điểm ấy là cả một gia tài. Nguyễn Trung trở lại, chửi thề: “Đù má. Được quá. Tao với mày chia hai.”

Ngồi thêm một lát, cả hai cùng lắc đầu:

“Không thể để mất tranh này được. Dứt khoát. Giữ.”

Trung lấy sơn, viết nguệch ngoạc bên góc trái tấm tranh: “Chân dung Nhã Ca, 20.4.76.” Khoảng ngày này, tôi đang nằm trong cát sô sở công an thành phố.

Anh chàng Bernard trẻ tuổi dễ thương thường lui tới, chở cả bọn trẻ con về nhà riêng ở khu biệt thự Pháp, đường Phan Thanh Giản, đùa nghịch trong hồ bơi, hoặc tới nhà chúng tôi đàn hát om xòm với chị em Sớm Mai. Công an tức thì ập vô nhà, hạ lệnh không được tiếp xúc với ngoại quốc. Xe riêng Bernard bị chặn xét khi chở lũ nhỏ. Chàng trẻ tuổi máu nóng, cự lại dữ dội, suýt thành to chuyện.

Vẫn không tỏn, Bernard bảo Sớm Mai:

“Mẹ cấm cửa, mới sợ. Chúng nó không cấm được tao.”

Thay vì vô nhà, Bernard kéo bọn nhỏ ngồi ngay trên thềm nhà ở vỉa hè, ăn uống cười giỡn.

Chỉ ít lâu sau, Bernard được lệnh phải rời khỏi Việt Nam.

Ngày này năm ngoái

Nửa khuya, mẹ thức giấc rồi đánh thức cả Thục dậy. Mẹ quả quyết là nghe có tiếng chân người ở ngoài sân. Nhưng Thục buồn ngủ lắm, đêm trước đón giao thừa rồi thức luôn gần đến sáng. Sáng nay đi chùa, đi thăm bà con rồi trở về nhà lo nấu nước dọn khách. Cứ hết người này đến người khác làm Thục muốn choáng váng rồi. Nhưng mẹ không chịu, mẹ cứ đập vào vai Thục:

“Thục, dậy, dậy. Có người.”

Thục quay mặt vô vách:

“Mẹ tưởng tượng chộ ma chộ quỷ chi rứa!”

“Không, không nằm chộ chi chết, mà tau e như năm ngoái đó a tề. Cũng tối mông Mộng, tau cũng nghe tiếng chân trong vườn rồi bắn nhau, đánh nhau.”

Thục càu nhàu:

“Mẹ ơi, chuyện xưa rồi mà mẹ khi mô cũng sợ rút đét, như xẩy ra bữa qua rứa. Sợ chi mà một năm rồi còn sợ.”

“Thục, con lắng tai nghe thử coi. Thì cứ nghe đi rồi nói...”

Nghe mẹ quả quyết, Thục cũng chột dạ. Năm ngoái cũng vậy, nửa đêm mẹ bảo có tiếng chân ngoài đi trong vườn rồi không ai tin hết. Anh Phước nói chắc mấy con chồn con cáo chi rình ngoài chuồng gà. Lát sau là đạn bắn vỡ trời. Rồi chạy loạn suốt một tháng. Khi về lại, căn nhà đầy lỗ đạn, căn nhà bếp sụp hoàn toàn, nhưng lạ, nhà chính vẫn đứng trơ trơ, vách tường mái đầy dấu tích, vừa nát mà không đổ xuống. Bên đó vẫn còn bàn thờ ông bà, nhưng bàn thờ ba thì thiết tại căn nhà nhỏ ở thuê này. Từ hôm chạy loạn về, mẹ không dám trở về căn nhà cũ nữa, mà thuê căn nhà kế cận. Thục lắng nghe. Quả thực thỉnh thoảng có tiếng xào xạc rồi tiếng lộp độp. Một lát Thục nhận ra tiếng động ngoài sân rồi, Thục nói với mẹ:

“Mẹ ơi, không phải mô. Mấy quả bàng khô rụng lộp độp đó.”

“Thiệt không?”

Mẹ hơi nhồm người lên rồi lại nằm xuống. Thục đã hết buồn ngủ, mẹ nói đốt giùm tao cây đèn sập. Thục mò xuống gối kiểm bao diêm và đốt đèn. Ngọn nến sáng lung linh, chiếc bóng của Thục chiếu lên vách thật đồ sộ. Thục thấy mẹ đưa tay quệt nước mắt rồi sịt mũi.

“Mẹ khóc đó hả? Răng mà khóc hoài, chuyện như từ đời xưa rồi.”

Tuy càu nhàu mẹ nhưng lòng Thục đã nao nao. Năm ngoái cũng giờ này, ngày này, tiếng súng bắt đầu nổ. Gia đình Thục chạy thoát được vùng kiểm soát của Việt cộng nhưng ba

Thục sau đó bị bắt đi. Về sau, Thục với mẹ và anh Phước cứ nghe ở đâu có hầm xác là vội vã tới. Đi có mươi mấy hầm mới nhìn ra được xác ba. Nằm phơi cả buổi sáng trên cỏ không sao, khi mẹ con Thục tới nơi thì xác như rữa ra, rồi chảy nước vàng. Mẹ ngất xỉu, rơi xuống đồng nước vàng hôi hám đó. Đem được xác ba về chôn cất tử tế rồi mà mẹ như mất hồn. Nhiều đêm mẹ tỉnh dậy, đốt ngọn nến ngồi một mình, đôi lúc rủ Thục cùng thức, cùng ngồi luôn. Cứ ngồi ừ rừ, gục mặt lên đầu gối, hai mẹ con ít nói chuyện với nhau. Mà kể nói là mẹ khóc. Thục thấy mẹ cứ lẳng tai nghe ngóng mãi, an ủi mẹ:

“Thôi mẹ, gần sáng rồi, mẹ ngủ đi một tí.”

“Ngủ rằng được mà ngủ con ơi. Năm ngoái ba bị bắt đi rồi chết, biết ngày mô mà cúng mà kỵ. Trời ơi, nhà tui có ai ăn ở thất đức mô mà chết không biết ngày ri trời.”

Thục cũng mũi lòng, nước mắt tuôn trào ra. Từ hơn tháng nay, mẹ thối mác mãi ngày chết của ba. Mẹ tính ba bị bắt ngày mười một, chắc cũng mười mấy hôm sau mới bị giết. Mà không phải ba bị giết, hình như ba bị chôn sống. Cả hầm xác đó không có ai có dấu gì chứng tỏ là bị thương. Thục nhớ lại khi đứng bên hầm xác, nhìn những xác chết nằm rải rác đắp bằng giấy báo, Thục lạnh cả xương sống, và cảm giác đó vẫn còn ở lý trong xương sống nàng, cứ mỗi lần Thục nhớ lại là cảm giác đó từ trong xương sống lùa ra làm ớn lạnh và đầu óc choáng váng. Đến bây giờ mỗi lần nhìn thấy những vật nặng vàng trải trên cỏ là Thục liên tưởng đến những vật nặng đã trải trên miệng hầm ở Bãi Dâu.

Thân nhân họ hàng đứng trước những di hài nạn nhân vừa được đào lên từ các hầm chôn sống tập thể trong dịp Tết Mậu Thân, 1968 (Nguồn: vi.wikipedia.org)

Có tiếng lục đục ngoài căn nhà ngoài. Chắc anh Phước đã nghe tiếng mẹ khóc. Rồi tiếng dép của anh Phước kéo tới gần cửa buồng. Tiếng anh vọng vào:

“Chi rứa mẹ?”

“Tau nghe có tiếng chân ngoài vườn, chắc ba mi về. Thiệt mà, từ hôm tìm ra xác ba mi, tau nghe tiếng chân đi ngoài sân hoài rứa đó. Chắc ba mi về thăm nhà. Đi xa còn nhớ nhà, huống chi chết xa nhà xa cửa”.

Thục rùng mình. Giọng nói của mẹ tỉnh bơ như chuyện có thực nói hai cõ âm dương. Anh Phước cầu nhau:

“Xì. Tưởng chuyện chi”.

Rồi anh trở lại giường nơi cái giường bằng vải bố. Mẹ lại tiếp tục khóc, kể lể:

“Cúng ngày mô đây tui bây ơi”.

Dì Vạn cũng trở mình, dì ngồi lên. Giường bố của dì kê bên cạnh giường mẹ con Thục:

“Chi rứa chị. Lại khóc rồi”.

Rồi dì đập muỗi đôm đốp, vừa cầu nhau:

“Đã nói phần anh vấn số có rứa thì thôi. Bộ mình chị có chồng chết hay răng mà khóc trừ trừ rứa. Năm ni để chị coi, người ta cúng từ mùng Hai trở đi, cúng đầy cả tháng”.

“Ừ hỉ. Rứa thì sau ngày mùng Một, ngày mô mình cũng cúng, răng cũng trùng một ngày”.

Dì Vạn gạt đi:

“Chị răng tào lao quá. Thôi thì sống khôn thác thiêng. Chị cứ chọn một ngày cúng rồi anh về. Rứa có phải không? Phải không thẳng Phước? Mi còn thức hay ngủ rồi”.

Anh Phước nói lớn:

“Còn thức chớ dì. Dì nói phải đó”.

Thục đưa cái khăn mùi xoa dấp dưới gối cho mẹ:

“Thôi mẹ, ngủ đi”.

Nhưng mẹ Thục vẫn ngồi. Đầu tóc không bới rừ rượi xuống mặt, xuống cổ. Bà cứ khóc sụt sùi và kể lể:

“Ba tui bây chết là hết mà. Có đưa mô dấp qua bên nhà thấp hương cho ông bà mô. Có chi mà sợ.”

Thục không nhin được nữa. Căn nhà bỏ hoang một năm, mái nhà chỉ dựa hờ vào mấy bức tường loang lổ đạn. Đã không dám ở mà cũng không dám dọn nhà đi. Thục cố nhỏ giọng cho khỏi thấy gắt:

“Mạ nói rằng lạ rứa. Qua bên đó lờ sập nhà rặng”.

“Cả năm ni có sập mô. Để đó, tao qua tao thấp. Sáng mai dì Vạn đi với tui nghe”.

Dì Vạn dỗ mạ:

“Ừ, thôi ngủ đi. Ai đời cái nhà đẹp rứa mà bỏ không, cỏ mọc trùm lum. Coi như cái nhà ma”.

Câu nói của dì Vạn làm Thục càng thấy căn nhà huyền bí thêm. Người ta đồn căn nhà đó nhiều ma lắm. Đạo Tết vừa rồi trong vườn chôn nhiều xác chết lắm mà không biết ở đâu góc nào, mưa gió đã san bằng và cỏ đã lập hết vết tích. Cứ đào lỗ vùi xác chết xuống rồi lấp đi. Nhiều người kể lại đã thấy trẻ con chết người ta đem vào giấu trong vườn làm mồi cho đàn chó, đàn quạ đói. Có một gia đình đào cái hầm trong đó, hầm sập chết hết. Hôm mới trở về, Thục không dám bước vô trong nhà nhưng anh Phước kể lại tường đầy vết máu và giữa nền nhà còn bầy nhầy những miếng da, miếng thịt, hôi thúi lắm.

Dì Vạn nói tắt đèn cho mạ mi ngủ. Thục thổi tắt ngọn đèn. Một lúc mạ cũng nằm xuống bên Thục, nhưng Thục không thấy gì hết. Thục thấy mình cũng hoà tan trong bóng tối.

Bên ngoài như có cơn mưa nhỏ. Sáng ngày ra chắc cỏ xanh lắm, và mấy cây mai vàng sẽ sạch hơn, tươi hơn. Thục nhắm mắt. Mạ nhắm mắt hay mở mắt rửa mạ? Có mở mắt, mạ cũng chẳng trông thấy gì hết. Có tiếng ghé bố kêu lác cắc, tiếng quẹt diêm rồi mùi khói thuốc. Thục nhìn qua, dì Vạn hút thuốc Cẩm Lệ, đốm lửa khi lớn khi nhỏ và mùi thuốc làm Thục ho sặc sụa.

Sáng hôm sau Thục dậy sớm và đi ra sân. Trời vẫn còn mưa lất phất, hạt nhỏ như bụi. Những hạt bụi trắng bám đầy trên lá cây. Khu vườn bỗng tươi mát hẳn. Thục nhìn qua khu vườn và ngôi nhà cũ. Căn nhà vẫn sừng sững. Nhưng lạ lùng, Thục thấy căn nhà được cây cối ôm kín thật um sùm, chả bù với những ngày mùa đông vừa qua, lá cây rụng hết, căn nhà nằm chơ vơ và luôn luôn như sắp sụp xuống. Thục chạy ra góc vườn nhìn sang. Bên sân, mấy cây mai vẫn nở vàng rực và Thục nghe có nhiều tiếng chim hót. Mấy chậu cây của ba mọc đầy cỏ, chỉ có chậu hoa tử muội thì sống dai ghê. Mùa hạ vừa rồi Thục nhìn sang thấy chậu khô queo, đất nứt nẻ, rứa mà chừ cũng xanh um, có hoa trắng nở chi chít từng chùm. Thục đứng dậy mà có thể tưởng tượng ra hương thơm của tử muội ngát mũi.

Thục định bụng sẽ nói với mạ về làng bán cái vườn cau rồi tu sửa lại ngôi nhà. Dù rằng đi nữa thì cũng là mồ hôi nước mắt cả một đời của ba. Sửa mà không ở cũng được, để làm cái nhà thờ. Thật ra Thục sẽ không dám bước chân ra khỏi nhà, khi nghĩ tới trong vườn còn chôn bao xác người. Dì Vạn đã có lần nói với mạ là kêu người tới sửa sang, dọn rửa rồi coi đào tìm xác chết, nhưng mạ nói ba chết rồi, còn chi nữa mà làm lại. Mạ bỏ bê luôn và mạ cũng không muốn trở về đó nữa.

Thục thấy có mấy con chim sè vừa sà xuống sân, và nhảy chóc chóc đuổi nhau nơi bụi thềm. Thục định lấy một hòn đá ném sang, nhưng nằng sợ hòn đá sẽ làm khuấy động sự yên tĩnh của căn nhà. Thục bỏ đi vào.

Dì Vạn đang tét bánh tét ra từng khoanh đặt lên đĩa. Thục đói quá định cầm một miếng ăn thì dì nạt:

“Khoan, để cũng ba đã. Đi rót nước mau”.

Thục rót ly nước trà bưng đặt lên bàn thờ ba. Mạ đang ngồi tằm tràu nơi bàn lớn kê giữa nhà, sát bàn thờ. Mắt mạ đỏ hoe, chắc đêm qua bà khóc nhiều lắm. Thấy Thục, bà nói:

“Sáng ra tau ra sân thấy có dấu chân mờ mờ.. Tau nói đêm qua ba tụi mi về mà đũa mô cũng cãi tau”.

Dì Vạn cười:

“Chị rặng hay nói tào lao. Chết rồi chớ mô nữa mà về. Bộ chị ưa anh thành ma, không siêu thoát được hay rặng. Mà ma thì màn rặng có dấu chơn, chị thiệt à”.

Dì Vạn bưng đĩa bánh đặt lên bàn thờ. Mạ Thục lại nói:

“Ông có ở đây mô mà cúng. Ông ở bên nhà nó tề. Để tui đem bánh đem hương qua cúng ông”.

Anh Phước đã thay xong quần áo. Anh nghe mẹ nói liền tán thành:

“Đúng đó. Con đi với mẹ. Mẹ có sợ không?”

Thực thấy mẹ ngần ngại:

“Ừ, cũng dễ sợ”.

“Nếu nó sập thì đã sập rồi. Mùa đông năn ni gió, bão mà đâu có mần rãng. Qua mùa gió là mình yên tâm rồi mẹ.”

“Tau cũng nghĩ rứa. Coi bữa ni bên nó cây cối xanh um, hoa nở toe toét đó tề.”

Anh Phước cau có:

“Tui đã nói với mẹ bữa trước Tết không bẻ mai bán mà. Để nó nở toát hết, uống quá chừng”.

“Ba tui bây khi sống ông ghét đũa mô bẻ mai lắm. Kệ, để đó cho ba bây”.

Dì Vạn cười. Rồi dì đi tới bên mẹ:

“Chị cho miếng trà. Ít vôi hí. Tui qua ăn miếng trà nhiều vôi một chút mà phỏng cả miệng”.

Anh Phước chọc:

“Dì phỏng miệng cho hết noái. Trong nhà dì vô địch nói nhiều”.

“Chớ rãng, bộ khi mô cũng khóc như mẹ bây. Tao cũng goá chồng chớ bộ mẹ bây goá chồng thôi a rãng”.

“Ôi, chồng dì chết hồi xa lắc xa lơ”.

“Thì chị không nhớ rãng? Hồi đó cũng Việt Minh giết. Sáng ra thấy xác cột chùm hai ba người vất nơi dốc Nam Giao đó. Cũng lâu rồi chớ ít ỏi chi”.

Dì Vạn nói xong giơ tay chùi miệng, quẹt nước trà loang ra hai bên mép rồi lau vào vạt áo nâu. Mẹ Thực vẫn thắc mắc về cái nhà.

“Đêm qua tui nằm nghĩ đi nghĩ lại. Thằng Phước nó nói sửa lại cái nhà thiệt đúng. Phải sửa lại dì hí?”

“Tuỳ chị chớ”.

“Trước tui buồn tui để kệ. Chừ tui thấy bỏ hoang cũng uống”.

Anh Phước chen vào:

“Mẹ thiệt. Khi ri khi tề, biết mô mà lần”.

Thực ngồi vắt hai chân lên nhau, đu đưa. Căn nhà thân yêu của Thực mới ngày nào đầy tiếng cười nói mà giờ đã lạnh lẽo. Làm sao Thực quên được những buổi tối, dưới ánh đèn sáng dịu, ba mẹ Thực bắt ghé ngồi ngoài sân. Dì Vạn ngồi khâu áo, anh Phước học bài. Còn Thực thì mở cửa sổ đứng mơ mộng nhìn ra ngoài vườn. Những cây cối càng già nua, càng gần gũi thân ái. Còn cả bức tường nơi phòng riêng của Thực nữa, những lần bị đòn Thực đóng cửa nằm khóc và lấy móng tay vạch ngang dọc lên tường. Những vòng tròn những mắt mũi đầu người, bây giờ vết đạn có xuyên qua không? Còn cái ổ kiến lớn nơi cây mít sau vườn nữa. Cây mít gần cửa sổ và thỉnh thoảng có những chú kiến đen chân cao lạch vào phòng của Thực. Thực đặt chú kiến lên một ngọn lá mít vàng, nhìn chú bò quanh quất rồi lát sau tung cả ngọn lá, cả chú kiến ra ngoài vườn, cho chú trở về nhà. Nơi phòng của anh Phước còn có những dòng công thức anh học và ghi chi chít lên tường. Tất cả bây giờ lẫn lộn với những vết đạn, vỏ đạn, với máu người thịt rữa, Thực nhắm mắt lại. Dì Vạn nói một câu gì đó mà anh Phước cười lớn. Thực bừng tỉnh ngỡ ngàng:

“Cái gì mà dì cười rứa?”

Dì Vạn không trả lời và tiếp tục cười. Mẹ nạt:

“Dì cháu bây sượng lắm đó mà giỡn”.

Thực lắng lặng bỏ ra sân. Nàng lui lại góc vườn nhìn qua căn nhà cũ. Sáng mồng Hai năm trước, đã có người chết trước cổng nhà, nơi cây nhãn trước ngõ. Rồi chạy loạn, rồi trở về mất luôn cảnh ấm cúng ngày nào.

Cả ngày hôm đó Thực thấy mẹ không vui mà cả nhà cũng không ai vui. Bà con đã đến thưa thớt. Ai cũng có tang, không muốn đến thăm nhau sợ đem xui xẻo.

Buổi chiều hôm mùng Hai, Thục đứng với anh Phước ở sân, nhìn xéo qua góc vườn. Hai anh em vừa nhìn vừa kể lại những kỷ niệm nơi căn nhà cũ. Mắt Thục mờ vì nước mắt và qua màn lệ mỏng, Thục thấy khu vườn nhòe đi và rộng mênh mông. Mái ngói rêu mốc nham nhở vết đạn. Rồi Thục thấy như căn nhà vừa rung mình, chao nghiêng. Thục cầm chặt tay anh, dụi mắt:

“Anh”.

“Chi rửa em?”

“Em thấy căn nhà vừa chao một cái”.

“Anh cũng thấy rửa”.

Hai anh em cùng dụi mắt, mở lớn nhìn. Căn nhà vẫn đứng sừng sững như từ mấy trăm năm trước. Anh Phước định nói một câu gì đó, anh vừa há miệng thì bỗng một tiếng ầm. Cả căn nhà bỗng sụm xuống êm rờ. Bụi trắng bay cao, bốc lên khỏi những đợt cây rồi tan trong mưa bụi. Dì Vạn chạy ra, rồi mạ chạy ra. Mạ dụi mắt, mạ giơ tay chỉ, nhưng bà cũng không nói được lời nào. Mấy cánh tay cùng chỉ về phía vườn, nơi ngôi nhà bây giờ chỉ còn là đồng gạch vụn. Rồi bỗng mạ khuyu xuống từ từ. Mắt bà trợn ngược lên như đã tin được chuyện xảy ra trước mắt là có thật. Khu vườn bên căn nhà cũ vẫn xanh um, sạch sẽ. Những đợt cây xanh vươn cao, như muốn che lấp hết đồng gạch ngói. Mạ vẫn mở to mắt, nhìn đăm đăm về phía ngôi nhà đổ, hai chân khuyu xuống thấp dần như sắp đổ theo với căn nhà. Nhưng rồi mạ gượng kịp. Bà đứng dậy, tay vẫn chỉ về bên vườn, giọng nửa khóc nửa cười:

“Nó đổ, nó đổ thiệt rồi”.

Thục đứng yên. Mạ ôm mặt đi vào nhà. Tội nghiệp căn nhà của ba, những rung chuyển của bom đạn làm nó rạn vỡ, và đúng một năm sau, kể từ ngày phát súng đầu tiên thức tỉnh thành phố Huế, ngôi nhà sụp đổ theo. Anh Phước vẫn đứng như chôn chân xuống đất. Thế là hết. Thục dứt mọi tính toán, lo âu về căn nhà.

Khu vườn vẫn xanh um, đầy kỷ niệm của gia đình Thục.

Thờ

Căn phòng nhỏ bé có vẻ tạm bợ. Mái tôn nóng hầm. Mặt bàn phủ bụi. Anh ta nói giọng miền Nam, hiền hòa, ái ngại.

“Chị Nhã Ca, tôi không ngờ chị yếu thế. Thấy chị đi lại còn khó khăn lắm.”

À, anh ta đã đứng đâu đó, nhìn tôi chống tay vào tường lê từng bước thăm hại trên đường tới đây. Giai đoạn một. Giai đoạn hai. Mấy tháng cát sô rồi phòng giam nữ. Chẳng biết sắp sửa giai đoạn mấy nữa đây.

“Tôi là Năm Nhân, công tác bên sở Bảo Vệ Văn Hóa Chính Trị. Chị cũng có thể gọi tôi là Mười Kết. Mười gọi theo lối bà con mình trong Nam. Kết là đi tập kết ra Bắc hồi năm tư. Tuy là hôm nay mới gặp chị lần đầu, nhưng từ nay, tôi sẽ còn nhiều dịp gặp gỡ, giúp đỡ chị.”

Đã Năm Nhân rồi lại Mười Kết. Thật là lộn xộn.

Nữa, một vệ binh vô phòng, tay bưng một ly sữa bốc khói, đặt xuống bàn rồi lặng lẽ quay ra. Ly sữa được đẩy về phía tôi.

“Đây là sữa các cháu gửi cho chị. Còn ít trái cây nữa. Sáng nay, tôi có ghé nhà thăm các cháu. Cháu Na mua sữa cho mẹ. Cháu Ti thì gửi hai trái quít. Chị phải về thôi chị Nhã Ca ạ. Tôi có nói chuyện lâu với Sớm Mai, cháu đã kiệt lực, không còn sức lo cho các em nữa. Tôi nói Mẹ cháu sẽ về, cháu khóc nức nở. Cháu út của chị đang bị lên sởi.”

Đòn nặng. Trái cam, trái quít, hộp sữa. Cấn miếng thịt con. Cấn đôi mắt con. Phải nhìn anh ta thôi. Mặt ngán, cân đối với người thấp, vai ngang. Mắt lộ, trông mắt vàng, hơi đờ đẫn. Mũi nở, đầy. Anh ta không có vẻ là một người thờ ơ, đòn phép.

“Chúng tôi đã cứu xét xong trường hợp của chị. Tôi được lãnh đạo cử tới chỉ để giúp đỡ chị. Từ nay, chị sẽ có cơ hội được bồi dưỡng để hồi sức. Đợt làm việc này có thể là lần chót, để giúp chị an tâm tư tưởng. Chị Nhã Ca, chị uống sữa đi chớ.”

Thì uống. Thăng út lên sờ. Tôi đang nuốt từng hơi thở nó.

Ổ khóa, cửa sắt kêu leng xeng. Chị Hai Hằng Rét đẩy long:

“Tới rồi. Ra kia.”

“Đó. Thấy chưa. Chị mặc cái áo này vừa vặn.”

Tội nghiệp Nga. Em đã lôi từ đáy giỏ ra cái áo đẹp độc nhất, rán vuốt cho thẳng, buộc tôi phải mặc.

“Chị cứ thông thả. Hồng, chị phải uống nhiều sữa hơn mới được.”

Vẫn cậu vệ binh trẻ, tay bưng ly sữa bốc khói theo sau, anh ta lững thững chờ tôi ở phía ngoài.

“Kỳ, buổi tối, nhớ đem riềng nước sôi cho chị Nhã Ca pha sữa.”

“Báo cáo, rõ.”

“Chị phải phấn đấu cho mau khỏe lên. Tôi mới ghé nhà thăm các cháu, cháu Toe đã gần lành bệnh lên sờ rồi. Không có gì phải lo lắng nữa.”

Cũng vẫn giọng hiền hòa, ái ngại ấy. Gần hai tuần rồi, sáng nào Mười Kết cũng tới tận cửa phòng, chờ lãnh tôi ra. Dãy cát sô trước phòng giam nữ vẫn lặng lẽ. Ba ngày trước, Chóe đã rời cát sô số một, chẳng biết đi đâu. Người thay chỗ anh, nghe đâu là Thượng Tọa Thích Huyền Quang, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo trước đây, nhưng cái ngăn nhỏ trên cát sô đã xập kín, không ai thấy mặt ông. Cuộn dây nilông của bọn trẻ trong phòng không có dịp dùng nữa.

Tóc thờ. Da thờ. Mũi thờ. Vòm trời trên đầu tôi xanh cao biết bao. Gió vuốt ve. Nắng ấm áp. Chỉ có đôi chân là không chịu chịu người. Sau những tháng dài cát sô, tôi đang phải vất vả tập lê từng bước bằng đôi chân của chính mình. Đoạn đường phải đi, cũng đã dài hơn trước. Phải sang tận khu A: Một lớp học cho 22 văn nghệ sĩ đã được mở ra ở đó từ mấy ngày nay.

Khu A là khu nhà cũ của đề lao Gia Định, gồm mấy gian nhà giam lợp ngói cũ kỹ. Bếp, văn phòng trại tù vẫn đặt ở đó. Khu B, khu C, với cả trăm phòng giam tập thể và cát sô, là công trình của chế độ mới. Thợ nề, thợ mộc vẫn không ngừng làm suốt ngày đêm, vôi vữa ngổn ngang. Chẳng biết sẽ còn những khu nào được xây thêm.

Kìa, từng khuôn mặt dán vào song sắt trong những dãy phòng giam tập thể. Tù nam, những bộ xương ghe lở sơn phết xanh lè, mỗi người chỉ mang một cái quần xà loãn. Có ai đó đang cố vẩy tay ra dấu. Không thể nhìn rõ. Tôi làm thế nào để có thể chia cho các bạn chút nắng, chút gió.

Với tù nhân đang hưởng những công trình xây cất mới, thì phòng giam cũ kỹ còn ở lại ở khu A là thiên đường, vì ở đó có mái ngói, có gạch bông, có nước, đỡ được cái nóng khủng khiếp từ mái tôn, mùi hôi thối nồng nặc của cầu tiêu tập thể trong phòng.

Tôi sẽ còn phải lê bước qua hai trại tập thể, một dãy cát sô dài, thêm một cái sân nữa.. Mười Kết vẫn lững thững theo sau. Cậu cán binh trẻ vẫn cung kính bưng ly sữa theo sau anh ta. Không cần quay lại, tôi cũng biết vậy. Thật là một đám rước kỳ cục. Tôi đã phải chịu đựng cái trò vệ binh bưng sữa theo hầu này bao ngày rồi, không cách gì chấm dứt nổi.

“Chỉ phải uống nhiều sữa hơn mới được, chị Nhã Ca ạ. Sữa của các cháu gửi cho Mẹ mà. Chính các cháu nhờ tôi buộc chị phải uống. Chúng tôi chỉ muốn tạo điều kiện giúp chị mau phục hồi, trở về với các cháu.”

Một lần, trước các bạn trong “lớp học” tôi phải yêu cầu anh ta chấm dứt cái trò cho người bưng sữa theo hầu buồn cười này, rồi lại được trả lời vậy.

“Thì cho nó hầu. Uống đi. Chết chẳng Tây nào.”

Anh Hoàng Anh Tuấn cười cười, bảo tôi.

Từ cuối tuần trước, 21 văn nghệ sĩ, được “biên chế” sang ở riêng một phòng giam, để “lên lớp thu hoạch.” Người thứ 22 trong lớp này là tôi, vẫn ở phòng giam nữ. Hàng ngày Mười Kết đích thân tới đón, làm thành đám rước sữa, lê từng bước qua các khu trại giam cho mọi người nhìn. Đòn phép ân huệ hay trình diễn lòng nhân đạo? Thân kệ. Chỉ còn đoạn sân ngổn ngang. Đứng lại, thờ cái đã.

Lớp học đang ngồi sẵn, cả cán bộ giảng dạy lẫn 21 học viên. Bước lên mấy bậc cấp là phòng họp thoáng mát, bàn ghế ngay ngắn, cửa sổ mở ra hàng hiên có bóng cây, sân nắng. Hầu hết số học viên, đều là các đạo diễn điện ảnh, cải lương hay phóng viên, người viết văn chỉ có anh Dương Nghiễm Mậu và tôi. Thêm anh Hoàng Anh Tuấn, đạo diễn xi nê kiêm thi sĩ, và cậu em tu sĩ Nguyễn Hữu Hiệu, dịch giả. Tôi ngồi giữa các anh Dương Nghiễm Mậu, Hoàng Anh Tuấn. Ly sữa đặt trên bàn. Vệ binh trẻ lặng lẽ rút lui. Không khí lớp học nghiêm trang. Trên bàn giảng, anh cán bộ phụ trách lớp đang tiếp tục nói. Mọi bữa, thấy bóng Mười Kết, anh ta thường phải xun xoe lại chào hỏi. Hôm nay Mười Kết đứng tít ở đằng xa nhìn rồi bỏ đi, không thấy anh ta chạy ra. Có gì mà coi bộ long trọng dữ?

Nghe thử. Tường gì. Vẫn bồn cũ soạn lại. Chính sách toàn cầu của đế quốc Mỹ. Nọc độc văn hóa Mỹ Ngụy. Chính sách cải tạo khoan hồng của Nhà Nước.

“Như chị Nhã Ca kia. Trong những buổi lên lớp vừa qua, tôi đã phân tích rõ các cuốn sách phản động, cảnh báo tiến cách mạng của chị ấy. Vậy mà các anh quay lại coi. Cách Mạng đã đối xử với chị ấy như thế nào.”

Nhiều người từ mấy bàn trên quay lại thật. Hoàng Vĩnh Lộc, Hồng Dương ... Hình như tất cả đều tùm tùm cười, chắc không phải với tôi, mà với ly sữa để trước mặt.

Đúng là anh ta đã phân tích. Với hai ba cuốn sách cũ của tôi trên tay mấy buổi liền, anh ta thỉnh thoảng lại giở ra trích đọc vài đoạn, rồi bình giảng bằng một giọng bình dân, vui vẻ. Tổng kết mấy buổi bình sách, anh Hoàng Anh Tuấn cười rúc rích, nói nhỏ: “Con bé này tàn nhẫn thật. Hôm qua cán bộ Tiến phân tích sách của nó đã kêu: Viết vậy là bỏ bố tôi rồi. Lát sau đến câu gì đó, lại kêu: Bỏ mẹ tôi rồi. Mi là sát nhân hí, giết chết một lúc cả bố lẫn mẹ hần. Thôi ăn năn hối cải đi em. Rồi về. Để lâu, giận, tử hình, nghe chưa.”

Hôm nay không thấy anh ta mang mấy cuốn sách cũ ra nữa. Chắc đã chuyển mục. Có mục mới thật: phát giấy bút, viết “bản thu hoạch.”

“Các anh chị đã học tập rồi, đã thấy rõ Đảng và Nhà Nước khoan hồng độ lượng như thế nào rồi. Bây giờ là lúc mỗi người phải viết rõ lòng thành thật giác ngộ, thành khan hồi cải, biết ơn Đảng. Chính với bản thu hoạch này, các anh chị sẽ tự quyết định tương lai của mình.”

Giấy. Rồi bút. Viết à? Viết gì? Đây là chữ Ba, chữ Má do em Ti tô màu. Con đang dạy em Ti tập đọc, tập viết. Tôi có tôi viết văn. Chúng tôi làm thơ. Thơ tình. Chúng tôi sống. Chúng tôi sinh con đẻ cái. Chúng tôi được tập trung cải tạo, được đối xử nhân đạo. Chúng con không ở nhà cũ nữa. Em Ni, em Lu ở với bác Vị. Chúng con thì ở với bà Ngoại. Phải viết gì nữa nhỉ. Con khi. Giấy với bút.

“Vân, đừng điên nữa. Viết đi. Cô phải về, lũ nhỏ đang đợi.”

Anh Nghiễm giữa tay tôi lại. Trang giấy trước mặt, từ bao giờ, đã vẽ ngang dọc chi chít.

Phải kiếm cái gì nhét cho nó thật đầy. Dễ ẹc. Tôi hỏi mượn anh cán bộ trên bục giảng tờ báo Học Tập, nói là để coi lại các bài *Sợi chỉ đỏ xuyên suốt ba cuộc cách mạng* mà anh ta mới giảng hôm qua.

Đây rồi. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt. Cho mày xuyên đầy mấy trang giấy, tha hồ mà nghiên cứu, học tập.

Cũng phải uống chút nhĩ. Dại gì. Ly sữa nguội ngắt.

*

Xe buýt chờ giữa sân trại. Tư Tiến, Hai Nghiễm, thêm một lô áo vàng và 21 “học viên” tập họp chờ sẵn. Đám rước sữa dừng đình đi tới. Những người thợ nề trên giàn cao ngôi nhà tù đang xây tiếp, bỏ cả công việc, ngó xuống. Mười Kết, sơ mi trắng bánh bao, giải thích:

“Các anh chị đừng lo sợ. Không có chuyên trại, đối trại gì đâu. Hôm nay là ngày cuối của khóa thu hoạch. Các anh chị đã học tập, thu hoạch tốt. Sở quyết định đãi ngộ. Bữa nay chúng ta tham quan tòa nhà trưng bày tội ác Mỹ Ngụy, nghe một cán bộ văn hóa nói chuyện, coi chiếu phim, dự một tiệc chiêu đãi có nước ngọt, bánh ngọt, thuốc hút. Kia, chị Nhã Ca, chị uống hết ly sữa đi rồi chúng ta lên đường.”

“Uống ẹc lên. Cho người ta còn đi dự tiệc chiêu đãi.”

Anh Hoàng Anh Tuấn làm bộ nạt tôi. Mọi người đều cười. Đi tham quan, dự tiệc có khách. Mỗi người một ghế, không cùng. Cười nói tưng bừng. Kia, chợ Bà Chiểu, Lăng Ông, Cầu Bông. Ôi phố xá thân thuộc. Chị áo hồng kia, cầm túi đạp xe, có cái giỏ đen phía trước. Con chị đang đợi ở nhà. Anh kia băng qua đường vội vã. Phải kiểm lấy gì về cho vợ con ăn chứ. Xe đạp. Đạp xe. Mọi người ì ạch đạp, ì ạch thờ. Mình cũng phải thờ thôi. Tôi thờ.

Xe sang Đa Kao. Một bà mẹ dắt con nhỏ lững thững đi bộ. Có bà cụ già kia kia, đứng trước cửa nhà bé cháu. Có ai khều tôi, nói gì. À, Nguyễn Hữu Hiệu, Hoàng Anh Tuấn, Hồng Dương. Nhưng không có anh ấy. Không chung xe, chung cùng nữa. Trời nắng lớn. Kia, một xe ba bánh chở dưa hấu. Sắp thêm một cái Tết. Không có anh ấy thật. Từ ngày vào tù, mỗi lần chuyển trại, dù bằng bất cứ thứ xe gì, với tôi, đều là một hạnh phúc, vì chúng tôi có dịp nhìn thấy nhau, bên cạnh nhau. Từ Hiền Vương, ép trái, chiếc xe buýt quẹo vào Lê Quý Đôn. Cũng đoạn đường này đây. Lâu chưa nhỉ? Mới mấy tháng. Lúc ấy trời mưa mà. Cái anh công an họa sĩ gì đó, lái xe Toyota, đón chúng tôi từ T20, chở về Sở Công An Thành. Khi qua đường Lê Quý Đôn, thấy một người đàn ông trùm áo mưa, chạy xe Honda bên lề đường. Ngồi băng sau, hai đứa chung một công, chúng tôi nhìn nhau. Xe vượt qua, anh công an họa sĩ thỉnh linh hỏi:

“Anh Từ, anh biết người đi xe Honda chứ?”

Từ ậm ừ. Anh ta cười:

“Phan Văn Phùng đấy mà, làm gì anh chị chả biết.”

Phùng dạy toán ở Hội An rồi vào Chu Văn An, là một trong những bạn huynh trưởng thanh niên từ các trại hè thời 1965. Từ nói:

“Anh cũng biết Phùng. Vui nhỉ? Sao không thấy anh dùng xe kêu anh ta hàn huyên cho vui.”

Bây giờ, ước gì lại được cùng tay chung như lúc ấy, cùng cười thành tiếng.

Xe ngừng. Tiếng cười nói ồn ào. Không phải chuyển xe cũ nữa rồi. Ngã tư Lê Quý Đôn-Trần Quý Cáp. Xuống. Vào. Nhà trưng bày tội ác Mỹ Ngụy.

Từ những năm sáu mươi, đây là khu nhà thuộc trường đại học dược khoa. Bây giờ nường chỗ cho đủ thứ hình ảnh: xe tăng, máy bay, súng ống Mỹ. Ảnh duyệt binh quân Thái Lan, Đại Hàn, Úc, Tân Tây Lan. Những cuốn sách nữa kia. Trên tường. Trong những khung trang trọng.

Để coi, tôi có gì. Giải khăn xô cho Huế. Chỗ tốt, giữa khung. Thêm Đêm nghe tiếng đại bác. Một mai khi hòa bình. Kia, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Chu Tử, Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên. Nguyễn Mạnh Côn. Tội ác cả đấy.

“Chị Nhã Ca à. Chị đã thấy lại tác hại của loại sách vở cũ chưa?”

Vấn cái anh Mười Kết bên cạnh. Tôi nhìn lên mấy cuốn sách, trân trọng chào mình, chào bạn hữu.

Có lệnh tập họp, vào phòng. Phòng họp có bảng đen, bục giảng, ghế ngồi. Chắc đây là một giảng đường cũ. Hàng trên cùng là cán bộ chấp pháp và áo vàng. Tôi ngồi cạnh Hoàng Anh Tuấn và Nguyễn Hữu Hiệu. Sau lưng, vệ binh và súng ống.

Từ phía cửa ngang, cán bộ văn hóa vào. Anh ta mặc sơ mi trắng, kính trắng, xách cặp nhỏ. Chào hỏi linh kinh xong, anh ta ngồi vô bàn, bắt đầu nói. Có tiếng Nguyễn Hữu Hiệu văng tục. Anh ta đang nói gì vậy? Tôi không nghe, mà có nghe cũng không hiểu. Sau một cuộc thuyết trình dài tràng giang đại hải, anh ta chào riêng cánh công an, lẳng lẳng xách cặp ra cửa ngang. Sau màn nghe thuyết trình là xem phim, rồi “tiệc chiêu đãi.”

*

To lớn. Tóc húi cua. Mắt lộ. Sơ mi trắng. Có vệ sĩ xách cặp theo hầu. Hồi ở sở công an Thành, ông ta thường đi kiểm tra các phòng giam, với giám thị Hai Phận chấp tay theo sau, khúm núm chờ lệnh. Các bạn tù bảo đó là “ông Sáu Nam,” người kêu đại tá, người kêu thiếu tướng. Tôi cũng đã gặp ông ta vài lần, thường chỉ là để nghe những lời phỉ dụ, mềm mỏng.

Vài tháng sau khi bị bắt, một tối mưa lớn, đang trong cát sô, tôi được kêu tới một phòng họp đông đảo. “Khẩn trương. Lãnh đạo sinh hoạt.” Giám thị Hai Phận dẫn tôi từ cát sô ra, bảo vậy.

Đầy đủ các văn nghệ sĩ bị bắt đã có mặt trong phòng. Bài bản. Chính sách. Ông ta kể chuyện người xưa, giọng miền Nam. Vua Trần Nhân Tôn dẹp giặc Nguyên xong, họp triều thần. Những người lỗ theo giặc, viết tờ nhận tội, chờ xét xử. Nhà vua sai đem tất cả các tờ giấy viết, bỏ vào

nồi nấu với nước. Cả triều đình, vua tôi cùng chia nhau uống, trên thuận dưới hòa. Anh em cả mà, giết chóc tù tội nhiều rồi, không xí xóa vui vẻ làm sao ngó lên bàn thờ tổ tiên, làm sao cho dân an nước mạnh. Đây, giấy đây. Viết đi. Viết xong là Đảng theo gương vua Trần. Nặng cũng về. Nhẹ cũng về. Tất cả về xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa.

Bây giờ, ông ta ngồi nghiêm trang bệ vệ trong phòng, chờ tôi.

“Chị đã đi lại được. Khá rồi. Chị Nhã Ca. Chị nhớ tôi chứ?”

“Dạ, tôi nhớ, ông Sáu.”

“Đây là toàn bộ hồ sơ của chị. Tôi vừa xem lại. Mặc dù chị tiếp thu, giác ngộ chậm quá, nhưng chúng tôi cũng đã đề nghị để chị được dự khóa thu hoạch vừa rồi. Học xong, mọi người sẽ ra về. Nhưng về hay không, còn do thái độ học tập của chị. Bản thu hoạch của chị kỳ cục quá.”

Buồn cười. Lại đem nồi nước sôi ra đun mà không có lửa củi nữa chắc. Xấp hồ sơ dày cộm được mở ra. Lật đi lật lại. Lắc đầu.

“Thôi. Thế này. Chị Nhã Ca ạ. Chúng tôi hiểu hoàn cảnh của chị và các cháu nhỏ. Chúng tôi không muốn bắt chị vào đây. Nhưng đây này, tôi cho chị ngó qua để thấy. Đây là tất cả những báo cáo về mọi sinh hoạt, lời lẽ phản động của anh chị, do những người quen biết với anh chị viết ra. Mặc dù vậy, cách mạng đã xét, đã tạo điều kiện cho chị học tập để trở về nuôi con. Bây giờ, chỉ còn mỗi việc.”

Xấp giấy trắng được đẩy tới trước mặt tôi.

“Chị viết đi. Viết ngay ở đây. Viết về những người đã báo cáo chị, về bạn bè anh chị, những liên hệ, giao thiệp. Chỉ vậy là xong, là về.”

“Tôi có bị bắt buộc phải viết không, ông Sáu?”

“Phải viết chứ. Chị Nhã Ca. Đây. Bút đây. Chị cứ bình tĩnh suy nghĩ rồi viết. Chị có hai tiếng để viết. Tôi sẽ gặp lại chị.”

Cánh cửa phía sau đóng lại. Tập hồ sơ dày cộm đã mang ra. Từng tờ báo cáo, từng nét chữ múa lượn. Chị thấy nhé. Đây có phải là chữ của anh ... của anh ... Nhiều quá. Bình tĩnh. Tin tưởng. Tập thờ cho đều. Hãy cư xử xứng đáng. Anh ấy nói vậy. Phải nghĩ gì, viết gì, viết thế nào? Bắt đầu bằng chữ gì? Báo cáo à?

Ồ hay. Việc gì phải suy nghĩ. Hãy cư xử xứng đáng. Anh chả bảo em vậy sao. Chúng ta còn nhìn thấy nhau, thấy con cái, thấy bạn hữu nữa mà. Tôi đặt bút: Tôi bị cưỡng bức viết những điều mà tôi không biết.

Chờ đợi lâu quá. Tồn thêm hai, ba, rồi bốn tờ giấy cho những hình vẽ chi chít. Mặt trời. Cỏ cây. Bông hoa. Con mèo. Con chó. Con mắt.... May quá. Ông ta đã trở lại.

“Nào. Xong cả rồi chứ. Chị Nhã Ca.”

Ông ta tươi cười, cầm xấp giấy. Kia, nụ cười. Xọet. Xấp giấy bị xé nát, giục xuống giữa phòng. Con mèo bị xé đôi. Con chó, mất một chân. Con mắt, còn một nửa. Nửa con mắt âm thầm kêu: “Mẹ ơi. Chúng con muốn nhìn thấy Mẹ.”

“Chị đùa đấy hả? Sao chị không chấp hành nội quy?”

“Tôi chỉ viết thành thật. Thưa ông.”

“Chị phải viết về họ. Họ đã viết về chị.”

“Vâng. Thì họ viết. Tôi không biết họ viết gì. Nhưng tôi biết họ viết sai. Tôi không thể viết sai như họ.”

“Họ sai à? Chị căn cứ vào đâu?”

“Căn cứ vào lời ông Sáu. Ông Sáu cho biết là cách mạng đã có ý tha tôi về. Ông Sáu bảo, tôi bị bắt vì những tờ báo cáo này. Có biết là những báo cáo ấy sai thì mới tha. Bây giờ, không biết gì về họ, tôi lại cứ viết. Lỡ sai, số phận họ sẽ ra thế nào?”

“Được rồi.” Ông ta cười nhạt “Chị Nhã Ca. Chị sẽ không có ngày về nữa. Sáng mai, hai mươi một người được khoan hồng. Tiếc là không có chị.”

Tôi đứng dậy. Lại chị đàn bà mắt lé ngày nào. Chị đã mất cái bụng bự. À, chị ta đã sinh đẻ, đã có con. Trai hay gái? Đứa trẻ có kháu khỉnh không? Hình như mắt chị đã bớt lé, môi cười đã tươi hơn, bớt xấu xí hơn. Làm mẹ mà. Đưa thằng tôi vào một cát sô. Chị có nhìn tôi. Mặt mũi có bớt nguyên tắc, cứng ngắc như tôi đã nghĩ?

Gần tối, mới thấy cửa mở, nhận đồ đạc cá nhân do vệ binh lấy dùm từ bên phòng giam nữ sang. Mặc kệ đồ đạc. Mặc các tiếng gõ gọi truyền nhau trong các bức tường cát sô. Tôi phải nằm im. Phải run. Phải thờ.

Trước 1975, Nhã Ca là nhà thơ nữ từng được trao tặng giải Thi Ca Quốc Gia. Bà đồng thời cũng là nhà văn nữ có số lượng sách xuất bản và được đọc nhiều nhất tại miền Nam Việt Nam. Năm 1970, Nhã Ca là nhà văn bị đặc công cộng sản tại Saigon tuyên án tử hình, vì bà viết bút ký “Giải Khăn Sô Cho Huế” lên án sự tàn sát của cộng quân trong cuộc tổng công kích năm Mậu Thân tại Huế.

Sau khi Saigon sụp đổ, Nhã Ca và chồng là nhà thơ Trần Dạ Từ bị Cộng sản bắt giam. Bà là nhà văn nữ duy nhất trong số hàng trăm nhà văn, nhà báo Saigon bị cộng sản cầm tù. Bà cũng là người nữ duy nhất và bị xếp hàng thứ sáu, trong số 10 tác giả Saigon bị kết tội là “Biệt Kích Văn Hóa” trong cuốn sách cùng tên, do Trần Văn Giàu, Lữ Phương, Vũ Hạnh viết. Những tên tuổi khác bị đả kích là Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Doãn Quốc Sỹ, Nhất Hạnh, Võ Phiến, Mai Thảo, Duyên Anh...

Truyện tình Huế: Ngày thơ tình thơ

Thành phố đang ngủ vui trong mùa đông, đột nhiên bị dựng cổ dậy. Những luồng dư luận phóng ngang dọc khắp phố xá, soi lũng từng tấm bình phong. Ô ạt vào từng sân nhà, phòng khách, phòng ngủ, và cả chợ búa.

- Dễ sợ. Đã biết tin chi chưa?

- Rồi, cả thành phố biết rồi. Con Hoa Trang, con ông Chánh Ái mất tích chợ chi? Cha con gái đòi ni ớn chưa. Ổn tận xương sống.

- Con ông ni bà nọ, khi hư cũng hư như thường. Nghe nói nó với thằng con cái mụ bán chè chợ danh giá chi. Hai đứa thương nhau, bỏ đi biệt. Đoảng hậu.

- Thời ni cũng có chuyện công chúa theo thằng bán than.

- Rửa cho cái mặt thằng anh chi đó, thằng Triết bớt hách xì xằng. Còn cái con vợ của nó nữa mới dễ sợ. Tưởng con ông ni bà nọ, về làm dâu nhà danh giá là ta đây. Chừ, che cái mặt mo mà đi.

Mấy chị đàn bà đang đi xuống con dốc, bàn tán, cười rúc rích. Rồ đi chợ cặp ở nách hồ hững. Một chị cười quá, rơi cả rổ xuống đường, lăn những vòng tròn. Chị ta le te chạy theo, cổ còn muốn ngoái lại, tai vểnh lên, sợ bỏ mất một khúc chuyện hấp dẫn.

Trong một khu vườn khác, vài bông hoa sầu đông len lén mở mắt, lắng nghe mấy cô gái đang kháo chuyện trong sân. Cây mai vàng đầy lá non, đầy nụ xanh, như cũng giật mình từng chập, muốn bung nở hết cho rồi, mà còn sợ lạnh, chỉ mới dám ngại ngừng hé mắt một tí. Bên gốc mai có ba cô gái. Cô chị mặc áo len tím, đang đưa những ngón tay dài, kéo cao cổ áo lên. Cô chị đang lắng nghe. Hai cô em, một mặc áo len trắng, một mặc áo len hai màu tím và trắng, đang bàn cãi kịch liệt.

- Xi. Em biết thằng nó ni. Bữa em có gặp.

- Đẹp trai khôn rứa?

- Đẹp chi mà đẹp. Mặt như cái bị ông ăn mày.

- Ai cũng nói con Trang hiền phải không? Chừ mi còn nói nó hiền nữa thôi.

- Chắc tụi nó đem nhau đi trốn, chị hí? Dễ sợ.

- Tau nghe nói nó ăn cắp vòng vàng tiền bạc chi nữa đó.

- Ha. Em lại nghe khác. Họ nói đi trốn với nhau tay không. Hết tiền sẽ thò cái mặt ra.

- Con Xuân Tú nói với tao con Hoa Trang có mang. Vì có mang nên trốn đi.

- Dễ sợ. Con gái mà có mang. Chừ hoang thì phải biệt xứ chớ sống chi nổi ở đây, hí.

- Chợ rặng. Ở lớp học của tau, tụi nó bàn tán dữ lắm. Tụi nó nói chắc nó trốn đi với thằng Vũ con mụ bán chè đó rồi. Hay hai đứa tự tử chết ở mô rồi. Thằng đó sức mấy chịu được cái bụng của con Hoa Trang. Thằng đó ở xa, con Hoa Trang có mang là có mang với ai...

- Chắc với ông Giao chị hí.

Cô chị từ nãy giờ chỉ nghe, háy con em nhỏ một cái:

- Ngu rứa mà cũng nói. Có bầu với ông Giao thì đã chịu lấy ông Giao rồi. Nghe nói đi hỏi rồi chợ phải chuyện chơi mô. Không phải con ông Giao, gần ngày cưới mới bỏ đi chợ.

Ba chị em cùng nhún vai, le lưỡi. Bà mẹ từ trong nhà đi ra, thu hai tay trong vạt áo dài bằng nỉ nâu. Bà nhỏ phạch bãi nước trầu vô một chậu cây, đưa hai ngón tay quẹt miệng, vừa nhai trầu vừa nói xông xả:

- Nì, ba con tề. Đứng chi ngoài sân mà cãi nhau ỏm tỏi rứa. Gần tết gần nhứt rồi, vô mà phụ với tau làm ba cái mứt cho xong chợ. Hết giờ hết ngày rồi nghe. Cha, còn con mụ Lé nữa, nói gánh cho người ta mấy đôi nước giếng, từ sáng tới chừ chưa thềm ghính a nợ.

- Mụ nó đó tề mạ.

Một người đàn bà thấp tề, đang gánh hai thùng nước lạch bạch đi vô sân. Mụ đặt gánh nước giữa sân, vắn người:

- Trời lạnh gánh nước cực bất chết.

- Tui dặn mụ gánh cho từ sớm. Chừ mới tới. Nói mụ như nói với đầu gối. Mà mụ nghe như nước đổ lá môn.

Mụ Lé cười giả lả:

- Từ sáng tới chừ, ngoài giếng đông nghịt bà ơi. Tụi nó cứ bu quanh giếng nói chuyện tào lao hoài. Họ đồn rùm beng, con gái ông Chánh biệt dạng đi mô a bà ơi. Họ đồn dữ lắm.

Cô con gái lớn lanh chanh:

- Họ nói rằng mụ Lé?

- Ui. Họ đồn tùm lum tà la. Cái cô Trang đó. Ngó bộ công dung ngôn hạnh rứa mà ghê quá cô ơi. Bỏ nhà theo trai rồi. Theo cái thằng con mụ bán chè đó. Tui nói có sai mô. Ngó cái bụng lúp xúp là biết có mang rồi. Thằng đó ngu quá trời, nó có mang với ai chớ thằng đó mới ở mô về chớ có ở Huế mình mô.

Cô em nhỏ nhứt rùng mình :

- Thiệt không. Nói hàm hồ mang tội chết, mụ Lé.

- Tui mà nhìn thì chắc nịch. Con gái mà đi doi doi, lông mày dựng ngược rứa không có mang thì chi? Nó đi như ri, thì mấy cô coi...

Mụ Lé làm bộ đi doi doi đít, cái bụng nẩy nẩy làm ba cô gái cười rữ. Bà mẹ cũng cười, bà nhỏ phệt nước trầu, rồi làm bộ gắt:

- Vô duyên dữ. Con gái mà cười vãi nước đá ra. Hề, đẹp mặt chưa tề.

Cô chị nghe mẹ mắng, nín khe. Hai cô em cũng gượng nưng cười. Mụ Lé gánh nước đi khuất vào trong sân. Bà mẹ lại nói:

- Tụi bây xuống dưới chợ tìm mụ lấy me cho mạ đi. Mạ dặn mụ sáng ni hái đem ít me. Trái me mô thằng mới lấy nghe chưa, coi xấu thì trả lại cho mụ. Làm mứt phải lựa trái thẳng thơm bỏ vô hủ mới đẹp.

Cô chị nhìn tròi, dè chừng đoán coi có mưa bất chợt không. Mây đã mỏng te, đang bay dòn về phía núi. Cô chị níu vai cô em:

- Đi với tau.

- Minh ghé vô con Trúc hỏi coi. Chắc nó biết nhiều tin tức về con Trang nhiều lắm đó. Đi.

Vậy là ba cô riu rít đi ra cổng. Bà mẹ nhìn theo lắc đầu. Rồi không biết nghĩ sao, bà mỉm cười, nhỏ toẹt một đồng nước trầu vào một chậu cây khác, quay lưng đi vô.

Ở ngoài đường, ba cô đang đi xuống con dốc ngắn dẫn tới cầu, qua chợ. Cô em út chỉ tay vào một khu nhà.

- Nhà nì.

- Nhà ai?

- Thì nhà con Hoa Trang. Đó. Đó tề.

Cửa nhà đã đóng kín mít, còn đeo toòng teng một vòng xích sắt với ổ khoá to tướng. Hai cô chị nhón gót, ghé mắt qua hàng chèn tàu để nhìn vào trong. Cô em thứ hai, đập vai chị.

- Đó, đó. Người nó là bà chị dâu.

Một thiếu phụ mặc áo ngắn trắng, người hơi đầy đà với vạt áo rộng che chiếc bụng lúp xúp, đang ngồi trước hiên đan áo.

- Diễm Phương đó.

- Già hoác.

Cô chị phê bình. Người đàn bà bỗng nhìn ra, nhú mày rồi cúi xuống tiếp tục que đan.

Cô em út bỗng kêu lên, lùi lại:

- Ê. Ông nó tề.

Hai cô chị nhảy lên:

- Mô ? Mô ? A, ông nó đó. Thấy rồi.

Trong sân, trước hiên, bên cạnh bà vợ, một người đàn ông đứng chống nạnh, gườm gườm ngó ra. Thấy hai cô gái nhìn vào, ông chỉ tay, hét:

- Ngó cái chi. Hí. Cái chi mà ngó?

Cô em út đu người, trèo lên cửa, đưa tay lên mũi vẩy vẩy:

- Ê. Ê... Cái mặt như cái mùng rách lòng thũng...lòng thũng...

Hai cô chị cười ngặt nghẽo. Xong ba cô kéo nhau đi. ngang qua một căn nhà khác, một cô gái ló ra vẩy. Cô chị mừng rỡ:

- Trúc. Trúc.

- Chi mi cười dữ rứa?

- Tụi tau vừa chọc mấy người nó ở nhà con Hoa Trang.

- Tau ngó vô, ông anh nó dữ dằn lắm. Chắc đang đau bụng quận.

- Ê, đừng có ngó vô nhà nó. Đóng cửa suốt ngày, không ai đi ra đi vô chi hết. Chắc xấu hổ. Ai ngó vô là ông nó chưởi.

- Chuyện ra rãng rồi?

- Chưa. Chưa có tin chi hấp dẫn. Mới chừng đó đã chết cha người ta...

Mấy cô gái cùng cười. Rồi cả ba cô đưa tay chào bạn, đi tiếp. Ba cô đi theo một tốp mấy mục đi chợ, đang nói chuyện về con gái ông chánh Ái theo trai. Sau lưng ba cô, cũng một tốp khác, đi ngang qua khu nhà kia, chỉ trở, dòm ngó. Chỉ một sáng một chiều, tin đã bay đặc kín thành phố. Đến nỗi, cây cối cũng giật mình, và mùa đông cũng tối tăm mặt mũi, không còn đủ sức để mưa nữa. Câu chuyện Hoa Trang, bỗng trở thành một đề tài sôi nổi, một xì-căng-đan nổ đúng vào ngày cuối năm, và chắc chắn còn nổ ròn rã cùng với những tràng pháo xuân sắp tới trong thành phố.

Cũng buổi sáng hôm đó, ông đưa thư với một cái túi nặng trĩu, gõ cửa từng nhà. Rải rác những thiệp xuân tới sớm, những thiệp hồng báo tin đám cưới, những lá thư mang chút nắng ráo ở các tỉnh xa.

Ở một ngôi nhà nhỏ trong thành nội, nghe tiếng gõ cửa, Tương Giang lật đật chạy ra. Cô sững sờ khi nhận một gói lớn từ tay ông đưa thư: Ai gửi cho mình đây? Cô run run, tưởng tượng một món quà đặc biệt của ai đó. Của ai?

Tương Giang đem cả gói lên phòng, mở cửa sổ cho sáng. Cái gói được mở ra. Không phải quà. Chỉ là cuốn sách dày, dùng để viết nhật ký, bìa đã cũ. Tương Giang gạt cả mớ giấy gói mà vì mở vội vàng cô đã làm rách nát, cho rơi xuống đất. Cô mở cuốn tập ra ngay trang đầu tiên trong cuốn tập, là một bài thơ chép tay, nét chữ nắn nót:

Đuổi bắt trên đồi cao

Trời mưa dầm gió rét

Hai đứa nít kéo nhau

Té lẫn cù, tưởng chết...

Tương Giang bật cười. Thơ thần gì kỳ cục. Coi nào bài thơ dài đến hai ba trang. Chưa hết. Ngoài bài thơ, cuốn tập mấy trăm trang còn đặc những chữ là chữ. Tương Giang lật sang trang khác. Những giòng chữ mực tím, mảnh mai như những cánh hoa sầu đông, trải dài. Rải rác

trong những trang giấy, một vài ngọn lá ép, một vài bông hoa khô, và những giòng chữ nhoè nhoẹt, chắc chắn vì nước mắt.

Hoa Trang.

Phải. Hoa Trang, như đang từ đâu đó, gửi về Tương Giang một ánh mắt thê thiết.

Làm thơ không biết mệt

Báo cho em một tin vui, anh vừa đau dậy
Em đừng xuýt xoa, đừng an ủi
Hãy sung sướng cùng anh
Như anh đã sung sướng ôm đau
Sung sướng mạnh khỏe

Anh đã phải chia với em sự sung sướng, em biết không
Như đã từng bắt em chia cùng anh bao khổ đau oan ức
Anh đang sung sướng, đang hạnh phúc
Mỗi bữa cơm anh mạnh dạn ăn ba bát cơm đầy
Mỗi buổi sáng anh mạnh dạn tắm mát
Anh ăn nhiều quá chẳng
Tắm nhiều quá chẳng
Em yêu, đừng trách anh
Hãy nhớ tin vui anh báo em
Anh vừa đau dậy
Em chưa vui nổi cùng anh sao, em yêu
Sao em ngu thế

Anh sắp kể em nghe bao chuyện lạ
Chuyện anh gặp thần chết trong cơn đau sung sướng
Thần chết, em ơi, ngồi ngay trên đầu giường
Thần chết, em ơi, đứng ngay trên trần mùng
Thần chết, em ơi, đẹp đẽ không kém em
Ngây thơ không kém anh
Anh sung sướng quá, anh không đủ ngôn ngữ diễn tả
Hãy nhìn sâu mắt anh
Thần chết trong mắt anh quần áo thùng thình
Đầy nhân từ khoan khoái

Em yêu, em nhớ hay quên
Những món nợ anh đã từng vay em
Đã từng cùng em vay kẻ khác
Những món nợ vay một trả mười
Vay một bàn tay trả bao nhiêu thân xác
Vay một dòng lệ trả bao nhiêu đại dương
Vay một nụ cười trả bao nhiêu sầu thảm

Phải rồi, em yêu, làm sao ta quên nổi
Những chủ nợ ta từng vay
Từ bắt ta nhận nợ khi vay
Nhận nợ khi khát nợ
Nhận nợ khi trả nợ

Em yêu, đừng la anh lạc đề
Cũng đừng sót ruột
Anh nhớ anh đang kể em nghe chuyện thần chết
Anh nhớ anh phải nói rõ em biết
Thần chết, chính là một chủ nợ
Em đừng giật mình, đừng nhăn nhó
Chính thần chết đã cho ta vay ngày thôi nôi
Vớ bao nhiêu năm sống
Bao nhiêu ngọn nến đủ màu tươi cười trên chiếc bánh sinh nhật
Như anh đã từng vay thần chết
Bao nhiêu ngày đêm phấn đấu và yêu em

Em nhớ không, em yêu
Những lần chúng ta khát nợ nhau
Những lần cùng nhau khát nợ người khác
Em nhớ đi, anh sắp kể em nghe
Chuyện anh vừa khát nợ với thần chết
Anh khát nợ tươi vui không sợ sùng sùng nhăn nhó
Khi thần chết nhìn ra anh, vồn vã
- Ủa, xong rồi hả, đến trả nợ đấy hả, sớm thế
- Ồi dào, xong gì đâu, bác ời
Thần chết vồn vã hỏi, anh vồn vã đáp
Và anh tí tê với thần chết
Nào em chờ anh về yêu mến
Nào bạn bè chờ anh về nhậu nhẹt
Nào quê hương nhân loại chờ anh về phụng sự
Anh còn muốn tí tê nhiều nữa
Nhưng em biết sao không
Thần chết đã tươi cười giở sổ
Tươi cười gia hạn cho anh nợ
Không so đo lời lãi

Em yêu, em thấy chưa
Đúng anh còn yêu em yêu loài người
Còn muốn nhậu nhẹt và phụng sự
Như thần chết, ông chủ nợ nhân từ, còn yêu mến ta
Còn tiếp tục cho ta vay những ngọn nến rực rỡ
Nở chan hòa hạnh phúc trên bánh sinh nhật em
Trên bánh sinh nhật của con thơ
Bánh sinh nhật của bằng hữu nhân loại

Đã vui nổi cùng anh chưa, em yêu
Hãy cùng anh ngọt ngào như bánh
Chiếc bánh sinh nhật tròn trĩnh thơm tho
Đang chờ ta chia nhau
Hãy cùng anh tung tăng như lửa
Ngọn lửa ấm áp của sự sống vẫn cháy
Dù nơi này hay nơi kia
Vẫn cháy, dù người này hay người khác
Vẫn cháy, dù chính đôi ta
Không còn nữa

Nhận tin vui anh báo chưa, em yêu
Hãy ghé nụ cười em gần lửa
Cho anh nhìn rõ
Hãy ghé hơi thở em gần bánh
Cho anh nuốt ngon
Hãy sung sướng cùng anh vừa đau dặng
Như anh sung sướng yêu em yêu loài người
Sung sướng yêu sự sống yêu sự chết

Và sung sướng làm thơ không biết mệt.

(Tạp chí Văn, 1972)

Những ngày giờ cuối

*Có thể sẽ không còn chúng ta
Như đã không còn Vũ Hoàng Chương.
Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường.
Trần Việt Sơn, Nguyễn Hoạt.
Không còn
Như bao anh em khác.
Có thể không còn
Cũng chẳng mất đi đâu
Dòng chảy nào không hao hụt, bốc hơi
Có thể chúng ta vẫn quanh quất đâu đó
Như bọt nước tung tóe reo vui.
Nơi này. Nơi kia
Trong bước đi bất tận của dòng suối sinh nở.*

(Trần Dạ Từ, Hòn Đá Làm Ra Lửa)

Nhã Ca

Võ Phiến – Văn Học Tổng Quan Miền Nam

CHẤN ĐỘNG TÌNH CẢM

Ngược xuôi tìm kiếm, xao xác hơn bao giờ hết vì triết học; mà lại thất lạc, hoang mang, ngờ vực hơn bao giờ hết. Sinh hoạt tôn giáo dấy lên tràn lan, sôi động, dữ dội hơn bao giờ hết; mà con người lại thiếu tin tưởng, bơ vơ hơn bao giờ hết. Cái khủng hoảng tinh thần đã thế, đến như các chấn động tình cảm trong thời kỳ này cũng lại thật nặng nề.

Trong *Đêm nghe tiếng đại bác*, có một lúc đang nói về những thanh thiếu niên phải đi lính đánh giặc Nhã Ca chợt kêu lên: “Quyên tuổi trẻ. Tuổi trẻ của máu mẹ. Tuổi trẻ của bom đạn. Tuổi trẻ của tan nát.” Đến đây, bà giật mình, tự hỏi: “Ồ hay. Tôi có đang lãng mạn quá không nhỉ.”^[1]

Có đấy. Nếu lãng mạn là không kiểm chế được tình cảm, là để nó tuôn tràn ra dạt dào trên giấy, thì bà đã lãng mạn quá rồi chứ còn gì nữa. Thế nhưng, sau đó, cuối sách bà lại tuôn ra luôn cả một mạch thế này: “Tiếng đại bác. Tiếng đại bác. Tôi đang nghe. Tôi đang nghe đây. Gửi gì không. Có. Tôi có gửi. Hãy gọi anh Phan về đêm nay cho mẹ tôi thấy. Hãy mang anh Nghĩa về đêm nay cho chị Phương tôi thấy. Hãy mang tất cả về đêm nay cho tôi thấy. Cho ba tôi thấy.

Cho em Kim tôi thấy. Cho chị Hạnh thấy. Tiếng đại bác. Tiếng đại bác. Gửi gì không. Có. Tôi có gửi. Cho tôi gửi ra những bông hồng. Những khăn tay, những bữa ăn, những gói thuốc lá. Hãy nhắn với họ. Với Đông, với Hoàng, với Mân, với Nghĩa. Với tất cả. Tôi gửi lời thăm. Thăm tất cả. Tiếng đại bác. Tiếng đại bác. Còn gửi gì nữa không. Còn. Tôi còn gửi. Ngủ đi ba. Ngủ đi mẹ. Ngủ đi chị. Ngủ đi em. Ngủ đi tiếng đại bác. Đại bác. Ngủ đi. Ngủ đi. Tôi còn gửi. Để cho tôi gửi. Gửi cả tương lai tổ quốc ta theo đó.”^[2]

Thôi lần này thì bà “lãng mạn” quá cỡ mất. Nhưng lần này Nhã Ca không kịp thức mắc về chuyện mình có lãng mạn hay không, bởi vì bà đứng trước một cảnh thương tâm quá đỗi lớn lao, bà bị xúc động quá mạnh: một gia đình đầm ấm tràn ngập yêu thương bỗng đón nhận một lúc hai cái tang, cả con trai lẫn con rể cùng chết trận. Một buổi tối cả nhà đang quây quần tíu tít với nhau thình lình một quân nhân gõ cửa bước vào, lúng túng với cái tin dữ mang theo, thế là sét nổ long trời lở đất xuống giữa bữa ăn của họ: bà mẹ ngã ra bất tỉnh, cô hôn thê chết lặng, rồi lát sau một thiếu phụ nữa lại lăn vào nhà tình nhân chết giấc... Trong hoàn cảnh ấy, tác giả - vốn cũng là đàn bà - biết làm gì khác hơn: bà bắt giặc la táng lên inh ỏi.

Phản ứng của Nhã Ca cũng là phản ứng của rất nhiều nhà văn khác trong thời kỳ này, cả nam lẫn nữ. Bà làm ta nghĩ đến một người con gái nét na có lúc chột thiếp mắt, ngáy khe khẽ, giết mình thức giấc, bèn lên, hỏi xung quanh: “Vừa rồi tôi có ngáy không nhỉ?” Một hôm kẻ cướp xông vào nhà, cả gia đình trải qua một phen thất điên bát đảo, tối đến ai nấy lăn quay ra ngủ, ngáy vang như sấm. Cô gái cũng ngáy bằng thích, và không buồn hỏi han ai nữa, hết cả then thùng. Bấy giờ cả Miền Nam ai nấy đều “lãng mạn” cả. Hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ó dòn dập tuôn trào. Đây là Phan Nhật Nam: “Lòng nóng như lửa, trí não nổ như dông, chân tay muốn chặt ném cho chó gặm, người như nướng trên giàn hỏa (...) Tôi không cần biết, chỉ xin nói một điều: Y chết lảng, chết thối, chết vô ích, vô tích sự, chết bần và chết ngu... Tôi không thể nén lòng được, tôi muốn thẳng này phải chết năm lần, bảy lượt, chết tan xác, chết nhục nhã, chết ghê tởm (...) Gã trẻ tuổi ngu ngốc, đàn độn không được quyền chết trên quê hương bi tráng này. Tao nguyện rửa mày trong suốt ngày dài điêu linh tàn khốc của đời sống Việt Nam.”^[3] Vẫn Phan Nhật Nam: “Trong cơn say, nỗi buồn chín đỏ nằm riêng một góc linh hồn không tan biến.”^[4] (...) “Một khoảng đời đã đổi, tôi thành kẻ lạ rồi... Một tên hung bạo, trí não căm hờn và thù hận. Tôi chết một phần người trong tôi.”^[5]

Không phải chỉ có cái chết mới dữ dội. Hạnh phúc lúc bấy giờ cũng trở nên ác liệt: “Tôi gặp cả vùng chân trời nằm gọn trong mắt chàng.”^[6] “Và cứ thế chúng tôi chơi với nhau. Cho nhau những ngày tháng thên thang hạnh phúc, đố đầy đời nhau những tư tưởng nước chóng bốc hơi thành mây bay trên trời (...) Chúng tôi mở cho nhau những thế giới và chân trời mơ ước...”^[7] Du Li viết như thế trong truyện *Một tâm hồn sa mạc*.

“Tâm hồn sa mạc”, “tâm hồn sỏi đá”, con người thì ví với “loài dã thú”, “loài rong rêu”, “loài cỏ hoang”, có khi với “loài rau hoang dại” (Nguyễn Thị Thụy Vũ, *Bách Khoa*, số ra ngày 13-7-74), con người thường ôm “nỗi chết không rời”, “dựa lưng nỗi chết” v.v... Sáo ngữ của thời đại nghe thảm não, khốc liệt. Câu văn của thời đại nhiều khi nghe dòn dập, hỏn hển, chát chúa, như tiếng rít lên, tiếng la hét, tiếng gào, tiếng chửi rủa. Cái vui, cái buồn, cái đau đớn, cái khoái trá, cái gì cũng được đưa tới chỗ cực đoan.

Cách nói năng của thời này không giống chút nào với cách nói mực thước, khoan hòa trong văn chương cổ điển; thái độ người thời này không giống thái độ truyền thống:

*“Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghènh bắc ngang
Sè sè nắm đất bên đường
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.”*

Mồ hoang trong buổi chiều tà cũng không hẳn là cảnh buồn. Không có gì chịu buồn thực sự buồn, buồn đến nơi đến chốn. Cái gì cũng diu diu, thoang thoảng: sè sè, rầu rầu, nửa này nửa nọ... Những tiếng tĩnh từ kếp làm cho nhẹ bớt ý nghĩa, nhẹ bớt cảm giác. Mà tĩnh từ kếp lại là cái sở trường của ngôn ngữ dân tộc.

Từ xưa đã thế, mãi cho tới gần đây ta vẫn thế. Vẫn chuyên trị về cái diu diu, êm êm, mơ mơ màng màng:

*“Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ
Tìm thử chân mây khói tỏa mờ”...*
(Thanh Tịnh)

*“Trước sân anh thơ thần
Đăm đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đời quê”...*
(Hàn Mặc Tử)

Thơ thần, lang thang, mây khói, rèm tơ, cuốn nhẹ, tỏa mờ v.v... Thơ như vậy, văn cũng vậy: *Thế rồi một buổi chiều* là một kiểu nhan đề, *Nắng thu, Bướm trắng, Gió đầu mùa, Nắng mới, Hồn bướm mơ tiên* v.v..., những nhan đề nữa. Làm sao dưới những nhan đề lành như thế mà lại có được chuyện hung dữ! Không có đâu. Dưới mái chùa nọ quả có xảy ra câu chuyện ngang trái đau lòng chẳng hạn, nhưng cái đau lòng ấy không hề làm cho người ta điên cuồng lồng lộn lên, chỉ thấy một nỗi buồn... man mác! “Lan liếc mắt ngắm phong cảnh quanh mình, lòng hoài nghi man mác đến cả cỏ, cây, mây, nước. Cúi nhìn dòng nước bạc lấp lánh dưới chân đồi quanh co uốn khúc, rì rì lướt giữa dọc cát vàng; trong cảnh êm đềm ấy, biết đâu không ẩn núp những loài rắn độc hại người.” Cuối *Hồn bướm mơ tiên* là:

*“Gió chiều hiu hiu...
Lá rụng!”*

Và rồi cuối thời kỳ thơ mộng êm đềm ấy còn lại một người, một nhà văn nghiêm chỉnh, đàng hoàng, tao nhã. Nhà văn ấy - Nhất Linh - thông thả giảng giải về cách viết văn, cách viết thật sáng sủa, thật giản dị, thật tỉ mỉ chi tiết và hơi vui vẻ một chút. Lắm người chịu là đúng đắn hay ho rất mực, nhưng không mấy ai nghe theo. Ai nấy mãi lo văng tục, gào thét, mãi hực hực với những cái hoặc cộc lốc, cụt lủn: *Yêu, Loạn, Tiền, Con sâu...*, hoặc ghê rợn: *Mùa hè đỏ lửa, Giải khăn xô cho Huế, Đêm nghe tiếng đại bác* v.v...

Từ thời Nhất Linh sang thời này, sự thể đổi khác hẳn. Thời sau này là thời của những xúc cảm mạnh. Thời của những cực đoan, của cái quá lố. Lấy con mắt bình thần của người tiền chiến mà nhìn thái độ lớp sau có thể thấy nó như lố lăng, như lập dị. Trong cái tâm trạng cuồng nộ của thời này mà đọc lại nghệ phẩm tiền chiến, thấy nó “trà dư tửu hậu” thế nào.

Trở lại câu Nhất Linh nói với Nguyễn Vỹ: “Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tội mình.” Quả có vậy. Già dễ dãi bình dân như Nguyễn Vỹ hay già tinh tế trí thức như Nhất Linh, họ đều có chỗ giống nhau và họ đều khác hẳn lớp trẻ. Khác như những tờ tạp chí *Phổ Thông, Văn Hóa Ngày Nay* đặt bên cạnh những tờ *Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Thái Độ, Sáng Tạo, Hiện Đại* v.v... Một bên ung dung giản dị, cười cợt, hoặc tằm tằm hoặc hô hô tuếch toạc: vậy đó là già. Một bên nhăn nhú suy tư, kêu gào, quàn quại: thế lại là trẻ. Thời cuộc làm ra thế, khủng hoảng tin tưởng khiến nên thế, những chấn động tình cảm quá mạnh gây ra thế.

Người xưa

Trời mùa đông ở Huế, lạnh cắt da cắt thịt mà con Mận phải dậy từ ba giờ sáng. Bà chủ là cái đồng hồ tốt nhất. Nếu có bữa nào Mận ngủ quên thì cứ đúng giờ bà chủ tỉnh dậy, gọi:

- Con Bần dậy chưa, dậy, xắt chuối cho heo ăn.

Bần là tên cúng cơm của cha mẹ đặt cho. Nhưng Mận không hề biết cha mẹ mình là ai. Ông chủ nghe cái tên Bần, ky, sợ có cái nghèo trong nhà, nên mới sửa lại tên Mận. Bà chủ quen miệng, cứ gọi là con Bần. Tên Mận ngọt ngào, thanh lịch đâu có hợp với một con ở đợ.

Đâu chỉ có xắt chuối không thôi. Nấu cơm bằng củi ướt, thổi, khói xông hai con mắt đỏ lòm, sưng húp, nước mắt chảy ràn rụa. Hồi còn nhỏ, hai con mắt Mận luôn luôn có hai cục ghèn. Cậu chủ sợ lắm, hễ con Bần bưng cơm vô phòng học cho cậu là cậu gớm, không chịu ăn. Bà chủ lại chửi:

- Con quỷ, mi bưng cơm vô cho cậu thì phải rửa tay, rửa mặt sạch sẽ, nghe. Xòe bàn tay coi.

Con Bần xòe tay, lúc nào cũng bị gõ mấy cây thước đau điếng.

- Đồ nhớp nhúa.

Nấu cơm hay cháo bữa sáng xong rồi, tay nách một cái thau, đầu đội một cái thau nữa đựng quần áo dơ đi xuống sông giặt. Mùa đông khổ hết biết, nước lạnh như băng, xà phòng không có, giặt bằng trái mù u. Xát bột mù u với cục đá lên quần áo, chà mòn nhám cả tay. Chưa kể mỗi ngày phải cầm cái búa bữa củi, rồi chẻ củi thành từng thanh nhỏ. và để tiết kiệm, con Bần còn phải cầm cái cào đi cào lá khô đem về nấu nướng, bởi vậy, hai bàn tay của con Bần sần sùi, lúc nào cũng có vết đứt, trầy trụa, có khi mưng mủ, cả đêm đau nhức không ngủ được. Hai con mắt nó gần như bị bết nhèm, vì thổi ống khói cho củi cháy lên, nhất là mùa đông, là cây, củi mục gì cũng ẩm ướt, hai con mắt nó bị um khói chín nhừ.

Mặt con bé buồn lắm, duy nhứt có đôi mắt tròn xoe, đen nhánh và cái mũi cao, kín đáo. Có lần, một ông thầy tướng số tới coi cho cậu chủ, con Bần pha nước hầu, ông thầy ngó nó:

- Con ni thiếu niên tâm khổ nhưng qua tuổi ba mươi, nó đổi vận hạn, giàu có lắm chớ không phải chơi mô.

Bà chủ cười nhạt, không tin. Cái thứ dân bần tiện này, nếu bà không nuôi, có đi ăn mày, ăn cắp mà sống, đôi khi cũng chết tấp trong bờ bụi, kiến bụi rồi.

Con Bần thuộc lòng câu nói của ông thầy tướng để an ủi mọi khi làm lụng cực quá hay ăn đòn đém không hết số. Và mỗi lần bà chủ giận là người mẹ của Bần bị đem ra bêu riếu. Theo lời bà chủ thì Bần là con hoang, mẹ gánh nước thuê, không biết nhẹ dạ với ai mà có mang. Để con ra nhưng nuôi không nổi, gặt năm đói đã bỏ con nhỏ đầu làng, trốn đi. Con nhỏ bị kiến bu, người tím bầm. Ông chủ thương tình đem về nuôi, bà chủ huấn luyện thành con ở.

- Cái thứ đó rồi cũng y như con mạ nó, đoảng hậu rửa thê!

Ăn toàn canh thừa cá cặn, lại ăn không đủ, mặc không ấm, năm mười sáu tuổi con Bần cũng lớn lên được, nhưng gầy nhom, nhìn thấy cả bộ xương. Có điều, không biết ai gây giống mà con Bần có cặp mắt đẹp quá, đen láy, hễ giương mắt nhìn ai là người đó không thể ngoảnh mặt làm ngơ, trừ bà chủ lòng sắt dạ đá. Bạn bè của cậu chủ tới chơi, thấy con Bần ngộ quá, cũng tấm tắc:

- Coi con ở nhà mi ưạ mắt lắm nghe. Con mắt nó đẹp quá.

Cậu chủ làm nghiêm:

- Nó là con ở, tụi bây đừng bắt thang cho nó leo.

- Làm ra vẻ ông cụ há. Thôi mi ơi, đã nói “trong nhà gì đẹp bằng sen...”

Con Bần ra đằng sau nhà, có cái lu nước mưa, cúi xuống soi mặt. Trong lu nước, cặp mắt nó nhìn lại nó và nó cười. Có cả áng mây từ trên trời in trong đáy lu nước nữa. Nó đưa tay vọc, mắt nó tan, mây tan. Nó đứng sửng, muốn soi mặt mình lại lần nữa cũng không được. Nó thương đôi mắt nó lắm, ai đã cho nó hai con mắt đó vậy?

Nghe nói lúc xưa, mẹ Bần có người mua, bỏ con mà đi. Bần đã một lần trốn nhà, muốn tìm mẹ. Đi suốt mấy ngày qua làng bên, đói quá phải bò về, để lãnh đòn thì chết. Sau lần đó, gia đình chủ dọn lên thành phố, vì cậu chủ phải ăn học. Bần không còn hy vọng tìm ra mẹ mình nữa. Gia đình chủ chỉ có một cậu con trai. Năm đó cậu thi đỗ tú tài, nhà rấp rem muốn cưới vợ cho cậu. Ông bà chủ có một người bạn quen biết đầu hồi mới lên thành phố làm ăn mua bán, thường tới lui thăm viếng, coi bộ hạp ý hạp tình lắm. Nhà này có tới bốn chị em gái, nghe nói cô nào cũng giỏi giang. Vậy là hai nhà đi lại, sắp làm thông gia với nhau. Con Bần nghe chuyện tò mò lắm, muốn biết mặt đứa con gái may mắn đó là ai. Khi gặp, nó thất vọng, vì cô gái đó không nhan sắc mặn mà, chỉ vì là con nhà giàu có.

Lên thành phố ở, ông chủ bà chủ mãi mê chuyện làm ăn. Họ có một cửa hàng ở trên phố mà nhà thì ở Vỹ Dạ. Cậu chủ đi học bằng xe đạp và mỗi lần trời mưa, dẫn xe về, cậu chủ đều bảo con Bần:

- Bần, xe tao nhớt qua, mày rửa sạch dùm tao.

Con Bần chùi rửa chiếc xe láng bóng. Cậu chủ thích lắm, tập cho con Bần biết đi xe đạp. Đạp chiếc xe đạp con Bần sướng rơn, coi sang trọng quá, đâu phải giống như con ở nữa. Nhưng biết đi xe đạp rồi, cậu Thanh sai suốt ngày, đi mua thuốc là, đi bỏ thư, đi trả sách nhà bạn cậu. Lúc này nhà vắng người, cậu chủ muốn nói chuyện cũng chỉ nói chuyện với con Bần. Riết, có chuyện gì khẩn cấp cậu cũng nhờ Bần lo. Bữa nọ, cậu Thành biểu:

- Bần, mi đưa cái thư tới nhà cô Trâm dùm tao chút được không?

Con Bần được ra khỏi nhà là mừng rồi. Nó hăng hái:

- Dạ được, cậu.

- Mi đừng vô nhà, nhà đó chó dữ lắm. Mi đứng đầu đường, chờ lúc cô nó đi học, mi đưa thư là được.

- Tui nói mần răng?

- Nói của cậu Thanh là không có chuyện chi hết.

Vậy ra, cậu Thanh vợ đã đi hồi mà con trai gái. Mấy lần như vậy rồi, họ hẹn hò gặp nhau. Con Bần cũng lấy làm vui vì chứng kiến hai người, người nào cũng đẹp, xứng đôi vừa lứa lắm. Cậu chủ, bớt coi rẻ rúng con ở, vì lúc này, Bần cũng trở mã, đẹp ra, mặc dù thân hình gầy nhom, nhưng cặp mắt đẹp lạ lùng. Cô Trâm còn phải khen:

- Con ở nhà anh có cặp mắt đẹp quá. Coi chừng anh...

Cô cười rúc rích. Thanh nghiêm mặt:

- Đẹp cũng là con ở. Em nói chi lạ rứa!

Lại "trong nhà gì đẹp bằng sen", cô Trâm nhắc và cười khúc khích.

Bữa đó con Bần tủi thân lắm. Nó khóc một đêm sưng cả mắt. Sáng ra, cậu chủ nhăn mặt:

- Coi tề. Mi cứ ở nhớt nhúa, coi, hai cục ghèn dính nơi mắt tề...

Con Bần đưa vạt áo lau. Nước mắt nó lại muốn trào ra. Nó buồn cả tháng không hết.

Chuyện của cậu chủ, dù kín đến mấy cũng có lúc hở ra. Ba má cô Trâm tới tận nhà nói chuyện với ông bà chủ. Vậy là cậu chủ thất tình, những lúc không có ai, cậu chủ say mềm. Con Bần thương cậu chủ quá mà không biết làm sao cho cậu chủ bớt buồn. Nhiều bữa, thấy cậu ngồi trong phòng, nó gõ cửa. Cậu không mở mà còn đuổi đi. Cho tới khi chỉ còn một tháng nữa là đám cưới, cậu nhờ con Bần đi đưa thư nhưng con Bần không gặp được cô Trâm. Bữa đó, cậu uống rượu say mềm người. Nhà lại vắng, con Bần phải pha nước chanh đem vô cho cậu chủ.

- Cậu uống nước chanh cho già rượu.

- Tao không muốn già rượu chi hết. Mi đi kiếm cô Trâm về cho tao.

Cậu chủ lè nhè. Con Bần trở mặt nhìn. Cậu chủ cũng nhìn lại nó, rồi nó thấy mặt cậu chủ đỏ như trái lựu chín. Cậu vậy:

- Bần, mi lại đây tao biểu.

Nửa muốn bỏ chạy, nửa lại muốn bước tới. Con Bần không biết trong bụng nó nghĩ ra làm sao nữa.

- Mắt mi đẹp rứa thê, Bần.

Cậu chủ ôm con Bần trong tay:

- Đúng. Noái đúng, mắt mi đẹp chi lạ.

Cậu cúi hôn thật nhẹ vào đôi mắt con Bàn. Lần đầu tiên con Bàn ngửi được hơi hướm cậu chủ, nó đã nhiều lần nhìn lên cậu tắm, cậu thay quần áo.

- Hun một cái nữa hí.

Cậu chủ đưa cái môi từ mắt xuống má, rồi từ má gấn qua miệng. Con Bàn choáng váng, hết biết.

Rồi tay cậu mở từng khuy nút áo của con Bàn ra. Bàn tay cậu điệu nghệ quá, đã có lần, con Bàn leo lên cái thành tường ngoài cửa sổ, ngó vô phòng cậu, thấy cậu làm như vậy với cô Trâm, con Bàn chết trân, mấy đêm sau không ngủ được. Giờ đây, chính cậu đang làm với nó điều đó. Con Bàn để yên.

Lần đó, lần tới và nhiều lần nữa, con Bàn lên vô phòng cậu chủ. Còn không, cậu chủ cũng lên xuống bếp. Nó ngủ dưới bếp thì khuya lác khuya lơ, cậu chủ cũng mò xuống.

Năm đó ông bà chủ ăn Tết lớn. Nhà cửa được quét vôi mới, các màn cửa được thay lại hết. Vừa ăn Tết vừa chuẩn bị cho đám cưới cậu Thanh qua giêng. Con Bàn cực khổ không còn chỗ than van. Thôi thì mua sắm, làm bánh mứt, lại vườn sau sân trước, ngày nào cũng phải quét dọn sạch sẽ. Bà chủ để ý từng li từng tí, trong góc vườn kiểm lại còn một vài lá khô là con Bàn cũng bị lôi ra chửi. Chưa hết, sáng sớm tinh mơ không giặt giũ quần áo thì cũng phải đi ghính nước. Bọn con gái đi ở quanh xóm thấy con Bàn cực quá cũng phải bất bình:

- Không ở nhà ni thì ở nhà khác, sợ chi hè. Bắt con người ta làm việc hơn trâu nữa.

Đứa khác quá quất hơn:

- Tụi bây đừng chọc vô tổ ong về về nghe. Trong nhà có cậu chủ đẹp trai rửa, tau, tau cũng ở không công nữa.

Con Bàn không ham tranh cãi với chúng bạn. Nó chỉ lo làm sao ghính cho nhanh để đầy lu trong bể ngoài. Làm việc quá đến nỗi tối nằm vật xuống là nó ngủ như chết. Với lại bà chủ thức khuya làm bánh mứt, cậu chủ cũng không dám luông tuông, sợ bề.

Mùng một Tết năm đó lần đầu tiên trong đời con Bàn có được bộ quần áo mới. Ông chủ đã phải nói khó lắm bà chủ mới bằng lòng.

- Chớ khôn đẹp mặt chủ nhà. Nó lớn rồi, năm nay khách khứa đông, bà cũng nên may cho nó một bộ đồ để coi cho được. Quần áo của nó rách rưới quá.

Bộ đồ bằng vải bông đối với con Bàn là một vật vô cùng quý báu. Tuy vậy ba ngày Tết nó cũng không có thì giờ để ngắm nghía coi mình mặc đồ ra sao nữa. Con Bàn đâu, pha trà. Con Bàn đâu, tết bánh, con Bàn đâu, lấy khay trà ra tèm. Chưa xong việc này con Bàn đã bắt tay qua việc khác. Rồi rửa dọn, bữa nao con Bàn làm xong thì trời cũng vừa hửng sáng.

Cho tới trưa mùng bốn, ông bà chủ đi chùa. Trong nhà cũng đi vắng hết. Con Bàn dọn dẹp xong, mới đi ra vườn chăm cây chổi định quét mớ lá đem vào để dành nhúm lửa. Nó thấy lu nước nên dựng cây chổi ở một gốc cây rồi tới lu nước soi cái mặt mình coi. Lu nước trong veo, lộn cợn mấy con loăng quăng nhào lên nhào xuống nhưng không làm rung động mặt nước. Con Bàn còn nhìn thấy một mảnh trời và mấy cành lá in trong in trong đáy lu nữa. Rồi nó nhìn thấy cái mặt của nó, nhìn thấy bờ đò vải bông. Bộ áo quần đẹp quá, mua ở chợ mà mặc vừa khít. Nhưng coi mặt mũi nó tiêu tụy quá chùng. Nó bèn lên lấy trong túi áo ra một miếng giấy màu đỏ xé từ một bao nhang để dành. Nó dập nước, thoa nhẹ lên hai gò má, rồi xếp đôi một phần còn nguyên khác, cắn lên môi. Có vậy thôi mà khi soi lại trong lu, khuôn mặt con Bàn đã thay đổi hẳn. Làm như hai con mắt nó đen hơn, long lanh, tình tứ hơn.

Nó giật mình khi thấy có hai cánh tay ôm qua người nó. Định thần lại thì ra cậu chủ. Nhìn vô lu nước, khuôn mặt cậu chủ bên cạnh khuôn mặt nó, cả hai cùng đẹp quá. Rồi chính cậu chủ làm tan cái hình ảnh quá đẹp đó đi. Cậu day cái mặt nó lại và siết chặt con Bàn vào người cậu.

- Cậu ơi, đừng... đừng, cậu thả tui ra.

- Không thả. Bữa nay mày đẹp thiệt nghe. Đẹp ghê hè.

Một tay giữ vòng ôm, một tay cậu tót cái áo con Bàn lên.

- Cậu... đừng. Lỡ ai thấy...

- Không ai thấy mô. Tau nhớ mi quá. Thiệt, tau nhớ bất chết.

Cái quần của con Bàn bị kéo trượt xuống. Nó cố vùng vẫy, dùng cả hai tay giữ lại.

- Cậu... đừng mà. Ai thấy là chết con, cậu...

Nó sửa lại quần áo cầm cán chổi lên.

- Để tui màn việc, cậu...

- Mận. Từ nay mày là Mận chứ không phải con Bàn nghe. Con Bàn nhà quê lắm, còn con Mận khác...

- Khác ra rãng, cậu?

- Khác ri nì....

Cậu chủ giật cái chổi vắt xuống đất, ôm chặt con Bàn, cái áo của con Bàn lại bị tóe lên.

- Như ri mới là Mận. Mận nì. Nói thiệt, tau thương mi... tao thương Mận nì.

Lúc bị đè nằm xuống đồng lá, cái đầu con Bàn còn đè lên cái chổi quét sân. Tay nó nắm chặt một mớ lá khô và nó thấy cái mặt cậu chủ đỏ rừ. Trong miệng cậu, mùi rượu xông ra. Thì ra, cậu đã uống rượu.

- Cậu đừng nói láo với tui mà tội.

- Không, tau nói thiệt. Mi đẹp, mi mới đẹp nhất.

Cậu chủ bồng trở lại nhẹ nhàng. Cậu hôn lên đôi mắt của con Bàn:

- Mận, em có đôi mắt đẹp nhứt, biết không?

Con Bàn bị cảnh khô, đá sỏi châm vào móng vào lưng đau rát, nhưng trong lòng lại vô cùng thích thú, nó quên cả thân phận con ở của mình. Lần đầu tiên nó nghe tiếng “em” từ miệng cậu chủ gọi nó.

- Cậu à. Cậu đừng bỏ tui nghe. Tui...

Đang trù mển, mơn trớn, cậu chủ bồng thở dài:

- Tiếc mi là con ở, nếu không... Bàn à... Mận, mày đừng cho ai biết chuyện này nghe. Tao... tao phải lấy vợ.

- Sao cậu không thương cô nớ mà cậu lấy.

- Tao không biết.

- Cậu ngồi đây một chút nữa được không?

- Được.

- Mai mốt ông bà biết được chắc giết chết tui. Tui sợ lắm cậu ơi.

- Mày không nói, tao không nói, ai biết. Đừng sợ.

- Dạ.

Con Bàn ngoan ngoãn. Cậu chủ đỡ nó lên.

- Tao vô nhà trước. Mày coi sửa lại tóc tai mới vô. Họ sắp về tới rồi.

- Cậu Thanh.

Con Bàn kêu lên, vừa sung sướng vừa sợ hãi. Rồi nó dứt cả bàn tay vô miệng để đừng bật ra tiếng kêu nữa. Cậu chủ không quay lại, đi một mạch.

Còn lại một mình, con Bàn đứng lặng người một lúc rồi tới bên lu nước. Nó lại soi mặt mình. Nhưng không có khuôn mặt cậu chủ kề cận một bên nữa. Nếu không còn những cảm giác đau đớn trên thân thể thì nó nghĩ chuyện vừa rồi là nằm mơ thôi.

Nó nhìn một lúc lâu khuôn mặt lẻ loi của nó, rồi nó giận giữ vọc tay vào lu nước. cái mặt của nó tan ra theo từng làn nước chưa kịp tụ lại thì nó đã đập tiếp. Đập cho nát mày ra, đập cho nát. Nó khóc một mình rồi ngồi xuống trên cái chổi.

- Bàn. Bàn. Cái con quỷ sứ đầu rồi, há, con tinh le le đi đâu rồi!

Nghe tiếng bà chủ, con bàn lật đật chạy vô.

- Mi làm cái chi má áo quần tóc tai... Mi chui ở bụi mô ra rửa há con yêu bánh nậm...

Con Bàn cúi đầu.

- Mi đã côm nước cho cậu chưa, cái mặt rượng cả ngày, thấy cái mặt là muốn đập cho một cái rồi. Cậu mô?

- Dạ cậu ngủ.

- Ngủ thì cũng thức cậu dậy biểu cậu ra ăn. Con ni vô hậu tể đợi rửa.

Cánh cửa phòng mở. Cậu chủ đi ra, không hề ngo tới con Bàn:

- Chi mà ồn rứa mạ. Con ngủ, có dận không được đánh thức... Ăn chi mà ăn cả ngày, mạ lo chi mà lo dữ... .

Hai bàn tay cậu chủ bẻ lác cắc. Tội nghiệp con Bàn, nó đứng run rẩy trước mặt bà chủ. Hai bàn tay cậu chủ bẻ lác cắc mà như đang luồng trong người nó.

- Cút xuống bếp mần việc đi, còn đứng trơ đó, con hà bá.

Con Bàn chờ đợi làm sao một ánh mắt nhìn của cậu chủ mà không có.

Cho tới ngày cưới thì con Bàn không còn một lần nào được cậu chủ đoái hoài..Mợ chủ, con nhà giàu, hách dịch lắm, hở mồm miệng là mắng nhiếc:

- Cái con ở nhà anh mất dạy chi lạ, thấy nó là em nổi ma rồi... .

- Đứa ở mà em chấp mần chi. Kệ nó.

- Thấy cái mặt nó không sửa. Vừa nhóp vừa ngu như bò.

- Rứa nó mới làm con ở.

Câu chửi độc của mợ chủ không làm con Bàn buồn, mà câu trả lời của cậu chủ làm con Bàn đau điếng. Vậy mà mới đây thôi, trước ngày cưới, cậu chủ đã gọi nó là Mận. Em Mận. Con Mận khác với con Bàn mà, chính miệng cậu chủ đã nói, từ nay, đối với cậu chủ nó là con Mận. Không Bàn nữa đâu được. Nó vẫn chỉ là đứa ở. Một bữa, lên nhà trên chỉ mình cậu chủ, nó làm gan tới gần, gọi:

- Cậu chủ.

- Mi..thôi xuống dưới đi. Mau lên. Mi...

Đôi mắt cậu chủ ngó dớn dác. Con Bàn lằm lũi quay lưng.

Đêm nào nước mắt của nó cũng chảy ướt cả gối. Nó thề là sẽ quên cậu chủ, con người lòng lang dạ sói, có mới nới cũ. Từ ngày cưới vợ về, cậu chưa hề một lần ngó ngàn hay táy máy tới con Bàn. Nhiều bữa nhà vắng, mợ chủ về nhà mẹ, con Bàn trốn việc ra sau vườn, đứng bên lu nước, hy vọng cậu chủ đi ngang qua. Nhưng không có thêm một lần nào nữa. Nó lại tự hứa trong lòng, sẽ cố quên.

Con Bàn cũng sẽ quên được thôi, nếu tháng sau, nó không cảm thấy khó chịu trong người. Một buổi sáng, đang giặt áo ở bến sông, nó nôn thốc nôn tháo. Không phải ăn trúng độc gì, mà tiếp theo những ngày sau đó, cứ thấy mùi cá kho là bụng nó cồn cào, nôn nao và ụa mưa. Con Bàn biết là đã có mang với cậu chủ.

Nó sợ lắm. Mỗi ngày ra gánh nước giếng, nó gặp nhiều con ở khác, kể nhiều chuyện. Con Cau, cũng bị ông chủ làm có mang, bà chủ đánh đập quá, chịu không thấu đã thắt cổ tự tử trong nhà bếp. Con Mực không biết chữa hoang với ai, bị chủ nhà đuổi ra đường, vác cái bụng đi ăn mày, mùa đông, chết cóng trước cửa nhà người ta..Nó lo sợ và chờ những giờ giếng nước vắng hoặc ít người, nó mới ra thả gàu kéo nước. Mức nước lên mà nước mắt của nó rơi long tong xuống giếng.

Chuyện con Bàn có mang không dấu được lâu. Một buổi sáng, đang làm việc, con Bàn phải chạy ra góc vườn để ụa mưa thì mợ chủ thấy. Không phải tình cờ gì đâu, mà mợ chủ đã nghi ngờ, để ý. Tối đó, cả nhà ngồi lại, kêu con Bàn ra. Bà chủ lên tiếng.

“Bàn. Mày có mang phải không?”

“Con...”

Con Bàn run rẩy, hai đầu gối như muốn quy xuống.

“Khôn hồn thì đừng có chối. Mi có mang với ai?”

Con Bàn cắn răng lại. Nói là của cậu chủ, ai tin. Nó nghĩ tới những trận đòn thừa sống thiếu chết, nghĩ tới hình ảnh con Cau thắt cổ trên xà nhà..

“Có phải mi lẹo tẹo với thằng Mương bên nhà hàng xóm khôn, hí?”

Thằng Mương cũng ở đợ. Nhà hàng xóm làm bún, phải mượn một thằng trai trẻ có sức để xay bột bằng cối để xay bột bằng cối đá. Con Bàn rất sợ thằng này vì thằng này hoang lắm. Có lần, thấy con Bàn, nó đứng bên hàng rào tuột quần ra, con Bàn chạy bán sống bán chết. Mấy con ở trong xóm đều sợ thằng Mương này, có mấy con ba đá ngựa thượng tứ mới lẹo tẹo với nó.

- Dạ, không phải cô chủ nờ. Con...

- Hừ, chỉ có cái thằng đó bạ mô xâu đó, mi mới thích xâu, mới chinh ình cái bụng ra...

- Oan cho con, cô ơi.

- Vậy đưa mô. Đưa mô. Không nói tau đập cho chết.

Con Bàn bị đến mấy trận đòn. Nó vẫn cắn răng. Sau, bà chủ đem cột nó ngoài vườn, lột áo cho dầm sương đêm. Cả người nó roi lần ngang lần dọc, đầu đón như bị lóc thịt xẻ da. Chỗ nó bị trói là góc vườn bên này, đối diện bên kia là lu nước mưa. Nó nhớ như in khuôn mặt của nó, của cậu chủ soi trong đó. Lu nước trong vắt với những con lăng quăng vùng vẫy mà không hề gợn được một lần sóng nhỏ. Nó cũng vậy, còn yếu hơn con lăng quăng nữa.

Đã vậy mà đầu có yên, mợ chủ đa nghi, nửa đêm, ra vườn cầm đầu tóc con Bàn xoáy trong tay, giật mạnh.

- Mi phải khai ra, không tao giết chết. Mi ngủ với ai?

- Dạ không biết.

- Con ngựa thượng tứ. Mi ngủ với ai lại không biết. Không biết tao đập cho mi biết.

Mợ chủ, nhìn khuôn mặt đã cho thấy ác rồi. Khi cơn giận lên tới đầu, mợ chủ dữ như cọp. Giật tóc, tát vào mặt, lột quần con Bàn ra rồi bôi đường bôi mỡ lên người con Bàn.

- Cho muối nó cắn, cho kiến nó bu, đồ nặc nô.

Ông chủ, lòng nhơn từ hơn, sáng, ông dậy sớm, lên đem nắm cơm nguội cho con Bàn ăn, dỗ dành:

- Con nói đại đi. Đưa mô mà con có mang con cứ khai ra, sợ chi. Chờ con giữ trong bụng, bà chủ với mợ Thanh đánh chết con.

Con Bàn khóc:

- Con nói thì mợ với bà chủ cũng đánh chết con.

- Răng đánh. Nói đưa mô rồi ông tính cho, bắt nó lấy mi.

Thấy con Bàn cắn răng làm thình, ông dỗ:

- Nói đi con. Nói đi, ông biết đưa mô là ông bắt nó cưới, ông cho tiền để nó cưới, chớ con mà thình rứa là con sẽ khổ cho coi. Nói đi con.

- Con khôn nói được ôn ơi. Con... thà con cắn lưỡi con chết.

Ông chủ thở dài bỏ đi. Con Bàn bị cột ngoài vườn, trần truồng cho muối đốt và kiến cắn tới ngày thứ ba thì kiệt sức. Nửa đêm mắt nó nhìn lên trời, cả ngàn sao nhấp nháy mà nó chỉ thấy những lần chớp xẹt qua xẹt lại.

Lúc nó sắp ngất đi, gục mặt xuống thì có một bàn tay nâng mặt nó dậy, có người cho nó uống nước. Trong lúc mơ mơ màng màng, thần quách tá hỏa, nó cũng nhận ra khuôn mặt cậu chủ.

Đầu nó lóe lên mấy tia sáng, nhưng rồi tắt ngúm liền. Nó rên:

- Cậu chủ ơi, tui chắc chết, không chịu thấu quá.

- Đừng nói nghe. Bàn mi đừng nói.

Con Bàn đưa tay lên, muốn níu nhưng không đụng ai. Giọng cậu chủ:

- Họ đang sắc thuốc trục thai, bữa mơi bắt mi uống. Mi uống không?

- Không, cậu ơi. Không, cậu. Con của cậu mà. Cậu Thanh.

Bàn tay của nó đã được cậu chủ nắm.

- Suyt, mi đừng nói lớn rứa. Tau trốn ra đây một chút thôi chờ không mợ mi nghi là mệt lắm. Mi không muốn trục đứa con.

Đang muốn ngất đi vì kiệt lực, con Bàn cảm thấy hơi ấm từ tay cậu chủ đang dòn qua người nó, nó tỉnh dần.

- Không, cậu. Tui thương cậu. Tui thương cậu lắm.

Nước mắt nó chảy ràn rụa trên mặt như mưa ướm. Không thấy cậu chủ nói gì thêm. Con Bàn nhìn lên trời, nó đã nhìn thấy rõ những chòm sao rồi. Nó còn ngửi thấy mùi thơm của hoa nhài, hoa bưởi trong vườn nữa.

- Nếu cậu không muốn tui giữ con, cậu giết tui đi. Nì, cậu giết tui đi.

- Bàn, lỡ rồi, thiệt tao mô muốn rứa, mi đừng trách tao...

- Tui mô có trách chi cậu. Cậu ơi, nhưng thà cậu giết tui đi. Thà cậu giết chớ đừng để người ta giết tui, tui hận lắm.

Nó nhắm mắt lại, chờ coi người đàn ông nay làm sao để giết mình. Nó chỉ nghe một tiếng thở dài và giọng cậu chủ run run.

- Bần. Mi đừng tên Bần nữa. Mi đổi tên là Mận cho đỡ khổ nghe. Tao... tao có thương mi cách mấy cũng chịu. Vậy...

Cậu chủ ngừng lại nuốt nước miếng mới nói tiếp:

- Vậy mi đi trốn đi rồi đẻ con. Tao có cặp xuyên cho mi...

- Thôi cậu ơi, ở mô mà cậu có đôi xuyên. Cậu ăn cắp của mợ phải không? Thôi, cậu ơi...

Con Bần khóc. Đây mới là giọt nước mắt thực tình thương cho cậu chủ và thương cho nó.

- Của ai mi không cần biết. Mi cầm và nhớ trốn đi càng xa càng tốt. Mi...

Con Bần nức nở:

- Con cậu thiệt cậu ơi.

- Tao biết. Nhưng tao chịu rồi. Tao thua gia đình rồi. Mai, họ bắt mi uống thuốc trục thai...

Con Bần ngưng mắt nhìn cậu chủ. Đôi mắt nó vẫn còn đen láy, còn đẹp. Cậu chủ thấy nhói trong lòng khi cúi sát xuống nhìn đôi mắt của con Bần vẫn chưa hiểu gì cuộc đời.

- Cậu nói thiệt cho tui biết, cậu có thương tui không?

Có? không? Lẫn lộn trong lòng cậu thanh niên Huế. Cậu cắn môi, gỡ trói cho con ở và bảo:

- Đi đi. Bần...

- Cậu chủ...

- Đi đi mà. Đi.

- Cậu ơi.

- Dặn nì. Đừng noái ra. Chết cũng không noái nghe chưa?

- Dạ.

Đôi mắt con Bần nhìn thấy tội làm sao. Cậu chủ không dám nhìn thẳng nữa.

- Cậu, cậu cho tui miếng nước. Miếng nước trong lu đằng nó đó cậu. Bữa đó... cậu...

Cậu chủ hiểu con Bần định nói gì. Cậu đi lại cái lu nước, có cái gáo dựa móc trên một gốc cây.

Cậu lấy xuống vục vô lu lấy đầy một gáo rồi đem tới cho con Bần.

- Cám ơn cậu.

Nó uống một hơi cạn queo rồi vắt cái gáo xuống đất. Giọng cậu chủ run run:

- Mận, mi đi đi. Khôn khéo trong nhà họ biết, Mận...

- Cậu...

Cậu chủ xoay lưng đi vào. Con Bần đứng nhìn theo. Bóng cậu chủ khuất. Con Bần cắn môi rồi bật khóc. Nó vừa khóc vừa chui qua cái lỗ hàng rào mà mới đây thôi, cậu chủ hay chui qua để đi hẹn với người yêu của cậu.

Tờ mờ sáng, chính mợ chủ là người xuống bếp sớm nhất. Mợ chủ chăm chỉ sắc thuốc cho con ở uống. Linh tính người đàn bà cho biết là điều mình nghi ngờ chắc chắn không sai. Trong nhà, ai cũng tra khảo, đánh đập con ở, duy chỉ có Thanh là hoàn toàn im lặng. Mợ đã hỏi dò:

- Anh có nghi nó với ai không?

- Anh mần răng biết được.

- Em... hừ, trong nhà này có hai người đàn ông...

Mợ chủ định nói hài người là chồng, là bố chồng nhưng kịp dừng lại. Cậu chủ hiểu, nhíu mày:

- Em ăn noái chi lạ rứa!

- Em...

- Hừ...

Cậu chủ quay lưng.

Thang thuốc sắc cũng phải mấy tiếng đồng hồ. Mợ chủ cẩn thận, chi li như vậy vì sợ thuốc sắc không đúng phân lượng uống vô không hiệu quả. Thôi thì ai nói chi thì nói, sư tử hà đông cũng được, ác nơn ác đức cũng được. Không bịt cái mối họa này thì mối họa khác còn lớn hơn, tiếng tăm còn nhục nhã hơn. Mợ chủ nhấn nhục để lừa liu riu chờ.

Đến sáng, khi chén thuốc sắc xong, ra vườn thì không thấy con Bần đâu nữa. Ông chủ thở phào nhẹ nhõm cả người. Mợ chủ cầm chén thuốc chạy quanh nhà.

- Mần răng chừ. Nó bỏ trốn rồi.

Mợ chủ gọi cha chồng, mạ chồng, bù lu bù loa:

- Chắc có người mở trói cho nó chớ thất nút kỹ lắm. Mần răng chừ đây?

Bà chủ:

- Đùng để cho nó thoát.

Phải làm một cái gì để chặn lại. Mợ chủ quay quắt:

- Phải đuổi theo, tìm cho được nó.

Ông chủ chấp tay sau lưng, ngó đũa con trai đang thập thò ở cửa buồng, lác đầu.

- Nó đi xa rồi. Biết mô mà tìm.

- Rồi mần răng. Bộ đừng trợn mắt mà ngó?

- Rứa không ngó, bà đi kiếm bắt đi.

Ông chủ chấp tay sau lưng, ngó mông lung ra cửa.

Mợ chủ đi vô buồng lục tung tủ tìm mớ nữ trang. Thấy không mất gì, mợ chủ nhìn chồng:

- Răng anh đừng chết trên rứa.

Thanh mở lớn mắt ngó vợ:

- Rứa chừ anh biết mần chi chừ.

Đôi mắt người thanh niên ngây thơ... vô số tội. Đôi mắt đã quá hiểu về cuộc đời. Người vợ dí tay vào trán chồng.

- Anh hí, gớm lắm. Không phải tui nghi tầm bậy tầm bạ chi...

- Rứa em nghi ai? Tui hay bạ?

Người vợ cứng họng. Rồi không biết làm gì cho hả cơn giận, mợ chủ đi ra vườn cầm cái dao phay, phạt gãy phẳng mấy cây chuối non. Mợ chủ biết, ít nhất, mợ cũng phải thay thế con ở dăm bữa nửa tháng xắt chuối cho heo ăn, chờ tìm nuôi một con ở mới.

Chiều hôm đó, bà chủ nói với ông chủ.

- Tui mất một đôi xuyên. Chắc...

Ông chủ trầm ngâm:

- Thôi được rồi. Để tui mua lại cho bà.

- Ông nghi ai?

- Vô lẽ bà nghi tui?

Họ ngồi vào bàn cơm. Cô con dâu mặt chằm vằm một đống, còn đũa con trai thì cúi đầu ăn, và lấy và để, không thấy nhai mà chỉ thấy nuốt.

- Mạ có mắt chi không mạ?

Cô con dâu hỏi. Bà chủ bắt gập cặp mắt của chồng nhìn, bà nói:

- Không. Không mắt chi cả.

Cậu chủ ngừng ăn, lấy muỗng chan canh đầy bát. Lúc đó, cậu mới ăn thông thả trở lại.

*

Ba mươi năm tám năm sau họ gặp nhau tại Mỹ.

Mùa Xuân năm đó, ông Thanh từ tiểu bang Minnesota bay về San José. Một phần ông muốn gặp lại bạn bè cũ, một phần muốn trốn băng giá. Ông đi một mình, người vợ với ông suốt đời, ông cũng đã chôn hai năm về trước. Hai vợ chồng không có con cái, họ sẽ không bỏ Huế nếu không có cộng sản xâm chiếm. Đến San José, ông Thanh tìm gặp một gia đình bạn cũ, cũng người Huế. Xiết bao vui mừng, chuyện mới, chuyện cũ gọi hoài không hết.

- Rồi anh có tính bước thêm một bước nữa không?

Người bạn hỏi ông Thanh.

- Ngót nghét sáu mươi rồi còn ngộ nguậy chi nữa, cụ.

Tiếng "cụ" không phải để chỉ tuổi tác. Tiếng "cụ" từ thửa còn học sinh, họ đã gọi nhau nghịch ngợm như vậy.

- Ở Mỹ khác rồi. Tám mươi người ta còn lấy vợ kìa. Tụi này mới đi dự đám cưới chú rể bảy mươi tư, cô dâu bảy mốt. Đám cưới vui quá đáo để. Cô dâu thay ba bốn lượt áo mới, có nhảy đầm. Chú rể cô dâu diu nhau lả lướt tango đàng hoàng nghe...

Chị vợ cười:

- Tối nay có buổi họp tất niên của một số bạn cũ, anh đi dự với bọn ni nghe. Chừ tự do rồi phải không? Nghe đồn hồi còn sống, chị bắt nạt anh lắm phải không?

Giọng Huế đậm đà, không pha trộn của vợ bạn làm Thanh nghĩ tới vợ. Trong cuộc sống, chị có khát khe, ép buộc anh đủ điều, nhưng nghĩ cho cùng, chị vẫn không có gì làm lỗi. Thương chồng, giữ chồng, lo cho chồng nên sợ mất chồng. Suốt mấy chục năm, Thanh chưa bao giờ đi đâu một mình mà không có vợ bên cạnh.

Tối hôm đó, Thanh ngồi cùng bàn với một cặp vợ chồng trẻ. So với ông Thanh là trẻ nhưng cũng ngót nghét trên ba mươi và dưới bốn chục. Người chồng còn dẫn theo một bà mẹ khó đoán được chính xác tuổi tác. Lúc mới gặp, ông Thanh ngỡ ngợ, đôi mắt đen láy, tuy hai mí đã sụp và có nếp nhăn, nhưng hình như ông đã gặp đâu trong đời rồi. Không nhớ nổi với mớ ký ức chẳng chịt. Vì, mặc dù vợ canh rất kỹ, thỉnh thoảng ông vẫn có những mối tình vụng trộm, qua đường và không đi đến kết quả nào.

Sau khi bắt tay, ngồi xuống, người bạn giới thiệu:

- Đây là kiến trúc sư Thanh Mận, Đây là chị Thanh Mận...

Người đàn ông trẻ tươi cười. Kia nụ cười, sao làm ông Thanh chăm chú.

- Và đây là mẹ tôi.

Ông Thanh gật đầu chào người đàn bà đứng tuổi. Vợ người bạn nói:

- Anh Thanh Mận có hiếu lắm, lấy vợ rồi mà không rời mẹ một bước.

Người đàn ông trẻ hơn hỏi:

- Vâng. Tôi có một mẹ một con. Có được ngày hôm nay cũng là nhờ mẹ tôi...

Không hề có sự sắp đặt mà ngẫu nhiên thôi, Thanh ngồi cạnh người đàn bà rồi mới đến cặp vợ chồng bạn. Người đàn bà không thấy nói cười mà khuôn mặt nghiêm trang. Người bạn nói:

- Chị Thanh Bàn đây thật là giỏi. Lớn tuổi rồi, qua Mỹ thành công hơn nhiều người trẻ. Hệ thống Bakery lớn nhất ở đây là do chị thành lập, nổi tiếng lắm.

Người con:

- Thiệt đều do một tay mẹ tôi. Lớn tuổi rồi mà mẹ tôi hoạt động hăng lắm. Vợ tôi chỉ là thợ vịn... mẹ. Phải không em?

Người vợ có vẻ ít tuổi hơn chồng, cười tí mắt ngó mẹ chồng. Người mẹ cũng nhìn lại con dâu, neho mắt. Ông Thanh giật mình ngớ người. Cặp mắt đen láy, tinh anh với cái nháy nháy đó, ở đâu trong đầu ông, bật ra. Ông lại vừa nhìn thấy trên cổ tay gầy của bà Thanh Bàn đeo một đôi xuyên méo mó, cũ kỹ.

Thanh Mận. Hai chữ không ăn khớp với nhau ghép thành một tên. Rồi Thanh Bàn... Mận và Bàn, hai cái tên của một con người năm xưa... Đôi xuyên mà bà đeo trong cổ tay, có phải là đôi xuyên năm xưa của người đàn ông trả tội?

Bàn tay của ông Thanh rung lên, không phải vì già yếu mà vì xúc động.

- Bà chị... Chị là...

Khuôn mặt ngó thẳng, nghiêm nghị, lạnh lùng:

- Thưa ông, ông nói chi?

Giọng Huế, người xưa. Rõ ràng. Không làm được... Ông Thanh nói khó ra lời:

- Thấy... thấy chị... quen quá.

Người đàn bà vẫn giữ thái độ lịch sự mà xa cách:

- Thưa ông, có thể ông nhầm vì người giống người...

- Tôi là Huỳnh văn Thanh, chị..., chị là...

Nụ cười trên môi người đàn bà nhạt như nước ốc.

- Chắc là ông đã lầm, thưa ông. Từ nhỏ tới già, tôi chưa quen biết một người nào có tên đó.

Thanh ngượng ngùng. Cũng may, lúc đó có vài người bạn cũ nhận ra anh, réo gọi. Anh bị kéo tới bàn khác hàn huyên. Nhân cơ hội Thanh hỏi bạn hữu về người đàn bà tên Thanh Bàn, họ nói:

- Chỉ biết bà Thanh Bàn gốc Huế, vô Sài Gòn. Có thời bà giàu lắm, có cả chục căn phố cho thuê. Lúc di tản, nghe nói cũng đem theo được ít của cải nên lập nghiệp lại, thành công sớm. Kỳ thiệt, giàu có vậy mà tên Thanh Bàn.

- Bà Bàn có nhiều con cái không?
- Có chỉ một đứa. Một mà nên. Thành cha có hiếu khiếp. Mẹ Thanh Bàn, con trai lại Thanh Mận. Lúc trở lại bàn, ba mẹ con vẫn còn ngồi đó.

Nếu người đàn bà này là con Bàn xưa thì đúng như truyện con bé Da Lừa đã đổi lốt. Người đàn bà này trông dáng dấp quý phái, ăn nói linh hoạt, cái áo da lừa là con Bàn ngây dại, sợ sệt, ngu muội xưa đã bị ai đem đốt đi rồi. Ông Thanh bụng dạ thấp thòm. Người đàn ông trẻ đẩy cả đĩa thức ăn đã lấy phần sẵn về phía ông Thanh và mỉm cười. Ông Thanh lại giật mình. Ông nhớ lại, ông còn một tấm ảnh chụp năm ba mươi tám tuổi, tấm hình và người này y chang một khuôn mặt.

Thanh nhìn người đàn bà. Ông dần dần nhận ra nhiều nét quen thuộc của con Bàn, người ở nhà ông năm xưa. Không phải là ông đã quên hẳn làm lỗi thời còn trẻ. Mấy chục năm qua, sống chết như thế nào. Giọt máu đầu đời của ông, đứa con hoang của tội lỗi có lớn lên được thành người? Trước mặt ông là một người đàn bà trọng tuổi, nghiêm trang, sang trọng. Dù vậy cũng không thể nào làm lẫn. Ông Thanh nhớ lại hồi nhỏ, khi ông thầy tử vi coi số cho cho ông nhìn thấy con Bàn đã buột miệng nói là con này về sau, từ ba mươi tuổi sẽ giàu có.

Nếu đúng như vậy thì Thanh Mận có thể là đứa con năm xưa của ông. Và con Bàn còn hận ông bầm gan tím ruột, không muốn nhìn nhận ông nữa. Cũng phải thôi, khi xưa, Ông Thanh đâu dám nhìn nhận con Bàn. Mặc dầu ông đã cứu Bàn, cứu đứa con, nhưng ông đã xua đuổi họ ra khỏi cuộc đời của ông, không màng đến sống chết của họ. Bây giờ, bà Bàn nói chuyện với ông Thanh còn hơn những người xa lạ.

- Năm Mậu Thân chị có ở Huế không?

- Dạ không. Có thì bị chôn sống rồi. Đời tôi bị chôn sống một lần mà không chết.

Giọng cay đắng quá. Ông Thanh tự rửa thềm mình, rồi nhát gan không dám hỏi tiếp nữa. Người đàn bà lặng thinh một hồi lâu, nói:

- Chắc anh không ở vùng ní?

- Dạ thưa chị, tui ở tận Minnesota, xa lắm.

- Chị và các cháu cũng ở trên đó?

- Dạ không. Bà ấy chết cách đây hai năm rồi. Tụi này cũng không có con.

Đôi môi người đàn bà dãn ra mà không phải cười. Các nếp nhăn trên mặt cũng dãn ra một cách thoải mái. Người đàn bà này, nếu tuổi trên năm mươi, đúng là con Bàn ở độ năm xưa. Ông tính nhầm, năm đó con Bàn mười bảy tuổi, cộng ba tám năm thì đúng 55 tuổi.

- Xin lỗi, hỏi ở Huế, chị ở mô?

- Dạ cảm ơn ông. Bị tui có hứa với mình là có chết cũng không được nói.

Ông Thanh cảm thấy như mình đang bị điện giật. Lời đó được nhắc trong đầu ông: “ Có chết cũng đừng nói nghe Bàn.”

Cậu... Cậu ơi... Ông nhớ tiếng gọi đêm xưa. Ông đã quay lưng đi vội vã, lúc đó suýt vấp phải lu nước mưa. Ở lu nước mưa đó, lần cuối cùng... Ông nhớ, ông đã tọc cái áo của con Bàn lên và... Chuyện đó, đã ba mươi tám năm...

- Chị... .. Nếu tôi đoán không lầm thì năm nay chị khoảng trên năm mươi, nhưng trông chị còn trẻ lắm.

Bà Thanh Bàn, đúng là con Bàn ở độ năm xưa, đã tính gặt đầu thì mới hận trong lòng sống dậy. Cũng may, nhờ lời đoán của ông thầy tử vi mà con Bàn lãnh chịu bao nhiêu khổ đau, cũng cứ tin vào vận số mà vươn lên. Kể cả đôi xuyên cậu chủ đưa, con Bàn ngày xưa cũng không hề bán đi để xài trong lúc sanh đẻ. Đôi xuyên đeo trong cổ tay như đeo đôi vòng nhục nhã để nhắc nhở.

Bởi vậy khi thành công, có cơ nghiệp, con Bàn mời thầy về dạy học chữ, học sinh ngữ.

Bà Thanh Bàn nay đã có thể thay đổi thành một người khác, nhưng mới hận tình xưa vẫn mang nặng trong lòng, và cái tên Thanh Bàn không rời cuộc đời của bà nữa. Người thanh niên tuấn tú, đẹp trai, con ông chủ không phải đã nói với con Bàn xưa: “Đừng có nói. Có chết cũng không được nói ra nghe.” Đến chết cũng không được nói, huống chi bà còn sống. Bà đứng dậy:

- Xin lỗi, tôi phải về.

Người con:

- Mẹ mệt rồi hả mẹ. Chúng con đưa mẹ về.
Bà cười, mắt không ngó ông Thanh nhưng cốt ý nói cho ông nghe:
- Tuổi già, ngồi lâu nhức mỗi cái lưng.
- Bác, Tết cháu mời bác tới nhà chơi. Mẹ cháu năm nào cũng nấu nướng. Bánh tết với dưa món của mẹ cháu ăn bứt hết dưa món ở đây.
- Năm nay mẹ làm biếng lắm, đâu có làm gì mà con dám mời khách.
Giọng nói nhạt nhẽo, thiết vô tình, một lối cấm cửa khách rất khéo.
Người đàn ông trẻ tuổi đưa tay cho Thanh bắt. Thanh nắm chặt bàn tay ấm áp, chắc nịch, thấy rất thân thuộc. Ông có cảm giác những mạch máu nhỏ li ti của người đàn ông trẻ đang đập cùng một nhịp với mạch máu trong lòng bàn tay ông. Mắt ông mờ đi như có một màng lệ mỏng che phủ. Rồi ông cũng buông tay ra và người đàn ông trẻ trung đi bên vợ, ôm vai mẹ dần ra khỏi cửa. Ông Thanh cảm thấy chân tay thừa thãi và chỉ còn biết nhìn theo cho tới lúc họ khuất dạng. Trên xe trở về nhà, bà Thanh Bần ngồi băng ghế sau một mình. Qua chiếc kính chiếu hậu, bà nhìn thấy mái tóc của bà cũng đã lẫn màu muối tiêu. Thời gian hình như cũng làm bạc màu hết kỷ niệm. Vậy mà gặp lại người xưa, giữa xứ lạ quê người, tim bà vẫn còn thổn thức. Cậu chủ, người thanh niên đẹp trai năm xưa, nay cũng đã về già. Bà đã cố gắng phấn đấu để dẫu đi những lúc oán hận cũng như những lúc mềm lòng. Đôi mắt của ông Thanh đã khác xưa nhiều quá, khi nhìn bà, bà thấy được sức chứa của ăn năn, hối hận. Bà không biết nữa, giữ được hôm nay mà có giữ được ngày mai không? Mấy chục năm, người ta còn nhớ, vậy sao kỷ niệm mối tình hận của bà lại phai màu được!
Lúc xuống xe, đứng trong sân vườn bên hồ nước nhỏ chờ đưa con dâu mở cửa, bà lại nhớ tới khu vườn sau căn nhà cổ ở Huế. Lu nước mưa với cái gáo nước móc trên gốc cây bên cạnh. Gáo nước cậu chủ múc cho con Bần uống ngày nào, giờ đây nghĩ lại còn mát cả ruột gan. Và lu nước mưa, chẳng phải con Bần ngày xưa đã mơ ước được một lần nữa, soi hai khuôn mặt, mặt mình và mặt cậu chủ trong đó!
Trên đầu bà, một vầng trăng, một cơn gió.
Phải, gió vừa lướt trên mặt bà, trên tóc bà, thổi tới một hơi xuân mát dịu.
Không có hạt bụi nào mà mắt bà xốn quá, rồi lệ ứa ra hai khóe mắt. Bà kín đáo đưa ngón tay lên quẹt, y như con Bần ngày xưa, khóc thầm và quẹt nước mắt bằng ngón tay trong góc bếp, bên lu nước hay khi trốn sau chuồng heo.

1996

Nụ hồng

Lúc bước xuống đường, để sang bên kia trạm bus, ông cụ hoảng quá. Đèn bật xanh lè, cụ lụm lụm chạy.
Tuổi già tệ thiệt, cụ chạy mà không bắt kịp mấy người cùng băng sang đường với cụ. Bước chân họ như dài gấp đôi bước chân cụ. Soạch một cái, cụ bị rơi lại đằng sau. Đèn chớp vàng cùng với cái bảng cấm chớp đỏ lên cùng lúc. Ông cụ còn quỳnh quáng hơn, muốn vấp té. Đã vậy, một chiếc xe hơi vọt tới, như muốn đâm thẳng vào người ông. Ông cụ nhắm mắt, tưởng giây phút về châu thổ tiên đã tới. Nhưng khi mở mắt, thấy khoảng cách lè có một bước chân, cụ vội nhảy dạn lên. Giờ mới yên tâm thở được.
Ngồi xuống ghế, hít thở đã đời, cụ vẫn chưa hết cơn sợ hãi bàng hoàng. Cái xứ Mỹ này lạ đời, không giống ai. Xe ở đâu mà nhiều vô số, còn hơn cả châu chấu ở quê cụ mỗi lần có nạn mất mùa. Đường trong, đường ngoài, xa lộ, ôi thôi, cái dòng xe chạy miết không bao giờ dứt đoạn. Khúc đường này, ngay trung tâm phố, mà kia... Cụ ngó. Xe chạy loạn xạ. Mấy cậu thanh niên đi đâu mà như ăn cướp. Lạng qua, lách về, vèo một cái là mất biệt. Con gái lái xe cũng dễ sợ như đàn ông con trai. Chiếc xe hàng chờ gì mà to kềnh, dài ngoằng, cụ vừa thấy cái đầu tóc vàng

hoe. Mắt có quáng gà không? Con gái rành rành. Vậy mà xe vòng chữ U, nhanh như con rắn cong chân, bắn về phía trước. Hoa cả mắt. Hai tay ông cụ đang để trên đùi, từ lâu rồi, vẫn không ngừng run lên.

Trên chiếc ghế đờn cụ ngồi một mình, bây giờ đã có thêm hai người. Một người đàn ông da đen và một phụ nữ Mễ. Người đàn bà tới trước, đặt mình cái bịch ngồi ngay cạnh ông cụ. Đàn bà xứ này coi cũng kỳ. Cái vẻ e dè, kéo vạt áo hay vẩy trước khi ngồi xuống của phụ nữ Á Châu vẫn có cái vẻ dịu dàng, dễ thương mà vô cùng quyến rũ. Còn bà ta, con mẹ này, chắc ăn uống cũng bạo lắm nên người tròn vo, như cái keo đưng mỡ. Không biết cả ngày làm việc, đựng độ những gì mà mặt mũi khó đăm đăm.

Người đàn ông da đen tới sau một lát, anh ta không ngồi mà đứng, tựa vào cái cột đèn mé hông ghế. Anh này coi bộ vui vẻ, thấy phụ nữ là cười chào liền. Người đàn bà Mễ chẳng hề có cái nhếch môi đáp lại, mà còn lầu bầu. Gặp đôi mắt ông cụ nhìn, hấn ta lại cười, chào nữa. Còn nhún vai, ra cái điều người đàn bà này đáng chê quá. Ông cụ gật đầu đồng ý. Ông cụ nghĩ đáng ra mình phải chào thành tiếng, như nói đại: Hai. Nhưng rồi ông không mở miệng được.

Sang Mỹ đã năm năm, mỗi lần ông cụ hay bà cụ mở miệng xài thử vài tiếng Mỹ học lóm được thì mấy thằng cháu nội sửa lưng liền: ông (hay bà) nói sai rồi. Nhiều lúc ông bà cụ nghe con cháu nó sửa lưng, ngó nhau, tên tò lắm. Có lần ông cụ nói chuyện nước Mỹ với bà cụ: Chỉ có xứ Mỹ này mới dùng cái xe mút-sơ-lin được vì đường sá nó rộng mênh mông. Hai thằng cháu nội cười chảy nước mắt. Thằng con trai chen vô: “Ba không biết thì đừng có nói tiếng Mỹ. Khổ quá, xe Lin-mu-din chớ không phải mút-sơ-lin. Tệ nhất là lúc nhà có khách, ba đừng xô tiếng Mỹ có được không?”

Hai ông bà già tủi thân và buồn dễ sợ luôn. Nếu còn ở Việt Nam, con của cụ có dám mở miệng với cụ vậy không? Tội nghiệp ngày bà cụ còn sống, vẫn canh chừng, nhắc nhở ông: “Thôi ông ơi. Mình đã bỏ quê cha đất tổ mà đi. Mình mất cái gốc rồi. Ông đừng bực mình tội nó làm chi, cứ như cầm như điếc là xong. Nhà bà cụ Lại kia, đánh thằng cháu có cái tát, nó biết quay số điện thoại gọi cảnh sát, ông cụ vô tù, thấy chưa? Nhịn đi ông.”

Con giun xéo lắm cũng quẩn. Tức quá cũng cọ lúc phải chửi cha thằng con lên. Thì thằng cha phải chửi cha thằng con chớ ai vô đó nữa. Thằng con thấy cha mình bị lỗi ra chửi, cũng đau: “Ba chửi vậy mà nghe được. Không thấy kỳ cục gì hết sao? Buồn cười. Ba nghĩ coi, lúc ba má còn ở Việt Nam, con cũng có thư về nói rõ đời sống bên này. Không phải ra đầu đường dứt cái thẻ vô máy rồi tiền nó chạy ra cho mình tiêu như mấy thằng lưu manh về Việt Nam nói dóc để lừa gạt đâu. Đi cày còn hơn trâu nữa. Ba má cũng nghĩ cho chúng con, cả vợ cả chồng đi làm từ sáng sớm tới tối mịt. Ngày nghỉ cũng ráng đưa ba má đi chùa. Thế còn chúng con có chút nghỉ ngơi nào không? Đời sống ở đây nó sòng phẳng tàn nhẫn. Một tháng tụi con không đủ đóng tiền nhà là nhà băng nó lấy nhà ngay. Ba má hiểu cho tụi con thì mới sống được.”

Còn nói gì nữa. Đêm, hai bộ xương già ôm nhau khóc. Bà cụ: “Biết vậy ở Việt Nam cho xong”. Xong đâu được với ba thằng Cộng sản. Nhà cửa ruộng vườn của nhà nước lâu rồi. Trẻ còn sức lao động, làm thí mạng không đủ ăn, hưởng chi già. Con cái nó gửi thùng quà về cũng đau lòng lắm. Có chút hơi hám quà Mỹ là anh em, mẹ con, thân quyến cũng lừa đảo, trở thành kẻ thù của nhau. Thì cộng sản nó muốn cả nước như vậy, cứ để ý dòm ngó nhau, để nó tiện bề cai trị, để bề vơ vét. Để ẹc.

Tiếng thở dài trong đêm khuya của ông từ hồi đó như còn kéo dài tới bây giờ. Hồi nãy, khi ngồi bên mộ bà cụ, thấp nhang, ông có lâm râm khấn và nói chuyện với bà: “Bà đi trước mà sướng, bà có biết không? Còn tui, mới thiệt là cô cút, trơ trọi.” Ông nhìn thấy ở đây mộ bên cạnh, một người đàn ông Mỹ đặt bó hoa lên một mộ bia. Ông cũng mỉm lòng lắm. Nhiều lần, đã tính dừng chân lại ở ngoài ngã tư, có một thanh niên Mễ đứng bán hoa, muốn mua. Chỉ có ý định, rồi thôi. Hoa hòe là lối tình tự thời còn trẻ trung. Ở đây, bà đã khô héo mà chết, bỏ ông đơn độc ở xứ lạ quê người. Tình già nó kỳ cục lắm. Ông đã không giận bà bỏ ông mà đi trước khỏe re thì thôi, còn đặt một bó hoa lên để cảm ơn chớ? Nghĩ vậy thôi, ông cụ cũng thấy lòng bản thân ân hận, còn một ẩn ức khác trong đời ông, ông dẫu bà mãi.

“Bà cứ ngồi đại xuống đi. Còn phải chờ lâu. Bà ngó gì mà ngó hoài vậy?”

Tiếng Việt. Ông ngẩng lên nhìn. Đúng là hai bà cháu rồi. Thảo nào cô cháu phải nói tiếng Việt. Bọn con nít ở đây quên tiếng mẹ đẻ hết trơn. Vô một nhà toàn mũi teti da vàng, ăn cơm thì phải có rau muống mà con nít chỉ rặt nói bằng tiếng Mỹ, còn cha mẹ ông bà thì ngồi như phỗng đá. Ông cụ đang có cảm tình với đứa cháu nhỏ này đây. Bà cụ, người ở đâu mà trông phương phi quá. Người như thế này, lúc trẻ đẹp phải biết. Coi cái kiểu ké né ngồi xuống, tuy không có vạt áo dài để vén sang một bên, bà cụ vẫn còn giữ nét na thời con gái. Quần đen, áo tơ màu lam sáng, có thêu những cánh hoa nhỏ đồng màu, sang mà giản dị, bà cụ có một dáng dấp thanh nhã, dễ gây cảm tình.

Chỗ bà cụ ngồi sát phía bên ngoài, một chỗ ngồi thì rộng mà hai chỗ thì chật cứng, nên cô cháu đứng. Bà cụ cũng cứ nhích trách xa, sợ đụng chạm với người ngồi chung. Mỗi lần né xích, môi bà cụ mỉm cười như muốn lời xin lỗi. Ông cụ đoán chừng bà cụ này mới từ Việt Nam qua, thấy mắt nhìn còn tò mò, còn nhiều ngạc nhiên, làm gì không biết.

“Ờ đây đi đường không như bên nhà nghe ngoại. Muốn qua đường phải chờ đèn xanh, đi đúng lần vạch, mà phải đi thật mau. Đi qua đường ngoài lần vạch là bị phạt, mà xe đụng chết còn phải bồi thường cho người đụng xe nữa đó ngoại.”

“Xứ gì mà kỳ. Trên đường hoãn xe, để cho người ta đi bằng qua, nội một chỗ qua đường cũng muốn xụi chân rồi.”

“Luật là luật. Xứ Mỹ người đông như kiến, ai muốn làm gì thì làm là loạn. Với lại đi ra đường, ngoại đừng nhìn lung tung. Đi trong parking cũng cẩn thận, xe ra vô ào ào. Ở xứ Mỹ này, phải có bốn con mắt, hai con mắt nhìn không đủ gì hết.”

“Ờ, thì cũng phải một thời gian ngoại mới quen. Ngoại có hai con mắt mà mắt già rồi cũng như đui, cháu.”

Bà cụ nói chuyện ngộ quá. Không phải ông cụ vì có cảm tình mà nói đại đâu. Anh chàng Mỹ đến nghe không hiểu ắt giáp gì hết trơn mà cũng ngó ngó hai bà cháu nói chuyện. Chỉ có người đàn bà Mẽ là cứ nhìn mông lung ở đâu, trong mắt đầy vẻ nôn nóng. Đàn bà mà, họ có ưa nhau bao giờ đâu. Ông cụ nghĩ vậy.

“Con không có nhiều thì giờ đưa ngoại đi đây đó đâu. Con còn đi học, đi làm. Mai mốt ngoại phải tập đi xe bus, đi đâu ngoại đi phải đi một mình. Ngoại cũng phải biết sơ tiếng Mỹ mới đi ra đường một mình được.”

“Học ba cái tiếng Mỹ, thôi con ơi, cái đầu của ngoại không còn chỗ nào để nhét vô nữa hết.”

Ông cụ muốn bật cười. Ngộ thiệt là ngộ. Cái lối nói chuyện này sao đối với ông chẳng xa lạ gì. Ông đã có nghe. Trong đời, gặp gỡ, quen biết, giao thiệp, đàn bà cũng đếm không hết, chắc giọng nói này cũng đã có trong số đó. Người giống người cũng có. Giọng giống giọng cũng có. Vậy mà lạ chưa, ông cứ bị kéo về cái giọng, cái vẻ của bà cụ.

Chờ một lúc cho bà cụ với đứa cháu gái hết chuyện nói, ông mới hỏi han:

“Chị ở Việt Nam mới qua phải không?”

“Dạ. Mới qua, bác.”

“Ờ bên, người ta qua cũng đông. Mà ở đây về bên cũng đông, phải không chị?”

“Dạ. Việt Kiều người ta về đông lắm. Thôi mua nhà cửa, làm ăn hà rằm.”

“Vậy sao chị không ở bên mà qua đây làm chi? Ở đây, chị biết rồi đó, tuổi già như mình nó buồn lắm.”

“Dạ thì cũng biết vậy. Nhưng nhà tui có năm đứa con, đều ở nước ngoài hết. Hai đứa ở Mỹ, một đứa ở Úc, một Canada, còn thằng út thì được tàu Na Uy vớt, bác. Tui ở bên một mình cũng không được.”

“À, ra vậy. Xin lỗi chị, ở bên, chị ở vùng nào?”

“Sài gòn, bác.”

“Cũng xin lỗi nữa, trước quê chị ở đâu?”

“Đà Lạt, bác. Nói là Đà Lạt, nhưng chỗ chính là Tùng Nghĩa. Ông bà già có trại rẫy ở đó.”

Ông cụ hơi giật mình. Đà Lạt rồi Tùng Nghĩa. Cả hai nơi đều vừa nhắc nhờ ông, và giọng máu gần khô đặc trong người ông vừa loãng ra, tỏa nhiệt. Còn bà cụ, như có người để khơi dậy thời trẻ trung, vui vẻ tiếp:

“Hồi đó tui lên Đà Lạt học. Được vài năm, có chuyện bỏ học về dưới ở. May chỉ hai ba tháng, dọn về Sài Gòn, mua nhà cửa rồi ở luôn. Năm đứa con khai sanh ở Sài Gòn hết, bác. Quên hỏi bác, ở bên nhà, bác người vùng nào?”

Ông cụ mắt còn sáng lắm mà bỗng hấp hem. Hai bàn tay giật giật. Bà cụ tươi cười hỏi tiếp:

“Bác cũng người Sài Gòn?”

“Hồi trẻ tui cũng ở Đà Lạt. Tui là học trò trọ học. Sau đó đi tìm lum, bôn ba lắm, chị.”

Bà cụ quay người lại nhìn ông cụ chăm chú:

“Hồi không phải, hồi đó bác có học trọ ở căn biệt thự Hoa Hồng không?”

Không có con kiến nào cắn mà ông cụ cũng nhồm đít lên một chút. Khuôn mặt ông cụ gầy gò mà xanh quá, khó biết ông cụ có xúc động gì không. Bà cụ hỏi xong, nghiêm mặt chờ câu trả lời.

“À không. Nhưng tui biết khu nhà trọ đó. Tui cũng thường tới lui chơi với bạn hữu. Chị cũng trọ học ở đó à?”

Bà cụ chớp mắt, một thời xa xưa kéo màn mây vẫn đục.

“Tui trọ ở nhà bà con, nhưng tui biết ngôi biệt thự đó. Người ta đồn có ma.”

“Cái gì. Ở đâu ma, ngoại?”

Đưa cháu gái nãy giờ ngóng xe bus tới, giật mình, hỏi. Mắt con bé tròn vo. Bà cụ cười.

“À, ngoại nói chuyện hồi trước, khi ngoại mới lớn. Xưa rồi.”

Cô cháu gái nhíu mày, tiếp tục ngóng phía đầu đường về nôn nóng sốt ruột. Ông cụ ngồi im lặng một hồi lâu, ra điều suy nghĩ lung lăm, rồi quay sang bà cụ:

“Xin lỗi, hồi đó chị có biết một người tên là Nụ Hồng không?”

Bà cụ khi không nắm hai bàn tay lại, bà cụ ngó ông cụ, trong đôi mắt bà, dĩ vãng như vừa lóe sáng.

“Dạ xin lỗi, ông anh đây là...có phải...?”

Ông cụ lại bị kiến cắn, muốn nhẩy nhồm:

“Dạ chị có tưởng nhầm tui với ai không? Bị hồi đó nội cái tên Nụ Hồng cũng đủ các cậu hăm mộ rồi, không có thi hoa hậu mà mọi người đều ngắm ngàng bầu người đẹp là hoa khôi... đó chị.”

Bà cụ cúi mặt:

“Dạ, nhưng tiếc không phải là tui. Tui là bạn chơi rất thân của Nụ Hồng. Bây giờ còn chắc cũng đầu bạc răng long hết rồi ông anh à.”

“Vâng, thời gian mà chị. Xin lỗi ông anh có sang Huê Kỳ không?”

“Dạ không. Tui còn một mình.” Bà cụ cười, hơi nghiêm mặt.

Chiếc xe buýt đỏ sộ dừng lại. Đưa cháu gái kéo tay bà cụ dẫn lên xe, người đàn bà Mễ tranh bước trước. Người đàn ông da đen lễ phép nhường bà cụ. Ông cụ lên xe sau cùng. Trên xe họ ngồi cách nhau một ghế. Phía sau, ông cụ nhìn tới, thấy nguyên cái đầu tóc trắng như cước của bà cụ. Ông cụ lắc đầu, nuốt nước bọt. Không thể làm được đâu. “Em à, cái nụ cười của em, trăm năm sau có gặp, anh vẫn nhận ra”. Tệ quá, mình đã có lỗi với bà ấy, suốt trong cuộc sống vợ chồng êm ấm, nhiều lúc mình đã lẫn lộn nụ cười của vợ là của Nụ Hồng.

Xin lỗi. Bàn tay ông vẫn đặt trên đầu gối, bỗng lại rung lên. Chiếc xe buýt đang chạy băng băng. Trời chiều muộn vì nắng, còn ngập ngừng chưa muốn tắt. Trong đôi mắt đục, lơ lơ, bỗng xa xôi đầy hình bóng kỷ niệm.

. . .

Mưa xối xả. Nước từ trời dội xuống, chia thành hai nhánh, chảy xiết như hai dòng suối nhỏ ở hai lề đường. Chiều mùa đông Đà Lạt, thường bị mưa và bóng tối nuốt rất sớm. Những tàng thông xanh đang biến dạng thành những chùm bóng bí mật, dọa dẫm. Đường phố như không còn ai, chỉ có hai người. Họ đang đi lên con dốc dẫn tới biệt thự Hoa Hồng. Cả hai cùng mặc áo mưa màu sậm nên càng lẫn trong bóng chiều xám màu.

“Hai chân em như đang ngâm trong nước. Nó sắp tê cóng hết rồi, anh. Thích quá.”

Họ là một cặp trai gái, người con trai cao hơn cô gái nhiều. Họ đi sát vào nhau. Cô gái trông càng thấp hơn vì đi phía bên trong. Quần xắn cao, chân đi guốc gỗ, đang lội trong dòng nước chảy ngược xuống dốc.

“Em đừng nghịch nước nữa. Thấy không, bắn ướt hết anh rồi.”

“Không sao. Ướt mắt.”

“Thôi mà, bé. Anh đang rét run lên đây.”

“Bộ anh lạnh lắm hả? Tội anh quá. Anh đi sát vào em đi. Ấm. Ấm chưa.”

“Ái chà. Em lừa anh. Ấc.”

Cô gái cười ròn tan. Tiếng nước bắn tóe lẹt xẹt. Chiều trốn vội vàng không báo trước. Cả hai chìm mắt trong bóng tối.

“Anh. Em không thấy đường đi. Tối thui à.”

“Đi bằng mắt của anh. Nắm tay anh, đừng sợ.”

“Mưa hoài. Chắc mưa suốt đêm quá.”

“Anh mong vậy. Mưa suốt đêm.”

Hai người đi lên gần hết con dốc. Họ dừng lại trước một khối đen khổng lồ. Nhìn kỹ lắm, mới thấy có vài đốm lửa lung linh, tòa biệt thự và cây cối nổi lờ mờ. Họ đứng sát vào nhau. Con mưa vẫn ào ạt dữ dội.

“Em vào với anh nhé? Vào một chút, anh pha cà phê.”

“Muộn quá. Em sợ...”

“Mưa mà. Em về nhà trọ trẻ đâu có sao. Nói trú mưa.”

“Chỉ uống một ly cà phê thôi nghe.”

“Không đủ thì giờ để anh hong suối tóc cho em. Tóc em ướt hết nè.”

Người thanh niên đẩy chiếc cổng gỗ. Một tiếng kêu khô khốc, chìm lỉm mất trong tiếng rào rạt của mưa. Cô gái rùng mình, đeo cứng chàng trai. Con đường đá, trơn trượt, họ đi nhau thận trọng từng bước một. Chưa có một cơn mưa nào dữ dội, cộc cằn mà dễ thương như cơn mưa đêm nay.

Ngọn đèn nhỏ trên bàn học tỏa chiếu ánh sáng vàng đục, không đủ soi hết căn phòng trọ. Họ có hai ly cà phê nóng và họ ngồi ngó nhau... Lâu lắm, người thanh niên mới kéo được cô gái vào vòng tay ôm của mình. Lúc cả hai ngồi trên chiếc giường nhỏ, cô gái khóc.

...

Cô gái vùng vằng ném nụ hồng lên mặt cỏ xanh, ngồi trên phiến đá và quay lưng lại. Cô khóc. Họ giận nhau đã một tuần lễ và mới gặp lại nhau chiều nay. Chàng đã làm lành bằng cách mua một nụ hồng đem lại cho nàng. Nhưng nàng vẫn không nguôi. Hoa hoét gì nữa. Lòng dạ nàng đang mê man đây. Cái đêm mưa gió quỷ quái hơn tháng trước đã để lại một hậu quả không lường tính được. Khi nghe người yêu báo tin, chàng đã như bị sét đánh, ngất ngư.

“Phải làm sao bây giờ, anh?”

Chàng cà lăm luôn:

“Anh... anh...anh...”

“Anh không biết phải tính sao phải không?”

Nàng cắn môi muốn bật máu, cổ nén tiếng nấc.

“Được, em thu xếp lấy.”

Mấy lần gặp gỡ, khóc lóc, gây gổ, đổ dành. Lần này này, coi bộ đến hồi quyết liệt.

“Em hãy cho anh thời gian để tính. Gia đình anh ở xa, khi nghe tin chắc khó chấp nhận.”

“Mình bỏ thành phố này trốn đi...”

“Em biết anh không có tiền. Mỗi tháng gia đình gửi tiền ăn, học vừa đủ. Làm thế nào mình nuôi nhau?”

“Em đi làm. Người ta sống được mình sống được. Anh biết đó, gia đình em đã nhận lời xin cưới của đảng trai, mà xin cưới gấp vì anh ấy phải đi về Sài Gòn. Anh cứ lần lữa hoài. Em biết, anh chỉ lợi dụng...”

Cô gái chà hai chiếc dép xuống cỏ. Con suối lượn lờ chảy trước mặt cô an lành. Nước trong đến có thể soi mặt được, còn lung linh hai khuôn mặt chập chờn bên nhau những lần hẹn hò trước.

“Em hiểu cho anh. Để anh viết thư về xin nhà...”

“Nhà anh? Thôi khỏi đi. Anh biết chắc không được mà còn xin?”

“Má anh rất khó...”

“Má. Má. Anh lớn rồi, sao chuyện gì cũng má... Anh im đi. Biết vậy sao còn...”

Cô gái nấc lên, đưa tay ôm lấy mặt. Gió vùng lên cùng cơn giận của cô, đẩy một quả thông rơi tòm xuống giòng suối. Nước nhấn mặt bất bình. Chàng thanh niên ngẩng mặt nhìn bầu trời đang muốn mưa. Mưa nữa! Đứng như trời trồng. Đứng như cây cối.

Hồi lâu, cô gái đã dịu cơn khóc. Cô rút chiếc khăn tay nhỏ xíu trong chiếc ví da, lau nước mắt. Mắt cô đỏ hoe, đã hiện ra nhiều tia gân máu đỏ li ti của nhiều đêm thao thức. Cô đứng lên, từ tốn đến trước mặt chàng thanh niên, thở ra một hơi dài cho hơi bớt khí uất trong người, nói: “Thôi, để em tự giải quyết. Anh không xứng đáng để em oán trách. Ba má ở Tùng Nghĩa mới lên hôm qua. Em tính hôm nay hẹn anh để anh gặp ba má em. Bây giờ không cần nữa. Bây giờ thì em biết, em hiểu rồi. Anh chỉ là một thằng hèn. Anh hèn lắm. Anh biết không?”

“Em. Anh rất yêu em... anh có thể vì em mà...”

“Hừ, anh còn tính nói hươu nói vượn gì thế? Thôi, anh để tôi tự thu xếp lấy đời tôi...”

Cô gái lại nấc lên. Hai tay lùa vào bầu mớ tóc. Bầu trời cau mặt sa sầm xuống. Vài giọt mưa bắt đầu rơi. Chàng thanh niên khổ não nhìn người yêu. Mặt nàng ướt đẫm lệ. Anh đưa tay lên, không biết để làm gì, lại buông thõng xuống. Anh đã cảm.

Bầu trời biến đổi đột ngột, quần quai tiếng ì ầm của cơn giông. Lòng cô gái cũng giông bão. Cô nghiêng rặng, quắc mắt. Định nhảy tới cắn xé kẻ phụ tình chăng? Không, chỉ tội nụ hoa hồng bị gót dép của cô chà nát bét. Nụ hồng, như tên cô, như cô, cùng tan nát. Mưa bắt đầu nặng hạt. Chàng trai nhìn khuôn mặt người yêu. Anh đau đón kêu: “Nụ Hồng”. Nước mưa muốn xóa những giọt lệ không ngừng trên mặt cô, sưng ướt cả quần áo. Chàng thanh niên nhào lại, muốn ôm, muốn hôn, muốn gập đầu liều lĩnh cùng sống chết. Nhưng cô gái đã xoay người, bỏ chạy và biến mất trong cơn mưa ào ào, hung dữ. Chàng thanh niên đuổi theo. Trong mưa, tiếng gọi “Nụ Hồng. Nụ Hồng” không ngớt. Tiếng gọi càng lúc càng nghẹn ngào, vô vọng, chìm lìm.

“Tha thứ cho anh. Nụ Hồng. Thằng hèn hạ. Khốn nạn, ma cô, ma cạnh, khốn nạn. Tha thứ cho anh!”

Chàng thanh niên quỳ trên cỏ ướt. Chàng khóc. Nước mắt cùng nước mưa, bắt tận.

...

Một buổi tối khác, trong khu vườn đầy đặc cây cối, bên ngoài cánh cửa sổ đóng kín, chàng thanh niên nép mình trong bóng tối, nghe tiếng người yêu la khóc. Mỗi lần tiếng roi quất vụt rít lên, chàng thanh niên lại đưa tay lên miệng cắn chặt.

“Con gái mất nết. Đánh chết mày cũng chưa hết tội. Đồ ngựa vía. Voi dầy. Mày có nghe lời không?”

“Đau quá má ơi. Con lạy má. Con nghe rồi. Xin má đừng bắt con làm điều đó. Con sẽ không sống nổi đâu... Má nói gì con cũng nghe, bảo lấy ai con cũng lấy, nhưng đừng... con sợ lắm má ơi.”

“Biết sợ? Thôi đi cô. Cô bôi tro trát trấu lên mặt mẹ cha rồi còn gì nữa. Được. Ngày mai về dưới, làm đám cưới liền, không học hành gì nữa. Trời ơi, sao mày quá quắt, sao mày... mày chết đi. Chết đi...”

“Ôi, đau quá má ơi. Con biết rồi. Má nói gì con cũng nghe. Đám cưới. Dạ. Ôi, đau. Dạ, con bằng lòng, bằng... lòng”

Giọng cô gái yếu dần như sắp tắt hơi:

“Má bảo gì cũng được, con chỉ xin đừng bắt con làm điều đó. Má giết con cũng được, con đáng tội chết má ơi...”

“Được, muốn chết thì cho chết. Lì lợm. Này lì. Lì...”

Hôm sau, chàng trai ra bến xe đò. Thấy nàng lên xe đò cùng cha mẹ. Nàng có trông thấy mình không? Chắc có. Chàng trai ra bờ suối, nơi nàng dẫm nát nụ hồng. Không còn dấu vết gì, cơn mưa hung dữ ngày nọ đã xóa hết. Dòng suối lạnh lùng như không còn biết chàng ta là ai. Chàng ngồi trên phiến đá cho tới lúc đêm xuống.

Hai tháng, sau ngày cưới, vì phải lên Đà Lạt, thu dọn đồ đạc để theo chồng đi xa, họ có gặp nhau. Cả hai đều xơ xác, nàng mới xảy thai, còn chàng, đêm không ngủ, ngày biếng ăn, hốc hác, tiều tụy. Người thanh niên nhanh nhẹn, đầy sức sống, mới đây, tâm tính đã thay đổi hẳn. Thâm trầm, cay chua. Họ nhìn nhau nhiều hơn là nói. Lúc chia tay, chàng hỏi nàng:

“Em còn oán anh không?”

Nàng lắc đầu. Nụ cười buồn:

“Bây giờ thì em đã bình tĩnh lại rồi, nhất là khi em mất đứa nhỏ, em cảm thấy không còn mất mát nào lớn hơn, không có chuyện nào làm em khổ hơn được nữa.”

“Anh mong em hạnh phúc. Quên anh đi.”

Nàng gật đầu. Vẫn nụ cười buồn. Chàng nói thêm:

“Em à... Nụ cười của em, trăm năm sau có gặp lại, anh vẫn nhận ra.”

Nàng lại gật đầu. Vẫn bộ dạng quay đầu để hát mái tóc đẹp bết lòa xòa xuống trán.

Họ phải chia tay nhau vì chẳng có lời gì để nói thêm. Chàng lầm lũi bước trên đường một mình, có cảm tưởng như tất cả bước chân của chàng, của nàng, của kỷ niệm cùng thức dậy, đang nhịp bước theo.

Chàng trai hát nhỏ bài Chiều của Hồ Dzếnh:

Trên đường về nhớ đầy

Chiều chậm đưa chân ngày

Tiếng buồn vương trong mây...

Mây Đà Lạt mùa đông thường thấp, nên vương chung nỗi buồn với người. Vườn hồng nhà ai xơ xác, tiêu điều qua trận mưa gió đêm qua. Không còn một nụ hồng nào nữa.

....

Chuyện xưa, hồi tưởng, nhanh như cái chớp mà người xưa tóc bạc trắng vẫn còn giữ nguyên được nụ cười. Ông cụ nao lòng quá. Bà ấy đâu còn nhận ra mình là ai? Lời thốt năm xưa, dù trăm năm sau, gặp lại ông vẫn nhận ra nụ cười của bà. Bà ấy làm sao biết được, bao năm rồi, những lần nhìn những nụ hồng, lòng ông vẫn bồi hồi. Những sinh nhật của con cháu, nên, những bó hồng tươi thắm, lúc nào cũng lẫn lộn một nụ hồng của riêng ông. Nụ hồng nhỏ bé, ngậm tằm, chỉ héo ứa đi, không bao giờ nở.

Thay vì thờ ra, ông cụ nuốt xuống. Ông cụ nhìn bàn tay nhăn nheo của mình rồi nhìn mái tóc bạc của cụ bà ngồi phía trước. Thời gian kinh khiếp làm sao. Mới ngày nào, tay này đây, vuốt ve mái tóc còn đen dày, xoa dài xuống lưng. Coi nào. Ông cụ lắc đầu. Tóc bà ấy chỉ còn thưa thưa, mà trên đỉnh đầu còn hói nữa. Chà, vẫn thói quen làm dáng ngày nào, còn cổ kéo mớ tóc uốn loãn xoắn che khoảng da đầu muốn lộ ra. Áo quần vẫn những màu sắc thanh nhã. So với các bà cụ khác, bà cụ Nụ Hồng của ông vẫn còn gọn thon, chưa có chỗ nào trên thân thể phì nhiêu một cách quá đáng.

Bà nhà mình khi về chiều không được như vậy đâu, cụ bà cứ nung núc thịt, nhất là khi sang đến Mỹ, bà cụ cứ tròn vo, ngắn dần đi. Chỉ tới lúc sắp bỏ ông mà đi, thì lại gầy chỉ còn da với xương. Lúc nãy cụ cũng gầy rồi, người xưa, tuy già, cách đứng, dáng đi vẫn còn thông dong lắm.

“Đến trạm này, mình xuống, bà. Bà cố nhớ nghe bà, lần sau bà đi một mình...”

“Chẳng nhớ. Bà thấy đường nào, chỗ nào cũng giống y chang nhau. Đi một mình là lạc tới đâu kia...”

Ông cụ lại nuốt nữa. Tội không, khi trẻ lạc đường tình rồi, nay già, thêm cái khờ khạo lạc đường phố nữa. Chưa bao giờ ông thấy xe buýt chạy nhanh quá vậy. Vào một cái, chiếc xe đã tấp vô lề đường. Hành khách vội vã xuống trạm. Khi ngang qua, bà cụ có nhìn, gật đầu chào. Ông cụ đã sửa soạn câu nói vắn vể về một nụ cười, nhưng lých quýnh có mở miệng ra được đâu. Cho tới khi chỉ còn nhìn thấy cái lưng của bà cụ, ông mới thốt ra lời:

“Bà cụ ơi, một trăm năm sau...”

Ông cụ chỉ nói tới chừng đó lại tắt ngang họng. Cô cháu gái đi sau lưng bà cụ quay lại nhìn ông cụ, ngơ ngác. Bà ấy có nhìn lui không? Không, nhưng rõ ràng ông thấy bà khựng lại, và cô cháu đẩy lưng bà, kêu:

“Đi xuống nhanh, bà ơi. Sao bà đứng giữa lối đi vậy?”

Trên xe buýt cũng có đàn kiến chắc. Ông cụ nhòm lên. Ông nhìn phía cửa sổ xuống đường, không thấy gì hết. Cho tới khi xe chạy ông cũng không nhìn thấy gì hai bên đường. Cái xứ gì kỳ cục, chiếc xe buýt làm vừa to vừa cao. Bực mình.

Một anh chàng da đen đã ngồi vào ghế bà cụ lúc nãy. Anh ta cúi mặt vào tờ báo đọc lấy đọc để.

Xe chạy qua mấy trạm nữa, ông cụ nhắm mắt, ngủ gà ngủ gật. Tuổi già nó tệ vậy, khi nào buồn là thấy ngay cơn buồn ngủ.

Mùng Một Tết, 1958



Hoa vàng. Cành mai nhỏ trên bàn thờ. Cành mai lớn giữa phòng khách. Thềm nhà, hai chậu cúc đại đóa nở rộ. Trong sân, vạt thạ thực được chen chúc. Ngoài cánh cổng song sắt, những bông cúc thảo dại mỏng manh, vươn lên từ lề cỏ bên đường.

Coi chừng. Tới giờ. Đó. Tiếng còi tàu. Con bé thật ngố. Đã biết trước, chờ sẵn, vậy mà vẫn giật mình, làm gãy mất một bông thực được.

Tàu hỏa đang hú còi vào ga. Ghê quá. Anh ta tới rồi đấy. Tàu từ Đà Nẵng ra đúng sáng mùng Một Tết. Còn phải tìm đường, tìm nhà. Trước sau một giờ trưa, sẽ đi qua cổng. Bấy giờ tối sẽ tới, sẽ gặp. Thưa cuối năm, anh ta báo trước vậy.

Buổi trưa. Bao nhiêu người qua đường, biết ai là anh ta. Run quá. Coi tề, cái người nhìn mình một cái rồi quay đi, bước nhanh hơn. Anh ta? Anh ta vậy há? Mỏng như tờ giấy. Còn mặt mũi? Kịp thấy chi mô. Mới nghĩ chắc anh ta đó, mắt con bé đã hoa lên rồi. Nhất.

Tối đến. Con bé ra sao hỉ? Không nhớ. Bước vào nhà, chưa mời, anh ta đã ngồi. Ba đang loay hoay vặn cái radio bong đèn cổ lỗ, đầy tiếng kêu rồ rồ. Anh ta vậy. Ông anh lớn trong nhà nhăn mặt, bỏ sang phòng bên.

Con bé ú ó. Những lá thư xuôi ngược cả năm Sài Gòn- Huế- Sài Gòn. Những bài thơ tình đầu. Anh ta ngồi đó. Ồm nom. Mặt rỗ. Giọng Bắc Kỳ dăm dẳng như ông thánh ông tướng. Được gì hỉ? Cái miệng. May quá, anh ta còn biết cười.

“Đi dạo với anh một lát nhé. Được chứ?”

Anh ta nói khi đứng ở cổng.

“Anh ra trước. Rẽ trái. Đợi ở góc đường.”

Con bé khoác cái áo vét nữ màu vàng, buộc tóc. Có chút mưa bụi lất phất. Sợ cả tiếng guốc mình lê trên lề đường. Run dữ. Rửa mà dám đi với anh ta ra đường.

Một gã ba.

“Cái gì đây?”

“Cây sầu đông.”

Một gã tư:

“Còn đây là cây gì?”

“Cây đoát.”

“Cây gì?”

“Cây đoát.”

“Đoát. À. Còn con đường?”

“Đường Hàng Đoát.”

Đi nữa. Khuôn mặt anh ta lúc nào cũng như muốn lặn vào bóng đêm. Máy lần con bé phải nén tiếng kêu, cố để khỏi bỏ nhào vì những con cóc ở đâu ra nhiều quá, nhảy lon ton bên chân.

“Cóc à?”

“Cóc.”

Cứ dậm dẳng vậy cho tới lúc quay về bên cánh cổng sắt.

“Không nói gì à?”

“Bao giờ anh đi?”

“Không biết.”

Im lặng. Đứng. Gió. Con bé rút cổ lại.

“Em lạnh?”

“Không.”

“Mai làm gì?”

“Sáng, phải theo ba má sang chúc Tết bên ngoại.”

“Minh còn gặp lại chứ? Buổi trưa?”

“Ở mô?”

“Anh ở khách sạn Đồng Lợi. Số 47, đường Gia Long, trên lầu, phòng số 4.”

Khách sạn? Con bé mà dám leo lên một khách sạn giữa thành phố Huế? Có mà muốn tự tử.

“Anh chờ sẵn ở dưới. Trưa mai. Tối nhé.”

Con bé làm thinh.

“Tùy em. Anh sẽ chờ từ một giờ trưa. Nếu em không đến, sáu giờ chiều có chuyến tàu rời Huế.

Chúng ta sẽ không gặp nhau nữa. Lạnh rồi. Em vào đi. Từ biệt.”

Anh ta quay đi, làm lủi.

...

Tháng Chạp giỗ đầu

Năm nay, nhờ có thêm một tháng nhuận, năm dài thêm một chút, thành thử tháng Chạp giỗ đầu ba tôi lại trở thành tháng giỗ đầu cho cả chục ngàn người chết trong biến cố Mậu Thân ở Huế. Chúng tôi về tới Huế vào những ngày cuối cùng của tháng Mười một. Năm ngoái khi cúng ông táo xong, buổi tối, tôi nhận được điện tín từ Huế đánh vào báo tin ba tôi đã yếu. Ngày hôm sau, khi tôi về tới thì chỉ còn đủ giờ cho ba tôi nhìn thấy khuôn mặt con gái lần cuối cùng để khép mắt. Rồi sau đó biến cố xảy ra, chạy loạn, sống sót trở vào Sài Gòn yên lành, tôi không hình dung được Huế đã tan nát như thế.

Những ngày chạy loạn, những chi tiết, những chuyện kể, bao nhiêu đó tôi vẫn chưa hình dung được về tang thương của Huế, thành thử giải khăn xô cho Huế tôi đã viết gần một năm, xóa đi sửa lại mà vẫn chưa hài lòng.

Lần này chúng tôi về Huế với tất cả sự nô nức chờ đợi. Từ gần một năm qua vợ chồng con cái đã đứng ở sân bay Phú Bài, giữa sân bay cũng đầy bụi cát. Nơi này, năm ngoái tôi về để thất chiếc khăn tang riêng rồi khi đi, cùng thất tang chung với thành phố. Nơi này những năm về trước chồng tôi đã đi về, tôi đã cắn răng để lên máy bay, cố tình bỏ Huế, ghét Huế. Và đây là lần đầu tiên, từ ngày bỏ Huế, vợ chồng tôi mới cùng chung một chuyến về, và cảm động thay, trên tay chúng tôi, còn con bông con mang nữa.

Ba tôi khi sống không được may mắn, quả khi chết đã được đền bù. Nếu ông nhắm mắt chỉ lùi lại vài ngày nữa thì chắc gì chúng tôi có đủ thời giờ để chôn cất tử tế, có đủ vải để thất một giải khăn xô. Đến ngày giỗ cũng vậy, mấy hôm trước, nghe tin khí tượng tôi biết thời tiết ở Huế lạnh ghê lắm, lạnh và mưa dầm. Chúng tôi đã chuẩn bị như những người đi tới xứ tuyết. Nhưng khi đến nơi, trời nắng khô. Thời tiết không khác gì ở Sài Gòn. Từ Phú Bài chúng tôi lên xe ca vào thành phố. Xe chạy qua những cánh đồng lúng nước, những làng xóm nghèo nàn rồi vào An

Cựu. Những căn nhà đổ nát đã bắt đầu hiện ra, gần tới nghẹo, tôi cố tìm căn nhà thờ của gia đình tôi ở An Cựu nhưng tôi không nhận ra nổi. Xe chạy quá, tôi cũng chỉ kịp nhìn lên phía núi Tam Thái mà chưa hình dung ra được nắm mộ nhấp nhô trên sườn núi.

Thành phố đã đầy hơi thở nhọc nhằn đang gượng bò dậy. Xe qua chợ An Cựu, nơi đây ngày trước là mục tiêu của đại bác, của rốc két, nay đã được dựng lại sơ sài bằng những mái tôn còn mới tinh, vừa gọi một mùa đông đầu tiên.

Trên những nền nhà, bên cạnh những đồng gạch khổng lồ, những mái tôn đã được dựng lên, hoặc những mái che sơ sài bằng những miếng vải dầu có dán bằng bao cát. Những con đường, ngoài những ổ gà cũ kỹ vẫn còn sạch sẽ.

Xe qua Dòng Chúa Cứu Thế, ngôi nhà thờ sừng sững kiên bền vẫn còn thách thức, vậy mà những ngày đầu xuân vừa rồi, chỉ mấy tấm kính rơi xuống, vài viên đạn xuyên qua cửa sổ, bao nhiêu người ngã xuống, bao nhiêu máu đã chảy, khiến chúng tôi xô đạp lên nhau, kêu khóc như ri, chạy bắt kẻ chết ra ngoài để tìm sự sống.

Tôi chỉ cho chồng tôi khu Dòng Chúa Cứu Thế này và nói những ngày đầu tiên tôi đã chạy tới đây. Chồng tôi nhìn ngôi nhà kiên cố với vẻ ngạc nhiên:

"Đâu nào, anh thấy hư hại chi đâu đấy".

Tôi không trả lời, chính tôi, tôi cũng không hiểu tại sao những viên đạn đã lọt vào bên trong những tấm kính rơi xuống mỏng manh thế mà có thể cắt xẻ thịt người. Tôi cũng không thể nào hiểu nổi sự sợ hãi đến tê điếng, chết lịm khi nghe một âm thanh xé vèo, ngọt lịm băng qua khoảng không. Cảm giác đó làm sao tôi còn tìm thấy lại một lần nữa trong đời sống?

Xe chạy vòng quanh phía hữu ngạn rồi lên đậu ở sân ga xe lửa. Cũng như mọi nơi khác, đường xe lửa đã tê liệt rồi. Tôi không nhìn thấy phía sau nhà ga nhưng cũng hình dung được những cỏ lùn đang mọc kín những khoảng đường rầy rứt cũ kỹ và những toa tàu bỏ trống. Ở đây, cũng như Sài Gòn, khoảng sân ga thơ mộng của những lần hẹn hò, chia tay, của những tối đi hóng mát, ăn chè ga, ăn nem chả, bún bò đã trở thành trạm hành lý của Hàng không Việt Nam mất rồi.

Những hàng quán vẫn chưa mở lại, và trước thềm ga hình như tất cả những chiếc xích lô còn được nguyên vẹn sau Tết Mậu Thân đã tập trung hết nơi đây, mời mọc, níu kéo khó chịu.

Chúng tôi đi bộ lên dốc Nam Giao để tới Từ Đàm, hai đứa con tôi vừa nắm tay nhau đi dung dăng dăng trước, vừa chỉ những ngôi nhà đổ nát vừa cười khúc khích, hay reo lớn như trông thấy một vật quá lạ mắt. Chúng tôi nhìn nhau. Từ cầm chặt tay tôi, trong tiếng cười của con thơ, tôi nghe chừng lòng lắng lại, và bỗng muốn ứa lệ.

Trên những đồng gạch vụn còn ngổn ngang giữa những nền nhà bỏ không, những giọt nắng vàng vẫn tung tăng nhảy múa. Lòng tôi cũng lung linh một giọt nắng của ba tôi đã về trời, và bao nhiêu giọt nắng khác đã về trời sau biến cố Mậu Thân. Nhưng cứ hy vọng đi, bao nhiêu giọt nắng khác đang còn nhảy nhót trên những đống vỡ. Ba ơi, ba ơi. Tôi gọi thầm những tiếng nhỏ, những tiếng nhỏ nuốt gọn vào lòng tôi như những giọt lệ không cách nào chảy ra được lúc đó.

Chúng tôi đi về ngôi nhà của gần mười năm xa Huế.

Ngày buổi chiều hôm đó, vợ chồng con cái chúng tôi đã vội vã về An Cựu, nơi căn nhà thờ họ ba tôi đã gây dựng, đã chết ở đó.

Ngôi chùa Từ Đàm đã được quét dọn và đang sửa chữa lại, nhưng khi xe xuống dốc Bến Ngự, những căn nhà đổ nát vẫn còn nguyên vẹn. Tuy gạch ngói đã được dọn bớt, nhưng về tiêu điều thê lương vẫn đeo cứng trên những bức tường đổ loang lổ vết đạn, trên những thân cây trụi cành đang mọc lên những cành mới, nhỏ, không đủ sức vươn lên.

Gia đình tôi đã về hết ở An Cựu để lo việc giỗ đầu. Tôi không gặp má tôi, bà bận việc đi chợ.

Ông anh cả, bà chị dâu, cô em gái và mấy đứa cháu chạy ùa ra khi xe xích lô vừa đỗ ở cổng sắt. Mấy đứa cháu nhỏ quần quít hai đứa con tôi, còn chúng tôi thì riu rít trả lời không kịp những câu thăm hỏi.

Vào sân, tôi nhìn quanh khu vườn, dù căn nhà đã được sửa sang lại, và hôm nay dọn dẹp tươm tất, che rạp ở sân, nhưng khu vườn vẫn mang vẻ thê lương khó tả. Cây cối như đã chết khô gần hết, sân trước, nơi khoảng đất rộng năm xưa trồng toàn cam và ổi nay mọc đầy cỏ, mà thứ cỏ vàng úa. Đứa em gái của tôi phàn nàn:

"Bột khai quang làm chết hết cây cối chị ơi".

Nó chỉ lên mấy đọt dứa:

"Chị coi mấy cây dứa năm rồi chạy loạn về còn hái được vài trái uống nước, năm ni thì không ra trái được nữa".

Mấy cây dứa không đủ sức đâm thêm những tàu lá non và những trái dứa non chưa kịp lớn đã khô quắt lại, như những chùm cau héo. Tôi nhìn ra bể cạn trước sân, cây mai vàng Tết Mậu Thân vừa rồi, dù đặc hơi súng đạn tanh máu người vẫn còn nở hết mình và vàng rực cả khoảng bể nước lớn, năm nay chỉ còn lá vàng khô và vài đọt lá non thưa thớt, chưa có một nụ hoa nào.

Cô em gái kéo hai vợ chồng tôi lại một góc vườn, chỉ xuống phía dưới cây cỏ xơ xác hỏi:

"Anh chị có thấy gì lạ không?"

Chúng tôi cùng nhìn xuống. Không có gì lạ. Trên một vùng đất chỉ có cỏ mọc lờm chờm vàng úa. Thấy chúng tôi sững sờ, cô em giải thích:

"Đây này, anh chị thấy, quanh đây chỗ nào cũng có cỏ, chỉ có khoảng này làm cỏ không mọc nổi. Tại hôm tết, ông Ba bên hàng bún bò đầu ngõ bị bắn chết, người ta chôn dưới đây không hòm không chiếu. Uất khí của ông làm cỏ không mọc được".

Câu chuyện của cô em làm tôi nắm chặt tay chồng tôi hơn. Quả nhiên, theo ngón tay chỉ của cô em, tôi đã nhận ra một vòng đất vừa bằng cỡ người nằm, trên đó không có ngọn cỏ mọc.

Xế chiều tối, khi ánh nắng ma quái của mùa cuối đông đã tắt lịm trên những lá cây héo mòn tàn tạ vì thuốc khai quang, các thầy ở chùa Từ Đàm về. Toàn là những khuôn mặt của Tết Mậu Thân cũ cả.

Tôi nhớ lại ngày chạy loạn mới về An Cựu được một hôm, buổi sáng hôm sau thấy ngoài đường xôn xao và nghe tiếng thầy về. Tôi chạy ra. Thầy Thiện Siêu, một vị thượng tọa của chùa Từ Đàm, nơi mục tiêu tập trung của đại bác câu ngày câu đêm, đã thoát được khu hiểm nghèo và về tới được. Bây giờ Từ Đàm đang ra sao? Chỉ mấy phút ghé qua nhà rồi đi, tôi chưa nhìn thấy gì hết, bây giờ nhìn lại khuôn mặt thầy trang nghiêm trước bàn thờ Phật, đang cầu siêu cho ba, lòng tôi không khỏi xúc động.

Nơi bàn Phật này ngày trước là nơi đặt quan tài của ba, cầu cho ba siêu thoát.

Tiếng cầu kinh đã đều, nhịp nhàng như ru bao giọt nắng của bao linh hồn đã mất vào không gian. Má tôi bắt đầu khóc, chị dâu tôi khóc, rồi tiếng sụt sịt của mấy đứa cháu năm ngoài không về dự đám tang được. Tôi cũng muốn khóc lắm, muốn sụt sùi lắm, nhưng ba ơi, con chỉ có thể nặn ra được hai giọt lệ mà không thể thoát ra một tiếng nấc nào. Sự thương nhớ ba đã chìm con trong suốt gần một năm nay, và bây giờ, không lý gì, con còn không biết con đã mất ba vĩnh viễn. Thôi, chỉ cầu mong linh hồn ba bình yên, linh hồn ba, một trong những giọt nắng vừa còn vương vẩn ở ngoài vườn kia, bay trước về cõi siêu thoát. Còn lại bao nhiêu giọt nắng của Tết Mậu Thân, bao nhiêu oan hồn vất vưởng đó, Huế sẽ phải làm gì cho họ? Ba tôi đã có ba ngày cúng chay, cầu siêu, tế lễ, nhưng tháng Mười một của năm nhuận sắp hết rồi, ngày mùng Một tháng Chạp sẽ là ngày giỗ đầu của cả chục ngàn người ngã xuống ngày đầu tiên trong biển cổ đầu năm Mậu Thân. Phải làm gì cho họ? Huế ơi.

Từ mười một giờ trưa ngày thứ Hai cho tới xế chiều hôm đó, căn nhà thờ họ của gia đình chúng tôi không ngớt người đến thăm và nhớ tưởng người chết.

Buổi trưa khi trở về, ngồi trong mâm cơm chay, nhiều người khách đã hỏi thăm tôi về Sài Gòn trong những ngày đầu xuân. Hỏi thì hỏi để biết rằng sự tang thương không chỉ có Huế gánh chịu, nhưng trong đôi mắt đang tràn đầy bóng tối u buồn, tôi biết họ đang nghĩ gì. Má tôi nhìn thấy nhiều người đến thăm viếng mà lại là đồng sở của ba tôi, bà lại khóc. Nhiều tiếng phân ưu, an ủi, không khí chỉ buồn lúc đầu, rồi tôi lại thấy vài nụ cười nở trên môi họ. Nhưng nụ cười lại tắt ngay khi những câu chuyện về biển cổ Mậu Thân được khơi dậy. Chồng tôi đã mượn được

bộ tang phục của đứa em bạn công tác không về giỗ đầu ông bác kịp. Anh đứng khoanh tay nghe chuyện mọi người. Tôi đang buồn cũng không nhịn cười được khi có nhiều người gọi chồng tôi là ông nhà báo.

"Ông nhà báo ni, ông ở xa lắm răng biết được bữa Mậu Thân để sợ ra răng. Có người chết mà chó nhai hết tay chân, ăn hết mắt. Nơi nhà tôi chứ ở trong vườn còn mấy cái mả mà không biết của ai cũng không dám đào lên chôn chỗ khác, ma hiền không nói chi chó ma dữ nó phá có mà chết cả nhà".

Khi chết rồi còn hận thù chẳng? Câu chuyện của người khách làm tôi thắc mắc. Chồng tôi cười hiền lành và tiếp tục nghe chuyện về Tết Mậu Thân. Thì cũng đại để như những chuyện tôi đã nghe, đã biết. Một bà mẹ bé đứa con nhỏ đã chết chạy loạn, cứ sợ người ta chôn con mình, cứ bọc chặt trong áo và vừa đi vừa ru, vừa khóc vừa cười. Một bà già gánh một thúng đựng gạo, một thúng đựng xác cháu, chạy đi tìm chỗ nào ngót bom đạn để chôn, cuối cùng chết dọc đường mặt úp trên chiếc thúng còn xác đứa cháu đã sinh thúi. Một bà mẹ lạc con cứ chạy kiếm những xác trẻ, gặp xác nào cũng lật lên nhìn, kêu khóc, cuối cùng lượm được một khúc chân mà bà tin chắc là chân con mình. Đến khi bị thương gần chết không chôn được chân con, chị ngậm cả bàn chân vào miệng, ngậm cứng mà chết.

Dù những chuyện này tôi đã được nhìn thấy, đã chứng kiến có khi còn nhiều chuyện thê thảm hơn, nhưng khi nghe lại tôi không khỏi rùng mình nổi gai ốc. Tôi còn chứng kiến cảnh hàng trăm người đàn bà trẻ con, sư có cha có, cầm cờ trắng để chạy qua một cây cầu ngắn có bốn năm thước từ vùng Việt Cộng chiếm đóng về, qua tới cầu An Cựu, ở đây đã bị lính Mỹ gác cầu bắn đùa một con chó xuống nước. Mỗi lần con chó lội được gần bờ thì những loạt đạn làm con chó dang ra xa, và đồng bào ở trên bờ la khóc như ri chạy vớt cả thúng cả gióng, rớt cả con thơ xuống đường. Lần đó tôi đã cầm chặt hòn đá trong tay, nhưng hòn đá mà ra gì? Cả thân phận đất nước chúng tôi không hơn gì một con chó bị thương đang cố bơi vào bờ, dưới những làn đạn bắn như mưa đó. Hòn đá mà làm được gì?

Hòn đá đã rời khỏi tay tôi, hòn đá to nặng mà nhẹ bấc trong khối tử nhục. Bên tai tôi, giọng một bà già lạc đi như sắp khóc:

"Mấy bác biết không, tui lượm được chiếc xe ba bánh chở xác ông với thằng con trai. Tui sức già kéo mô có mau, rứa mà cũng kéo được xuống cầu. Mấy thằng Việt cộng nó nói chết rồi mà ra gì, đem đi mần chi. Nó xô cả cái xe và cái xác xuống sông. Tui khóc tui lạy như té sao mà tui nó cứ tỉnh bơ nói đồng bào phải giúp quân giải phóng Huế, rồi Bác Hồ vào ai cũng sung sướng. Tui chạy được qua bên quốc gia thì họ nghi tui theo Việt cộng, đi liên lạc. Tui kể chuyện cho họ nghe Việt cộng xô xác chồng tui con tui xuống sông, họ nói chuyện khó tin. Về sau tui khóc quá họ mới tin rồi cho tui gạo cơm, đem tui về trường kiêu mẫu tui mới sống đó chứ".

"Rứa bữa cúng giỗ đầu chị cúng mô. Một ông già hỏi".

"Thì bưng cơm, vàng bạc ra cầu mà cúng chứ biết ông tui con tui ở mô chừ".

"Rứa chừ chị vẫn ở nhà cũ".

"Thì tui che cái mái. Thằng rể của tui đi lính trong Quảng ra mần cho đó. Nó đón tui đi vô Quảng mà tui không đi. Ở đây bao nhiêu ràng buộc mà đi răng cho đành. Tui phải cúng giỗ cho ông tui với con tui chứ. Ở cái nhà cũng sợ quá, nghe nói Việt cộng bữa đó chết trong nhà tui nhiều lắm, chôn ngoài mương cũng nhiều. Có đêm tui nằm chợt thấy đông lắm, mặc áo quần giải phóng, đeo băng đỏ bằng vàng, cứ kêu đói xin ăn. Tui kệ, nhớ lần nó xô xác chồng con xuống sông, tui không cúng".

Kể chuyện người chết xong kể chuyện ma. Cứ hết lớp này đến lớp khác, tôi nghe không biết bao nhiêu chuyện. Cho tới chiều, tôi nhìn thấy một cụ già có khuôn mặt hết sức quen. Nhớ ra là ông Lý Biện, người đánh kiềng hôm đưa đám ba tôi. Ông này có bà vợ chết vì một chê mười mấy ngày sau khi Huế xảy ra biến cố. Thấy tôi, ông cười: "Ba cháu rứa mà phước đức sung sướng. Cháu đừng có buồn mà phải mừng. Chết trước được cúng trước, được mỗ mả đẹp con

cháu đông nhà". Ông không nói thêm nhưng tôi biết là ông đang nghĩ tới bà vợ. Tôi cũng không dám nói lời an ủi nữa, tôi sợ nụ cười gượng trên môi ông sẽ tắt mất.

"Răng, ở lại vài ba bữa nữa coi cúng giỗ đầu. Tháng Chạp năm ni cả thành phố cúng. Ở lại chia buồn với quê nghe cháu".

Rồi ông quay sang mọi người đang ngồi đầy bàn:

"Răng, năm ni các ông các bà có nghe chính phủ đoái hoài chi tới Huế không?"

"Không biết. Nhưng chùa sẽ tổ chức một buổi tuần hành lạng lẽ để nhớ tới người đã khuất. Còn nghe nói thành phố sẽ tổ chức một ngày đi tảo mộ, nhổ cỏ, thăm người chết".

"Rửa cho con vợ tui nó mát mặt. Con vợ tui chết mà nó chết đói chết khát. Trời ơi là trời, đất ơi là đất".

Buổi chiều hôm trước khi nói chuyện với mấy thầy trên chùa Từ Đàm về, tôi cũng nghe các thầy nói về ngày giỗ đầu của Huế trong biến cố Mậu Thân. Anh tôi nói rằng: Dù sao cũng đỡ. Năm nay là năm nhuận, giỗ đầu sẽ vào tháng chạp, và những ngày đầu năm sẽ đỡ tang thương hơn. Nhưng tôi lại nghĩ khác. Cái tang chung của thành phố sẽ vô cùng bền bỉ. Nó còn to tát, buồn thảm hơn ngày 23 tháng 5 cúng cô hồn, nó còn ngậm ngùi hơn ngày rằm tháng Bảy cúng chiến sĩ trận vong. Mấy trăm người chết ngày tháng Năm của Huế thất thủ đã thành một cái tang thương lớn rồi. Cứ mỗi năm, ngày này của Huế đi đâu nghe tiếng chiêng trống, tiếng kinh kệ cầu nguyện. Huống hồ cái biến cố vừa qua gần mười nghìn người đã chết.

Đám giỗ ba tôi linh đình trong ba ngày liền. Trong ba ngày tôi đã được nghe bao nhiêu mẫu chuyện, về biến cố Mậu Thân, bao nhiêu dự định cho người đã chết. Trong một buổi sáng đi ra đường vội vàng tôi đã nhìn thấy những hàng vàng hương. Đó, cả thành phố đang thành một đám giỗ vĩ đại.

Sau mấy ngày bận việc cúng giỗ, khách khứa, sáng ngày thứ ba, sau khi cúng đốt tang năm đầu cho một vài đứa cháu, chúng tôi lên núi Tam Thái thăm mộ ba tôi. Mộ ba tôi chôn trên cao, sườn núi đá ít cỏ mọc nên trông vẫn còn có vẻ mới. Nghĩa địa vẫn lặng lẽ như cũ. Hình như những người chết trong biến cố Mậu Thân không được lên đây là mấy, chỉ vài nắm mộ mọc thêm, thưa thớt. Vợ chồng tôi đốt nhang và cúi lạy trước mộ ba tôi. Bảy tám năm khi chúng con cùng trở về thì ba không còn nữa, Huế cũng đã đổi khác. Nhưng chúng con còn trở về, còn đứng trước mộ ba, chắc ba vui.

Chúng tôi đứng trên mộ cao nhìn xuống núi. Cảnh vật ở đây thật thơ mộng. Từ nói với tôi thế. Ba nằm đây chắc ba thích, cảnh ở đây hợp với tâm hồn ba lắm rồi. Tôi nhớ tới cái mũ trắng treo cùng với cây đàn bầu, cây đàn Banjo, cây Mandoline, những vật bất ly thân của ba tôi thời còn sống. Ba ơi, chắc nằm ở đây ba không có nhiều bạn bè để ngắm trăng, để làm thơ, để dạo đàn. Vài ngày nữa, ngày giỗ đầu của Huế, ba sẽ gặp nhiều người quen lắm. Ba gặp một số bạn bè cùng xóm này, ba sẽ gặp cậu Đội Hoà. Cậu đã coi dàn nhạc Đại Nội, cậu đã bị một mảnh đạn nơi thái dương và chết trong biến cố, những cây đàn của cậu cũng đã cháy chắc sẽ về theo với cậu. Con cũng mong ba gặp được cậu, ba sẽ nghe cậu đàn, sẽ hoà đàn với cậu. Ba vui nghe ba.

Vài ngày nữa ba cũng có thể gặp được em Trọng, em Trọng chết trong biến cố Mậu Thân ở Sài Gòn, em con đi lính mũ đỏ và chết khi về "giải phóng" thủ đô, cạnh khu nhà chúng con ở Sài Gòn đó. Khu nhà chúng con vẫn yên lành, ba ơi, thương em Trọng giùm con với. Ba cũng có thể gặp Tâm Tuý, cô bạn nhỏ của con ngày xưa đã có lần ba cho con với nó đi ăn phở đi uống nước ngọt. Nó bị chôn sống ở Gia Hội. Gặp nó ba thương nó như đã thương con ba nhé. Ba đi trước ba được yên, ba không nhìn thấy không chứng kiến đó. Nhưng ba sẽ gặp những người sắp về sau ngày giỗ đầu, rồi ba cũng sẽ biết. Ba cảm ơn hết nghe ba, họ đã đi để cho lịch sử biết tội nhục.

Ngày giỗ đầu sẽ đến, và tháng chạp đã đến, Huế ơi thất trắng khăn xô, đốt đầy vàng hương để nhủ hồn về, những linh hồn lưu lạc từ ngày Tết Mậu Thân chết đói khát, chết mờ mắt trong hầm, bên lạch nước, trong gạch vụn, ngoài cầu, trên đường, chết chôn sống. Một ngày giỗ đầu đầy vàng hương, đầy tiếng khóc đã lắng vẳng tới gần với Huế.

Tôi nhặt những viên đá tím bên mộ mân mê trong lòng bàn tay, chiếc hòm sơn xám của ba tôi chắc đã trở màu. Ngày biến cố Mậu Thân, bao nhiêu người đã lấy hòm xẻ ván ra làm hầm núp bom đạn, để sau đó khi quật bao hầm xác lên không có tác ván để chôn cất lại. Người sống đã hưởng hết phần của kẻ chết.

Ba ngày giỗ đầu ba tôi đã tàn, nhường cho thành phố chuẩn bị một giỗ đầu lớn hơn.

Buổi tối ngày thứ ba, theo lời mời của anh Vĩnh Phối và anh Thành, hai anh Giám đốc của hai trường Mỹ thuật và Âm nhạc, vợ chồng chúng tôi mượn được chiếc xe Suzuki của ông anh họ, đi sang khu Đại Nội dự buổi tiệc đầy tháng của cháu nhỏ con anh Thành.

Đi ban đêm chúng tôi mới thấy cảnh thê lương tăm tối của Huế. Thành phố hết bảy phần mười chưa có điện. Cửa Đông Ba, cửa Thượng Tứ vẫn còn nguyên vẻ sụp đổ. Chúng tôi phải qua hai ba trạm kiểm soát mới vào được khu vực thành nội.

Đường vắng về tối om, chúng tôi lái xe như mò mẫm theo Hiền, một cậu em họa sĩ trẻ ở Huế. Những hàng cây mù u còn sót lại sau biến cố in những bóng đậm, đầy vẻ rình rập như lúc nào cũng chực phát ra những tiếng rên khóc của bóng ma. Tôi nép mặt vào lưng chồng, không dám nhìn quanh cảm thấy sau lưng rờn rợn như có tay ai với theo. Cho tới khi nghe tiếng xe dừng lại, tôi mới mở bừng mắt.

Tôi hơi hốt hoảng vì thấy trước mắt mình một ánh nền lung linh, nhưng tôi cũng trầm tĩnh ngay được vì có tiếng chào hỏi reo mừng và vài người bước xuống bực thềm. Chúng tôi đi vào nhà. Căn phòng rộng kê một dãy bàn trắng với một hàng nền lung linh, cắm trên những miếng ngồi võ. Trên cửa ra vào tôi đọc hàng chữ đề: Phòng giám đốc. Hai hàng ghế đã đầy người, đông lắm. Tôi đứng nghe anh Thành giới thiệu nhưng không nhớ hết. Câu chuyện bắt đầu vui, hết chuyện thời sự rồi bàn qua văn nghệ.

Những người bạn trẻ ở Huế đang thảo luận với chồng tôi về việc trùng tu xứ Huế. Hai trường Mỹ thuật và Âm nhạc đã được sửa chữa lại, tuy nhiên vẫn chưa có điện. Sinh viên thường học ban đêm, phải học dưới ánh đèn cây và vì lý do giữ gìn an ninh cho thành phố nên việc học hành của các sinh viên rất cực khổ.

Sự trùng tu vật chất là vậy, ít ỏi nhưng cũng có. Trên những nền nhà đổ còn có dăm miếng tôn che tạm. Nhưng còn tinh thần thì sao nhỉ? Có ai nghĩ đến chuyện trùng tu tinh thần cho Huế không, sao bao nhiêu đau thương tang tóc, nghi ngại? Trong lúc chồng tôi ngồi bàn chuyện trùng tu tinh thần cho xứ Huế với những bạn trẻ ở đây, tôi tới dãy ghế cạnh ngồi nói chuyện với một vài bà vợ trẻ. Chuyện đàn bà có nói gì đi nữa rồi cũng xoay quanh chuyện ma chuyện quỷ. Chị Tuấn cho biết trong khuôn viên hai trường này có rất nhiều mồ chôn Việt cộng.

Chị kể lại những điều gia đình chị đã chịu đựng trong Tết Mậu Thân, chuyện anh Thành, giám đốc trường Âm nhạc đã mất bốn tiếng đồng hồ để bò qua một khoảng sân ngắn. Chuyện một người lính đậu xe dưới gốc cây, gió mát anh ngủ gà ngủ gật thì nghe tiếng gọi nhỏ bên tai: Đem tôi về với các anh với, tôi lạnh lắm. Tỉnh dậy, anh nhìn dưới bánh xe, sát đường có dấu đất lồi lên, anh về gọi lính ở đồn đến đào đất bắt gặp bộ xương người. Chị Thành cười:

"Đó, chị Nhã thấy không, Việt cộng khi chết rồi cũng muốn về hồi chánh đó".

Giọng cười của chị giúp chúng tôi cười theo, nhưng tiếng cười vẫn không vui, mà ngậm ngùi, gượng gạo.

Câu chuyện về phía đàn ông đã bàn tới ngày giỗ đầu. Đàn bà ngừng chuyện ma và nép vào nhau, như câu chuyện vừa rồi còn làm cho cả bọn lạnh xương sống.

"Tôi sẽ đi dự với họ, nếu có tổ chức gì cho những người chết trong biến cố".

Tôi nghe một người nói, nhưng không nhớ tên.

Vì giờ giới nghiêm ở Huế ấn định 10 giờ, khoảng gần 9 giờ chúng tôi đứng dậy từ giã ra về. Nhà chúng tôi ở tận An Cựu, quá 10 giờ không một ai được qua cầu. Nhưng khi ra khỏi khu trường Mỹ thuật, mấy anh bạn lại rủ chúng tôi đi chơi. Đi chơi ở Huế trong hoàn cảnh này là đi lông bông ngoài đường. Tôi nhớ tới những quán cà phê như cà phê Dung, cà phê Phấn, nhưng không dám hỏi. Chúng tôi vào một ngôi nhà cổ, nơi trọ của anh Mai. Nhà không đủ ghế, chúng tôi đứng dựa vào tường, nghe anh Mai thổi Harmonica và anh Lê Gia Phàm hát, chị Tuấn hát.

Từ đọc một bài thơ trong loạt thơ mới nhất. Sau khi từ giã nhau, ra tới sân, trời đen thui đến nỗi Từ mò mắt mãi mới mở được công tắc xe.

Trời bắt đầu xuống lạnh, trên đường về, ngoại trừ những nhân viên đứng gác ra, chúng tôi ít thấy bóng xe đạp xe Honda như những ngày Huế còn phong độ. Tôi úp mặt vào lưng chồng, nghĩ thương cha thương mẹ, thương thành phố mình đã bỏ đi, thương những con đường đầy kỷ niệm thơ mộng ngày nào đã kéo đầy máu và nước mắt. Chắc còn lâu lắm chúng tôi mới đi lại được trên những con đường đó và cảm thấy ít nhiều yên ổn.

Đêm đó chúng tôi còn ở lại An Cựu. Căn nhà ngay đầu ngõ vào vườn tôi cũng có mộ chôn. Nhiều nhà ở Huế đều có mộ chôn, mộ còn có người nhận, mộ vô thừa nhận, mộ của kẻ sinh Bắc tử Nam. Nhưng dù sinh ở đâu, vì lý tưởng chủ nghĩa nào, các anh đã nằm xuống với sự khổ đau của Huế, cùng chịu với Huế, trong ngày giỗ đầu tháng Chạp năm nay, các anh cũng sẽ có phần, mồ mả các anh cũng sẽ được thu dọn sạch sẽ. Khi chết phải hết hận thù. Ba ơi, nếu ba có gặp được họ, có thể ba sẽ hỏi được chuyện ngoài Bắc, chuyện Thanh Hoá, nơi ông nội đã sinh ra, đã bỏ đi, nơi mà ba chưa trở về lần nào, và vãn ao ước khi hoà bình về quê một chuyến.

Suốt đêm tôi không tài nào chợp mắt được. Gần về sáng, tôi nằm thật tỉnh táo và nghe tiếng lao xao và còn có thêm tiếng chân người nữa. Đêm nay, những chân người ngày cũ có còn đi lại trong những ngôi vườn đổ nát không, có còn lướt trên những đồng gạch khổng lồ, có nương kịp bước chân trong gió và lá cành xao xuyến?

Không, đêm nay hoàn toàn yên tĩnh. Ánh nến ngoài bàn thờ ba tôi lung linh. Tôi nằm trên chiếc giường ba tôi đã trút hơi thở cuối cùng. Tôi thao thức, trần trở mong bắt gặp một hơi hướm, dù trong sự tưởng tượng để được cảm thấy gần gũi ba. Nhưng ba xa cách thật rồi, bên tôi chỉ còn hơi hướm đứa con trai nhỏ, đang rúc đầu vào cánh tay tôi ngủ giấc yên lành.

Trong đêm tối gió ngoài vườn dào dạt, tôi bỗng nghe thấy có điềm gì rạo rục, như là cỏ đang cựa mình mọc lên khỏi vàng đất hoang phế sau vườn, nơi ông bà Bún bỏ bị vùi nông hời tét.